

Nhiều tác giả  
Biên soạn: Nguyễn Trung, Chủ Toại Lương, Ngũ Thế Nam, Tiêu Đức Ngôn

NGUYÊN TẮC TRỊ QUỐC  
CỦA TRUNG HOA THỜI XƯA

Quản Trị  
Tư Mưu  
360

(Quyển 2 - Tái bản lần 2)

Chuyển ngữ: Diệu Phúc

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Nhiều tác giả

Biên soạn: Ngụy Trung, Chủ Toại Lương, Ngu Thế Nam,

Tiêu Đức Ngôn

# QUẢN THƯ TRỊ YẾU 360

NGUYÊN TẮC TRỊ QUỐC CỦA TRUNG HOA THỜI XƯA

(Quyển 2)

Tái bản lần 2

**Chuyển ngữ: Diệu Phúc**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



**MỤC LỤC**

LỜI TỰA QUẢN THƯ TRỊ YẾU .....	7
LỜI TỰA QUẢN THƯ TRỊ YẾU 360 .....	12
QUẢN THƯ TRỊ YẾU 360 Quyển 2 .....	15
KHÁI QUÁT.....	15
CHƯƠNG I: ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO CỦA BẠC QUÂN VƯƠNG.....	21
1. TU THÂN.....	22
2. KÍNH YÊU NGƯỜI THÂN.....	33
3. KIỂM ĐIỂM BẢN THÂN.....	36
4. TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI .....	46
5. TIẾP NHẬN LỜI KHUYÊN TỪ ĐẠI THẦN.....	52
6. NGĂN CHẶN VỤ KHỔNG VÀ HÀNH VI XẤU ÁC .....	64
7. NHẠY CẢM VÀ SẮC BÉN.....	70
CHƯƠNG II: NGHỆ THUẬT PHÒ TÁ CỦA CÁC ĐẠI THẦN.....	78
1. TẠO LẬP CHÍ KHÍ .....	79
2. TẬN TRUNG.....	83
3. KHUYÊN CAN.....	86
4. TIỀN CỬ NGƯỜI CÓ ĐỨC TÀI.....	88
CHƯƠNG III: TRÂN TRỌNG ĐỨC HẠNH .....	93
1. CHUỘNG ĐẠO .....	94
2. HIẾU THẢO VÀ CUNG KÍNH .....	107
3. NHÂN TỪ VÀ CHÍNH NGHĨA.....	113
4. CHÂN THÀNH VÀ ĐÁNG TIN CẬY .....	123
5. TỰ SỬA MÌNH.....	127



## QUẢN THƯ TRỊ YẾU 360 – QUYỂN 2

---

6. KHOAN DUNG .....	134
7. KHIÊM TỐN .....	136
8. CÂN THẬN .....	144
9. KẾT GIAO BẠN HỮU .....	151
10. SIÊNG NĂNG CẦN MÃN ĐỀ NÂNG CAO HỌC VẤN ....	154
11. KIÊN TRÌ BỀN BỈ .....	158
12. ĐỐI NHÂN XỬ THẾ .....	161
CHƯƠNG IV: ĐIỀU HÀNH ĐẤT NƯỚC .....	166
1. TUÂN THỦ PHÉP TẮC .....	167
2. ĐÁNH GIÁ NHÂN CÁCH .....	180
3. BỔ NHIỆM .....	183
4. TOÀN TÂM VỚI VIỆC CÔNG .....	193
5. NGUYÊN TẮC CƠ BẢN .....	194
6. GIÁO DỤC VÀ CẢM HÓA .....	205
7. LỄ NGHI VÀ ÂM NHẠC .....	228
8. THƯƠNG DÂN .....	240
9. AN SINH XÃ HỘI .....	247
10. HỌC THEO NGƯỜI XƯA .....	251
11. THƯỜNG PHẠT .....	253
12. PHÁP LUẬT .....	261
13. ĐẠO ĐỨC TRONG SỬ DỤNG VŨ LỰC .....	266
CHƯƠNG V: KÍNH CÂN VÀ THẬN TRỌNG .....	271
1. PHÒNG NGỪA .....	272
2. PHONG TỤC .....	275
3. DẸP YÊN ĐỘNG LOẠN .....	279

4. LƯU Ý NHỮNG DẤU HIỆU BẤT AN .....	283
5. ĐỐI NHÂN XỬ THẾ.....	294
6. THẬN TRỌNG TỪ ĐẦU CHÍ CUỐI.....	299
7. CHĂM SÓC SỨC KHỎE .....	302
CHƯƠNG VI: SÁNG SUỐT.....	305
1. CHÍNH - TÀ.....	306
2. NGUYỆN VỌNG CỦA NHÂN DÂN.....	307
3. TÀI NĂNG VÀ ĐỨC HẠNH.....	309
4. TẠO BÈ KẾT ĐẢNG .....	310
5. NHẬN BIẾT SỰ VIỆC.....	312
6. NHÂN QUẢ.....	318
BẢNG CHÚ GIẢI .....	323
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	338

QUẦN THƯ TRỊ YẾU 360

Ngụy Trung, Chủ Toại Lương, Ngu Thế Nam, Tiêu Đức Ngôn (thời nhà Đường) sưu tầm và biên soạn

Trung tâm Giáo Dục Văn Hóa Trung Hoa, Malaysia tuyển lựa và biên dịch tiếng bạch thoại.

Hoan nghênh sao in và lưu thông, kính mong không tự ý sửa đổi nội dung.

Đơn vị xuất bản: Hiệp hội Giáo Dục Phật Đà Hồng Kông.

Bản in lần đầu, tháng 3 năm 2017.

## QUẢN THƯ TRỊ YẾU

### LỜI TỰA

Bộ sách [Quản Thư Trị Yếu] được Đường Thái Tông – Lý Thế Dân (599 – 649) hạ lệnh yêu cầu biên soạn vào đầu những năm Trinh Quán. Khi mới mười sáu tuổi, Thái Tông đã theo cha tòng quân, khởi nghĩa dẹp yên xã hội động loạn, hơn mười năm chinh chiến đàng đẵng. Sau khi lên ngôi vào năm hai mươi bảy tuổi, ngài dừng nghiệp binh để chấn hưng sự nghiệp giáo dục – văn hóa và đặc biệt chú trọng đường lối trị quốc, bình thiên hạ, an định xã hội và mang lại sự phồn vinh cho đất nước.

Thái Tông dũng mãnh tài cao, có tài hùng biện, chỉ tiếc tuổi nhỏ đã phải tòng quân, bởi vậy học hành không được nhiều. Từ tám gương sai lầm dẫn đến diệt vong của nhà Tùy, ngài cảm nhận sâu sắc rằng, gây dựng cơ nghiệp vốn không dễ, mà để giữ vững thì càng khó hơn. Trong thời kỳ tại vị, ngài luôn luôn khích lệ chúng thần khuyến giải, chỉ ra những điểm bất cập trong quyết sách của triều đình và hạ lệnh cho các đại thần như Ngụy Trưng, Ngụ Thế Nam, v.v... thu thập các tư liệu lịch sử về việc trị vì đất nước, để trích ra những tinh hoa trong việc tu thân – tề gia – trị quốc – bình thiên hạ từ *Lục Thư*, *Tứ Sử*, *Bách Gia Chư Tử*<sup>1</sup> và tập hợp thành

---

<sup>1</sup> *Lục Thư* bao gồm: *Kinh Thi*, *Thượng Thư*, *Nghi Lễ*, *Nhạc Kinh*, *Kinh Dịch* và *Xuân Thu*; *Tứ Sử* bao gồm: *Sử Kí*, *Hán Thư*, *Hậu Hán Thư*, *Tam Quốc Chí*. *Bách Gia Chư Tử*, những bài học về triết lý nổi bật trong suốt thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc (770-221 TCN).

sách. Bắt đầu từ *Ngũ Đế*<sup>2</sup> cho đến triều đại *nhà Tấn*<sup>3</sup>, từ hơn 14.000 bộ sách và hơn 89.000 cuộn thư tịch cổ, đã chất lọc được sáu mươi lăm loại điển tịch với tổng cộng hơn 50.000 từ. Đây quả thật là bộ điển tịch quý báu để trị nước, như lão thần Ngụy Trung đã nói trong lời tựa của bộ sách: “Nếu dùng cho thời nay, xứng đáng là tấm gương và để học tập từ lịch sử của cha ông. Khi truyền cho con cháu mai sau, ắt sẽ là bài học quý giá”. Thái Tông yêu thích kiến thức sâu rộng mà ngôn từ tinh giản của bộ sách, hàng ngày tay không rời sách, mà thốt lên rằng: “Để ta được soi lại sự tích xưa mà xử trí với việc, đây là công của các Khanh vậy!” Từ đây cho thấy, sự đóng góp của bộ sách này đối với thế nước thái bình thịnh vượng của thời kỳ Trinh Quán chi trị mới to lớn nhường nào! Bộ sách này đã trở thành bộ điển tịch quý báu mà các nhà chính trị cần đọc.

Thời đó, do kỹ thuật khắc in mộc bản của Trung Quốc chưa phát triển, bởi vậy bộ sách này đến đầu thời nhà Tống đã bị thất truyền, trong [Tống Sử] cũng không thấy có ghi chép. Thật may thay, trong Văn khố Kanazawa – Nhật Bản có một bộ [Quần Thư Trị Yếu] hoàn chỉnh do nhà sư Nhật Bản thời đại Kamakura (1192-1330) viết tay; đồng thời vào năm Càn Long thứ sáu mươi thời nhà Thanh, được người Nhật Bản trả về

---

<sup>2</sup> Năm vị đế vương thời xưa (2600 TCN): Hoàng Đế, Chuyên Húc, Đế Khóc, Đế Nghiêu và Đế Thuấn.

<sup>3</sup> Triều đại Tấn (265 – 420).

với Trung Quốc – nơi mà bộ sách vốn sinh ra. Nhà xuất bản Thương Vụ Thượng Hải đã tập hợp thành bốn bộ sách và cùng với Đài Loan lần lượt in sao trực tiếp từ bản gốc và phát hành. Vào cuối năm 2010, Tịnh Không may mắn có được bộ sách này, đã xem đi xem lại, và hoan hỷ vô cùng, cảm nhận sâu sắc rằng giáo dục văn hóa của bậc Thánh Hiền xưa kia đích thực có thể đem lại sự an định, hòa bình vĩnh viễn cho toàn thế giới. Điều quan trọng bậc nhất chính là bản thân người Trung Hoa phải thực sự nhận thức được văn hóa truyền thống, đoạn trừ hoài nghi để có được lòng tin. Văn hóa truyền thống của Thánh Hiền chân thật là sự hiển lộ tự tính của tất cả chúng sinh, vượt trên cả thời gian và không gian mà vẫn còn nguyên giá trị.

Điều mấu chốt của việc học tập, nằm ở hai chữ *Thành* và *Kính*. Trong [Khúc Lễ] có dạy: “*Chớ nên bất kính*”. Ngài Khang Hi của triều đại nhà Thanh xưa kia cũng từng nói: “*Bậc quân vương đối với dân, phải lấy chữ kính làm gốc*”; “*Thành và kính, bài học mà tiên tổ truyền lại cũng không ngoài hai chữ này*”. Nhà Nho danh tiếng thời nhà Tống – ngài Trình Tử cũng có nói: “*Chữ kính hơn mọi điều tà*”. Tất cả muốn nói rằng việc tu thân và vun bồi đạo đức, giúp dân cứu đời chỉ cần hai chữ *Thành* và *Kính* là có thể viên thành. Còn nếu không có một chút thành kính nào đối với giáo dục của bậc thánh nhân và tiên vương thời xưa, dẫu có đọc vô vàn sách hay, cũng khó nhận được lợi ích chân thật. Khổng Phu Tử từng nói: “*Chỉ thuật lại chứ đâu tự sáng tác, ta tin và yêu mến lời dạy của tiên tổ*”.

Trước đây, trong bài diễn thuyết về chủ nghĩa Tam Dân (Chủ nghĩa Tam Dân – Lần giảng thứ 4), ngài Tôn Trung Sơn từng nói: *“Sự phát triển khoa học của Châu Âu, sự tiến bộ của nền văn minh vật chất, chẳng qua là việc của hơn hai trăm năm trở lại đây. Nếu nói đến chân đế của triết học chính trị, người Châu Âu vẫn cần lưu tâm đến Trung Quốc. Các ngài đều biết rằng học vấn trên thế giới, giỏi nhất là nước Đức, nhưng hiện tại người nghiên cứu học vấn ở nước Đức vẫn phải nghiên cứu triết học của Trung Quốc, thậm chí là nghiên cứu giáo lý của Đức Phật ở Ấn Độ, để cứu vãn những lệch lạc trong khoa học của họ”*.

Tiền sỹ Arnold J.Toynbee của nước Anh lại cho rằng: *“Muốn giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng – Mạnh và Phật Pháp Đại Thừa”*. Nếu tinh tâm quan sát thế giới hỗn loạn khó lường ngày nay, muốn cứu thế giới, cứu Trung Quốc, chỉ có giáo dục văn hóa truyền thống của Trung Quốc mới thực hiện được. Trí huệ, ý niệm, phương pháp, kinh nghiệm và thành quả trong việc trị quốc mà cha ông truyền lại cho đến ngày nay, đều là kết tinh quý báu được đúc kết từ sự khảo nghiệm qua hàng nghìn năm. Bộ sách [Quản Thư Trị Yếu] vô cùng trân quý! Quả thật có thể hiểu sâu và thực thi, thì mục tiêu đối với thiên hạ thái bình, cuộc sống hạnh phúc của cá nhân đều có thể đạt được một cách tự nhiên; nếu đi ngược lại với đạo nghĩa, tất sẽ khó tránh khỏi tự chuốc lấy tai ương, tai họa khôn cùng. Tịnh Không hiểu sâu sắc rằng, sự xuất hiện trở lại của bộ sách [Quản Thư Trị Yếu] thực sự có sứ mạng thiêng

liêng của chính nó, nên đã hoan hỷ ủy thác cho Thư Cục Thế Giới in sao và lưu thông 10.000 bộ, với dự định tặng cho ba miền ở hai bờ eo biển (Trung Quốc, Hồng Kông và Ma Cao, Đài Loan) và các nước, các đảng, các vị lãnh đạo các cấp trên thế giới cùng học tập, như vậy một xã hội hài hòa và thế giới đại đồng sẽ không còn xa nữa. Nay vui mừng khi thấy [Quản Thư Trị Yếu] sắp được lưu thông trở lại, cùng lời đề nghị của nhân giả Diêm Sơ mà kính cẩn có vài lời tựa để biểu đạt lời tùy hỉ tán thán.

Tịnh Không,

Ngày 28 tháng 12 năm 2010,

Hồng Kông.



## QUẢN THƯ TRỊ YẾU 360

### LỜI TỰA

Bộ sách [Quản Thư Trị Yếu] được tập hợp từ trí huệ, phương pháp, kinh nghiệm và thành quả trong việc tu thân – tề gia – trị quốc – bình thiên hạ của bậc thánh nhân, tiên vương thời xưa; và cũng là kết tinh văn hóa được tích lũy từ sự khảo nghiệm qua hàng nghìn năm. Bộ điển tịch quý báu này ngoài việc giúp Đường Thái Tông mở ra thời đại Trinh Quán chi trị, đặt nền móng cho sự thịnh vượng kéo dài ba trăm năm của nước Đại Đường; còn có thể đem lại kinh nghiệm trân quý cho các nhà lãnh đạo các cấp ngày nay. Không chỉ có vậy, đối với đại chúng xã hội ở các lĩnh vực khác nhau, thân phận khác nhau; bộ sách này cũng như suối nguồn trí huệ mà làm cho thân tâm an lạc, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp tiếp nối bền lâu.

Đạo Sư của Trung Tâm – Lão giáo sư Thích Tịnh Không, mỗi niệm đều không ngừng quan tâm đến sự kế thừa của văn hóa Trung Hoa. Vào cuối năm 2010, may mắn nhờ sự che chở của tổ tiên, bộ điển tịch quý báu này cuối cùng được tặng vào tay của Lão giáo sư. Ông cụ hiểu sâu sắc rằng, bộ sách này chính là liều thuốc tốt để giải quyết các vấn đề xã hội ngày nay, mà vui sướng vô bờ, lập tức ủy thác cho Thư Cục Thế Giới in sao lại và lưu thông. Vào năm 2011, khi Đạo Sư đến thăm Malaysia và thăm thủ tướng Dato' Sri Mohd Najib Razak và cựu thủ tướng Mahathir Mohamad, có giới thiệu sơ lược về nội dung của bộ sách [Quản Thư Trị

Yếu], hai vị trưởng bối thể hiện hết sức mong muốn được đọc bản dịch tiếng Anh. Bởi vậy, Đạo Sư nghĩ đến việc có thể trích lục từ [Quần Thư Trị Yếu], chọn ra ba trăm sáu mươi đoạn trích để dịch ra tiếng bạch thoại và các ngôn ngữ trên thế giới để thuận tiện cho đại chúng xem đọc mỗi ngày. Đạo Sư đã giao nhiệm vụ này cho Trung Tâm và đây chính là nhân duyên để Trung Tâm biên tập bộ sách [*Quần Thư Trị Yếu 360*]. Đạo Sư dự kiến trong vòng mười năm tới, mỗi năm sẽ chọn ra ba trăm sáu mươi đoạn trích từ [Quần Thư Trị Yếu], đồng thời dịch thành văn tự, ngôn ngữ của các nước và lưu thông trên toàn thế giới. Đạo Sư tin rằng, đây chính là công hiến lớn nhất của Trung Quốc đối với nền hòa bình trên toàn thế giới.

[*Trị Yếu*] được đúc rút từ Kinh, Sử, Tử (*Bách Gia Chư Tử*), tổng cộng sáu mươi sáu bộ sách, cùng năm mươi cuốn điển tịch. Mục lục của bộ sách này cũng được lần lượt sắp xếp theo thư mục của Kinh – Sử – Tử, như: *Chu Dịch*, *Sử Ký*, *Lục Thao*, v.v.... Bộ sách [*Quần Thư Trị Yếu 360*] mà Trung Tâm biên dịch từ bộ sách nguyên bản hoàn chỉnh và được khái quát thành sáu mục đại cương: Quân Đạo (đường lối lãnh đạo của bậc quân vương), Thần Thuật (nghệ thuật phò tá của các đại thần), Quý Đức (trân trọng đức hạnh), Vi Chính (điều hành đất nước), Kính Thận (kính cẩn và thận trọng), Minh Biện (sáng suốt). Trong mỗi mục đại cương lại quy nạp những điểm quan trọng tương quan mà [*Trị Yếu*] phân tích thành mục lục chi tiết. Hi vọng rằng cách sắp xếp của bộ sách có thể giúp cho người đọc tiếp nhận

được tinh thần của bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] hoàn chỉnh.

Khi công tác biên dịch bộ sách [*Quần Thư Trị Yếu 360*] vừa được bắt đầu, chúng tôi đã nhận được sự trợ giúp của rất nhiều nhân giả chí sĩ từ Australia, Trung Quốc Đại Lục, khu vực Hồng Kông và Đài Loan, Singapore, Anh Quốc, Mỹ cùng với Malaysia. Nhân đây xin gửi tới lòng biết ơn chân thành.

Do đức hạnh và tri thức của nhóm biên tập của Trung Tâm có hạn, bộ sách này chắc chắn còn rất nhiều sơ suất, kính mong chư vị nhân giả không ngại vất vả mà chỉ dạy. Chúng tôi xin thành tâm chúc phúc đại chúng dưới sự dẫn dắt trí huệ của bậc Thánh Hiền cổ xưa đều được thân tâm hài hòa, gia đình hạnh phúc hòa thuận, sự nghiệp thuận hòa. Đồng thời hi vọng rằng bộ sách này có thể giúp cho xã hội hóa giải xung đột, chấm dứt đối lập, hướng tới một thế giới đại đồng an định – hạnh phúc – viên mãn – hòa bình. Hãy để chúng ta nắm tay nhau, cùng mang lại sự hài hòa.

Trung tâm Giáo dục Văn hóa Trung Hoa, Malaysia,

Kính cẩn đề tựa.

Tháng 8 năm 2014.

## QUẢN THƯ TRỊ YẾU 360

### Quyển 2

#### KHÁI QUÁT

##### I. NGUYỄN VĂN

Cũng như cuốn sách trước đó, nội dung biên dịch được dựa trên nội dung tiếng bạch thoại của cuốn [Quản Thư Trị Yếu 360] – Quyển 2, và được biên soạn bởi Trung tâm Giáo Dục Văn Hóa Trung Hoa, Malaysia vào tháng 3 năm 2013. Sáu mươi sáu bộ nguyên tác được các đại thần như Ngụy Trưng,... căn cứ và biên tập nên bộ sách [Quản Thư Trị Yếu] đều là những kinh điển ra đời từ trước thời đại Trinh Quán. Những kinh điển cổ này sau hàng nghìn năm kể từ sau thời nhà Đường, đã được các học giả của triều đình nhiều lần hiệu đính, sửa lỗi in, sưu tầm; có thể có đôi chỗ khác biệt so với các điển tịch tương ứng được xuất bản ngày nay. Ví dụ như, trong “*Luận Ngữ*”, câu nói mà hầu hết đại chúng ngày nay đều biết: “Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên”, còn bản “*Luận Ngữ*” mà [Trị Yếu] trích lục lại là: “Ngã tam nhân hành, tất đắc ngã sư yên” (*Khi ta cùng chung sống với người, lời nói và cử chỉ của họ, nhất định có điều để ta học tập và noi theo.*). Đây cũng lại là một giá trị văn hóa nữa đáng được chú trọng của [Trị Yếu], bộ sách đã bảo lưu được diện mạo nguyên sơ và hoàn chỉnh của các điển tịch cổ thời đầu nhà Đường.

Bộ nguyên bản hiện đang được lưu giữ của [*Trị Yếu*] có bản sao được lưu trong Văn khố Kanazawa, do tướng quân đời thứ 5 – ngài Hōjō Sanetoki (hay còn gọi là Kanezawa Sanetoki) của thời đại Mạc phủ Kamakura sáng lập, được gọi tắt là [Bản Văn khố Kanazawa]; bản Suruga in chữ đồng vào năm Genna thứ hai – Nhật Bản (1616), gọi tắt là [Bản Genna]; bắt đầu hiệu đính từ năm đầu thời Tenmei (1781), cho đến năm Tenmei thứ sáu (1786) thì hoàn thành và xuất bản lưu thông trở lại, gọi tắt là [Bản Tenmei]; vào những năm Dân Quốc, nhà xuất bản Thương Vụ Thượng Hải trên cơ sở bản Tenmei đã hiệu đính và tái bản, gọi tắt là [Bản Thương Vụ].

Bộ sách [Quần Thư Trị Yếu] (dưới đây gọi tắt là Trị Yếu), được trích lục từ Kinh, Sử, Tử. Bộ nguyên bản hiện đang được lưu giữ của [*Trị Yếu*] có bản sao được lưu trong Văn khố Kanazawa, do tướng quân đời thứ 5 – ngài Hōjō Sanetoki (hay còn gọi là Kanezawa Sanetoki) của thời đại Mạc phủ Kamakura sáng lập, được gọi tắt là [Bản Văn khố Kanazawa]; bản Suruga in chữ đồng vào năm Genna thứ hai – Nhật Bản (1616), gọi tắt là [Bản Genna]; bắt đầu hiệu đính từ năm đầu thời Tenmei (1781), cho đến năm Tenmei thứ sáu (1786) thì hoàn thành và xuất bản lưu hành trở lại, gọi tắt là [Bản Tenmei]; vào những năm Dân Quốc, nhà xuất bản Thương Vụ Thượng Hải trên cơ sở bản Tenmei đã hiệu đính và tái bản, gọi tắt là [Bản Thương Vụ]. Trong mục lục bản Genna và bản Tenmei, tổng cộng có sáu mươi lăm bộ điển tịch, cuốn 46 của bản Văn khố Kanazawa lại có bài “Thời Vụ Luận”, nội dung lại chính là hai

đoạn cuối cùng của “Thê Luận” trong cuốn 48 của bản Genna và bản Tenmei; bởi vậy số lượng điển tịch mà [Trị Yếu] căn cứ là sáu mươi sáu bộ. Nhưng bộ sách lưu truyền cho đến nay, vẫn còn thiếu cuốn 4 - *Xuân Thu Tả Thị Truyện* (thượng), cuốn 13 - *Hán Thư 1*, cuốn 20 - *Hán Thư 8*.

Ba trăm sáu mươi câu kinh văn trích lục của bộ sách [*Quản Thư Trị Yếu 360*] mà Trung Tâm tuyển chọn, tất cả đều chiếu theo nguyên văn của [Trị Yếu], ngoài ra có sao chép tiêu chú giải ở trong đó, và sao chép nội dung cuối trang của bản Tenmei, đồng thời cũng tham khảo nội dung hiệu đính của bản Thương Vụ.

Đối với việc trích lục từ sáu mươi sáu bộ điển tịch của [Trị Yếu], không phải chỉ là việc xử lý cắt gọn mà là trích lục những điểm quan trọng. Ví dụ như cuốn [Lễ Vận Đại Đồng Thiên], bộ sách này được đúc kết thành câu kinh như sau: “*Đại đạo chi hành dã, thiên hạ vi công. Tuyển hiền dĩ năng. Cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, ấu hữu sở trưởng, quan quả cô độc phé tật giả, giai hữu sở dưỡng. Thị cố mưu bé nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác. Thị vị đại đồng*” (Việc thực thi đạo lý lớn, thiên hạ này là của tất cả người trong thiên hạ. Lựa chọn người có đức tài để trị vì thiên hạ. Không chỉ coi người thân của mình mới là người thân thích, không chỉ xem con cháu của mình mới là con cháu, để người già có nơi nương tựa, để trẻ em được hưởng nền giáo dục tốt đẹp, người cô quả và người tật bệnh đều có nơi mà an dưỡng. Nếu được như vậy, âm mưu có rồi sẽ bị chế ngự mà tự

tan rã, nạn đạo tặc cướp bóc sẽ không còn. Đó được gọi là Đại Đồng). Nếu người đọc muốn tìm hiểu sâu hơn nữa đối với sáu mươi sáu bộ điển tịch, vẫn cần xem đọc toàn văn của bộ điển tịch.

## II. THỂ CHỮ VÀ KIỂU CHỮ

Văn tự mà bộ sách này sử dụng là chữ Hán thể chữ khai. Đối với thể chữ khắc trong nguyên văn, như: 巳巳 巳, 日日, v.v... tất cả đều được cải chính theo nghĩa của văn tự. Những chữ dị thể trong nguyên văn, trừ tên người, địa danh, về cơ bản đều theo nguyên tắc số đông và tập tục thói quen, mà chuyển đổi thành chữ hiện đại thường dùng. Số ít những chữ thông dụng cũng sửa thành chữ hiện đại thường dùng. Nay xin liệt kê những chữ đã sửa như sau (những chữ đặt trong dấu ngoặc được trích từ nguyên văn của bản Tenmei, chữ đứng trước dấu ngoặc là chữ được dùng trong bộ sách này):

為 (爲)	眾 (衆)	群 (羣)	鄰 (隣)	教 (教)
清 (清)	即 (卽)	偽 (僞)	慎 (慎)	舉 (舉)
真 (眞)	鬥 (鬪)	跡 (迹)	既 (既)	恥 (耻)
災 (灾)	污 (汚)	睹 (覩)	眚 (眚)	嘗 (嘗)
遍 (徧)	乃 (迺)	並 (并)	餒 (餓)	別 (別)
褒 (褒)	況 (况)	棄 (弃)	劍 (劍)	慚 (慚)
吝 (吝)	嶄 (嶄)	銜 (銜)	奸 (姦)	蒞 (莅、 涖)

### III. DẤU CÂU

Bộ sách [Quản Thư Trị Yếu] trong bản Văn khố Kanazawa và bản Genna không có dấu ngắt câu, và toàn bộ dấu ngắt câu trong bản Tenmei đều dùng dấu “、” để ngắt câu. Dấu câu trong bộ sách này chủ yếu tham khảo từ bản Tenmei, một số chỗ căn cứ vào bản Thương Vụ hoặc bản đọc của những thư tịch chọn trích dẫn để ngắt câu, tổng thể bộ sách sử dụng dấu câu hiện hành để đánh dấu.

### IV. CHÚ THÍCH VÀ NGUYÊN TẮC DỊCH THUẬT.

Chú thích cho bộ sách này với mong muốn đơn giản mà tinh túy. Nếu tiêu chú thích đã có giải thích cho những từ trong nguyên văn, về nguyên tắc sẽ không liệt kê lại trong phần chú thích. Nội dung dịch thuật áp dụng phương pháp kết hợp giữa dịch trực tiếp và dịch ý. Sau khi dịch xong, nếu cảm thấy vẫn chưa viên mãn, thì sẽ phát triển thêm ở sau nội dung biên dịch, để người đọc có thể thâm nhập sâu hơn tinh thần của bậc Thánh Hiền thời xưa.

### V. CHÚ THÍCH LÊN KHUÔN IN.

Bộ sách này được chia thành ba phần: nguyên văn, chú thích và tiếng bạch thoại. Phần tiêu chú thích trong nguyên văn, vẫn thể hiện dưới dạng hai hàng kèm chú thích; nội dung hiệu đính ở cuối trang trong bản Tenmei, nay sửa và chèn vào trong nguyên văn, và cũng thể hiện dưới dạng hai dòng kèm chú thích và để phân biệt, nội dung hiệu đính sẽ được đặt trong dấu ngoặc.



Trung tâm Giáo dục Văn hóa Trung Hoa, Malaysia,

Kính cần.

Tháng 8 năm 2014.

**CHƯƠNG I: QUÂN ĐẠO**  
**[ĐƯỜNG LỐI LÃNH ĐẠO CỦA**  
**BẠC QUÂN VƯƠNG]**

## 1. TU THÂN

### A. Giới tham.

~ 1 ~

聖人守其所以有，不求其所未得。求其所未得，則所有者亡矣；修其所有，則所欲者至矣。

(卷四十一 淮南子)

### Việt ngữ:

Bậc thánh nhân thường an nhiên mà giữ vững tính đức mà mình vốn có, chứ không tham lam mong cầu những thứ mình chưa đạt được. Nếu tham cầu những thứ mình chưa đạt được, ngược lại những thứ đã có sẽ bị mất đi (bởi tham cầu sẽ không có phúc báu, lại có kẻ thậm chí vì tham hối lộ mà làm điều phi pháp, sẽ đem phúc báu mà hao tổn cho đến hết). Nếu tiếp tục tu dưỡng tính đức mà mình vốn có, những thứ mong có được tự sẽ đạt được (bởi vì tính đức có vô lượng trí huệ, đức hạnh, tài năng và phúc báu).

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 2 ~

絕無益之欲，以奉德義之塗<sup>①</sup>；棄不急之務，以修功業之基。其於名行，豈不善哉？

(卷二十八 吳志下)

Chú thích:

(1) Tương đương với ‘途’ [đô], mở rộng để chỉ đường lối, cách thức.

Viết ngữ:

Đoạn tuyệt những dục vọng vô ích để đi theo con đường của đạo đức nhân nghĩa; gác lại những việc không mấy quan trọng để tu tập nền tảng cho việc gây dựng cơ đồ. Điều này đối với thanh danh và phẩm hạnh của chính mình, lẽ nào chẳng phải rất có ích hay sao?

(Cuốn 28. *Ngô Chí* – Hạ)

~ 3 ~

福生於無為，而患生於多欲。故知足，然後富從之；德宜君人，然後貴從之。故貴爵而賤德者，雖為天子不貴矣；貪物而不知止者，雖有天下不富矣。

(卷八 韓詩外傳)

Viết ngữ:

Hạnh phúc có được từ sự biết đủ trong nội tâm, chứ không phải từ việc tìm cầu bên ngoài, còn gian nan họa hại, lại nảy sinh từ việc quá nhiều tham vọng của con người. Do vậy, một người nếu biết đủ, sự giàu có và sung túc sẽ theo đó mà đến; đức hạnh nếu đủ để lãnh đạo dân chúng, sự tôn quý tất sẽ đến. Bởi vậy, một người mà chỉ xem trọng tước vị và coi thường đức hạnh,

dầu là bậc thiên tử cũng chẳng thể cao quý; kẻ tham lam và mong cầu tiền tài vật chất không biết đủ, dầu có cả thiên hạ cũng không thể giàu có.

(Cuốn 8. *Hán Thi Ngoại Truyện*)

~ 4 ~

有以欲多亡者，未有以無欲危者也；有以欲治而亂者，未有以守常<sup>①</sup>失者也。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

(1) Luân thường đạo lý, quy định vốn có.

Viết ngữ:

Có kẻ do quá nhiều tham vọng mà bị diệt vong, chứ đâu có người bởi không có dục vọng mà lại rơi vào vòng hiểm nguy; chỉ có kẻ vì muốn cai trị mà trở nên hỗn loạn, chứ không có người bởi tuân theo đạo lý mà phải bị thất bại.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 5 ~

三代<sup>①</sup>之興，無不抑損情欲；三季<sup>②</sup>之衰，無不肆其侈靡。

(卷二十九 晉書上)

Chú thích:

- (1) Ba triều đại: Hạ, Thương, Chu;
- (2) Giai đoạn cuối của ba triều đại: Hạ, Thương, Chu.

Viết ngữ:

Sự hưng thịnh của ba triều đại Hạ – Thương – Chu không có lý do gì ngoài việc bậc lãnh đạo tiết chế đối với *thất tình ngũ dục*<sup>4</sup> của chính mình; sự lụn bại và sa sút vào thời kỳ cuối của ba triều đại này cũng không có nguyên nhân gì ngoài việc xa hoa lãng phí hết mức.

(Cuốn 29. *Tán Thư* – Thượng)

~ 6 ~

日月欲明，浮雲蓋之；河水欲清，沙石穢<sup>①</sup>之；人性欲平，嗜欲害之。夫縱欲而失性，動未嘗正也，以治身則失，以治國則敗。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

- (1) Ô nhiễm, làm vẩn đục.

Viết ngữ:

---

<sup>4</sup> *Thất Tình* gồm có: Hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc và dục.

*Ngũ Dục* gồm có: Tài, sắc, danh, thực, thù.

Nhật nguyệt vốn là muốn được sáng tỏ nhưng lại bị đám mây trôi che khuất; nước sông vốn là muốn được trong xanh nhưng lại bị cát đá làm cho vẩn đục; nhân tính vốn là muốn được tĩnh lặng nhưng lại bị tham vọng khiến cho trở ngại. Nếu thuận theo dục vọng mà đánh mất nhân tính vốn có, vậy thì khi hành vi không được chuẩn xác mà đem tâm thái này để tu thân, bản thân tất sẽ rơi vào sự nguy hại, đem tâm thái này để trị vì đất nước, tất sẽ khiến cho nước nhà lụn bại.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 7 ~

天下之愚，莫過於斯，知貪前之利，不睹其後之患也。

(卷十二 吳越春秋)

### **Việt ngữ:**

Trong thiên hạ không có điều gì ngu xuẩn hơn việc này, chỉ ham hố lợi ích trước mắt mà không thấy được hậu họa đằng sau đó.

(Cuốn 12. *Ngô Việt Xuân Thu*.)

~ 8 ~

今人之所以犯<sup>①</sup>罔<sup>②</sup>之罪，而陷於刑戮<sup>③</sup>之患者，由嗜欲無厭<sup>④</sup>，不修度量<sup>⑤</sup>之故也。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

- (1) Lao ngục;
- (2) Chịu hình phạt hoặc bị xử tội chết;
- (3) Thỏa mãn;
- (4) Luật pháp, kỉ cương.

Việt ngữ:

Con người sở dĩ phạm tội lao ngục, để rồi phải chịu hậu họa từ các hình phạt hay tội chết, cũng chỉ vì ham muốn dục vọng không bờ bến, (tâm hồn bị đọa lạc) mà không lấy kỷ cương để nghiêm khắc với chính mình.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*.)

~ 9 ~

夫物暴長<sup>①</sup>者必夭折，功卒<sup>②</sup>成者必亟壞。

(卷二十二 後漢書二)

Chú thích:

- (1) Sinh trưởng một cách nhanh chóng;
- (2) Đột nhiên, sau này thường dùng từ ‘猝’ [thốt].

Việt ngữ:

Bất kỳ vật gì nếu sinh trưởng nhanh chóng tất sẽ bị chết yểu, sự nghiệp nếu thành công chóng vánh tất sẽ lụn bại rất nhanh.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)



*B. Cẩn Kiệm.*

~ 10 ~

儉，德之恭<sup>①</sup>也；侈，惡之大也。

(卷二十九 晉書上)

Chú thích:

(1) Đồng âm với ‘洪’ [hông] to lớn.

Viết ngữ:

Tiết kiệm chính là đức tính tốt đẹp và vĩ đại, xa xỉ lại là hành vi xấu ác nghiêm trọng (bởi vì tiết kiệm có thể nuôi dưỡng tâm lòng cung kính và yêu thương, còn xa xỉ lại làm nảy sinh hậu họa rất lớn).

(Cuốn 29. *Tấn Thư* – Thượng.)

~ 11 ~

古言非典義，學士不以經心；事非田桑，農夫不以亂業；器非時用，工人不以措手；物非世資，商賈不以適市。士思其訓，農思其務，工思其用，賈思其常。是以上用足而下不匱。

(卷四十九 傅子)

**Việt ngữ:**

Thời xưa, lời lẽ không phù hợp với đạo lý của kinh điển, học sĩ sẽ không để tâm; không phải việc canh tác nuôi tằm, người nông dân sẽ không vì thế mà bỏ bê thời vụ; công cụ không thích hợp để sử dụng, người thợ sẽ không động tay để đi làm; vật phẩm không phải là thứ mà xã hội cần đến, thương nhân sẽ không mang chúng ra chợ để bán. Nhân sĩ luôn nghĩ về lời dạy của bậc Thánh Hiền, người nông dân thì nghĩ đến việc đồng áng, người thợ lại nghĩ đến tính thiết thực của công cụ, còn thương nhân luôn nghĩ đến kinh doanh những vật phẩm thường dùng. Bởi vậy, tiêu dùng của người ở trên được đáp ứng đủ đầy, mà nhu cầu muôn dân cũng không đến độ thiếu thốn.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

*C. Trừng phân [Kiềm chế nóng giận].*

~ 12 ~

損。君子以懲忿窒欲。可損之善，莫善損忿欲。

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Người quân tử khi thấy Quẻ Tồn (Sơn Trạch Tồn) tất sẽ biết phải khéo mà kiểm soát sự nóng giận và kìm chế dục vọng của chính mình.

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 13 ~

秦始皇之無道，豈不甚哉？視殺人如殺狗彘<sup>①</sup>。狗彘，仁人用之猶有節。始皇之殺人，觸情<sup>②</sup>而已，其不以道如是。而李斯又深刑<sup>③</sup>峻法，隨其指而妄殺人。秦不二世而滅，李斯無遺類<sup>④</sup>。

(卷四十九 傅子)

**Chú thích:**

- (1) Chỉ loài lợn;
- (2) Kích động tinh thần;
- (3) Hình phạt hà khắc;
- (4) Kẻ không được yên thân.

**Việt ngữ:**

Tần Thủy Hoàng bạo tàn vô đạo, chẳng phải rất nghiêm trọng hay sao? Xem việc giết người như giết chó lợn. Bàn về loài vật, người nhân đức có dùng đến chúng cũng còn phải tiết chế, vậy mà Tần Thủy Hoàng giết người chỉ vì bản thân bị kích động mà thôi. Việc làm không tuân theo đạo nghĩa của hấn đến mức độ như vậy, mà Lý Tư lại còn nhân đó mà thực thi hình phạt và luật pháp hà khắc, giết người tùy tiện theo ý đồ của bản thân. Kết quả là nhà Tần không quá hai đời đã bị mất nước, còn Lý Tư cũng bị tiêu diệt cùng toàn bộ gia tộc.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

D. Thiên thiện [Hương thiện].

~ 14 ~

子曰：『見賢思齊焉，見不賢而內自省也。』

(卷九 論語)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Khi thấy hiền nhân phải nên nghĩ về việc noi gương họ; còn khi gặp kẻ thất đức, phải nên tự kiểm điểm bản thân (liệu có tình trạng giống như họ chăng)”.

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 15 ~

太上樂善，其次安之，其下亦能自強也。

(卷三十五 曾子)

**Việt ngữ:**

Cảnh giới cao nhất của người là vui với việc hành thiện, kế đến là quen với việc hành thiện, sau cùng là có thể khích lệ bản thân nỗ lực hành thiện.

(Cuốn 35. Tăng Tử)

E. Cải quá [Sửa chữa sai lầm].

~ 16 ~

益。君子以見善則遷，有過則改矣。從善改過，益莫大焉。

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Người quân tử khi thấy Quẻ Ích (Phong Lôi Ích) tất sẽ hiểu rằng khi thấy lời nói và việc làm tốt đẹp của người, phải cố gắng học theo, nếu có lỗi sai phải lập tức sửa đổi.

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 17 ~

人誰能無過？過而能改，善莫大焉。

(卷五 春秋左氏傳中)

**Việt ngữ:**

Có ai mà chưa từng phạm sai lầm? Khi phạm sai lầm mà có thể sửa chữa, không có việc thiện nào lớn hơn thế.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung.)

~ 18 ~

太上不生惡，其次生而能夙絕之，其下復而能改。

(卷三十五 曾子)

**Việt ngữ:**

Cảnh giới cao nhất của người là không có ý niệm xấu ác, tiếp đến là có lỗi lầm mà sớm đoạn tuyệt được,

cuối cùng là nhiều lần phạm lỗi nhưng rốt cuộc vẫn sửa đổi được.

(Cuốn 35. *Tăng Tử*)

~ 19 ~

子曰：『君子不重則不威，學則不固。主忠信，無友不如己者。過則勿憚改。』主，親也。憚，難也。

(卷九 論語)

### Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Người quân tử trong nội tâm và bên ngoài nếu không trang nghiêm, sẽ chẳng có uy nghi mà học vấn cũng không có nền tảng vững vàng. Phải nên thân cận với người trung thành tín nghĩa (xem họ là người thầy), chứ đừng nên kết bạn với người không đồng chí hướng, không cùng tư tưởng. Khi có lỗi lầm, đừng nên e sợ mà sửa đổi lại.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

## 2. ĐÔN THÂN [KÍNH YÊU NGƯỜI THÂN]

~ 20 ~

刑<sup>①</sup>于寡妻<sup>②</sup>，至于兄弟，以御<sup>③</sup>于家邦。刑，法也。寡妻，寡有之妻，言賢也。御，治也。文王以禮法接待其妻，至于其宗族，以此又能為政，治於家邦。

(卷三 毛詩)

**Chú thích:**

- (1) Pháp luật, kỷ cương. Chỉ việc dùng lễ nghĩa và kỷ cương để đối đãi (căn cứ theo chú giải của Trịnh Huyền);
- (2) Người vợ cả, chính thất;
- (3) Trị vì.

**Viết ngữ:**

Việc tu dưỡng đức hạnh trước tiên là làm tấm gương tốt cho người vợ của mình, luôn luôn lấy lễ nghĩa và kỷ cương mà đối đãi, từ đó mở rộng để làm tấm gương cho các huynh đệ, tiếp đến là có thể đem điều này mà tề gia trị quốc được rồi.

(Cuốn 3. *Mao Thi*)

~ 21 ~

君之於世子也，親則父也，尊則君也。有父之親，有君之尊，然後兼天下而有之。

(卷七 禮記)

**Viết ngữ:**

Bậc quân vương đối với thế tử, nếu luận về quan hệ thân sơ là phụ thân, còn bàn về quan hệ trên dưới lại là quân vương. Quân vương đối với thế tử vừa có tình thương yêu của người cha, lại vừa có sự tôn nghiêm của

bậc quân vương, rồi sau đó mới có thể trị vì thiên hạ và có được lòng dân.

(Cuốn 7. *Lễ Ký*)

~ 22 ~

《傳》曰：『周之同盟<sup>①</sup>，異姓為後。』誠骨肉之恩，爽<sup>②</sup>而不離。親親<sup>③</sup>之義，寔<sup>④</sup>在敦固。未有義而後其君，仁而遺其親者也。

(卷二十六 魏志下)

**Chú thích:**

- (1) Đồng minh: Theo bản lưu hành thường thấy của [Tả Truyện · Ân Công Thập Nhất Niên] và [Tam Quốc Chí · Trần Tư Vương Thục Truyện] đều ghi chép là ‘宗盟’ [tôn minh]. *Tôn minh* chỉ cuộc nghị luận liên minh của thiên tử và chư hầu;
- (2) Sai sót, không hòa hợp;
- (3) Thương yêu người thân;
- (4) Đồng nghĩa với ‘實’ [thực], mang nghĩa đích thực, thực sự.

**Viết ngữ:**

Trong [Tả Truyện] nói rằng: “Thiên tử của nhà Chu khi họp bàn liên minh với chư hầu, các chư hầu không cùng họ thường ở phía sau”, đích thực là bởi ân tình cốt nhục sâu đậm, dẫu có lỗi lầm cũng không rời xa. Bàn về đạo lý của việc thương yêu quyền thuộc, quả



thật phải nên chất phác và kiên định. Chưa từng có hạ thần trung nghĩa lại thờ ơ với quân chủ, mà cũng chưa từng có người nhân đức lại ruồng bỏ người thân.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 23 ~

君子篤於親，則民興於仁；故舊不遺，則民不偷<sup>①</sup>  
興，起也。能厚於親屬，不遺忘其故舊，行之美者也，則皆化之，起為仁厚之行，不偷薄。

(卷九 論語)

### Chú thích:

(1) Khắt khe, không hiền hậu.

### Viết ngữ:

Bậc quân tử tại vị, nếu có thể đối xử hết lòng với cha mẹ và anh chị em, nếp sống nhân ái của dân chúng tất sẽ trở dậy; nếu không ruồng bỏ bạn hữu và mối quan hệ xưa kia, dân chúng tất sẽ không lạnh nhạt và vô tình với người.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

### 3. PHẢN THÂN [KIỂM ĐIỂM BẢN THÂN]

~ 24 ~

孔子曰：『人能弘道，非道弘人也。』故治亂廢興在於己，非天降命不可得反也。

(卷十七 漢書五)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Con người có thể đề cao đạo nghĩa, chứ không phải đạo nghĩa đề cao con người.” Bởi vậy, sự an định và động loạn, hưng thịnh hay suy vong của đất nước đều được quyết định bởi chính bản thân bậc quân chủ, chứ không phải là mệnh trời và không thể xoay chuyển.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 25 ~

子路問君子。子曰：『修己以敬。』敬其身也。曰：『如斯而已乎？』曰：『修己以安百姓。修己以安百姓，堯、舜其猶病<sup>①</sup>諸<sup>②</sup>！』病，猶難也。

(卷九 論語)

**Chú thích:**

- (1) Khó khăn, không dễ dàng;
- (2) Từ kết hợp âm của hai từ ‘之乎’ [chi hồ].

**Việt ngữ:**

Tử Lộ thỉnh giáo thế nào mới được xem là bậc quân tử. Khổng Phu Tử đáp rằng:

- Lấy ‘kính’ để tu sửa bản thân, để thân tâm và lời lẽ tất thảy hướng về sự cung kính, mọi điều phải phù hợp với lễ nghĩa. Như thế được coi là bậc quân tử rồi.

Tử Lộ lại hỏi:

- Như thế là đủ thôi sao?

Không Phu Tử lại đáp:

- Tu sửa bản thân để khiến muôn dân được an lạc. Tu sửa chính mình để tiến tới khiến muôn dân có được niềm an lạc, việc thế này dẫu là bậc quân vương hiền minh như vua Nghiêu, vua Thuấn e rằng cũng khó mà làm được một cách thấu đáo vậy.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 26 ~

主者國之心也，心治<sup>①</sup>則百節<sup>②</sup>皆安，心擾則百節皆亂。治猶理也。節猶事也。以體喻也。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

- (1) Tinh thần yên tĩnh bình lặng;
- (2) Khớp xương, bộ phận nối khung xương trong cơ thể người.

Viết ngữ:

Bậc quân chủ tựa thể trái tim của đất nước, khi tâm an thì toàn thân đều an định, nếu tâm rối thì toàn thân sẽ rối bời.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

故天下不正，修之國家；國家不正，修之朝廷；朝廷不正，修之左右；左右不正，修之身；身不正，修之心。所修彌<sup>①</sup>近，而所濟彌遠。禹<sup>②</sup>、湯<sup>③</sup>罪<sup>④</sup>己，其興也勃焉，正心之謂也。

(卷四十九 傅子)

**Chú thích:**

- (1) Càng thêm, thêm nữa;
- (2) [Vũ]: Họ Tự, tên Văn Mệnh, là con trai của ngài Côn. Hay còn được gọi là Đại Vũ, Hạ Vũ, Nhung Vũ. Sau này được chọn làm người nối ngôi của vua Thuần, sau khi vua Thuần băng hà lập tức lên ngôi và lập ra nhà Hạ;
- (3) [Thang]: Là hậu duệ của Tử Tiết, họ Tử, tên Hạ, hay còn gọi là Thiên Ất, ông là vị vua sáng lập ra triều đại nhà Thương;
- (4) Quy tội cho ai.

**Viết ngữ:**

Bởi vậy, thiên hạ mà bất an tất phải chỉnh đốn đất nước, đất nước không yên tất phải chỉnh đốn triều đình, triều đình không nghiêm chỉnh tất phải chỉnh đốn các hạ thần ở quanh ta, các hạ thần không đoan chính tất phải tăng cường trí tuệ và đức tài của bản thân, khi bản thân không mẫu mực trước tiên phải điều chỉnh tư tưởng của chính mình. Khi những điều chấn chỉnh càng gần gũi,

thì sự thành tựu sẽ càng rộng lớn. Hạ Vũ, Thương Thang vì thường xuyên kiểm điểm lỗi lầm của bản thân, từ đó sự hưng thịnh của đất nước đến rất nhanh. Đây chính là kết quả của việc điều chỉnh tư tưởng của chính mình.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 28 ~

唯不推心<sup>①</sup>以況<sup>②</sup>人，故視用人如用草芥。使用人如用己，惡<sup>③</sup>有不得其性者乎？古之達<sup>④</sup>治者，知心為萬事主，動而無節則亂，故先正其心。其心正於內，而後動靜不妄，以率先天下，而後天下履正<sup>⑤</sup>，而咸保其性也。斯遠乎哉？求之心而已矣！

(卷四十九 傅子)

**Chú thích:**

- (1) Đồi đãi bởi sự chân thành;
- (2) So sánh, mang nghĩa mở rộng, suy ra;
- (3) Độc là ‘wū’, tương đương với lẽ nào, sao thế;
- (4) Thông hiểu, hiểu rõ;
- (5) Tự mình thực hiện đạo lý chính nghĩa.

**Viết ngữ:**

Chính bởi không suy từ mình để cảm thông với người, nên mới xem việc dùng người như dùng cỏ rác. Nếu trọng dụng người khác cũng như trọng dụng chính mình (đồng cảm như chính bản thân) thì sao lại không

hiểu được nguyện vọng của nhân dân (thuận theo lòng dân mà trị vì) chứ? Thời xưa, người có thể thông hiểu đạo lý trị quốc, sẽ hiểu được rằng tâm chi phối mọi việc, hành vi mà không có tiết chế sẽ khiến cho đất nước trở nên động loạn, do vậy trước tiên phải chấn chỉnh tư tưởng và tâm thế của chính mình. Giả như tư tưởng và tâm thế được đoan chính, dầu là động hay tĩnh, đều sẽ không làm xằng làm bậy, và rồi chính mình là tấm gương cho người trong thiên hạ, người trong thiên hạ tất sẽ thực hành đạo lý chính nghĩa, từ đó đều có thể giữ được bản tính thiện lương của họ. Những yêu cầu này liệu có xa vời không? Chẳng qua là yêu cầu đối với tâm của chính ta mà thôi!

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 29 ~

故上老老<sup>①</sup>而民興孝，上張張而民興悌，上恤孤而民不背。所惡於上，無以使下；所惡於下，毋以事上。

(卷七 禮記)

**Chú thích:**

(1) Phụng dưỡng người già với đạo lý kính lão.

**Việt ngữ:**

Bởi vậy, người ở trên mà có thể kính trọng người già, vậy thì nếp sống hiếu kính của muôn dân tất sẽ hưng thịnh; nếu người ở trên mà có thể tôn trọng và phụng sự

trưởng bối, vậy thì nếp sống yêu kính của muôn dân tất sẽ hưng thịnh; người ở trên mà có thể đồng cảm và chăm sóc người cô đơn, khổ đau và không nơi nương tựa, vậy thì muôn dân sẽ không ruồng bỏ lẫn nhau. Nếu không mong muốn một vài cách làm của cấp trên đối với mình, thì đừng làm như vậy đối với thuộc cấp; nếu không mong muốn một vài hành vi và biểu hiện của cấp dưới, thì bản thân đừng đối đãi với cấp trên với cách thức như vậy.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 30 ~

堯舜率天下以仁，而民從之；桀紂率天下以暴，而民從之。

(卷七 禮記)

### **Việt ngữ:**

Vua Nghiêu, vua Thuần lấy nhân đức mà lãnh đạo thiên hạ, muôn dân sẽ noi gương mà thực hành nhân đức. Hạ Kiệt, Thương Trụ lấy bạo tàn mà hoành hành khắp thiên hạ, muôn dân lại theo đó mà làm những việc xấu xa.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 31 ~

夫上之所為，民之歸<sup>①</sup>也。上所不為，而民或為之，是以加刑罰焉，而莫敢不懲。若上之所為，而民亦為之，乃其所也，又可禁乎？

(卷五 春秋左氏傳中)

Chú thích:

(1) Hướng về, ngả theo, thuận theo.

Viết ngữ:

Mọi hành vi của người ở trên, muôn dân sẽ hướng đến mà học theo. Những việc người ở trên không làm, trong muôn dân lại có người làm, nếu nhân đây mà xử phạt trừng trị, tất sẽ không có ai còn dám không đề cao cảnh giác. Nếu những việc mà người ở trên làm, trong muôn dân cũng có người làm, đây cũng là lẽ tất nhiên, sao có thể ngăn chặn được đây?

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 32 ~

孔子曰：『人而不仁，疾之以甚，亂也。』故民亂反之政，政亂反之身。身正而天下定。是以君子嘉善<sup>①</sup>而矜不能，恩及刑人，德潤窮夫<sup>②</sup>。施惠悅爾，行刑不樂也。

(卷四十二 鹽鐵論)

Chú thích:

(1) Ca ngợi người tốt;

(2) Người thấp hèn.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Đối xử với người bất nhân, mà căm ghét một cách quá đà, họ sẽ lập tức nổi loạn.”



Bởi vậy, khi người dân nổi loạn, phải từ việc triều chính mà tìm hiểu nguyên nhân; khi việc triều chính bị rối loạn, phải tìm hiểu nguyên nhân từ chính bản thân người nắm quyền. Khi tư tưởng quan điểm, hành động cử chỉ và ngôn luận đều đúng đắn, thiên hạ tự nhiên sẽ an định. Do vậy, người quân tử có thể khen ngợi người lương thiện, lại có thể đồng cảm với những người không thể làm điều thiện đó, đối với những người đang chịu hình phạt đều ban cho ơn huệ, cũng lại ban ân đức cho những người thấp hèn. Khi ban ơn huệ, trong lòng cảm thấy vui sướng; còn khi bắt đắc dĩ phải thi hành hình phạt lại cảm thấy buồn khổ.

(Cuốn 42. *Diêm Thiết Luận*)

~ 33 ~

是以天萬物之覆<sup>①</sup>，君萬物之燾<sup>②</sup>也。儻生<sup>③</sup>之類，有不浸潤於澤者，天以為負；員首<sup>④</sup>之民，有不露濡<sup>⑤</sup>於惠者，君以為恥。

(卷四十七 政要論)

Chú thích:

- (1) Bảo vệ, che chở;
- (2) Đọc là ‘dào’. Có nghĩa là che phủ, che mát;
- (3) Những vật có sinh mạng;
- (4) Muôn dân;
- (5) Thấm nhuần. Chỉ việc chịu ơn.

**Việt ngữ:**

Do vậy, trời là chở che vạn vật, bậc quân chủ là bảo vệ vạn vật. Phàm là sinh linh, chỉ cần có một vật không được tươi mát, ông trời sẽ cảm thấy có đôi điều thiếu sót; trong muôn dân, chỉ cần có một người không nhận được ân huệ của quân vương, bậc quân chủ sẽ cảm thấy đây là nỗi tủi hổ.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

~ 34 ~

《象》曰：山上有水，蹇<sup>①</sup>。君子以反身<sup>②</sup>修德。除  
難莫若反身修德也。《象》曰：蹇，難也，險在前也。見險而能  
止，智矣哉！

(卷一 周易)

**Chú thích:**

- (1) Hành trình gian nan;
- (2) Tự xét chính mình.

**Việt ngữ:**

Trong [Tượng Truyện] nói rằng: “Từ trên núi, nước chảy xuống uốn lượn quanh co, đáng vẻ gian khó, đây chính là tượng trưng của Quẻ Kiển (Thủy Sơn Kiển). Người quân tử khi thấy quẻ này, tất sẽ nghĩ đến khi gặp khó khăn phải nên kiểm điểm bản thân để mà tu dưỡng đức hạnh của chính mình. Trong [Thoán Truyện] cũng

nói: Quẻ Kiên tượng trưng cho sự gian khổ, có nghĩa là phía trước có hiểm nguy. Khi thấy tình huống nguy hiểm mà có thể dừng lại, đây là việc làm sáng suốt vậy!

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 35 ~

修己而不責人，則免於難。

(卷四 春秋左氏傳上)

### Viết ngữ:

Tu dưỡng đức hạnh của chính mình mà không đi trách cứ người khác, tất sẽ tránh được hoạn nạn.

(Cuốn 4. *Xuân Thu Tả Thị Truyện – Thượng*)

## 4. TÔN HIỀN [TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI]

~ 36 ~

仁人也者，國之寶也；智士也者，國之器也；博通<sup>①</sup>之士也者，國之尊也。故國有仁人，則群臣不爭；國有智士，則無四鄰諸侯之患；國有博通之士，則人主尊。

(卷四十二 新序)

### Chú thích:

(1) Hiểu biết rộng, hiểu được các sự - lý và tri thức.

**Việt ngữ:**

Người nhân đức là báu vật của đất nước, người tài trí là tài sản của đất nước; người có tri thức rộng lớn là điều tôn quý của quốc gia. Bởi vậy, nếu trong nước có người nhân đức, vậy thì quân thần sẽ không tranh quyền đoạt lợi; đất nước mà có bậc trí sĩ, vậy thì đất nước sẽ không còn mối lo chư hầu khắp nơi xâm phạm, quấy nhiễu; đất nước mà có người thông hiểu rộng rãi, vậy thì bậc quân vương sẽ được kính ngưỡng.

(Cuốn 42. *Tân Tự*)

~ 37 ~

尊聖者王；貴賢者霸；敬賢者存；嫚<sup>①</sup>賢者亡。古今一也。

(卷三十八 孫卿子)

**Chú thích:**

(1) Khinh rẻ, miệt thị.

**Việt ngữ:**

Quân chủ mà kính trọng thánh nhân sẽ thống lĩnh được thiên hạ; quân chủ mà coi trọng hiền nhân sẽ lãnh đạo được các chư hầu; quân chủ mà cung kính với người tài năng đức độ, đất nước sẽ được giữ vững; quân chủ mà khinh miệt người có đức tài, đất nước tất sẽ bị diệt vong. Từ cổ chí kim đều như vậy cả.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 38 ~

夫善人在上，則國無幸民。諺曰：『民之多幸，國之不幸。』是無善人之謂也！

（卷五 春秋左氏傳中）

**Việt ngữ:**

Người có đức hạnh mà ở trên cao, đất nước sẽ không có người chỉ biết dựa vào may mắn. Tục ngữ nói rằng: “Nếu đa phần người dân có tâm lý cầu may, đó sẽ là nỗi bất hạnh của đất nước.” Đây chính là nói về việc không có người đức độ nắm quyền ở trên vậy!

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 39 ~

無善人則國從之。從亡也。《詩》曰：『人之云<sup>①</sup>亡，邦國殄瘁<sup>②</sup>。』無善人之謂也。故《夏書》曰：『與其殺不辜，寧失不經<sup>③</sup>。』懼失善也。逸書也。不經，不用常法。

（卷五 春秋左氏傳中）

**Chú thích:**

- (1) Là trợ từ trong câu, không có nghĩa cụ thể;
- (2) Những từ đồng nghĩa thường được dùng như từ ghép, chỉ sự khốn cùng, khốn khổ;
- (3) Luật pháp.

**Việt ngữ:**

Khi không còn người tài năng đức độ, đất nước sẽ theo đó mà lụn bại. Trong [*Kinh Thi*] có nói: “Bậc hiền tài mà không còn, đất nước tất gặp tai ương.” Đây là do để mất đi bậc hiền tài vậy. Trong [*Hạ Thu*] có nói: “Thà bị thiếu sót do không dùng luật pháp, còn hơn việc giết nhầm người vô tội”, chính là lo sợ để mất đi người tài năng đức độ.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 40 ~

故王者勞於求賢，逸於得人。舜舉眾賢在位，垂衣裳，恭己無為，而天下治。

(卷四十二 新序)

**Việt ngữ:**

Làm bậc quân vương thường cực nhọc khi tìm kiếm bậc hiền tài, nhưng khi có được rồi lại được thông dong. Vua Thuấn tin dùng rất nhiều người tài năng đức độ, khiến họ đều có được chức vụ phù hợp với năng lực của mình, còn bản thân cứ an nhiên mà trị vì, không phải tra hỏi quá nhiều tới việc triều chính, mọi việc đều không phải đích thân thực hiện, mà vẫn khiến thiên hạ được thái bình.

(Cuốn 42. *Tân Tụ*)

~ 41 ~

古者明王之求賢也，不避遠近，不論貴賤，卑爵以下賢<sup>①</sup>，輕身<sup>②</sup>以先士。

(卷三十六 尸子)

**Chú thích:**

- (1) Hạ mình và tôn trọng người có đức tài;
- (2) Khiêm nhường hạ thấp thân phận, không ỷ thế.

**Viết ngữ:**

Bậc minh quân xưa kia khi tìm kiếm nhân tài cho đất nước, sẽ không màng đến quan hệ thân sơ, không quan tâm địa vị sang hèn, mà buông xuống tước vị của chính mình để chào đón bậc hiền tài, hạ thấp thân phận của chính mình để tiếp đón nhân sỹ có đức hạnh.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 42 ~

今君之位尊矣，待天下之賢士，勿臣而友之，則君以得天下矣。

(卷三十一 六韜)

**Viết ngữ:**

Thời nay, địa vị của quân vương tôn quý, nếu đối đãi với bậc hiền tài trong thiên hạ, không coi họ là hạ

thần, mà xem như bạn hữu mà đối đãi. Vậy thì quân chủ đã có thể có được thiên hạ rồi.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 43 ~

周公攝<sup>①</sup>天子位七年，布衣<sup>②</sup>之士，執贄<sup>③</sup>而所師見者十人，所友見者十二人，窮巷白屋<sup>④</sup>所先見者四十九人，進善者百人，教士者千人，官<sup>⑤</sup>朝<sup>⑥</sup>者萬人。當此之時，誠使<sup>⑦</sup>周公驕而且吝，則天下賢士至者寡矣。

(卷四十三 說苑)

**Chú thích:**

- (1) Đại diện, thay thế;
- (2) Mượn nghĩa để chỉ thường dân, bởi vì dân thường thời xưa không được mặc đồ gấm lụa;
- (3) Lễ vật mang theo khi lần đầu tiên gặp mặt. Theo phong tục thời xưa, khi yết kiến ai đó sẽ mang theo lễ vật để tặng;
- (4) ‘窮巷’ [cùng hạng] ngõ nhỏ vắng vẻ sơ sài; ‘白屋’ [bạch ốc]: nơi ở của thường dân hoặc nhân sĩ nghèo;
- (5) Ban chức quan cho ai đó, khiến làm quan;
- (6) Thăm viếng;
- (7) Giả sử, nếu như.

**Viết ngữ:**

Trong bảy năm Chu Công nắm quyền thay thiên tử (vô cùng giữ lễ đối với bậc hiền tài, đồng thời không hẹp hòi mà chia sẻ kinh nghiệm, trí tuệ và bồi dưỡng



nhân tài), trong số học giả chưa làm quan, số người mà ngài mang theo lễ vật bái kiến theo lễ tiết đối với thầy giáo có mười người, số người mà ngài gặp gỡ theo lễ tiết đối với bạn hữu có mười hai người, số nhân sĩ nghèo ở nơi xóm làng nghèo khó được ưu tiên tiếp kiến có bốn mươi chín người, số người mà có thể đưa ra lời khuyên với ngài bất cứ khi nào có hàng trăm người, số nhân sĩ nhận được chỉ bảo của ngài có hàng nghìn người, số người được đề bạt để phục vụ trong quan phủ triều đình có đến hàng vạn người. Khi đó, giả như Chu Công ngạo mạn và hẹp hòi với người, vậy thì bậc hiền tài trong thiên hạ đến gặp ngài sẽ rất ít rồi.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

### 5. NẠP GIÁN [TIẾP NHẬN LỜI KHUYẾN TỪ TRUNG THẦN]

~ 44 ~

為人君之務，在於決壅<sup>①</sup>；決壅之務，在於進下；進下之道，在於博聽；博聽之義，無貴賤同異，隸豎牧圉<sup>②</sup>，皆得達焉。

(卷四十七 政要論)

#### Chú thích:

- (1) Xóa đi sự che lấp, cách biệt;
- (2) Nô dịch, người ở, người chăn trâu nuôi ngựa.

**Viết ngữ:**

Điều mấu chốt khi làm quân vương là ở chỗ xóa bỏ được sự che đậy giấu giếm; mấu chốt của việc xóa bỏ sự che giấu là ở chỗ đề cấp dưới được đưa ra lời khuyên can; phương pháp đề cấp dưới đưa ra lời khuyên là ở chỗ lắng nghe các ý kiến từ nhiều chiều; lắng nghe ý kiến từ nhiều chiều chính là có thể không màng đến sự cao thấp sang hèn của cấp dưới, dầu có là nô dịch, người ở hay người chăn trâu nuôi ngựa cũng có thể đề ý kiến của họ được truyền đạt đến nơi.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

~ 45 ~

欲知平直，則必準繩<sup>①</sup>；欲知方圓，則必規矩<sup>②</sup>；  
人主欲自知，則必直士。唯直士能正言。

(卷三十九 呂氏春秋)

**Chú thích:**

- (1) Dụng cụ để đo độ bằng phẳng và thẳng hàng của vật thể. ‘準’ [chuẩn] thủy bình đo độ phẳng, ‘繩’ [thẳng] mặc thẳng, là một loại dây được thắm mực để đo độ thẳng;
- (2) Compa và ê ke, hai dụng cụ để hiệu chỉnh hình tròn và hình vuông.

**Việt ngữ:**

Muốn biết vật thể liệu có ngay thẳng, nhất định phải dựa vào thủy bình và mặt thẳng; muốn biết liệu tròn hay vuông, nhất định phải dựa vào compa và ê ke. Bậc quân vương muốn biết được lỗi lầm của chính mình, nhất định phải dựa vào nhân sĩ chính trực.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 46 ~

古之賢君，樂聞其過，故直言得至，以補其闕<sup>①</sup>。

(卷四十九 傅子)

**Chú thích:**

(1) Sơ hở, thiếu sót.

**Việt ngữ:**

Bậc quân vương hiền minh xưa kia vui với việc nghe người chỉ ra sai lầm của chính mình. Do đó, khi nghe được lời ngay thẳng, sẽ nhờ đó mà khắc phục khuyết điểm.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 47 ~

明君蒞眾<sup>①</sup>，務下之言，以昭外也；敬納卑賤，以誘賢也。其無拒言，未必言者之盡用也，乃懼拒無用而讓<sup>②</sup>有用也。

(卷四十四 潛夫論)

Chú thích:

- (1) Trị vì muôn dân;
- (2) Đồng nghĩa với ‘攘’ [nuông] bài xích, loại trừ lẫn nhau.

Viết ngữ:

Bậc quân vương hiền minh khi trị vì muôn dân, buộc phải đón nhận lời của hạ thần để được sáng tỏ tình hình ở ngoài triều đình; cung kính mà tiếp thu từ những người thấp hèn, để thu hút nhân tài. Khi quân chủ không cự tuyệt lời khuyên, chưa hẳn tất cả lời khuyên đều được áp dụng, chỉ là e rằng cự tuyệt những ý kiến không hữu ích sẽ khiến cho ý kiến có giá trị bị bài trừ.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

~ 48 ~

仁君廣山藪<sup>①</sup>之大，納切直<sup>②</sup>之謀。

(卷二十二 後漢書二)

Chú thích:

- (1) Rừng núi và ao hồ;
- (2) Chân thành và thẳng thắn.

Viết ngữ:

Bậc quân vương nhân đức có tấm lòng rộng lớn tựa như núi cao và hồ nước cả, có thể tiếp thu những mưu lược thẳng thắn và chân thành.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

今群臣皆以邕為戒，上畏不測之難，下懼劍客之害，臣知朝廷不復得聞忠言矣。夫立言無顯過之咎<sup>①</sup>，用鏡無見玼<sup>②</sup>之尤<sup>③</sup>。如惡<sup>④</sup>立言以記過，則不當學也。不欲明鏡之見玼，則不當照也。願陛下詳思臣言，不以記過見玼為責。

(卷二十四 後漢書四)

**Chú thích:**

- (1) Sai lầm, lỗi sai;
- (2) Hiện lộ những tỳ vết hay khuyết điểm nhỏ. ‘見’ đồng nghĩa với ‘現’ [hiện] mang nghĩa hiện lộ, hiện bày. ‘玼’ [tỳ] tỳ vết trên viên ngọc, suy ra để chỉ khuyết điểm, thói xấu;
- (3) Tội lỗi, sai lầm;
- (4) Căm ghét, căm hận.

**Việt ngữ:**

Ngày nay, quần thần đều lấy kết cục của Thái Ung để làm bài học cảnh giác, ở trên lo sợ gặp phải tai nạn khó lường, ở dưới lại sợ hãi có thích khách đến ám sát, thần hiểu rằng triều đình sẽ không còn nghe được lời trung tín nữa rồi. Phát biểu ngôn luận sẽ không nên vì chỉ ra lỗi sai mà bị trách phạt, gương sáng sẽ không phải vì soi được vết hoen ố mà bị căm ghét. Nếu căm ghét

việc quan sử cầm bút mà ghi chép lại sự thật, vậy cũng đừng nên học tập người xưa (lập ra hàng quan sử); nếu không muốn để gương soi ra vết hoen ố, vậy cũng đừng nên đi mà soi nữa. Mong rằng bệ hạ suy nghĩ kỹ về lời thần đã nói, đừng vì việc chỉ ra tội lỗi và phản ánh vết nhơ mà lại trách mắng đại thần.

(Cuốn 24. *Hậu Hán Thư* – Tập 4)

~ 50 ~

能容直臣，則上之失不害於下，而民之所患上聞矣。

(卷四十九 傅子)

### **Viết ngữ:**

Nếu có thể tiếp nhận hạ thần chính trực, dẫu quân vương có sai sót cũng sẽ không để lại hậu họa cho muôn dân, mà nỗi cơ cực của muôn dân, bậc quân chủ cũng nghe thấy được.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 51 ~

君明則臣直。古之聖王，恐不聞其過，故有敢諫之鼓<sup>(1)</sup>。

(卷二十六 魏志下)

Chú thích:

- (1) Là trống mà triều đình đặt để khi người dân muốn kiến nghị thì đánh lên.

Viết ngữ:

Bậc quân vương mà anh minh sáng suốt, chúng thần bên dưới sẽ chính trực. Bậc quân vương sáng suốt thời xưa chỉ e sợ không nghe được lỗi lầm của bản thân, bởi vậy mà đặt trống cho người khi muốn khuyên giải thì đánh lên, để người lãnh đạo được biết.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 52 ~

堯舜之世，諫鼓謗木<sup>①</sup>，立之於朝，殷周哲王，小人<sup>②</sup>怨詈<sup>③</sup>，則洗目改聽，所以達聰明<sup>④</sup>，開不諱<sup>⑤</sup>，博採負薪<sup>⑥</sup>，盡極下情也。

(卷二十三 後漢書三)

Chú thích:

- (1) Tương truyền vào thời đại của vua Nghiêu, vua Thuấn, trên con đường huyết mạch có dựng cây cột gỗ để người dân viết ra lời khuyên cáo ở trên đó, nên được gọi là ‘báng mộc’;
- (2) Thường dân;
- (3) Oán hận mắng nhiếc. ‘詈’ [lì] mắng nhiếc;

- (4) Tra xét, hiểu rõ sự - lý;
- (5) Người có địa vị thấp kém.
- (6) Chỉ những con người nhỏ bé có địa vị thấp kém.

**Viết ngữ:**

Vào thời đại của vua Nghiêu, vua Thuấn, ở giữa triều đình đặt trống để tiến cử lời khuyên, dựng lên cột gỗ để viết ra lời khuyên cáo. Thánh vương của hai đời Ân – Chu, đối với lời oán hận mắng nhiếc của muôn dân, luôn là kính cẩn mà lắng nghe. Do vậy mới có thể tỏ tường được sự - lý, để người được thẳng thắn nói ra mà không phải e dè kiêng nể, lắng nghe ý kiến của thường dân theo nhiều chiều, tìm hiểu tường tận và toàn diện tình hình của muôn dân.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 53 ~

禹之治天下也，以五聲聽。門懸鐘鼓鐸<sup>①</sup>磬<sup>②</sup>，而置鞀<sup>③</sup>，以待四海之士，為銘<sup>④</sup>於筓簨<sup>⑤</sup>曰：『教寡人以道者擊鼓；教寡人以義者擊鐘；教寡人以事者振<sup>⑥</sup>鐸；告寡人以憂者擊磬；語寡人以訟獄者揮鞀。』此之謂五聲。是以禹嘗據一饋而七起，日中而不暇飽食。曰：『吾不恐四海之士留於道路，吾恐其留吾門廷<sup>⑦</sup>也！』是以四海之士皆至，是以禹朝廷間，可以羅雀<sup>⑧</sup>者。

(卷三十一 鬻子)



**Chú thích:**

- (1) [Đạc] một loại nhạc cụ thời xưa, kiểu như chuông lắc cỡ lớn, thời xưa thường được dùng khi ban bố mệnh lệnh triều đình hoặc khi có chiến sự và được đúc bằng đồng thau, hình dạng giống như cái chiêng, nhưng có lưới, lưới có thể làm bằng gỗ hoặc bằng kim loại, bởi vậy mà có đạc gỗ hoặc đạc kim loại;
- (2) [Khánh] một loại nhạc cụ dùng để đánh thời xưa, hình dạng giống như cái thước gập, có thể chế tác từ ngọc, đá hoặc kim loại;
- (3) [Đào] một loại trống nhỏ có cán (tựa như trống cơm);
- (4) Chữ viết được khắc trên các đồ dùng;
- (5) Giá để treo chuông hoặc khánh thời xưa. ‘筥’ [duẩn] là giá ngang, ‘簾’ [cự] cây chống dọc;
- (6) Rung, lắc;
- (7) Nơi ở ngoài cung điện, triều đình;
- (8) Nói lên cảnh tĩnh mịch, yên ả của triều đình.

**Viết ngữ:**

Vua Vũ thông qua năm loại thanh âm để trị vì thiên hạ. Ở cửa triều đình có treo chuông, trống, đạc và khánh, bên cạnh đó còn đặt cả trống cơm, mượn đó mà tiếp đón nhân sĩ trong thiên hạ. Ngoài ra, trên giá gỗ treo chuông khánh còn khắc chữ rằng: “Nếu đem đạo lý

đề chỉ dạy ta hãy đánh trống, nếu đem tín nghĩa đề chỉ dạy ta hãy gõ chuông, nếu chỉ dạy ta xử lý việc lớn của đất nước ra sao hãy rung đạc, nói cho ta hay nỗi gian nan của đất nước hãy gõ khánh, cho ta biết việc kiện tụng hãy đánh đàn.” Đây chính là năm thanh âm được nói đến. Bởi vậy mà vua Vũ đã từng trong một bữa ăn mà phải bảy lần đứng dậy để xử lý việc triều chính, mãi đến tận chính Ngọ mà ăn chưa hết bữa. Vua Vũ từng nói rằng: “Ta không lo lắng việc người tài đức dừng bước ở bên đường, ta chỉ e không kịp thời nghe được những kiến nghị quý báu và xử lý chúng, rồi để họ phải đợi chờ trước cửa triều đình của ta!” Do vậy, dẫu nhân sĩ trong thiên hạ ùn ùn kéo đến và cũng bởi thế mà triều đình của nhà Vũ vẫn yên ả tĩnh mịch.

(Cuốn 31. *Dục Tử*)

~ 54 ~

昔高祖<sup>①</sup>納善若不及，從諫若轉圜<sup>②</sup>。

(卷十九 漢書七)

Chú thích:

- (1) Cao tổ Lưu Bang của triều đại Tây Hán;
- (2) Đọc là ‘yuán’, đồng âm với ‘圓’ [viên].

**Việt ngữ:**

Năm xưa, Hán Cao Tổ đối với việc tiếp nhận lời khuyên chỉ e không kịp thời, việc lắng nghe khuyên cáo phải nhanh như thể tốc độ khi quay vật thể hình tròn vậy.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

~ 55 ~

通直言之塗，引而致之，非為名也，以為直言不聞，則己之耳目塞。耳目塞於內，諛者順之於外，此三季<sup>①</sup>所以至亡，而不自知也。

(卷四十九 傅子)

**Chú thích:**

(1) Thời kỳ cuối của ba triều đại Hạ – Thương – Chu.

**Việt ngữ:**

Mở rộng con đường cho những lời lẽ chính trực là để thu hút và nhận được lời khuyên cáo, chứ không phải để có được thanh danh, chỉ nghĩ rằng khi không nghe được lời lẽ chính trực, tai mắt của bản thân sẽ bị che khuất, khi tai mắt của bản thân bị che khuất, kẻ a dua rồi sẽ phạm việc gì cũng thuận theo ý họ. Đây chính là nguyên nhân diệt vong của các quân chủ thời kỳ cuối của ba triều đại Hạ – Thương – Chu, mà chính bản thân họ lại không biết được.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 56 ~

扁鵲不能治不受鍼藥<sup>①</sup>之疾，賢聖不能正不食<sup>（食疑受）</sup>善言<sup>（善言作諫諍）</sup>之君。故桀有<sup>②</sup>關龍逢而夏亡；紂有三仁<sup>③</sup>而商滅。故不患無夷吾<sup>④</sup>由余<sup>⑤</sup>之論<sup>（論作倫）</sup>，患無桓、穆之聽耳。

（卷四十二 鹽鐵論）

Chú thích:

- (1) Châm cứu, thuốc. ‘鍼’ đồng nghĩa với ‘針’ [châm] kim châm cứu;
- (2) Quan Long Phùng<sup>⑤</sup> (hay còn được gọi là Quan Long Bàn) là hạ thần của vua Kiệt. Khi Kiệt cho xây hồ chứa rượu để dùng triền miên suốt đêm dài, Long Phùng ra sức khuyên can thì liền bị giết;
- (3) Chỉ ba người Vy Tử, Cơ Tử và Tỷ Can;
- (4) Tức Quản Trọng;
- (5) Do Dư – người Thiên Thủy thời Xuân Thu. Nghĩ mưu lược cho Tần Mục Công và khiến cho nước Tần được liệt vào hàng thứ năm của thời Xuân Thu.

Việt ngữ:

Biên Thước không thể chữa trị được loại bệnh tật mà không thể tiếp nhận châm cứu và thuốc thang, bậc hiền tài và thánh nhân cũng không thể chấn chỉnh được quân vương không tiếp thu lời khuyên cáo. Bởi vậy, dẫu Hạ Kiệt có Quan Long Phùng nhưng nhà Hạ vẫn là diệt vong; Ân Trụ dẫu có ba bậc hiền tài là Vy Tử, Cơ Tử, Tỷ

*Can*<sup>5</sup> nhưng nhà Thương vẫn là diệt vong. Có thể thấy rằng, không cần lo lắng hạ thần không có kiến giải cao siêu như Quản Trọng hay *Do Du*<sup>6</sup>, chỉ e quân vương không thể được như Tề Hoàn Công và Tần Mục Công mà chịu nghe lời khuyên gián.

(Cuốn 42. *Diêm Thiết Luận*)

## 6. ĐỖ SÀM TÀ [NGĂN CHẶN VU KHÔNG VÀ HÀNH VI XẤU ÁC]

~ 57 ~

是故為人君者，所與遊<sup>①</sup>必擇正人，所觀覽必察正象，放鄭聲<sup>②</sup>而弗聽，遠佞人<sup>③</sup>而弗近，然後邪心不生，而正道可弘也。

(卷二十五 魏志上)

### Chú thích:

- (1) Giao du, kết giao;
- (2) Vốn chỉ loại âm nhạc của nước Trịnh thời Xuân Thu Chiến Quốc, âm nhạc của nước Trịnh thường là thứ

---

<sup>5</sup> Vua Kiệt giết Tỷ Can, giam cầm Cơ Tử và ép Vy Tử - anh trai của mình phải lưu đầy tới nước khác;

<sup>6</sup> Do Du là một vị quan lớn của nhà Tần vào thời Xuân Thu (659-621 TCN). Ông nổi tiếng với việc quy tập được tám bộ tộc ở phía Tây và giao cho chư hầu Tần Mục Công, rồi lập ra nhà Tần và được xếp vào một trong năm nước bá chủ vào thời Xuân Thu.

âm nhạc đậm dật phóng túng, về sau âm nhạc phóng  
đãng, không thanh cao thì được gọi là ‘Trịnh thanh’;

(3) Người khéo nói lời hoa mỹ, a dua bợ đỡ.

**Viết ngữ:**

Bởi vậy mới nói, làm bậc quân vương, người đề  
kết giao nhất định phải chọn người đứng đắn mẫu mực,  
thứ để ngắm nhìn nhất định phải chọn hình ảnh quang  
minh chính đại, bỏ ngoài tai không nghe thứ âm nhạc  
dung tục, tránh xa không đến gần những kẻ nịnh hót bợ  
đỡ, có như vậy mới khiến không nảy sinh tâm xấu ác,  
mà đạo nghĩa chân chính cũng có thể được đề xướng.

(Cuốn 25. *Ngụy Chí* – Thượng)

~ 58 ~

或問：『天子守在四夷<sup>①</sup>，有諸？』曰：『此外守也，天子之內守在身。』曰：何謂也？曰：『至尊者，其攻之者眾焉，故便辟<sup>②</sup>御侍<sup>③</sup>，攻人主而奪其財；近幸妻妾，攻人主而奪其寵；逸遊伎藝，攻人主而奪其志；左右小臣，攻人主而奪其行；不令之臣，攻人主而奪其事。是謂內寇。』

(卷四十六 申鑒)

**Chú thích:**

- (1) Tứ Di là cách gọi chung của bộ tộc *Hoa Hạ*<sup>7</sup> thời xưa đối với tộc người thiểu số ở bốn phương, gồm có Đông Di, Tây Giới, Nam Man và Bắc Địch;
- (2) Chỉ bậc thần nhỏ ở bên và được quân vương ân sủng;
- (3) Người hầu hạ đế vương.

**Viết ngữ:**

Có người hỏi:

- Việc phòng vệ của thiên tử là phòng ngự sự xâm phạm của các bộ tộc từ khắp nơi, có phải vậy không?

*Đáp rằng*<sup>8</sup>:

- Đó chỉ là phòng ngự đối với bên ngoài, còn phòng ngự từ bên trong của bậc thiên tử nằm ở chính bản thân.

Lại hỏi rằng:

- Lời này là thế nào?

Đáp lại rằng:

---

<sup>7</sup> Hoa Hạ là chỉ đất nước và nền văn minh Trung Quốc;

<sup>8</sup> Trong cuốn [*Thân Giám*], tác giả tự đưa ra câu hỏi và trả lời để nói lên tư duy chính trị của chính mình.

- Người ở vị trí không còn gì cao bằng, người ‘tân công’ họ sẽ có rất nhiều. Kẻ hầu hạ thì a dua bợ đỡ lấy lòng quân chủ để tranh đoạt lấy lợi ích vật chất; bề thiếp phi tần thì thân cận lấy lòng quân chủ để giành giật sự sủng ái; kẻ ca múa hát nhạc thì phóng túng lấy lòng quân chủ để khiến cho ham hố vui chơi; quan lại kẻ cận xung quanh thì lấy lòng quân chủ để khiến cho phẩm hạnh không còn mẫu mực; hạ thần có mưu đồ bất thiện lại lấy lòng quân chủ để khiến cho làm hỏng việc lớn. Những điều này có thể nói là giặc từ bên trong vậy.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

~ 59 ~

奸臣因以似象之言而為之容說<sup>①</sup>，人主不能別也，是而悅之，惑亂其心，舉動日繆<sup>②</sup>，而常自以為得道，此有國之常患也。夫佞邪之言，柔順而有文；忠正之言，簡直而多逆。

(卷五十 袁子正書)

**Chú thích:**

- (1) A dua hùa theo để lấy lòng bề trên. ‘說’, đồng nghĩa với ‘悅’ [duyệt] vui vẻ;
- (2) Đọc là ‘miù’, có nghĩa là sai lầm, tội lỗi.

**Viết ngữ:**

Những lời mà gian thần nói mới nghe qua tưởng là đạo lý chính nghĩa, chính là để lấy lòng quân vương, khi quân vương không có khả năng nhận biết và cho là



đúng mà trong tâm vui sướng, để rồi làm rối loạn tâm tư của chính mình, hành vi ngày càng xa rời đạo nghĩa mà vẫn luôn nghĩ rằng bản thân đang làm là hợp với đạo nghĩa, đây chính là bệnh chung của các quân chủ. Lời lẽ của những nịnh thần đó, êm ái dễ chịu nhưng lại không có giá trị tốt đẹp, còn lời của hạ thần trung nghĩa chính trực, mộc mạc thẳng thắn nhưng đa phần là khó nghe.

(Cuốn 50. *Viên Tử Chính Thư*)

~ 60 ~

諂媚小人，歡笑以贊善；面從<sup>①</sup>之徒，拊節<sup>②</sup>以稱功。益<sup>③</sup>使惑者不覺其非，自謂有端晏<sup>④</sup>之捷、過人之辨<sup>⑤</sup>而不寤<sup>⑥</sup>，斯乃招患之旌。

(卷五十 抱朴子)

Chú thích:

- (1) Trước mặt thì phục tùng;
- (2) Vỗ tay, thể hiện hết sức tán thưởng. ‘拊’ [phủ] vỗ, đánh, gõ; ‘節’ [tiết] là một loại khí cụ để điều chỉnh nhịp điệu trong âm nhạc cổ xưa, thường làm từ trúc, khi gõ vào phát ra âm thanh;
- (3) Thêm, hơn nữa;
- (4) Tử Cống và Yên Tử;
- (5) Đồng âm với ‘辯’ [biện] tài biện luận;
- (6) Đồng âm với ‘悟’ [ngộ] giác ngộ, ý thức được.

**Việt ngữ:**

Kẻ tiểu nhân nịnh hót luôn tươi cười mà khen ngợi là tốt, kẻ bợ đỡ trước mặt luôn vỗ tay ngợi khen công đức. Những người này càng khiến cho người mê mờ không thấy được sai lầm của mình, lại tự cho rằng có được sự nhạy bén như Tử Cống và Yên Tử, lại có cả tài biện luận hơn người mà chẳng thể tỉnh ngộ. Đây chính là những điển hình dẫn đến hậu họa vậy.

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

~ 61 ~

昔李斯教秦二世曰：『為人主而不恣睢<sup>①</sup>，命之曰天下桎梏<sup>②</sup>。』二世用之，秦國以覆，斯亦滅族。

(卷二十六 魏志下)

**Chú thích:**

- (1) Phóng túng bạo tàn;
- (2) Cái cùm tay chân của phạm nhân thời xưa. ‘桎’ [cốc] cùm tay, ‘梏’ [trát] cùm chân. Tương đương với khóa còng tay xích chân ngày nay.

**Việt ngữ:**

Trước đây, Lý Tư nói với Tần Nhị Thế: “Làm bậc quân vương nếu không thể thả lỏng bản thân, không ràng buộc gò bó thì đây được xem là để thiên hạ trở thành công cùm mà trói buộc bản thân.” Tần Nhị Thế đã

áp dụng lời của ông, và nước Tần vì thế mà bị diệt vong, toàn bộ gia tộc của Lý Tư cũng bị tiêu diệt.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 62 ~

用賢人而行善政，如或譖<sup>①</sup>之，則賢人退而善政還<sup>②</sup>。

(卷十五 漢書三)

Chú thích:

- (1) Nói xấu phỉ báng, vu khống hãm hại;
- (2) Dừng lại, thôi.

Việt ngữ:

Trọng dụng người tài năng, đức độ là để thực thi nền chính trị liêm chính. Nếu có kẻ nói lời gièm pha phỉ báng, vậy thì người tài sẽ rời đi, và nền chính trị tốt đẹp rồi sẽ bị phế bỏ.

(Cuốn 15. *Hán Thư* – Tập 3)

**7. THẨM ĐOẠN [NHẠY CẢM VÀ SẮC BÉN]**

~ 63 ~

天下之國，莫不皆有忠臣謀士也，或喪師敗軍，危身亡國者，誠在人主之聽，不精不審。

(卷四十八 時務論)

**Việt ngữ:**

Tất cả quốc gia trong thiên hạ đều là có trung thần và nhân sĩ mưu lược cho đất nước; trong đó có cả quốc gia từng bị hao binh tổn tướng, bại trận, đối diện với hiểm nguy của chính mình, thậm chí là đến độ mất nước. Thực ra đều do tính quyết đoán của quân vương sau khi nghe các kiến nghị, không được nghiêm mật và việc suy xét cũng không được kỹ càng.

(Cuốn 48. *Thời Vụ Luận*)

~ 64 ~

夫讒人似實，巧言如簧<sup>①</sup>，使聽之者惑，視之者昏。夫吉凶之效，在乎識善；成敗之機，在於察言。

(卷二十四 後漢書四)

**Chú thích:**

- (1) Diễn tả người nói lời hoa mỹ gây xúc động, tựa như lưỡi gà bên trong cái sênh (một loại nhạc cụ). ‘簧’ [hoàng] chính là tấm lá mỏng đặt trong cái sênh, vu, ống sáo khi rung phát ra âm thanh và được làm bằng trúc, kim loại hoặc bằng vật liệu khác.

**Việt ngữ:**

Kẻ lừa dối xảo trá khi gặp tướng như thành thật, những lời lẽ hoa mỹ tựa như lưỡi gà ở trong sênh, khiến người nghe được bị mê hoặc, khiến người nhìn thấy bị lầm cảm. Kết quả lành hay dữ là ở chỗ có khả năng

nhận biết đâu là thiện; mấu chốt của thành công hay thất bại là có thể suy xét ai mới là người nói lên sự thật.

(Cuốn 24. *Hậu Hán Thư* – Tập 4)

~ 65 ~

凡有血氣<sup>①</sup>，苟不相順，皆有爭心。隱而難分，微而害深者，莫甚於言矣。君人<sup>②</sup>者將和眾<sup>③</sup>定民，而殊其善惡，以通天下之志者也，聞言不可不審也。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

- (1) Huyết mạch và hơi thở;
- (2) Là bậc quân vương, trị vì nhân dân;
- (3) Khiến cho muôn dân thuận hòa.

Viết ngữ:

Phàm là vạn vật có khí huyết, nếu không cùng nhau hòa thuận, sẽ đều nảy sinh tâm lý cạnh tranh. Trong sinh hoạt của con người, vì sự giấu kín mà khó để phân biệt, từ tình tiết nhỏ mà dẫn đến tai họa lớn, nguyên nhân không có gì ngoài ngôn từ. Làm bậc quân vương thì phải điều hành dân chúng, an định muôn dân, phân biệt thiện ác để thông hiểu tâm ý của người trong thiên hạ, đối với những lời nghe được không thể không suy xét tường tận.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 66 ~

不用之法，聖主不行；不驗<sup>①</sup>之言，明主不聽也。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

(1) Không thiết thực, không có hiệu nghiệm.

Viết ngữ:

Luật pháp không phù hợp với thời đại, bậc quân vương sáng suốt sẽ không thực thi. Ngôn luận không thiết thực, bậc quân vương đức độ sẽ không tin nghe.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 67 ~

主察異言，乃覩其萌；主聘儒賢，奸雄乃遁<sup>①</sup>；主任舊齒<sup>②</sup>，萬事乃理；主聘巖穴，士乃得實。故傳說陟而殷道興，四皓至而漢祚長，得治之實也。

(卷四十 三略)

Chú thích:

(1) Lưu vong, trốn chạy;

(2) Người đức cao vọng trọng, lão thần, cự thần.

Viết ngữ:

Bậc quân vương có thể suy xét rõ lời bàn luận bất thường thì mới thấy được mầm mống tai họa của động loạn. Quân vương mà có thể tuyển chọn nho sĩ tài đức

song toàn, kẻ gian hùng tất sẽ trốn chạy; quân vương mà tín nhiệm lão thần đã được khảo nghiệm từ lâu, mọi sự mới trị vì được tốt; quân vương mà tìm kiếm các ẩn sĩ không màng danh lợi, đức hạnh chân thật của những nhân sĩ này mới được tuyên dương rộng rãi, để rồi tiến thêm mà phát huy tác dụng của việc giáo hóa.

(Cuốn 40. *Tam Lược*)

~ 68 ~

齊侯問於晏子曰：『為政何患？』對曰：『患善惡之不分。』公曰：『何以察之？』對曰：『審擇左右，左右善，則百僚<sup>①</sup>各獲其所宜，而善惡分矣。』孔子聞之曰：『此言信矣。善進則不善無由入矣，不善進則善亦無由入矣。』

(卷四十三 說苑)

**Chú thích:**

(1) Bá quan.

**Viết ngữ:**

Tề Hầu hỏi Yên Tử rằng:

- Điều đáng lo trong việc trị vì là gì?

Yên Tử đáp lại:

- Điều đáng lo là không phân biệt rõ người tốt, kẻ xấu.

Tề Hầu lại hỏi:

- Phải khảo nghiệm họ thế nào đây?

Yến Tử đáp rằng:

- Lựa chọn thân tín bên cạnh một cách thận trọng, nếu thân tín bên cạnh mà tốt, vậy thì bá quan văn võ sẽ đều có được vị trí phù hợp với bản thân, được như vậy người tốt, kẻ xấu cũng có thể phân biệt rõ rồi.

Sau khi nghe xong, Khổng Phu Tử dạy rằng:

- Lời này quả thật là vậy. Người đức tài mà được trọng dụng, kẻ bất thiện sẽ không thể tiến vào. Nếu kẻ bất thiện mà được trọng dụng, người đức tài cũng không thể tiến vào được.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 69 ~

眾人之唯唯，不若直士之愕愕<sup>①</sup>。

(卷八 韓詩外傳)

Chú thích:

(1) Lời lẽ thẳng thắn không kiêng nể.



**Việt ngữ:**

Dáng vẻ ngoan ngoãn phục tùng của số đông, chẳng bằng lời can ngăn thẳng thắn của một nhân sĩ chính trực.

(Cuốn 8. *Hàn Thi Ngoại Truyện*)

~ 70 ~

人主莫不欲得賢而用之，而所用者不免于不肖；莫不欲得奸而除之，而所除者不免於罰賢。若是者，賞罰之不當，任使之所由也。人主之所賞，非謂其不可賞也，必以為當矣；人主之所罪，非以為不可罰也，必以為信<sup>①</sup>矣。智不能見是非之理，明不能查侵潤<sup>②</sup>之言，所任者不必智，所用者不必忠，故有賞賢罰暴之名，而有戮能養奸之實，此天下之大患也。

(卷五十 袁子正書)

**Chú thích:**

- (1) Quả đúng như vậy, đích thực;
- (2) Thâm nhuần dần dần. Nghĩa mở rộng là tích lũy lâu ngày sẽ phát huy tác dụng.

**Việt ngữ:**

Bậc quân chủ không một ai mà không muốn có được người tài năng đức độ và trọng dụng họ, nhưng trong số người được trọng dụng vẫn không tránh khỏi có người không có đức hạnh; bậc quân vương không

một ai mà không muốn bắt lấy kẻ gian tà và diệt trừ chúng, nhưng trong số kẻ bị diệt trừ vẫn không tránh khỏi có người tài đức. Những tình huống thế này mà nảy sinh là do việc thưởng phạt không thích đáng, bổ nhiệm quan viên không thỏa đáng gây ra. Trong số người được quân vương ban thưởng, thực ra không phải biết rõ người này không xứng đáng được ban thưởng mà cứ đi ban thưởng họ, nhất định là do tự nghĩ rằng việc ban thưởng vô cùng thích đáng; trong những kẻ mà quân vương trừng phạt, không phải biết rõ người này không nên trừng phạt mà vẫn đi trừng phạt họ, nhất định cho rằng việc trừng phạt phải thích đáng mới có tác dụng. Vấn đề ở chỗ, trí tuệ của quân chủ không thể phân biệt được đúng sai hay ngay thẳng, mức độ sáng suốt của họ vẫn không thể nhận biết được lời nịnh bợ có thể ngấm dần dần, người được bổ nhiệm chưa hẳn đã thực sự có trí tuệ và người được trọng dụng chưa hẳn là trung thành. Bởi vậy, mặc dù trên danh nghĩa là ban thưởng người có đức tài và trừng phạt kẻ phản loạn, nhưng trên thực tế vẫn luôn là trừng phạt bậc hiền tài mà nuông chiều kẻ gian tà. Đây chính là đại họa của thiên hạ vậy!

(Cuốn 50. *Viên Tử Chính Thư*)

\*\*\*\*\*

**CHƯƠNG II**  
**THẦN THUẬT**  
**[NGHỆ THUẬT PHÒ TÁ CỦA CÁC**  
**ĐẠI THẦN]**

1. LẬP TIẾT [TẠO LẬP CHÍ KHÍ]

~ 71 ~

良將不怯死以苟免<sup>①</sup>，烈士<sup>②</sup>不毀節以求生。

(卷二十五 魏志上)

Chú thích:

- (1) Cầu thả qua loa để tránh bị tổn hại;
- (2) Người có khí tiết, có chí hướng.

Việt ngữ:

Bậc tướng tài sẽ không vì sợ hãi cái chết mà sống một cách qua loa cầu thả, người có chí khí sẽ không hủy hoại khí tiết để cầu lấy mạng sống.

(Cuốn 25. Ngụy Chí – Thượng)

~ 72 ~

子罕<sup>①</sup>曰：『我以‘不貪’為寶，爾以玉為寶。若以與我，皆喪寶也，不若人有其寶。』

(卷五 春秋左氏傳中)

Chú thích:

- (1) Lạc Hĩ, họ Tử, thuộc ngành họ Lạc, tự là Tử Hãn, là quan của nước Tống thời Xuân Thu, nhậm chức Tư

Thành vào thời Tống Bình Công, bởi vậy được gọi là Tư Thành Tử Hãn.

**Viết ngữ:**

Tử Hãn nói rằng: “Ta coi ‘bất tham’ là báu vật, ông xem ngọc quý là vật báu. Nếu ông đem ngọc quý mà tặng cho ta, vậy thì cả hai ta đều đã đánh mất báu vật, chi bằng mỗi người nên giữ lấy vật báu của chính mình.”

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 73 ~

故舊<sup>①</sup>長者<sup>②</sup>，或欲令為開產業，震曰：『使後世稱為清白吏子孫，以此遺之，不亦厚乎？』

(卷二十三 後漢書三)

**Chú thích:**

- (1) Môi kết giao xưa, bạn cũ;
- (2) Người cao tuổi hoặc địa vị cao.

**Viết ngữ:**

Trong số bạn cũ và bậc trưởng bối, có người khuyên Dương Chấn để lại một vài tài sản cá nhân cho con cháu. Dương Chấn lại nói rằng: “Để người đời sau gọi chúng là con cháu của bậc quan thanh liêm, đem

điều này mà để lại cho chúng, chẳng phải rất hậu hĩnh hay sao?”

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 74 ~

亮自表<sup>①</sup>後主曰：『成都有桑八百株，薄田<sup>②</sup>十五頃，子弟衣食自有餘饒。至於臣在外任，無別調度<sup>③</sup>，隨身衣食，悉仰於官。若死之日，不使內有餘帛、外有贏財<sup>④</sup>，以負陛下。』及卒，如其所言。

(卷二十七 蜀志)

**Chú thích:**

- (1) Tự dâng sớ tấu trình;
- (2) Mảnh ruộng cần cỗi, đôi khi dùng để nói về ruộng đất của mình một cách khiêm tốn;
- (3) Điều động, thu thuế;
- (4) Vật chất dư dả.

**Viết ngữ:**

Gia Cát Lượng từng dâng sớ lên Hậu Chủ thưa rằng: “Thần ở Thành Đô có tám trăm gốc dâu, mười lăm khoảnh ruộng, chi dùng cho con cháu trong nhà đều đã dư dả. Về việc thần nhậm chức ở xa, sẽ không điều động tài sản khác hoặc thu thuế để chi tiêu, miếng ăn cái mặc đều là nhờ vào triều đình cung cấp. Nếu một ngày thần có chết đi, sẽ không để trong nhà có dư thừa gấm vải và ở ngoài có dư thừa tài sản, để không phụ sự tín

nhiệm của bộ hạ.” Đến khi Gia Cát Lượng từ trần, quả đúng như những gì ông đã nói.

(Cuốn 27. *Thục Chí*)

~ 75 ~

州之北界有水，名曰：‘貪泉’。父老云：『飲此水者，使廉士變節。』隱之始踐境，先至水所，酌而飲之，因賦詩曰：『古人云此水，一飲<sup>①</sup>懷千金。試使夷齊<sup>②</sup>飲，終當不易心！』

(卷三十 晉書下)

**Chú thích:**

- (1) Uống;
- (2) Là cách gọi chung của Bá Di và Thúc Tề, hai người đã từng cung kính nhường ngôi vua cho nhau. Khi Vũ Vương diệt Trụ, Bá Di cùng Thúc Tề đã từng rập đầu trước ngựa mà can ngăn, vì cho rằng thế này là lấy bạo tàn để thay thế bạo tàn, không thể làm được. Sau này khi thiên hạ về tay nhà Chu, hai người vì giữ liêm sỉ và tín nghĩa mà không dùng lúa gạo nhà Chu, chỉ hái rau vi trên núi Thú Dương ăn qua bữa cho đến khi chết.

**Viết ngữ:**

Ở phía bắc của Quảng Châu có một con suối, gọi là ‘Tham Tuyền’ (suối tham). Người già nơi đó truyền rằng: “Khi uống nước ở con suối này, quan thanh liêm

cũng sẽ thay đổi khí tiết mà trở thành tham ô.” Ngô Ân khi vừa đến vùng đất của Quảng Châu, liền đến Tham Tuyên và vốc nước lên uống, rồi ông viết lên một bài thơ với đại ý rằng: “Người xưa nói nước suối nơi này, chỉ uống vào một ngụm, sẽ biến thành kẻ tham. Giả như để bậc nhân sĩ liêm khiết như Bá Di, Thúc Tề uống vào, họ tuyệt đối sẽ không thay đổi bản lĩnh từ thưở ban đầu của mình.”

(Cuốn 30. *Tán Thư* – Hạ)

## 2. TẬN TRUNG

~ 76 ~

忠臣不私，私臣不忠，履正奉公，臣子之節。

(卷二十四 後漢書四)

### Viết ngữ:

Trung thần thì không tư lợi, hạ thần mà có tâm ý tư lợi sẽ bất trung. Thực thi đạo lý chính nghĩa, vì việc công mà phụng sự chính là khí tiết của hạ thần.

(Cuốn 24. *Hậu Hán Thư* – Tập 4)

~ 77 ~

君語及之，則危言<sup>①</sup>；語不及，則危行<sup>②</sup>。國有道，則順命；無道，則衡命<sup>③</sup>。

(卷十二 史記下)



**Chú thích:**

- (1) Lời nói cẩn trọng;
- (2) Hành động cẩn thận, thận trọng;
- (3) Làm trái với mệnh lệnh.

**Việt ngữ:**

Nếu quân vương mà hỏi đến ta, phải cẩn trọng mà phát biểu quan điểm của mình; nếu quân vương không hỏi đến, phải thận trọng mà làm việc và tu dưỡng đức hạnh của bản thân. Khi mệnh lệnh của quân vương mà hợp với đạo nghĩa, phải vâng mệnh mà làm; khi mệnh lệnh của quân vương không hợp đạo nghĩa, sẽ không thừa lệnh đó và sống cuộc sống ẩn cư.

(Cuốn 12. *Sử Kí* – Hạ)

~ 78 ~

夫殺生賞罰，治亂所由興也。人主所謂宜生，或不可生，則人臣當陳所以宜殺；人主所謂宜賞，或不應賞，則人臣當陳所以宜罰。然後治道（治道上下必有脫文）耳。

（卷二十九 晉書上）

**Việt ngữ:**

Xử lý việc sống - chết - thưởng - phạt liệu có chính xác hay không đều có mối quan hệ mật thiết đến sự an định hay động loạn của đất nước. Khi quân vương nói người nào đó được sống, giả như không nên cho

sống, vậy thì bậc hạ thần phải nên nói ra nguyên nhân vì sao nên giết; khi quân vương cho rằng nên ban thưởng cho người nào đó, giả như không nên ban thưởng mà nên trừng phạt, vậy thì bậc hạ thần phải nên nói ra đạo lý vì sao nên trừng phạt. Sau đó mới có thể bàn đến một đất nước thái bình, an định.

(Cuốn 29. *Tán Thư* – Thượng)

~ 79 ~

忠臣之事君也，言切直則不用，其身危；不切直則不可以明道。故切直<sup>①</sup>之言，明主所欲急聞，忠臣之所以蒙<sup>②</sup>死而竭智也。

(卷十七 漢書五)

**Chú thích:**

- (1) Khẩn thiết và thẳng thắn;
- (2) Chịu, bị. Nghĩa mở rộng là chịu lấy, gánh lấy.

**Việt ngữ:**

Bậc trung thần khi phụng sự quân chủ, lời lẽ khẩn thiết thẳng thắn nhưng không được tín nhiệm, lại còn có thể bị nguy hại đến tính mạng của bản thân; nhưng nếu lời lẽ không khẩn thiết thẳng thắn, lại không thể biểu đạt được đạo lý. Bởi vậy, lời nói chân thành, thẳng thắn chính là điều mà bậc quân vương sáng suốt hết sức mong muốn được nghe, và cũng là điều mà bậc trung

thần sở dĩ bất chấp tội chết để tận trung và đem hết trí tuệ để bày tỏ.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

### 3. KHUYẾN GIÁN [KHUYÊN CAN]

~ 80 ~

臣，治煩去惑者也。是以伏死<sup>①</sup>而爭<sup>②</sup>。

(卷五 春秋左氏傳中)

#### Chú thích:

- (1) Cam lòng từ bỏ mạng sống;
- (2) Đồng nghĩa với ‘諍’ [tranh] thẳng thắn can ngăn.

#### Viết ngữ:

Hạ thần, chính là người vì quân vương mà dẹp yên sự hỗn loạn và giải trừ nghi hoặc. Bởi vậy, phải mạo hiểm liều chết để mà can ngăn và khuyên giải.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 81 ~

夫不能諫則君危，固諫則身殆。賢人君子，不忍觀上之危，而不愛<sup>①</sup>身之殆。

(卷四十七 政要論)

Chú thích:

(1) Tiếc nuôi, không đành lòng.

Việt ngữ:

Hạ thần không thể cản ngăn, quân vương tất sẽ có nguy hiểm; nếu vẫn tiếp tục khuyên can, bản thân hạ thần rồi sẽ gặp hiểm nguy. Là bậc quân tử có đức tài thật sự, sẽ không đành lòng nhìn quân chủ của mình rơi vào vòng hiểm nguy, do vậy mà chẳng màng đến sự nguy hiểm của chính mình.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

~ 82 ~

故曰：『危而不持，顛而不扶，則將焉用彼相？扶之之道，莫過於諫矣。故子從命者，不得為孝；臣苟順著，不得為忠。是以國之將興，貴在諫臣；家之將盛，貴在諫子。』

(卷四十七 政要論)

Việt ngữ:

Bởi vậy (Khổng Tử) mới nói: “Khi quân vương gặp phải hiểm nguy mà không đi bảo vệ, khi quân vương sắp sửa bị đổ nhào mà không đến đỡ dậy, vậy thì quân vương còn cần đến hạ thần thế này để làm gì chứ? Mà phương pháp phò tá không có gì tốt hơn việc khuyên can. Bởi thế mà người làm con nếu chỉ một mực nghe theo lời cha, cũng chưa hẳn là thật sự hiếu thảo; làm hạ thần mà chỉ một mực phục tùng theo ý của quân chủ, cũng chưa hẳn là thật sự trung thành. Do vậy, đất

nước mà hưng thịnh chính là nhờ vào đại thần có thể thẳng thắn khuyên can; gia đình mà hưng vượng chính là nhờ vào người con có thể khuyên can cha mẹ vậy.”

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

~ 83 ~

若託物以風喻，微生<sup>(生疑言)</sup>而不切，不切則不改。唯正諫直諫可以補缺也。

(卷四十七 政要論)

### **Viết ngữ:**

Nếu mượn có một vài sự việc để thực hiện khuyên can một cách khéo léo, lời lẽ tế nhị không lộ liễu mà không thể đánh trúng điểm trọng yếu. Khi không thể đánh trúng điểm trọng yếu, sẽ rất khó để sửa chữa sai lầm. Chỉ có không sợ ý mạnh hiếp yếu mà thẳng thắn can ngăn mới có thể cứu vãn được lỗi lầm của quân vương.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

### **4. CỬ HIỀN [TIỀN CỬ NGƯỜI CÓ ĐỨC TÀI]**

~ 84 ~

國之所以不治者三：不知用賢，此其一也；雖知用賢，求不能得，此其二也；雖得賢不能盡，此其三也。

(卷三十六 尸子)

**Viết ngữ:**

Đất nước không thể trị vì là do nguyên nhân ở ba phương diện: Không biết tiến cử và trọng dụng người tài năng đức độ, đây là nguyên nhân thứ nhất; dẫu biết trọng dụng người tài nhưng lại không mời được người tài, đây là nguyên nhân thứ hai; dẫu có được người tài nhưng họ lại không thể phát huy hết tài năng của mình, đây là nguyên nhân thứ ba.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 85 ~

子墨子曰：『今者王公大人為政於國家者，皆欲國家之富、人民之眾、刑政之治。然而不得，是其故何也？是在王公大人為政於國家者，不能以尚賢事能為政也。是故國有賢良之士眾，則國家之治厚。故大人之務<sup>①</sup>，將在於眾賢而已。』

(卷三十四 墨子)

**Chú thích:**

(1) Việc cấp bách.

**Viết ngữ:**

Mặc Tử nói rằng: “Vương công đại thần nắm quyền trong triều đình hiện nay đều mong muốn đất nước được giàu mạnh, quần cư đông đúc, luật pháp và sự nghiệp giáo hóa đều được sắp xếp ổn thỏa. Nhưng lại

không được như vậy, đây là nguyên nhân nào vậy? Sau khi tìm hiểu, nguyên nhân chính là do vương công đại thần nắm quyền của triều đình không thể đem việc trân trọng người tài, trọng dụng người tài năng đức độ làm phương châm chấp chính. Đất nước càng có nhiều nhân sĩ tài đức, thì nền chính trị và giáo dục của đất nước càng được vững vàng. Bởi vậy, nhiệm vụ cấp bách của các đại thần chính là khiến cho ngày càng có nhiều người tài mà thôi.”

(Cuốn 34. *Mặc Tử*)

~ 86 ~

古者取士，諸侯歲貢<sup>①</sup>。孝武之世，郡舉孝廉，又有賢良文學之選。於是名臣輩出，文武並興。漢之得人，數路<sup>②</sup>而已。

(卷二十三 後漢書三)

**Chú thích:**

- (1) Chế độ mà quân chủ các nước chư hầu định kỳ tiến cử nhân tài lên triều đình;
- (2) Đường lối, cách thức.

**Viết ngữ:**

Thời xưa, khi tuyển chọn nhân sĩ, yêu cầu các chư hầu phải định kỳ tiến cử nhân tài lên triều đình. Thời

Hán Vũ Đế (*Hiếu Vũ Đế*<sup>9</sup>), ngoài chế độ các quận huyện đề cử con hiếu thảo quan thanh liêm, còn có chế độ tuyển chọn các nhân sĩ học giả đức độ. Bởi vậy mà người tài không ngừng xuất hiện, chính trị và quân sự đều phát triển mạnh mẽ. Vương triều Hán có được người tài, chủ yếu là thông qua những cách thức như vậy.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 87 ~

古之官人，君責之於上，臣舉之於下。得其人有賞，失其人有罰。安得不求賢乎？

(卷三十 晉書下)

### Viết ngữ:

Thời xưa khi tuyển chọn quan viên, bậc quân vương ở trên thường đưa ra yêu cầu (tuyển chọn), còn hạ thần bên dưới sẽ tiến cử nhân tài. Nếu người được tiến cử phù hợp, sẽ ban thưởng cho người tiến cử; nếu người được tiến cử không thỏa đáng, sẽ phạt người tiến cử. Như vậy lẽ nào các hạ thần không đi tìm kiếm nhân tài được sao?

(Cuốn 30. *Tán Thư* – Hạ)

---

<sup>9</sup> Hiếu Vũ là danh hiệu có được sau khi băng hà của hoàng đế đời thứ 7 thuộc triều đại Hán, ông trị vì vào thời kỳ 141-87 TCN.



~ 88 ~

官者無關梁，邪門啓矣；朝廷不責賢，正路塞矣。所謂責賢，使之相舉也；所謂關梁，使之相保也。賢不舉則有咎，保不信亦有罰。有罰則有司莫不悚也，以求其才焉。

(卷三十 晉書下)

**Viết ngữ:**

Việc tuyển chọn quan viên nếu không kiểm soát nghiêm ngặt, cánh cửa bất chính sẽ mở ra; nếu triều đình không tìm kiếm nhân tài, con đường chính nghĩa để các bậc hiền sĩ vào triều làm quan sẽ bị đóng lại. Tìm kiếm người tài chính là để các quan viên luân phiên tiến cử; còn kiểm soát nghiêm ngặt chính là để người tiến cử và người được tiến cử cùng chịu trách nhiệm. Nếu người tài không được tiến cử, quan viên sẽ có tội; nếu việc đề cử không thành thật, quan viên cũng phải chịu tội. Khi có chế độ xử phạt sẽ khiến cho quan viên đảm nhiệm việc này có tâm e sợ, rồi từ đó mới có thể ra sức tìm kiếm nhân tài.

(Cuốn 30. *Tán Thư* – Hạ)

\*\*\*

**CHƯƠNG III**  
**QUÝ ĐỨC**  
**[TRÂN TRỌNG ĐỨC HẠNH]**

1. THƯỢNG ĐẠO [CHUỘNG ĐẠO]

~ 89 ~

《象》曰：觀乎天文，以察時變；觀乎人文，以化成天下。

(卷一 周易)

**Viết ngữ:**

Trong [Thoán Truyện] có nói: “Quan sát khí tượng có thể biết được quy luật biến đổi của bốn mùa, quan sát hiện tượng nhân văn của xã hội có thể thúc đẩy giáo hóa để mà thực thi một thiên hạ thái bình và an định”.

(Cuốn 1. Kinh Dịch)

~ 90 ~

天地以順動<sup>①</sup>，故日月不過，而四時不忒。聖人以順動，則刑罰清而民服。豫之時義大矣哉！

(卷一 周易)

**Chú thích:**

(1) Vận động theo quy luật tự nhiên của sự vật. Theo Quẻ Dự (Lôi Địa Dự): Khôn Hạ, Chấn Thượng. Khôn là thuận, Sấm là động.

**Viết ngữ:**

Trời đất thuận theo quy luật của tự nhiên mà vận động, bởi vậy sự vận hành của nhật nguyệt sẽ không sai lệch, việc luân chuyển của bốn mùa cũng không sai

khác. Bậc thánh nhân nếu có thể vận dụng thuận theo thiên tính của con người, lại có thể thưởng phạt phân minh và đơn giản hóa, muôn dân sẽ phục tùng. Nghĩa lý ‘thuận theo đạo trời mà vận động’ hàm chứa trong Quẻ Dự mới sâu xa nhường nào!

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 91 ~

坤，至柔而動也剛，至靜而德方，含萬物而化光  
①。坤道其順乎，承天而時行。

(卷一 周易)

**Chú thích:**

(1) Có nghĩa là giáo hóa đạo đức sâu rộng.

**Viết ngữ:**

Hào thứ sáu trong Quẻ Khôn (Thuần Khôn) đều là âm, nhu thuận đến tột cùng, nhưng một khi có vận động lại thể hiện ra đặc tính mạnh mẽ, cứng cỏi; mang hình thái tĩnh lặng, nhưng lại có đức tính ngay thẳng, nuôi dưỡng vạn vật mà phạm vi giáo hóa thì rộng lớn. Đạo của đất là mềm dẻo như vậy, luôn vận hành theo đạo trời, thuận theo các mùa và luân chuyển không ngừng.

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 92 ~

夫大人者，與天地合<sup>①</sup>其德，與日月合其明，與四時合其序，與鬼神合其吉凶。先天而天弗違，後天而奉天時。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Phù hợp, tương đồng.

Viết ngữ:

Những người anh minh sáng suốt, đạo đức của họ tựa như đất trời mà chở che vạn vật, sự sáng suốt của họ tựa như nhật nguyệt mà chiếu khắp vạn vật, họ thực thi việc nước tựa như bốn mùa và ổn thỏa trật tự, điều lành dữ hay họa phúc mà họ thị hiện cho người, tựa như thần linh và diệu kỳ khôn cùng. Khi họ ở trước thiên thời, ông trời sẽ không ngăn cản họ; khi họ ở sau thiên thời, lại cũng có thể thuận theo quy luật vận hành của đạo trời.

(Cuốn 1. Kinh Dịch)

~ 93 ~

子曰：『天之所助者順也，人之所助者信也。履信思乎順，是以自天佑之，吉無不利。』

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Người được thượng thiên trợ giúp là người có thể thuận theo đạo lý chính nghĩa, người được người đời nâng đỡ là người trung thực thành tín. Người mà làm việc theo nguyên tắc của sự thành tín, lại từng giờ, từng phút không quên thuận theo đạo lý của trời đất, tất sẽ được thượng thiên chở che, luôn tốt lành mà không có điều bất lợi.”

(Cuốn 1. Kinh Dịch)

~ 94 ~

夫道以人之難為易也。是故曾子曰：『父母愛之，喜而不忘；父母惡之，懼而無咎<sup>①</sup>。』然則愛與惡，其於成孝無擇<sup>②</sup>也。史鱣<sup>③</sup>曰：『君親而近之，至敬以遜<sup>④</sup>；貌<sup>⑤</sup>而疏之，敬無怨。』然則親與疏，其於成忠無擇也。孔子曰：『自娛於纒括<sup>⑥</sup>之中，直己而不直人，以善廢而不邑邑<sup>⑦</sup>，蘧伯玉<sup>⑧</sup>之行也。』然則興與廢，其於成善無擇也。屈侯附<sup>⑨</sup>曰：『賢者易知也，觀其富之所分，達之所進，窮之所不取。』然則窮與達，其於成賢無擇也。是故愛惡親疏，廢興窮達，皆可以成義。

(卷三十六 尸子)

**Chú thích:**

- (1) Trách cứ, trách móc;
- (2) Không phải lựa chọn, không có khác biệt;

- (3) Sử Thu, tự là Tử Ngư, là đại phu của nước Vệ thời Xuân Thu. Một đời tiến cử người tài, gạt bỏ gian thần cho đất nước. Sau khi chết, ông đã lấy thi thể của mình để khuyên vua, và sự chí thành của ông đã làm cảm động đến Vệ Linh Công;
- (4) Khiêm tốn, cung kính mà phục tùng;
- (5) Đồng nghĩa với ‘藐’ [miêu] coi thường;
- (6) Ý nói sự uốn nắn và chỉnh sửa nói chung. Vốn là dụng cụ để uốn trúc hoặc gỗ bị cong vênh. Nắn cong được gọi là ‘隰’ [ôn], nắn cho vuông là ‘括’ [quát];
- (7) Dáng vẻ u uất không vui;
- (8) Cừ Bá Ngọc, người nước Vệ thời Xuân Thu, là người cầu tiến không mệt mỏi và cũng là một đại phu đức độ giỏi về sửa chữa khuyết điểm;
- (9) Khuất Hầu Phụ, người thời Chiến Quốc, thân thế và cuộc đời của ông hiện vẫn chưa được rõ.

### **Viết ngữ:**

Nếu thuận theo đạo nghĩa mà làm việc, tất có thể khiến cho những việc mà người khác cảm thấy khó khăn sẽ trở nên dễ dàng. Tăng Tử nói rằng: “Khi cha mẹ yêu thương ta, trong lòng có vui nhưng đừng quên ân đức của cha mẹ. Khi cha mẹ ghét bỏ ta, phải cẩn trọng lo lắng không để cha mẹ tức giận.” Vốn đã như thế, vậy thì dầu cha mẹ yêu quý hay ghét bỏ, đối với việc thành tựu đạo hiếu của ta mà nói, không có gì khác biệt.

*Sử Thu*<sup>10</sup> từng nói: “Quân vương gần gũi với ta, thì phải kính lễ mà cung kính phục tùng. Nếu quân vương xa rời ta, cũng phải cung kính mà không oán hận.” Vốn đã như thế, vậy thì dầu quân vương gần gũi hay xa rời, đối với việc thành tựu tấm lòng trung thành của ta mà nói, cũng không có gì khác biệt.

Khổng Tử cũng từng nói: “Trong khi chính ta tự uốn nắn sửa sai sẽ cảm thấy vui sướng, yêu cầu nghiêm khắc với bản thân mà không hà khắc với người. Khi có đức tài mà bị phé truất không được tin dùng, cũng không được uất ức u sầu, đây chính là đức hạnh của hiền nhân *Cừ Bá Ngọc*<sup>11</sup> vậy.” Vốn đã như thế, vậy thì

---

<sup>10</sup> *Sử Thu* là đại thần của nước Vệ. Ông một đời bền bỉ tiến cử nhân tài cho đất nước và khuyên cáo Vệ Linh Công tránh xa những kẻ bòn mót, tham ô. Trước khi chết, ông dặn dò người thân đặt thi thể của mình ở phía Bắc của ngôi nhà mình và công bố rộng rãi rằng ông đã không thể thuyết phục Vệ Linh Công lựa chọn *Cừ Bá Ngọc* làm tể tướng, bởi vậy ông cảm thấy xấu hổ và không muốn để thi thể ở giữa gian nhà theo như phong tục thời đó. Lòng trung thành này của ông đã không trở nên vô nghĩa, Vệ Linh Công đã chấp thuận lời khuyên cuối cùng của ông và phé truất *Di Tử Hà* – cận thần của mình và lựa chọn *Cừ Bá Ngọc* cho chức quan tể tướng;

<sup>11</sup> *Cừ Bá Ngọc* phò tá Vệ Linh Công, trước đó ông đã từng phò tá cho *Hiển Công* và *Tương Công*, tức ông nội và cha của Vệ Linh Công. Đề xuất của *Bá Ngọc* đối với triều đình là lấy tấm gương đạo đức để giáo hóa nhân dân, cũng như việc hạn chế gây cản trở tối thiểu nhất có thể đối với cuộc sống của người dân, chính là nhân tố quan trọng khiến cho nước Vệ nhỏ bé có thể giữ thế trung lập và tồn tại được giữa các nước hùng mạnh. Khi *Khổng Tử* đến nước Vệ và ngạc nhiên trước nền hòa bình và ổn định của nước này, ông cho rằng điều này chính là nhờ vào đức hạnh và tài năng của các quan viên như *Bá Ngọc*;



dẫu được trọng dụng hay bị ruồng bỏ, đối với việc tu đức hành thiện của ta mà nói, không có gì khác biệt.

*Khuất Hầu Phụ*<sup>12</sup> cũng nói: “Rất dễ để phân biệt liệu có đức độ hay không? Chỉ cần quan sát họ phân chia của cải ra sao khi giàu có, tiến cử người thế nào khi phát đạt, cự tuyệt những cám dỗ từ bên ngoài thế nào khi khốn khó.” Vốn đã như thế, vậy thì dẫu khốn khó hay phát đạt, đối với việc thành tựu đức hạnh của ta mà nói, cũng không có gì khác biệt.

Bởi vậy, dẫu cho người khác yêu mến, ghét bỏ hoặc gần gũi, xa rời hay là sa sút, hưng vượng hoặc khốn khó, phát đạt trong cuộc đời, đều có thể thành tựu đạo nghĩa của chính ta vậy.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 95 ~

君子不與人之謀<sup>①</sup>則已矣，若與人謀之，則非道無由也。故君子之謀，能必用道，而不能必見受<sup>②</sup>也；能必忠，而不能必入<sup>③</sup>也；能必信，而不能必見信也。君子非仁<sup>④</sup>者，不出之於辭，而施之於行。故非非者行是，而惡惡者行善，而道諭矣。

(卷三十一 鬻子)

---

<sup>12</sup> Khuất Hầu Phụ là tể tướng ở nước chư hầu của Ngụy Văn Hầu vào khoảng thế kỷ thứ 5 TCN. Thông tin về cuộc đời của ông không có nhiều.

Chú thích:

- (1) Bản lưu hành rộng rãi của [*Dục Tử*] ghi là ‘之謀’ [muru chi];
- (2) Được tiếp nhận, được chấp nhận;
- (3) Tiếp nhận, chấp nhận;
- (4) Bản lưu hành rộng rãi của [*Dục Tử*] ghi là ‘人’ [nhân].

Viết ngữ:

Bậc quân tử thường sẽ không vì người mà mưu lược kế sách, nếu có nghĩ mưu lược cho người thì nhất định tuân theo đạo nghĩa. Bởi vậy, kế sách của người quân tử chắc chắn có thể tuân theo đạo nghĩa, nhưng chưa chắc được người chấp nhận; chắc chắn có thể hết lòng trung thành và chí công vô tư, nhưng chưa chắc được người tiếp nhận; chắc chắn có thể thành thực và không gian dối, nhưng chưa chắc được người tin tưởng. Khi bậc quân tử chỉ bảo người khác, sẽ không biểu hiện ở ngôn từ, mà thể hiện qua hành động. Do vậy, nếu muốn chỉ ra sai sót của sự việc thì phải chính mình đi làm cho đúng, nếu chán ghét hành động xấu ác thì phải tự nỗ lực hành thiện để cứu vãn và cảm hóa. Có như vậy, đạo lý tự sẽ được hiển bày thôi.

(Cuốn 31. *Thi Tử*)

~ 96 ~

《象》曰：地中生木，升。君子以慎<sup>①</sup>德，積小以成高大。

(卷一 周易)

**Chú thích:**

(1) Tuân theo, căn cứ vào.

**Viết ngữ:**

Trong [Tượng Truyện] có nói: Thân cây được sinh ra từ đất, chính là tượng trưng cho sự trưởng thành và tiến bước. Người quân tử vì thế mà tuân thủ đạo đức, tích góp từ những việc thiện nhỏ để thành tựu nên đức hạnh cao thượng.

(Cuốn 1. Kinh Dịch)

~ 97 ~

帝者貴其德也，王者尚其義也，霸者迫<sup>(迫作通)</sup>於理也。道狹然後任智，德薄然後任刑，明淺然後任察。

(卷三十五 文子)

**Viết ngữ:**

Tôn xưng quân chủ là hoàng đế là bởi coi trọng đức hạnh của họ, tôn xưng quân chủ là vua bởi quý

trọng điều chính nghĩa ở họ, tôn xưng quân chủ là minh chủ bởi họ thông hiểu sự - lý. Khi đạo đức cố chấp và hẹp hòi mới phải dựa vào mưu kế, nếu ân đức không đủ sâu dày mới phải dựa vào hình phạt, sáng suốt không đủ mới phải dựa vào sự hà khắc. (Nếu dựa vào mưu kế, hình phạt và sự hà khắc tất sẽ nảy sinh các tiêu cực không giống nhau.)

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 98 ~

天有時、地有財，能與人共之者，仁也。仁之所在，天下歸之。免人之死、解人之難、救人之患、濟人之急者，德也。德之所在，天下歸之。與人同憂同樂、同好同惡者，義也。義之所在，天下歸之。凡人惡死而樂生，好得而歸利。能生利者，道也。道之所在，天下歸之。

(卷三十一 六韜)

**Việt ngữ:**

Trời có bốn mùa, đất lại giàu có vật chất, nếu có thể chia sẻ cùng nhân dân, đó chính là nhân ái. Người thực hành tình nhân ái, người trong thiên hạ tất sẽ trở về và quy thuận họ. Khiến nhân dân thoát cảnh chết chóc, tháo gỡ sự khốn khó của nhân dân, cứu giúp tai họa của nhân dân, cung cấp cho những nhu cầu cấp bách của nhân dân, những điều này đều là ân đức. Người ban ân đức rộng khắp, người trong thiên hạ sẽ trở về và quy

thuận họ. Có thể đồng cam cộng khổ, chia sẻ sự yêu cái ghét với nhân dân, đó chính là nghĩa. Người thực hành đạo nghĩa, người trong thiên hạ sẽ trở về và quy thuận họ. Ai cũng đều sợ chết và vui mừng vì được sinh tồn, ưa thích đạt được điều tốt đẹp và lợi ích. Nếu có thể khiến người trong thiên hạ đều đạt được lợi ích, đó chính là đạo. Người có đạo, người trong thiên hạ tất sẽ trở về và quy thuận họ.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 99 ~

文王問太公曰：『先聖之道可得聞乎？』太公曰：『義勝欲則昌，欲勝義則亡，敬勝怠則吉，怠勝敬則滅。故義勝怠<sup>①</sup>者王，怠勝敬者亡。』

(卷三十一 六韜)

### Chú thích:

(1) Theo nghĩa trong các tác phẩm thời xưa, ‘怠’ [đãi] ở đây tựa như ‘欲’ [dục]. Nội dung biên dịch được dịch theo từ [dục] tham vọng, dục vọng.

### Viết ngữ:

Ngài Văn Vương thỉnh giáo với Thái Công rằng:

- Người có thể nói cho trăm nghe đạo lý của bậc thánh nhân thời xưa không?

Thái Công đáp rằng:

- Khi đạo lý thắng được dục vọng cá nhân, đất nước tất sẽ thịnh vượng; khi dục vọng cá nhân lớn hơn đạo nghĩa, đất nước tất sẽ suy vong; lòng kính cẩn mà thắng được sự khinh suất, vạn sự sẽ tốt lành; sự khinh suất mà lớn hơn lòng kính cẩn, sự nghiệp tất sẽ bị hủy hoại. Bởi vậy, người mà đạo nghĩa thắng được dục vọng cá nhân tất có thể trị vì đất nước, người mà sự khinh suất lớn hơn lòng kính cẩn tất sẽ bị diệt vong.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 100 ~

道德仁義定，而天下正。

(卷四十三 說苑)

### Việt ngữ:

Sau khi đạo đức nhân nghĩa được thực thi, thiên hạ tự sẽ trở về với đạo lý chính nghĩa.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 101 ~

有道以理<sup>①</sup>之，法雖少足以治矣；無道以臨<sup>②</sup>之，命<sup>③</sup>雖眾足以亂矣。

(卷三十五 文子)

**Chú thích:**

- (1) Trị vì;
- (2) Quan sát, giám sát. Nghĩa mở rộng là thống trị, trị vì;
- (3) Mệnh lệnh của triều đình.

**Viết ngữ:**

Nếu tuân theo đạo lý mà trị vì thiên hạ, luật lệ tuy ít nhưng đủ để khiến thiên hạ thái bình an định. Nếu không tuân theo đạo nghĩa mà thống trị thiên hạ, mệnh lệnh tuy nhiều nhưng chỉ khiến thiên hạ hỗn loạn mà thôi.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 102 ~

天反時為災，寒暑易節。地反物為妖，群物失性。民反德為亂，亂則妖災生。

(卷五 春秋左氏傳中)

**Viết ngữ:**

Khi đạo trời không vận hành theo bốn mùa tất sẽ nảy sinh thiên tai, khi đạo của đất đi ngược với lẽ thường của vạn vật tất sẽ nảy sinh hiện tượng dị thường, nhân dân mà làm trái với nhân nghĩa tất sẽ nảy sinh hỗn loạn, khi có hỗn loạn tất sẽ xảy ra thiên tai và hiện tượng bất thường.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* - Trung)

**2. HIẾU ĐỄ [HIẾU THẢO VÀ CUNG KÍNH]**

~ 103 ~

夫孝敬仁義，百行之首，而立身之本也。孝敬則宗族安之，仁義則鄉黨<sup>①</sup>重之。此行成於內，名著於外者矣。

(卷二十六 魏志下)

**Chú thích:**

(1) Người cùng quê, đồng hương.

**Viết ngữ:**

Hiếu kính, nhân nghĩa là quan trọng nhất trong tất cả phẩm chất và cũng là nền tảng để đời nhân xử thế. Khi có thể hiếu kính, trong gia tộc tất sẽ yên ổn; nếu có nhân nghĩa tất sẽ được dân làng kính trọng. Điều này chính là bởi đức hạnh đầu tu dưỡng ở bản thân, nhưng thanh danh lại được lan tỏa rộng rãi ở bên ngoài.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 104 ~

夫人為子之道，莫大於寶身<sup>①</sup>全行<sup>②</sup>，以顯父母。

(卷二十六 魏志下)

**Chú thích:**



- (1) Trân quý thân thể, bản thân;
- (2) Phàm hạnh toàn mỹ mà không có khiếm khuyết.

**Viết ngữ:**

Đạo làm con, không có điều gì quan trọng hơn việc trân quý thân thể của chính mình, giữ gìn phẩm chất tốt đẹp, để từ đó khiến cha mẹ vì có người con tài năng đức độ mà được vinh hiển.

(Cuốn 26. *Ngũ Chí – Hạ*)

~ 105 ~

曾子曰：『孝子之養老，樂其耳目，安其寢處，以其飲食忠養<sup>①</sup>之。父母之所愛亦愛之，父母之所敬亦敬之。』

(卷七 禮記)

**Chú thích:**

- (1) Hết lòng thành kính mà phụng dưỡng cha mẹ, chứ không chỉ chăm sóc sức khỏe của cha mẹ mà thôi.

**Viết ngữ:**

Tăng Tử dạy rằng: “Người con hiếu khi phụng dưỡng cha mẹ, phải cung kính dùng lễ nhạc để cha mẹ được nghe và thấy những điều hân hoan, phải khiến cho nơi ăn chốn nghỉ của cha mẹ được yên tĩnh thư thái, đối với việc ăn uống của cha mẹ, đều phải hết lòng tỉ mỉ mà

chăm lo và hầu hạ. Những điều cha mẹ yêu mến, bản thân cũng phải nên yêu mến; những điều cha mẹ cung kính, bản thân cũng phải nên cung kính.”

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 106 ~

人之事親也，不去乎父母之側，不倦乎勞辱<sup>①</sup>之事，唯父母之所言也，唯父母之所欲也。於其體之不安，則不能寢；於其飧<sup>②</sup>之不飽，則不能食。孜孜<sup>③</sup>為此，以沒其身。

(卷四十五 昌言)

Chú thích:

- (1) Khó nhọc, cũng chỉ những việc khó nhọc;
- (2) Đồng nghĩa với từ ‘餐’ [xan] bữa ăn;
- (3) Cần mẫn siêng năng, không lơ là.

Viết ngữ:

Làm người con khi chăm sóc song thân, không được rời xa cha mẹ, không được chán ghét những việc khó nhọc, phải cung kính nghe lời mà không làm trái, hiểu được nhu cầu của cha mẹ và hết lòng thực hiện. Khi thân thể cha mẹ bất an, chính ta không thể ngủ yên giấc; khi cha mẹ ăn chưa được no, chính ta chẳng thể nuốt trôi cơm. Phải cần mẫn không ngơi nghỉ, cả đời cũng không thay đổi.

(Cuốn 45. Xương Ngôn)

~ 107 ~

禮以將其力，敬以入其忠。《詩》言：『夙興<sup>①</sup>夜寐，毋忝<sup>②</sup>爾所生。』不恥其親，君子之孝也。

(卷三十五 曾子)

Chú thích:

- (1) Trở dậy;
- (2) Tội hổ.

Viết ngữ:

Muốn tuân theo lễ nghĩa và hết lòng hầu hạ cha mẹ, là phải để sự hiếu kính thấm nhuần vào trong tấm lòng chân thành và tận cùng của lòng hiếu thảo. Trong [Kinh Thi·Tiểu Nhã·Tiểu Uyển] có nói: “Dậy sớm thức khuya và cần mẫn không ngơi nghỉ, để không hổ thẹn với công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ.” Ý nói rằng, làm một người con hiếu, một giây phút cũng không được buông lơỉ bản thân, không khiến cho cha mẹ phải chịu tội hổ, đây chính là lòng hiếu thảo của người quân tử.

(Cuốn 35. *Tăng Tử*)

~ 108 ~

曾子曰：『若夫慈愛、恭敬、安親<sup>①</sup>、揚名，則聞命矣，敢問子從父之命，可謂孝乎？』子曰：『是何言與！是何言與！昔者，天子有爭<sup>②</sup>臣七人，雖無道，不

失其天下；七人者，謂大師、大保、大傅、左輔、右弼、前疑、後丞。維持王者，使不危殆。諸侯有爭臣五人，雖無道，不失其國；大夫有爭臣三人，雖無道，不失其家；尊卑輔善，未聞其官。士有爭友，則身不離於令<sup>③</sup>名；令，善也。士卑無臣。故以賢友助已。父有爭子，則身不陷於不義。故當不義則爭之。從父之命，又焉得為孝乎？』委曲從父命，善亦從善，惡亦從惡，而心有隱，豈得為孝乎。

(卷九 孝經)

### Chú thích:

- (1) Khiến cha mẹ được yên bình; hiếu dưỡng cha mẹ;
- (2) Đồng nghĩa với ‘諍’ [tránh] can ngăn, khuyên can;
- (3) Thiện, tốt đẹp.

### Viết ngữ:

Mạnh Tử thỉnh giáo với thầy:

- Về đạo lý của lòng nhân từ bác ái, sự cung kính, việc hiếu dưỡng cha mẹ và thanh danh, trò đã nghe tiên sinh giảng. Xin hỏi rằng người làm con mà nhất mực nghe lời cha mẹ, liệu có thể xem là hiếu thảo không?

Không Phu Tử đáp rằng:

- Sao lại nói như vậy chứ! Sao lại nói như vậy chứ! Thời xưa, khi bậc thiên tử có bảy vị trung thần thẳng thắn khuyên can, dẫu vị thiên tử đó có vô đạo, cũng chẳng thể mất đi thiên hạ; nếu chư hầu mà có năm vị trung thần thẳng thắn khuyên can, dẫu họ vô đạo,

cũng sẽ không thể mất nước; nếu khanh đại phu mà có ba người thẳng thắn khuyên can, dẫu họ có vô đạo, cũng sẽ không thể mất đi gia tộc; nhân sĩ nếu có bạn hữu thẳng thắn khuyên nhủ, họ cũng sẽ không thể mất đi thanh danh; nếu cha mẹ có người con đem đạo nghĩa mà khuyên nhủ sửa đổi, họ cũng sẽ không thể rơi vào sự bất nghĩa. Bởi vậy, khi đứng trước tư tưởng, lời nói và hành vi không hợp đạo nghĩa của cha mẹ, cấp trên và bạn hữu, phải nên khuyên can. Cứ nhất mực nghe lời cha mẹ, sao có thể xem là chữ hiếu chứ?

(Cuốn 9. *Hiếu Kinh*)

~ 109 ~

夫兄弟者，左右手也。譬人將鬥而斷其右手，而曰我必勝，若是者可乎？夫棄兄弟而不親，天下其孰親之？

(卷二十五 魏志上)

**Việt ngữ:**

Anh em tựa thể tay chân. Giả như có người khi muốn tranh đấu mà lại chặt đứt cánh tay phải của chính mình, rồi nói rằng tôi nhất định giành được thắng lợi, như thế này liệu có được không? Khi ruồng bỏ anh chị em ruột mà không gần gũi, người trong thiên hạ còn ai có thể thân cận đây?.

(Cuốn 25. *Ngụy Chí* – Thượng)

3. NHÂN NGHĨA [NHÂN TỬ VÀ CHÍNH NGHĨA]

~ 110 ~

所謂仁者，愛人者也。愛人，父母之行也。為民父母，故能興天下之利也。所謂義者，能辨物理<sup>①</sup>者也。物得理，故能除天下之害也。興利除害者，則賢人之業也。

(卷五十 袁子正書)

Chú thích:

(1) Đạo lý và quy luật của sự vật.

Viết ngữ:

“Nhân Ái” chính là yêu thương người. Yêu thương người là phẩm chất của bậc làm cha làm mẹ. Nếu có thể như cha mẹ mà yêu thương và bảo vệ nhân dân, sẽ có thể làm được nhiều điều lợi ích cho thiên hạ và muôn dân. “Nghĩa” là có thể hiểu được đạo lý của sự vật. Khi làm việc một cách hợp tình hợp lý, sẽ có thể trừ bỏ tai họa cho thiên hạ và muôn dân. Làm điều lợi ích và trừ bỏ tai họa chính là sự nghiệp của bậc hiền nhân.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 111 ~

凡人所以貴於禽獸者，以有仁愛，知相敬事也。

(卷二十一 後漢書一)

**Việt ngữ:**

Điểm đáng quý ở con người so với loài cầm thú chính là bởi có tấm lòng nhân ái, biết tôn trọng lẫn nhau.

(Cuốn 21. *Hậu Hán Thư* – Tập 1)

~ 112 ~

仁者行之宗，忠者義之主也。仁不遺舊，忠不忘君，行之高者也。

(卷二十二 後漢書二)

**Việt ngữ:**

Đức tính nhân hậu chính là gốc của đức hạnh, lòng trung thành chính là nhân tố quan trọng của đạo nghĩa. Người nhân hậu sẽ không ruồng bỏ và xa rời bạn cũ, người trung thành sẽ không quên (ân đức) của cấp trên, đây là những phẩm chất cao thượng.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

~ 113 ~

周家忠厚，仁及草木，故能內睦於九族，外尊事黃耆<sup>①</sup>。養老乞<sup>②</sup>言，以成其福祿焉。乞言，從求善言，可以為政者也。

(卷三 毛詩)

Chú thích:

- (1) Người tuổi cao, ‘耆’ [câu] chỉ người già;
- (2) Cầu xin, thỉnh cầu.

Việt ngữ:

Vương tộc nhà Chu đem lòng trung hậu để trị vì đất nước, lòng nhân ái phủ rộng đến cả từng ngọn cây cọng cỏ, do vậy mà từ bên trong có thể khiến cửu tộc thuận hòa, ở bên ngoài lại có thể kính trọng người già. Cung kính cúng dường bậc cao niên đồng thời lại khiêm tốn tìm lời khuyên từ họ, bởi vậy nên tích được phúc báu bền lâu.

(Cuốn 3. *Mao Thi*)

~ 114 ~

聖人之於天下也，譬猶一堂之上也。今有滿堂飲酒者，有一人獨素然向隅而泣，則一堂之人皆不樂矣。聖人之於天下也，譬猶一堂之上也，有一人不得其所者，則孝子不敢以其物薦進<sup>①</sup>也。

(卷四十三 說苑)

Chú thích:

- (1) Kính dâng. ‘薦’ [tiên] hiến tặng, kính tặng; ‘進’ [tiên] hiến dâng.



**Việt ngữ:**

Bậc thánh nhân trị vì thiên hạ tựa như ở trong lễ đường, giả như đông đảo người trong lễ đường đều đang dùng yến tiệc, nhưng có một người lại cứ hướng vào góc tường mà khóc một mình, vậy thì mọi người ở trong đó đều sẽ không thấy vui. Bậc thánh nhân trị vì thiên hạ tựa như ở trong lễ đường, dẫu chỉ một người chưa được sắp xếp chỗ ngồi thích hợp, vậy thì dẫu có là người con hiếu thảo cũng không dám lập tức đem lễ vật mà kính dâng lên cha mình.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 115 ~

咎繇曰：『帝德罔讐<sup>①</sup>。臨下以簡，御眾以寬；讐，過也。善則歸君，人臣之義也。罰弗及嗣，賞延於世；嗣亦世也。延，及也。父子罪不相及也。而及其賞，道德之政也。宥過<sup>②</sup>無大，刑故<sup>③</sup>無小；過誤所犯，雖大必有。不忌故犯，雖小必刑也。罪疑惟輕，功疑惟重；刑疑附輕，賞疑從重，忠厚至也。與其殺弗辜，寧失不經<sup>④</sup>。』

(卷二 尚書)

**Chú thích:**

- (1) Chữ cổ đồng âm với ‘愆’ [khiên] tội lỗi, sai lầm;
- (2) Khoan dung tha thứ cho lỗi lầm của người khác;
- (3) Xử phạt những tội lỗi cố ý;

(4) Luân thường đạo lý. Chỉ nghĩa lý, chuẩn mực, luật pháp đang thực thi.

**Việt ngữ:**

*Ca Dao*<sup>13</sup> nói rằng: “Vua Thuần ngài có đức hạnh cao thượng, không hề có lỗi lầm. Người đem cách thức giản đơn, không phiền hà để đối đãi bề tôi, lấy sự khoan dung để trị vì nhân dân; khi trừng phạt không làm liên lụy đến con cháu, nhưng ban thưởng lại đến cả đời sau; sơ suất phạm tội dẫu lớn thế nào cũng có thể khoan hồng, cố ý phạm tội dẫu nhẹ ra sao cũng nhất định trừng phạt; ngài thà nương nhẹ khi xử phạt phạm nhân mà có nghi vấn và ngài thà hậu hĩnh khi ban thưởng cho người lập công mà có ngờ vực; ngài thà bị chê trách không tuân theo luật pháp khi có người vô tội bị giết nhầm.”

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 116 ~

子貢問曰：『有一言<sup>①</sup>而可終身行者乎？』子曰：『其恕乎！己所不欲，勿施於人。』

(卷九 論語)

---

<sup>13</sup> Ca Dao là một danh thần dưới thời của ba vị vua huyền thoại là vua Nghiêu, vua Thuần và vua Vũ vào những năm 2350 TCN. Ông được vua Thuần phong làm pháp quan và được xem là người mở đầu cho hệ thống tư pháp của Trung Quốc.

Chú thích:

(1) Ở đây mang nghĩa là một từ.

Viết ngữ:

Tử Công thỉnh giáo với Khổng Phu Tử rằng:

- Xin thưa liệu có một từ mà có thể một đời theo đó mà hành?

Ngài đáp rằng:

- Đó chính là chữ ‘Thứ’ (khoan dung, độ lượng) đó thôi! Những việc mà chính mình không muốn tiếp nhận thì đừng làm cho người.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 117 ~

聖人以仁義為準繩，中繩者謂之君子，弗中者謂之小人。君子雖死亡，其名不滅；小人雖得勢，其罪不除。左手據天下之圖，而右手刎其喉，愚者不為，身貴乎天下也，死君親之難者，視死若歸，義重於身故也。天下大利，比（比下有之仁二字）身即小；身所重也，比義即輕。此以仁義為準繩者也。

（卷三十五 文子）

**Viết ngữ:**

Bậc thánh nhân lấy nhân nghĩa làm chuẩn mực để thực hành từ trong tâm, người mà phù hợp với chuẩn mực của nhân nghĩa chính là người quân tử, nếu không phù hợp thì chính là kẻ tiểu nhân. Người quân tử đâu có thể từ già cõi đời, nhưng thanh danh của họ sẽ không bị mất đi; kẻ tiểu nhân đâu nhất thời đắc ý, nhưng tội ác của họ lại khó mà gột rửa. Tay trái thì nắm quyền hành trong thiên hạ, mà tay phải lại tự cắt đi yết hầu, đâu có là kẻ ngu muội cũng sẽ không làm như vậy, bởi vì sinh mạng còn đáng quý hơn thế. Người vì bậc quân vương và cha mẹ mà hi sinh, có thể xem cái chết nhẹ như lông hồng, là bởi họ coi “đạo nghĩa” còn quan trọng hơn sinh mạng. Sinh mạng vô cùng đáng quý, nhưng so với đạo nghĩa cũng là nhẹ hơn. Người lấy nhân nghĩa để làm chuẩn mực chính là người như vậy.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 118 ~

孔子曰：『不義而富且貴，於我如浮雲。』

(卷四十八 體論)

**Viết ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Nếu dùng thủ đoạn không phù hợp với đạo nghĩa để đạt được sự giàu có và sang trọng, đối với ta, tựa như đám mây trôi lang thang bất định trên bầu trời, không đáng để lưu tâm và theo đuổi.”

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 119 ~

子曰：『君子無終食之間違仁。造次<sup>①</sup>必於是，顛沛<sup>②</sup>必於是。』  
造次，急劇也。顛沛，僵仆也。雖急劇僵仆不違仁也。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Hồi hả, vội vàng;
- (2) Ngã nhoài, biểu đạt thời thế suy đồi hỗn loạn hoặc con người gặp cảnh trắc trở.

Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Người quân tử đâu có trong thời gian ngắn ngủi của một bữa cơm, cũng sẽ không rời xa nhân nghĩa. Khi bận rộn hồi hả, tâm của họ nhất định để ở điều nhân nghĩa; khi nguy hiểm khôn cùng, tâm của họ cũng nhất định để ở điều nhân nghĩa.”

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 120 ~

孟軻稱：『殺一無辜以取天下，仁者不為也<sup>①</sup>。』

(卷二十五 魏志上)

Chú thích:

(1) Câu nguyên văn được trích trong [Mạnh Tử·Công Tôn Sửu] là: “Hành nhất bất nghĩa, sát nhất bất cô, nhi đắc thiên hạ, giai bất vi dã.” (Làm một việc bất nghĩa, giết một người vô tội mà được cả thiên hạ, đều không nên làm.)

Việt ngữ:

Mạnh Tử nói rằng: “Dẫu rằng giết một người vô tội mà có được cả thiên hạ, người nhân đức cũng sẽ không làm.”

(Cuốn 25. *Ngụy Chí* – Thượng)

~ 121 ~

未有仁而遺其親者也，未有義而後其君者也。

(卷三十七 孟子)

Việt ngữ:

Sẽ không có người trân trọng nhân ái mà ruồng bỏ cha mẹ của chính mình, cũng sẽ không có người chú trọng đạo nghĩa mà không xem quân vương là người ưu tiên khi nghĩ về.

(Cuốn 37. *Mạnh Tử*)

有功而離仁義者，即見疑；有罪不失仁心（不失仁心作有仁義）者，必見信。故仁義者，事之常順<sup>①</sup>也，天下之尊爵也。雖謀得計當，慮患而患解，圖國而國存，其事有離仁義者，其功必不遂矣。

（卷三十五 文子）

Chú thích:

(1) Bản tính tự nhiên.

Viết ngữ:

Khi có công lao mà để mất lòng nhân nghĩa tất sẽ bị hoài nghi, nếu có tội lỗi nhưng không để mất lòng nhân nghĩa tất sẽ được tín nhiệm. Bởi vậy, nhân nghĩa chính là đạo lý cần phải tuân theo khi làm bất cứ việc gì, là phẩm chất tôn quý nhất trong thiên hạ. Dầu kế sách có thỏa đáng, nhưng trước khi làm phải nên xem xét đến việc phòng ngừa hậu họa thì hậu họa được tiêu trừ, trừ bị kế hoạch để dựng nước thì đất nước cũng được thiết lập. Nhưng nếu tất cả những việc đã làm mà có điếm đi ngược với nhân nghĩa, vậy thì sự nghiệp nhất định không thể thực hiện được viên mãn.

(Cuốn 35. Văn Tử)

4. THÀNH TÍN [CHÂN THÀNH VÀ ĐÁNG TIN CẬY]

~ 123 ~

開至公之路，秉至平之心，執大象<sup>①</sup>而致之，亦云誠而已矣。夫任誠，天地可感，而況於人乎？

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

(1) Đạo lý lớn, lẽ thường.

Viết ngữ:

Mở ra con đường tiến cử người tài công minh nhất, giữ vững tâm bình đẳng nhất, nắm vững cương lĩnh chính trong việc trị vì đất nước, tự nhiên sẽ chiêu cảm được người tài, thật ra cũng chính bởi sự chân thành mà thôi. Khi thực sự có được thành ý, đến trời đất cũng còn cảm động, huống chi con người?

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 124 ~

夫為人上，竭至誠開信以待下，則懷信者歡然而樂進；不信者赧然而回意矣。

(卷四十九 傅子)

Viết ngữ:

Người ở trên, nếu dốc lòng chí thành chí tín mà đối đãi với người ở dưới, người có thành tín tất sẽ hoan



hỉ và vui vẻ mà góp sức, còn với người thiếu thành tín cũng sẽ hổ thẹn mà thay tâm đổi tính.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 125 ~

夫信之於民，國家大寶也。仲尼曰：『自古皆有死，民非信不立。』

(卷二十五 魏志上)

**Việt ngữ:**

Niềm tin có được từ nhân dân, là tài sản vô cùng quý báu của một đất nước. Khổng Tử dạy rằng: “Từ xưa đến nay, con người đều không tránh khỏi cái chết, nhưng nếu đã mất đi lòng tin của muôn dân, đất nước sẽ không thể an định.”

(Cuốn 25. *Ngụy Chí – Thượng*)

~ 126 ~

君之任臣，如身之信手；臣之事君，亦宜如手之繫<sup>①</sup>身。安則共樂，痛則同憂。其上下協心，以治世事，不俟<sup>②</sup>命而自勤，不求容<sup>③</sup>而自親。何則？相信之忠著也。

(卷四十八 典語)

Chú thích:

- (1) Gắn liền, thuộc về;
- (2) Đọc là ‘sì’, có nghĩa là đợi chờ;
- (3) Lấy lòng.

Viết ngữ:

Người lãnh đạo khi trọng dụng cấp dưới tựa như cơ thể tin tưởng cánh tay của chính mình; cấp dưới khi phò tá lãnh đạo cũng phải như cánh tay thuộc về cơ thể. Khi yên tĩnh thanh thoi thì cùng chung một niềm vui và khi đau đớn lại cùng nỗi buồn lo. Nếu trên dưới đồng lòng, việc trị vì đất nước không cần đợi mệnh lệnh mà vẫn có thể cần mẫn siêng năng, không vì lấy lòng mà tự nhiên gần gũi. Vì sao lại như vậy chứ? Đây là biểu hiện của lòng tin tưởng lẫn nhau vô cùng sâu sắc.

(Cuốn 48. *Diễn Ngữ*)

~ 127 ~

子張問行。子曰：『言忠信，行篤敬，雖蠻貊<sup>①</sup>之邦行矣。言不忠信，行不篤敬，雖州里<sup>②</sup>行乎哉？』行乎  
哉，言不可行也。子張書諸紳<sup>③</sup>。紳，大帶也。

(卷九 論語)

Chú thích:

- (1) Là bộ tộc chưa được khai hóa ở phương Nam và phương Bắc mà thời xưa thường gọi, cũng chỉ các bộ tộc chưa được khai hóa nói chung;

- (2) Thời xưa, có đủ 2500 hộ được gọi là châu, có đủ 25 hộ được gọi là lý (làng), vốn là đơn vị hành chính, sau này chỉ làng xóm hoặc địa phương nói chung;
- (3) Dây đai mà nhân sĩ đại phu thời xưa thắt ở lưng và một đầu dây rủ xuống.

**Việt ngữ:**

Tử Trang thỉnh giáo về làm việc thế nào mới được hanh thông. Khổng Phu Tử đáp rằng:

- Một người chỉ cần nói lời thành thật giữ chữ tín, hành vi lại đôn hậu cung kính, dẫu có đến bộ tộc chưa khai hóa ở nơi hẻo lánh cũng không thể không hanh thông. Giả như lời nói không thành thật đáng tin, hành vi không đôn hậu cung kính, dẫu ở ngay tại quê nhà, lẽ nào có thể hanh thông sao?

Tử Trang đem lời dạy của Khổng Phu Tử rất cung kính mà viết lên dây đai lưng để nhớ đọc tụng và thực hành theo bất cứ khi nào.

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 128 ~

子曰：『人而無信，不知其可也！無信，其餘終無可也。大車無輓，小車無軛，其何以行之哉？』大車，牛車。輓，輓端橫木以縛輓者。小車，駟馬車。軛，軛端上曲鉤衡者也。

(卷九 論語)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Một người nếu mất đi sự tín nhiệm, không biết anh ta ngoài chữ tín ra liệu có còn đức hạnh tốt đẹp nào không? Tựa như xe lớn bò kéo mà không có thanh gỗ nối giữa bò và xe, xe nhỏ ngựa kéo mà không có móc nối giữa ngựa và xe, làm thế nào để khiến xe di chuyển được đây?”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 129 ~

信不可知，義無所立。

(卷五 春秋左氏傳中)

**Việt ngữ:**

Nếu uy tín không được hiển lộ, đạo nghĩa sẽ mất đi nền tảng để có thể nương tựa vào và thiết lập.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

**5. CHÍNH KỈ [TỰ SỬA MÌNH]**

~ 130 ~

君子敬以直內，義以方外，敬義立而德不孤。

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Người quân tử đem sự cung kính cẩn trọng để tu sửa nội tâm của chính mình, đem sự chính đáng và hài

hòa để quy phạm hóa sự vật bên ngoài. Nếu có thể khiến nội tâm thì cung kính mà xử thế lại hài hòa, đức hạnh của họ sẽ được lan tỏa mà không bị cô lập (nhiều người cũng sẽ cư xử lại với họ với lòng cung kính và đạo nghĩa).

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 131 ~

子曰：『苟正其身，於從政乎何有？不能正其身，如正人何？』

(卷九 論語)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Quả thật nếu có thể thực sự tu sửa chính bản thân mình, vậy thì việc trị vì chính sự có khó khăn chi? Nếu không thể sửa mình, sao có thể sửa cho người đây?”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 132 ~

天覆之，地載之，聖人治之。聖人之身猶日也，夫日圓尺，光盈<sup>①</sup>天地。聖人之身小，其所燭遠<sup>②</sup>，聖人正己，而四方治矣。

(卷三十六 尸子)

Chú thích:

- (1) Tràn trề, ngập tràn;
- (2) Ánh sáng chiếu khắp nơi. Lối tỷ dụ về việc ân đức trải rộng khắp muôn phương.

Việt ngữ:

Bầu trời chở che vạn vật, lòng đất thì ôm trọn vạn vật, thánh nhân lại trị vì vạn vật. Thánh nhân tựa như mặt trời, xem ra mặt trời chỉ là hình tròn lớn bằng một vòng thước đo, nhưng lại có thể chiếu đến vạn vật khắp đất trời. Thân thể của thánh nhân tuy nhỏ, nhưng lại có thể chiếu xa ngàn dặm, ân đức trải khắp muôn phương. Khi thánh nhân tu sửa tư tưởng, hành vi và lời nói của chính mình, thiên hạ sẽ được thái bình thịnh vượng.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 133 ~

孔子，匹夫<sup>①</sup>之人耳，以樂道正身不懈之故，四海之內，天下之君，微<sup>②</sup>孔子之言，無所折中<sup>③</sup>。

(卷十九 漢書七)

Chú thích:

- (1) Thời xưa chỉ người đàn ông thuộc tầng lớp thường dân. Cũng để chỉ thường dân, muôn dân nói chung;
- (2) Nếu như không có;
- (3) Tiêu chuẩn để phán đoán sự vật.

**Viết ngữ:**

Khổng Phu Tử, chẳng qua chỉ là một thường dân, cũng chỉ bởi không ngừng nghỉ đi theo con đường của bậc Thánh Hiền để tu sửa bản thân, mà đến nay khắp muôn phương, các quân vương trong thiên hạ nếu như không có lời dạy của Ngài, sẽ không thể có chuẩn mực để làm hài hòa sự thái quá và bất cập, khiến cho việc đối nhân xử thế được hợp tình hợp lý.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

~ 134 ~

故不仁愛則不能群，不能群則不勝物，不勝物則養不足。群而不足，爭心將作。上聖<sup>(1)</sup>卓然，先行敬讓博愛之德者，眾心悅而從之。從之成群，是為君矣；歸而往之，是為王矣。

(卷十四 漢書二)

**Chú thích:**

(1) Thánh nhân xưa kia. Chỉ đế vương và bậc Thánh Hiền đời trước.

**Viết ngữ:**

Bởi vậy, nếu không nhân ái sẽ không thể hình thành nên quần thể hòa thuận, khi không thể hình thành được quần thể hòa thuận sẽ không thể sử dụng thích hợp nguồn tài nguyên từ bên ngoài, khi không thể sử dụng

thích hợp nguồn tài nguyên, nhu cầu cuộc sống sẽ không đáp ứng đủ. Khi lập ra quần thể mà nhu cầu cuộc sống không đáp ứng đủ, tâm tranh đấu tất sẽ nảy sinh. Cho nên thánh nhân thời xưa đi đầu trong việc chính mình thực hành phẩm chất cung kính, khiêm nhường và bác ái, còn nhân dân vui sướng và thuận theo họ một cách chân thành. Cũng bởi vì người thuận theo họ ngày càng nhiều và đã hình thành nên quần thể, thể rồi họ đã trở thành thủ lĩnh. Khi người ở nơi xa xôi cùng đến quy thuận và họ đã trở thành người trị vì.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 135 ~

修厥身，允德<sup>①</sup>協<sup>②</sup>於下，惟明后。言修其身，使信德合於群下，惟乃明君。先王子惠<sup>③</sup>困窮，民服厥命，罔有弗悅。言湯子愛困窮之人，使皆得其所，故民心服其教令，無有不欣喜也。奉先<sup>④</sup>思孝，接下思恭。以念祖德為孝，以不驕慢為恭也。視遠惟明，聽德<sup>⑤</sup>惟聰。言當以明視遠，以聰聽德。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Đức tính trung thành tín nghĩa;
- (2) Trợ giúp;
- (3) Từ ái, ban cho lòng nhân ái. ‘子’ [tử] đôi đũa như con của mình, từ ái;
- (4) Thờ cúng tổ tiên;
- (5) Nghe những lời nói đức độ.



**Viết ngữ:**

Chú trọng việc tu dưỡng bản thân, lấy phẩm chất thành tín để hòa hợp dân chúng, đây mới là bậc đế vương anh minh. Quân vương thời xưa yêu thương che chở những người khốn khổ nghèo túng như yêu thương con của chính mình, bởi vậy mà người dân đều phục tùng theo mệnh lệnh của họ, không một ai mà không vui. Việc thờ cúng tổ tiên, phải có lòng hiếu kính; khi tiếp cận quần thần và nhân dân, phải có đức tính khiêm nhường. Nếu có thể nhìn được xa rộng, mới gọi là tầm nhìn sáng suốt; nếu có thể nghe theo lời tốt đẹp của người đức độ, mới gọi là thánh giác nhạy bén.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 136 ~

未有身治正而臣下邪者也。……未有闔門<sup>①</sup>治而天下亂者也。……未有左右正而百官枉者也。……未有功賞得於前，眾賢布於官而不治者也。……未有德厚吏良而民畔<sup>②</sup>者也。

(卷二十 漢書八)

**Chú thích:**

- (1) Cửa vào vườn thượng uyển và nội cung. Dùng để chỉ cung đình, gia thất;
- (2) Đồng nghĩa với từ ‘叛’ [bạn] trái ngược, đi lệch.

**Việt ngữ:**

Chưa từng có bậc quân vương tu sửa bản thân trở nên chính trực mà hạ thần lại gian tà.... Chưa từng có bậc quân vương sắp xếp mọi việc trong cung ổn thỏa nề nếp mà thiên hạ lại hỗn loạn.... Chưa từng có việc hạ thần thân cận chính trực mà bá quan lại bất chính.... Chưa từng có việc ban thưởng đúng người đúng việc được thực hiện hàng đầu, nhiều người tài trí được bố trí vào các chức quan mà đất nước lại không thái bình.... Chưa từng có bậc quân vương có đức hạnh chất phác đôn hậu, quan viên hiền lương mà muôn dân lại phản loạn.

(Cuốn 20. *Hán Thư* – Tập 8)

~ 137 ~

救寒莫如重裘<sup>①</sup>，止謗莫如自修，斯言信矣。

(卷二十六 魏志下)

**Chú thích:**

(1) Áo da lông thú dày.

**Việt ngữ:**

Ngạn ngữ nói rằng: “Muốn tránh khỏi giá lạnh, không có gì hữu hiệu bằng việc khoác lên tấm áo da dày; muốn ngăn chặn lời gièm pha, không có gì tốt bằng việc tu dưỡng đức hạnh của chính mình.” Lời này quả không phải giả!

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

## 6. ĐỘ LƯỢNG [KHOAN DUNG]

~ 138 ~

君子已善，亦樂人之善也；已能，亦樂人之能也。君子好人之為善而弗趨<sup>①</sup>（趨作趨，音促也），惡人之為不善而弗疾也，不先人以惡，不疑人以不信，不說<sup>②</sup>人之過，而成人之美。

（卷三十五 曾子）

### Chú thích:

- (1) Đồng nghĩa với ‘趨’ [xúc] thúc giục, giục giã;  
(2) Sau này đều viết là ‘悅’ [duyệt] vui mừng, vui thích.

### Viết ngữ:

Bản thân người quân tử có đức tính lương thiện, cũng sẽ vui với việc người khác có đức tính lương thiện; bản thân có tài năng, cũng sẽ vui với việc người khác có tài năng. Người quân tử vui vì người khác hành thiện nhưng lại không thúc giục họ; chán ghét người khác làm việc ác nhưng lại không căm ghét họ như kẻ thù; không khởi niệm mong người khác có phẩm hạnh không tốt, không hoài nghi người khác không giữ chữ tín, không vui thú phần khích đối với sai lầm của người khác, mà sẽ thành toàn lòng tốt và hành vi thiện của người khác.

(Cuốn 35. Tăng Tử)

~ 139 ~

故曰：『記人之功，忘人之過，宜為君者也<sup>①</sup>。』  
人有厚德，無問其小節；人大譽，無訾<sup>②</sup>其小故。自古及今，未有能全其行者也。

(卷四十八 體論)

**Chú thích:**

- (1) Câu nói được trích từ cuốn [Chu Thư];
- (2) Đọc là ‘zǐ’ có nghĩa là gièm pha, chỉ trích.

**Viết ngữ:**

Bởi vậy mới nói: “Ghi nhớ công lao của người và quên đi lỗi lầm của họ, người thế này mới xứng làm bậc quân vương.” Một người nếu có đức tính chất phác đơn hậu, sẽ không xét nét những chi tiết nhỏ nhặt của họ; một người nếu có thanh danh lớn lao, sẽ không chỉ trích lỗi lầm nhỏ của họ. Từ cổ chí kim, không có ai mà có đức hạnh thập toàn thập mỹ cả.

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 140 ~

漢高祖山東之匹夫<sup>①</sup>也，起兵之日，天下英賢奔走而歸之，賢士輻湊<sup>②</sup>而樂為之用，是以王天下，而莫之能禦。唯其以簡節寬大，受天下之物故也。

(卷五十 袁子正書)

**Chú thích:**

- (1) Người bình thường;
- (2) Nan hoa tập trung tại bánh xe. Ý muốn nói đến sự quân tụ hay tập trung của nhiều người.

**Viết ngữ:**

Hán Cao Tổ vốn chỉ là người bình thường ở vùng phía đông của Hào Sơn. Khi khởi binh, anh hùng hào kiệt trong thiên hạ ai ai cũng muốn mình đến trước để quy thuận bên ông, bậc hiền tài cùng tụ hợp lại và vui vì được ông trọng dụng, bởi vậy mà có thể thống nhất thiên hạ, không ai có thể cản trở ông. Điều này cũng chỉ bởi vì chính sách của ông tuy giản đơn mà minh bạch, tấm lòng rộng mở có thể tiếp nhận các nhân tài trong thiên hạ (để họ đều được phát huy sở trường).

(Cuốn 50. *Viên Tử Chính Thư*)

**7. KHIÊM TÓN**

~ 141 ~

夫自足者不足，自明者不明。日月至光至大，而有所不遍者，以其高於眾之上也。燈燭至微至小，而無不可之者，以其明之下，能照日月之所蔽也。

(卷四十七 劉廙政論)

**Viết ngữ:**

Người tự cho là hoàn mỹ kỳ thực lại không hoàn mỹ, người tự cho là thông minh kỳ thực lại không thông minh. Ánh sáng của mặt trời và mặt trăng cực kỳ lớn,

nhưng cũng có những nơi chẳng thể chiếu đến, bởi vì mặt trời và mặt trăng thì lơ lửng ở trên vạn vật. Ánh lửa của ngọn nến cực kỳ nhỏ bé cực kỳ yếu ớt, nhưng lại không có vật gì mà chẳng thể chiếu đến, bởi ngọn nến chiếu đến từ bên dưới, do vậy có thể chiếu đến những nơi mà mặt trời và mặt trăng không thể chiếu đến.

(Cuốn 47. *Lưu Dục Chính Luận*)

~ 142 ~

子曰：『勞而不伐，有功而不德，厚之至也！語以其功下人者也。』

(卷一 周易)

### **Viết ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Cặm cùi hy sinh mà không tự khoe khoang, có thành tích mà không tự nhận là người có công, đây chính là đôn hậu đến mức tốt bậc rồi! Điều này muốn nói rằng, người quân tử đâu có công lao mà vẫn có thể đối đãi một cách khiêm nhường với người.”

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 143 ~

子路進曰：『敢問持滿有道乎？』子曰：『聰明睿智，守之以愚；功被<sup>①</sup>天下，守之以讓；勇力振世，守之以怯；富有四海，守之以謙。此所謂損之又損之<sup>②</sup>之道也！』

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

- (1) Che khắp, phủ khắp;
- (2) Mỗi ngày đều từ bỏ những điều phù du giả dối để trở về với đức tính chất phác vô vi, ý muốn nói cố hết sức để chế ngự. ‘損’ [tôn] chế ngự, kiềm chế.

Viết ngữ:

Tử Lộ bước đến và thỉnh giáo với thầy rằng:

- Thưa Phu Tử, xin hỏi nếu muốn giữ được sự đủ đầy mà không bị điên đảo, liệu có cách gì không?

Khổng Phu Tử trả lời rằng:

- Thông minh hiểu biết, mà lại có thể giữ được tâm thế đôn hậu tựa như kẻ ngu; công lao phủ khắp thiên hạ, mà lại có thể giữ được tâm thế khiêm nhường mà không tranh giành; lòng dũng cảm đủ để lay động cả thế giới, mà lại có thể giữ được tâm thế thận trọng e dè; có được tài sản từ muôn phương, mà lại có thể giữ được tâm thế cung kính nhún nhường. Đây chính là đạo lý mà người xưa thường nói ‘bớt rồi lại bớt thêm nữa’ vậy!

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 144 ~

蓋勞謙虛己，則附之者眾；驕慢倨傲，則去<sup>①</sup>之者多矣。附之者眾，則安之徵也；去之者多，則危之診<sup>②</sup>也。

(卷五十 抱朴子)

Chú thích:

- (1) Rời đi;
- (2) Bệnh trạng.

Việt ngữ:

Phần đông những người có công trạng mà vẫn nhã nhặn, số người thuận theo họ tất sẽ đông; người kiêu căng ngạo mạn, số người rời xa họ tất sẽ nhiều. Số người thuận theo mà đông, đây là điềm báo của sự bình an; số người rời xa mà nhiều, đây là tín hiệu của sự hiểm nguy.

(Cuốn 50. *Bão Phác Tử*)

~ 145 ~

知其榮，守其辱，為天下谷<sup>①</sup>。知己之有榮貴。當守之以污濁。如是則天下歸之。如水流（流下有入字）深谷也。

（卷三十四 老子）

Chú thích:

- (1) Nơi mà các dòng chảy tụ hợp lại.

Việt ngữ:

Biết được những điểm cao quý và vinh quang của chính mình mà lại giữ được tâm thế khiêm tốn nhún nhường, ra sức làm tròn bổn phận, như vậy tự sẽ được



mọi người kính nể, tựa như thung lũng sâu thăm thẳm, nơi mà vô số dòng sông đều chảy về ở thế gian.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 146 ~

夫以賢而為人下，何人不與？以貴從人曲直，何人不得？

(卷三十一 六韜)

**Việt ngữ:**

Bản thân có tài đức mà vẫn khiêm tốn và cung kính với người, liệu có ai mà không thuận theo họ đây? Địa vị cao quý mà vẫn có thể nghe theo và tiếp nhận những phán đoán đúng sai của người khác, liệu còn có người nào mà không được cảm hóa đây?

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 147 ~

夫能屈以為伸，讓以為得，弱以為強，鮮不遂<sup>①</sup>矣。

(卷二十六 魏志下)

**Chú thích:**

(1) Không thuận lợi.

**Việt ngữ:**

Con người nếu có thể xem sự khuất phục là lợi thế, xem sự nhường nhịn là được nhận về, xem sự yếu ớt là mạnh mẽ, “đạo trời là lấy ở chỗ dư thừa mà bù đắp

cho nơi thiếu thốn”, chỉ khi làm như vậy, mới hợp với quy luật của tự nhiên, mới có thể bền lâu, do vậy rất hiếm khi gặp những điều không thuận lợi.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 148 ~

自尊重之道，乃在乎以貴下賤，卑以自牧<sup>①</sup>也，非此之謂也。乃衰薄之弊俗，膏盲<sup>②</sup>之廢疾，安共為之？可悲者也！

(卷五十 抱朴子)

### Chú thích:

- (1) Tu dưỡng chính mình;
- (2) Y học thời xưa gọi lớp mỡ ở tâm nhĩ là ‘cao’, giữa tim và hoành cách mô là ‘hoang’. Lối nói tỷ dụ cho những sai lầm và khuyết điểm khó thể sửa đổi.

### Viết ngữ:

Đạo lý tự tôn tự trọng chính ở chỗ lấy thân thể tôn quý mà đối đãi với người thấp hèn một cách khiêm tốn, lấy sự khiêm nhường để tu dưỡng chính mình, chứ không phải là thái độ ngạo mạn thế này. Cách làm (ngạo mạn) này chỉ là hủ tục cho sự suy đồi, là tệ nạn nghiêm trọng của xã hội, có sao mọi người đều làm những việc thế này được chứ? Thật là bi ai làm sao!

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

~ 149 ~

德盛弗狎侮<sup>①</sup>。盛德必自敬，何狎易侮慢之有也。狎侮君子<sup>②</sup>，罔以盡人心；以虛受人，則人盡其心矣。狎侮小人<sup>③</sup>，罔以盡其力。以悅使民，民忘其勞，則盡力矣。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Khinh thường và hách dịch;
- (2) Ở đây chỉ quan viên;
- (3) Ở đây chỉ muôn dân.

Viết ngữ:

Bậc quân vương mà có đức hạnh cao thượng sẽ không khinh thường và hách dịch với người. Nếu khinh mạn và hách dịch với quan viên, sẽ không có ai dốc lòng vì họ; nếu khinh mạn muôn dân, sẽ không có ai dốc sức vì họ.

(Cuốn 2. Thượng Thư)

~ 150 ~

能自得師者王，求聖賢而事之。謂人莫己若<sup>①</sup>者亡。自多足，人莫之益，己亡之道。好問則裕，自用<sup>②</sup>則小。問則有得，所以足也；不問專固，所以小也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Cho rằng người khác đều không bằng mình;
- (2) Tự làm theo ý mình, không tiếp thu ý kiến của người khác.

Việt ngữ:

Người mà có thể tự mình đi tìm kiếm bậc Thánh Hiền và tôn xưng họ làm người thầy, tất có thể xưng vương. Người mà cho rằng không ai sánh bằng mình, cuối cùng sẽ bị diệt vong. Khiêm tốn ham học hỏi, tài trí sẽ được tăng lên; nếu tự cho mình là đúng, tầm hiểu biết sẽ bị hạn chế.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 151 ~

是故聰明廣智守以愚，多聞博辨<sup>①</sup>守以儉，武力勇毅守以畏，富貴廣大守以狹，德施<sup>②</sup>天下守以讓。此五者，先王所以守天下也。

(卷三十五 文子)

Chú thích:

- (1) Đàm luận từ nhiều phương diện, hùng biện. ‘辨’ đồng âm với ‘辯’ [biện];
- (2) Ban phát ân đức.

**Việt ngữ:**

Bởi vậy, người thông minh đa trí phải nên lấy sự ngu dốt để tự vệ, người nghe nhiều hiểu rộng và có tài hùng biện phải nên lấy sự tĩnh tâm để tự vệ, người dũng mãnh cương nghị phải nên lấy sự rụt rè để tự vệ, người giàu sang và đất đai rộng lớn phải nên lấy sự đăm bạt để tự vệ, người ban ân đức đi khắp thiên hạ phải nên lấy sự khiêm nhường để tự vệ. Năm điều này chính là nguyên nhân mà bậc minh quân vương thời xưa giữ vững được thiên hạ vậy.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

**8. CÂN THẬN [CÂN TRỌNG]**

~ 152 ~

人心惟危，道心惟微，惟精惟一，允執厥中。<sup>危則難安，微則難明，故戒以精一，信執其中也。</sup>無稽之言勿聽，夫詢<sup>①</sup>之謀勿庸<sup>②</sup>。  
②。無考無信驗也，不詢專獨也。終必無成，故戒勿聽用也。

(卷二 尚書)

**Chú thích:**

- (1) Hỏi;
- (2) Sử dụng.

**Việt ngữ:**

Tâm của con người (dục vọng của con người) là nguy hiểm, đạo tâm (luân lý đạo đức) là vi diệu khó

lường, chỉ khi dũng mãnh tinh tấn, trụ ở một lòng một dạ thì mới thực sự nắm bắt được đạo lý chân chính (không hơn không kém). Lời nói mà không lấy kinh điển làm căn cứ thì không được nghe và tin theo, mưu lược mà chưa được trưng cầu ý kiến của người anh minh sáng suốt thì không được tiếp thu.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 153 ~

子曰：『君子居其室，出其言，善則千里之外應之，況其邇者乎？居其室，出其言，不善則千里之外違之，況其邇者乎？言出乎身加乎民，行發乎邇見乎遠。言行，君子之樞機，樞機，制動之主。樞機之發，榮辱之主也。言行，君子之所以動天地，可不慎乎？』

(卷一 周易)

### Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Người quân tử ở trong sân nhà mình, sau khi phát ngôn, nếu phát ngôn là tốt đẹp, vậy thì ở nơi xa ngàn dặm cũng được hưởng ứng, hưởng hô là ở nơi gần chứ? Ở trong sân nhà của mình, sau khi phát ngôn, nếu không phải là phát ngôn tốt đẹp, vậy thì ở nơi xa ngàn dặm cũng sẽ bỏ ngoài tai, hưởng hô là ở nơi gần chứ? Khi lời nói được phát ra từ bản thân họ, sẽ ảnh hưởng đến dân chúng; khi hành động diễn ra ở nơi gần, nhưng lại hiển hiện ở nơi xa. Phát ngôn và hành động đối với người quân tử mà nói tựa như bản lề cánh cửa và dây

cung vậ, bản lề cánh cửa và dây cung khi vừa cử động hoặc phát đi, đều liên hệ đến điều nhận được là tán thán hay sỉ nhục. Phát ngôn và hành vi chính là nhân tố khiến cho bậc quân tử có thể ảnh hưởng được vạn vật trong đất trời, sao có thể không thận trọng chứ?”

(Cuốn 1. Kinh Dịch)

~ 154 ~

無競<sup>①</sup>維人，四方其訓之。有覺德行，四國順之。  
無競，競也。訓，教也。覺，直也。競，強也。人君為政，無強於得賢人。得賢人，則天下教化於其俗。有大德行，則天下順從其政。言在上所以倡道之。敬慎威儀<sup>②</sup>，維民之則。則，法也。慎爾出話，敬爾威儀，無不柔嘉。話，善言也，謂教令也。白圭<sup>③</sup>之玷<sup>④</sup>，尚可磨也；斯言之玷，不可為！玷，缺也。斯，此也。玉之玷缺，尚可磨鏹而平，人君政教一失，誰能反覆之也。

(卷三 毛詩)

### Chú thích:

- (1) Hùng mạnh, mạnh mẽ;
- (2) Sắc mặt và cử chỉ nghiêm trang;
- (3) Cũng chính là ‘白珪’ [bạch khuê] những lễ vật được chế tác từ ngọc trắng thời xưa;
- (4) Tỳ vết hoặc vết lỗi của ngọc.

### Viết ngữ:

Sự hùng mạnh của đất nước nằm ở chỗ có được người đức độ và tài năng, bởi vậy các nước ở muôn

phương đều đến và tiếp nhận sự giáo hóa. Khi bậc quân vương có được đức tính chính trực, chư hầu khắp nơi mới có thể quy tụ dưới ngọn cờ. Nếu cung kính và cẩn trọng, cử chỉ nghiêm túc, muôn dân trong thiên hạ đều sẽ học theo. Tuân theo đạo lý của người xưa để ban bố luật lệ giáo hóa, lời nói và hành vi cử chỉ phải tốt đẹp và đúng mực. Tỳ vết của ngọc trắng còn có thể mài giũa, nhưng sai lầm của mệnh lệnh lại khó mà cứu vãn.

(Cuốn 3. *Mao Thi*)

~ 155 ~

子曰：『君子道人以言，而禁人以行，禁，猶謹也。故言必慮其所終，而行必稽其所弊，則民謹於言，而慎於行。稽，猶考也。』

(卷七 禮記)

### Việt ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Bậc quân tử đem lời nói để dẫn dắt người hướng thiện, lấy bản thân làm tấm gương để ngăn chặn người làm ác. Bởi vậy, trước khi nói một câu nói, nhất định phải nghĩ đến hậu quả của nó; trước khi làm một việc, nhất định phải xem xét đến tiêu cực mà nó có thể gây ra, có như vậy nhân dân mới nói năng thận trọng và hành động lại cẩn trọng.”

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)



~ 156 ~

激電不能追既往之失辭<sup>①</sup>，班輪<sup>(輪作輸)②</sup>不能磨斯言之既玷。雖不能三思而吐情談，猶可息謔調以杜禍萌也。

(卷五十 抱朴子)

**Chú thích:**

- (1) Cũng chính là ‘失詞’ [thất] lỡ lời;
- (2) Công Lỗ Ban – người thợ giỏi của nước Lỗ thời Xuân Thu. Khi nói đến ‘班’ là chỉ Lỗ Ban, còn ‘公輸般’ chính là Công Thâu Ban. ‘班輪’ [Thâu Ban] chính là cách gọi chung của hai người.

**Viết ngữ:**

Ánh chớp nhanh như cắt cũng không theo kịp lời sai sót đã nói ra; người thợ tài ba như Lỗ Ban cũng không thể mài giũa được vết nhơ mà lời lẽ thất thiệt lưu lại. Một người dẫu không thể từng giờ từng phút suy nghĩ kỹ rồi mới nói hay nói ra những lời đúng mực, nhưng việc ngừng nói ra những lời đùa giỡn bốn cột để ngăn chặn mầm mống của tai họa lại hoàn toàn có thể làm được.

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

~ 157 ~

言而不可復者，君不言也；行而不可再者，君不行也。凡言而不可復，行而不可再者，有國者之大禁也。

(卷三十二 管子)

**Việt ngữ:**

Lời chỉ nói một lần đã không thể nhắc lại, quân chủ sẽ không nói; việc chỉ làm một lần đã không thể làm lại, quân chủ sẽ không làm. Phàm những lời nói không thể nhắc lại, những việc không thể làm lại đều là điều cấm kị lớn nhất của quân chủ.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

~ 158 ~

天子之尊，四海之內，其義莫不為臣。然而養三老於大學<sup>①</sup>，舉賢以自輔弼，求修正之士使直諫。故尊養三老，示孝也；立輔弼之臣者，恐驕也；置直諫之士者，恐不得聞其過也。

(卷十七 漢書五)

**Chú thích:**

(1) Tam Lão là chức vị trong Tam Lão Ngũ Canh được lập ra vào thời xưa, chỉ những người mà bậc thiên tử dùng lễ nghi đối với cha mẹ và huynh trưởng để phụng dưỡng. Đại Học tức Thái Học, là học phủ (trường học) lớn nhất và được đặt ở kinh thành. ‘大’ [đại] chính là chữ cổ của từ ‘太’ [thái];

**Việt ngữ:**

Với sự cao quý của bậc thiên tử, về lý mà nói, trong phạm vi cả nước không có ai mà không phải là

quan viên của họ. Tuy nhiên, thiên tử vẫn phụng dưỡng Tam Lão (theo lễ nghi tôn kính đối với người cha) ở Thái Học, lựa chọn người có đức tài để làm phò tá cho chính mình, tìm kiếm những người tu dưỡng bản thân và làm việc chính nghĩa để (họ) đưa ra lời khuyên cáo thẳng thắn. Bởi vậy, việc cung kính phụng dưỡng Tam Lão là để hiển lộ đạo hiếu; bố trí các hạ thần phò tá là e sợ chính mình sẽ trở nên ngạo mạn; lập ra quan viên thẳng thắn khuyên can là e sợ sẽ không nghe được lỗi lầm của bản thân.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 159 ~

夫為政者，輕一失而不矜<sup>①</sup>之，猶乘無轄<sup>②</sup>之車，安其少進，而不睹其頓躓之患也。夫車之患近，故無不睹焉；國之患遠，故無不忽焉。知其體者，夕惕若厲<sup>③</sup>，慎其愆<sup>④</sup>矣。

(卷四十七 劉廙政論)

Chú thích:

- (1) Giữ gìn một cách cẩn thận, cẩn trọng;
- (2) Cái chốt bằng kim loại ở hai đầu trục của xe, dùng để giữ bánh xe khiến cho không bị rời;
- (3) Sớm tối cảnh giác như khi đối diện với cảnh hiểm nguy, không dám lơ là. ‘若’ [nhược] đồng nghĩa với ‘如’ [như], ‘厲’ [lệ] đồng nghĩa với ‘危’ [nguy];
- (4) Lỗi lầm, tội lỗi.

**Viết ngữ:**

Người trị vì chính sự, nếu lơ là một lỗi nhỏ mà không xử lý thận trọng, tựa như ngồi trên chiếc xe mà không có chốt bằng kim loại ở hai đầu trục, hài lòng với quãng đường ngắn ngủi đi được mà không thấy được hậu họa khi bị lật nhào. Hậu quả của chiếc xe thì gần, bởi vậy ai ai cũng nhìn thấy; hậu họa của đất nước lại ở rất xa, do vậy người ta đều lơ là. Khi nhận thức được tình huống này thì phải sớm tới cảnh giác, như đứng trước cảnh hiểm nguy, cẩn trọng từng giờ từng phút, không dám phạm một sai lầm nhỏ.

(Cuốn 47. *Lưu Dực Chính Luận*)

**9. GIAO HỮU [KẾT GIAO BẠN HỮU]**

~ 160 ~

方<sup>①</sup>以類聚，物以群分，吉凶生矣。方有類，物有群，則有同有異，有聚有分也。順其所同則吉，乖其所趣則凶，故吉凶生矣。

(卷一 周易)

**Chú thích:**

(1) Chung loại.

**Viết ngữ:**

Người trong thiên hạ cùng thực hành một đạo lý sẽ tề tựu bên nhau, còn sự vật lại được phân chia theo

chúng loại. Gắn kết với điều thiện, với người quân tử tất sẽ được tốt lành; gắn kết với điều xấu, với kẻ tiểu nhân tất sẽ gặp việc dữ. Điều tốt lành hay việc hung hiểm cũng đều nảy sinh như vậy.

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 161 ~

孔子曰：『居而得賢友，福之次<sup>①</sup>也。』

(卷四十六 中論)

Chú thích:

(1) Thường chỉ nơi thuộc về.

Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Nơi ở mà có người tài năng đức độ làm bạn, đây chính là nơi mà phúc báu thuộc về.”

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 162 ~

夫人雖有性質美<sup>①</sup>而心辨智<sup>②</sup>，必求賢師而事之，擇賢友而友之。得賢師而事之，則所聞者堯舜禹湯之道也；得良友而友之，則所見者忠信敬讓之行也。身日進於仁義而不自知者，靡<sup>③</sup>使然也。

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Chất phác tốt đẹp;
- (2) Hiểu rõ sự - lý, có tài trí;
- (3) Thấm nhuần dần dần, bị ảnh hưởng.

**Viết ngữ:**

Con người dẫu có thiên tính đôn hậu tốt bụng cùng trí tuệ tinh táo mạch lạc, nhưng nhất định phải tìm người thầy đức độ để học tập, lựa chọn bạn tốt để kết giao. Khi gặp được người thầy đức độ mà học tập theo, những điều nghe và nhìn thấy đều là đạo lý của bậc thánh vương như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ hay vua Thang; có được bạn hiền mà kết giao, những điều thấy được đều là hành động đẹp của sự trung thành, tín nhiệm, cung kính và khiêm nhường. Bản thân ngày một tiến bộ với đạo lý nhân nghĩa mà chính mình cũng không nhận ra, đây chính là do ảnh hưởng của việc mua dầm thấm đất khiến cho như vậy.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 163 ~

人之交士也，仁愛篤恕、謙遜敬讓，忠誠發乎內，信效著乎外，流言無所受，愛憎無所偏，幽閑<sup>①</sup>攻人之短，會友述人之長。有負我者，我又加厚焉；有疑我者，我又加信焉。患難必相及，行潛德而不有，立潛功而不名。孜孜為此，以沒其身，惡有與此人而憎之者也？

(卷四十五 昌言)

Chú thích:

(1) Ngăn chặn, hạn chế.

**Viết ngữ:**

Người với người khi kết giao, phải có tấm lòng nhân ái, khoan dung, nhã nhặn và khiêm nhường. Lòng trung thành xuất phát từ nội tâm, sự tín nhiệm lại hiển lộ ở bên ngoài, không tin nghe lời đồn nhảm nhí, yêu hay ghét đều không thiên vị, ở nơi kín đáo phải cẩn trọng tránh việc chỉ trích khuyết điểm của người, ở nơi đông người phải thường xuyên nói lên ưu điểm của họ. Nếu có người phụ bạc, ta càng phải khoan dung độ lượng với họ; khi có người hoài nghi, ta càng phải thành tín đối với họ. Khi người khác có khó khăn hoạn nạn nhất định phải giúp đỡ, âm thầm ban ơn cho người mà không cầu báo đáp, âm thầm thành tựu việc tốt mà không cần người biết đến. Cứ cẩn mẫn không ngừng nghỉ, cả đời không thay đổi, liệu còn có người nào khi kết giao với người thế này mà vẫn chán ghét họ chứ?

(Cuốn 45. *Xuong Ngôn*)

**10. HỌC VẤN [PHƯƠNG PHÁP NÂNG CAO HỌC VẤN]**

~ 164 ~

今人皆知礪其劍，而弗知礪其身。夫學，身之礪砥<sup>①</sup>也。

(卷三十六 尸子)

Chú thích:

(1) Rèn luyện, nghĩa vốn có là đá mài dao, loại đá mài thô và to là ‘礪’ [lệ], loại nhỏ là ‘砥’ [chỉ].

Viết ngữ:

Ngày nay người ta đều biết mài sắc thanh kiếm của mình, nhưng lại không biết rèn luyện thân tâm của chính mình. Việc tu học, chính là sự mài dũa đối với thân tâm của bản thân.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

~ 165 ~

君子博學，而日三省<sup>①</sup>乎己，則知<sup>②</sup>明而行無過矣。故不登高山，不知天之高也；不臨<sup>③</sup>深谿，不知地之厚也；不聞先王<sup>④</sup>之遺言<sup>⑤</sup>，不知學問之大也。

(卷三十六 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Âm đọc là ‘xǐng’ [tĩnh] kiểm điểm, kiểm tra;
- (2) Đồng nghĩa với từ ‘智’ [trí] thông minh, trí tuệ;
- (3) Nhìn từ trên xuống, ở trên cao nhìn xuống dưới thấp;
- (4) Chỉ bậc minh quân từ thời thượng cổ;
- (5) Như lời giáo huấn của người xưa.



**Việt ngữ:**

Người quân tử phải học tập lời dạy của bậc Thánh Hiền một cách rộng rãi, hơn nữa (noi theo tấm gương của Tãng Tử) hàng ngày phải kiểm điểm thân tâm và hành vi của chính mình liệu có sai sót hay không, cứ thế mà làm tất có thể trở thành một người có trí tuệ sáng ngời mà hành vi không sai sót. Bởi vậy, không lên núi cao sẽ không biết trời cao nhường nào; không nhìn xuống vực sâu sẽ không biết nền đất dày ra sao; không nghe theo lời dạy của bậc thánh vương xưa sẽ không biết được sự lớn lao của đạo lý trong học vấn Thánh Hiền.

(Cuốn 38. Tôn Khanh Tử)

~ 166 ~

古之學者耕且養，三年而通一藝，存其大體<sup>①</sup>，玩<sup>②</sup>經文而已。是故用日約<sup>③</sup>少而蓄德<sup>④</sup>多，三十而五經立也。

(卷十四 漢書二)

**Chú thích:**

- (1) Nghĩa lý quan trọng;
- (2) Nhiều lần chiêm nghiệm;
- (3) Ít, giảm ít, giản lược;
- (4) Tu dưỡng và tích đức.

**Việt ngữ:**

Học giả thời xưa một mặt lao động canh tác, một mặt tu dưỡng đức hạnh và học vấn của chính mình, trong ba năm thông hiểu một bộ kinh, thường là nắm bắt được nghĩa lý quan trọng trong đó, nhiều lần chiêm nghiệm và lãnh hội kinh văn là được. Bởi vậy, tuy thời gian có ít, nhưng đức hạnh tu dưỡng được lại nhiều, đến năm ba mươi tuổi tất có thể thông đạt *Ngũ Kinh*<sup>14</sup> rồi.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 167 ~

君子既學之，患其不博也；既博之，患其不習<sup>①</sup>也；既習之，患其不知<sup>②</sup>也；既知之，患其不能行也；既能行之，患其不能以讓也。君子之學，致此五者而已矣。

(卷三十五 曾子)

**Chú thích:**

(1) Ôn tập;

(2) Giác ngộ, ở đây chỉ sự hiểu.

---

<sup>14</sup> Ngũ Kinh gồm có Kinh Thi, Thượng Thư, Lễ Kí, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

**Việt ngữ:**

Người quân tử sau khi học tập lời dạy của bậc Thánh Hiền, chỉ e điều mà bản thân học được không yên bác; khi học được yên bác rồi, chỉ e bản thân không thể thường xuyên ôn tập; khi đã ôn tập rồi, chỉ e bản thân không thể hiểu được; khi đã hiểu rồi, chỉ e bản thân không thể theo đạo lý đó mà thực hành; khi đã thực hành theo đạo lý rồi, lại e bản thân không thể khiêm tốn nhã nhặn. Khi người quân tử cầu học, nếu có thể thực hành năm phương diện này là được rồi.

(Cuốn 35. *Tăng Tử*)

**11. HỮU HẰNG [KIÊN TRÌ BỀN BỈ]**

~ 168 ~

《象》曰：天地之道，恒久而不已也。得其所久，故不已也。日月得天而能久照，四時變化而能久成，聖人久於其道，而天下化成。言各得所恒，故皆能久長也。觀其所恒，而天地萬物之情可見矣。天地萬物之情，見於所恒也。

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Trong [Thoán Truyện] nói rằng: “Quy luật vận hành của đất trời là sự vận hành bền bỉ, không hề ngừng nghỉ. Mặt trời và mặt trăng nhận được sự nâng đỡ của bầu trời mà có thể không ngừng nghỉ mà soi sáng khắp thiên hạ; bốn mùa biến đổi qua lại, bởi vậy có thể sản sinh vạn vật một cách vĩnh cửu; thánh nhân bền bỉ thực

hành đạo nghĩa của mình, do vậy có thể giáo hóa thiên hạ để xây dựng nền hòa bình và thịnh vượng. Quan sát nghĩa lý tạo nên sự bền bỉ này tất sẽ hiểu được tình hình vạn vật trong đất trời.”

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 169 ~

聖人貴恒，恒者德之固也<sup>①</sup>。聖人久於其道，而天下化成<sup>②</sup>。未有不恒而可以成德，無德而可以持久者也。

(卷五十 袁子正書)

Chú thích:

(1) Được trích từ [Kinh Dịch · Hệ Từ Truyện – Hạ];

(2) Được trích từ [Kinh Dịch · Lôi Phong Hăng].

Viết ngữ:

Bậc thánh nhân đáng quý ở sự bền bỉ, khi có sự bền bỉ mới khiến cho đức hạnh được bền vững. Khi thánh nhân bền bỉ kiên trì với sự nghiệp giáo hóa đạo đức, sự giáo hóa đối với thiên hạ mới có thể thành công. Chưa từng có việc không bền bỉ kiên trì mà có thể thành tựu sự nghiệp giáo hóa đạo đức, cũng chưa từng có việc không có đức hạnh mà có thể khiến cho xã hội an định và thịnh vượng.

(Cuốn 50. *Viên Tử Chính Thư*)

夫筋士<sup>①</sup>不能使人敬之，而志不可奪<sup>②</sup>也；不能使人不憎之，而道不可屈也；不能令人不辱之，而榮在我也；不能令人不擯<sup>③</sup>之，而操之不可改也。

(卷五十 抱朴子)

**Chú thích:**

- (1) Người có khí tiết;
- (2) Dùng sức mạnh để khiến cho dao động, đổi thay; đồng thời cũng có nghĩa do sức mạnh mà bị dao động, biến đổi;
- (3) Bác bỏ, bỏ đi.

**Viết ngữ:**

Người có khí tiết, không thể khiến người tôn trọng bản thân, nhưng chí hướng của họ sẽ không vì sức mạnh mà bị dao động; không thể khiến người không chán ghét bản thân, nhưng chuẩn mực đạo đức của họ sẽ không bị khuất phục; không thể khiến người không lãng mạ bản thân, nhưng sự tôn quý và danh tiếng của nhân cách được giữ mãi trong con người họ; không thể khiến người không bác bỏ bản thân, nhưng khí tiết của họ trước sau không hề thay đổi.

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

12. XỬ THẾ [ĐỐI NHÂN XỬ THẾ]

~ 171 ~

君子體仁，足以長人；嘉<sup>①</sup>會，足以合禮；利物，足以和義；貞固，足以幹事。

(卷一 周易)

Chú thích:

(1) Thiện, tốt đẹp.

Việt ngữ:

Khi người quân tử thông qua việc quan sát và thực hành đạo lý nhân nghĩa tất sẽ phù hợp để lãnh đạo quần chúng. Thành tựu cho sự hội tụ của những điều tốt đẹp tất sẽ phát huy được tác dụng giáo hóa của Lễ. Mang lại lợi ích cho người khác tất sẽ phù hợp với đạo nghĩa. Kiên trì đi theo con đường chính nghĩa sẽ làm được nhiều việc.

(Cuốn 1. Kinh Dịch)

~ 172 ~

子謂子產，有君子之道四焉。子產，公孫僑也。其行己也恭，其事上也敬，其養民也惠，其使民也義。

(卷九 論語)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử khi nhận xét về Tử Sản đã nói rằng: “Ông ấy có bốn phẩm chất và đều là đạo lý của bậc quân tử: Về nhân cách làm người, ông ấy rất khiêm tốn; khi phụng sự quân chủ thì rất cung kính; ông ấy dùng ân huệ để trợ giúp nhân dân; khi sử dụng sức dân (để phục vụ cho việc công) lại rất phù hợp và thích đáng.”

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 173 ~

子曰：『同聲相應，同氣相求，水流濕，火就燥，雲從龍，風從虎，聖人作而萬物睹。』

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Đây là lời tỷ dụ khi những âm thanh tương đồng sẽ cùng cộng hưởng, mùi vị tương tự sẽ quyện vào nhau. Dòng nước thường chảy về bãi đầm lầy, lửa lại luôn cháy ở nơi khô hạn; những đám mây tốt lành sẽ xuất hiện sau tiếng khóc tỉ tê của rồng, những cơn gió lốc sẽ nổi tiếp nhau đến nơi có tiếng hổ gầm. Khi bậc thánh nhân xuất hiện, muôn dân đều ngưỡng mộ họ, thân cận họ và tiếp nhận sự dẫn dắt cũng như giáo hóa của họ.”

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 174 ~

艮，君子以思不出其位。各止其所。不侵官也。

(卷一 周易)

**Viết ngữ:**

Quẻ Cấn (Thuần Cấn), người quân tử khi quan sát thấy hiện tượng của quẻ này, phải kiềm chế dục vọng từ nội tâm, những điều suy nghĩ đến đâu không vượt quá bản phận của mình (giữ đúng bản phận, tôn trọng chức trách và quyền hạn của người chủ sự).

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 175 ~

貴而下賤，則眾弗惡也；富能分貧，則窮乏士弗惡也；智而教愚，則童蒙者不惡也。

(卷八 韓詩外傳)

**Viết ngữ:**

Người ở địa vị cao mà có thể đối xử khiêm tốn với người ở bên dưới, vậy thì quần chúng sẽ không chán ghét họ; người giàu có mà có thể thường xuyên cứu giúp người nghèo khổ, vậy thì người nghèo khổ sẽ không chán ghét họ; người có trí tuệ mà có thể dạy bảo người ngu muội, vậy thì người ngu muội sẽ không chán ghét họ.

(Cuốn 8. *Hán Thi Ngoại Truyện*)



~ 176 ~

孔子曰：『以富貴而下人，何人不與？以富貴而愛人，何人不親？發言不逆，可謂知言矣。』

(卷十 孔子家語)

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Bản thân giàu sang mà vẫn khiêm tốn và nhã nhặn với người, người thế này liệu có ai mà không mong ở cùng họ chứ? Bản thân giàu sang mà thật lòng quan tâm yêu thương người, liệu còn có ai mà không muốn thân cận họ chứ? Ngôn từ không trái ngược với tình người và sự - lý, có thể nói là người biết nói chuyện rồi.”

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 177 ~

一朝之忿，忘其身以及其親，非惑與？

(卷九 論語)

**Việt ngữ:**

Cảm thấy khó khăn với việc nhẫn nhịn nổi tức giận nhất thời, mà quên mất sự an nguy của chính mình và họa phúc liên đới đến cha mẹ cũng như người thân, chẳng phải là quá hồ đồ rồi sao?

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 178 ~

故有理而無益於治者，君子不言；有能而無益於事者，君子弗為。君子非樂有言，有益於治，不得不言；君子非樂有為，有益於事，不得不為。

(卷三十七 尹文子)

**Viết ngữ:**

Suy nghĩ của bản thân tuy có đạo lý, nhưng nếu không có lợi ích đối với việc trị vì đất nước, người quân tử tuyệt đối không nói ra; bản thân tuy có tài năng, nhưng nếu không có lợi ích đối với việc thành tựu sự nghiệp, người quân tử cũng tuyệt đối không đi làm. Người quân tử thực ra không thích nói nhiều lời, nhưng vì có lợi cho việc trị vì đất nước mà không thể không nói lời khuyên can; người quân tử thực ra không thích nhiều chuyện, nhưng vì có lợi cho việc thành tựu sự nghiệp mà không thể không đi làm.

(Cuốn 37. *Doãn Văn Tử*)

\*\*\*

**CHƯƠNG IV**  
**VI CHÍNH**  
**[ĐIỀU HÀNH ĐẤT NƯỚC]**

1. VỤ BẢN [TUÂN THỦ PHÉP TÁC]

~ 179 ~

楚莊王<sup>①</sup>問詹何曰：『治國奈何？』詹何蓋隱者也。詹何對曰：『何<sup>(本書何作臣)</sup>明於治身，而不明於治國也。』楚王曰：『寡人得奉宗廟<sup>②</sup>社稷<sup>③</sup>，願學所以守之。』詹何對曰：『臣未嘗聞身治而國亂者也，又未嘗聞身亂而國治者也。故本在身，不敢對以末。』楚王曰：『善。』

(卷三十四 列子)

Chú thích:

- (1) Sở Trang Vương, hay còn gọi là Kinh Trang Vương. Là con trai của Sở Mục Vương – một trong năm vị bá chủ thời Xuân Thu;
- (2) Tông miếu hoặc nhà thờ cúng tổ tiên;
- (3) ‘社’[xã] thần thổ địa, ‘稷’[tắc] thần lúa. Đất đai và lúa gạo là nền tảng của một đất nước, thời xưa khi dựng nước trước tiên phải cúng tế thần xã và thần tắc, sau này ‘xã tắc’ trở thành từ thay thế của đất nước.

Viết ngữ:

Sở Trang Vương hỏi Chiêm Hà<sup>15</sup> rằng:

---

<sup>15</sup> Chiêm Hà, một đạo gia sống ẩn dật và cũng là người thường dùng câu chuyện làm bằng thân trúc rất nhỏ để uốn. Ông thường ngồi câu cá một cách thụ động để thu hút sự chú ý của Sở Vương (thể kỷ 6

- Xin hỏi phải trị vì đất nước như thế nào?

Chiêm Hà đáp rằng:

- Thần chỉ hiểu đạo lý tu thân mà không hiểu đạo lý trị nước.

Sở Vương lại nói:

- Quả nhân được thờ phụng tổ tiên, lãnh đạo đất nước, mong rằng học được phương pháp để mà giữ vững.

Chiêm Hà đáp rằng:

- Thần chưa từng nghe nói bản thân quân chủ tu dưỡng rất tốt mà đất nước lại hỗn loạn, cũng chưa từng nghe bản thân quân chủ tu dưỡng không tốt mà đất nước lại thái bình và thịnh vượng, bởi vậy cái gốc của việc trị nước nằm ở việc tu dưỡng bản thân của quân chủ, còn những việc không quan trọng khác thần không dám thưa với ngài.

Sở Vương đáp lại:

---

TCN) – người nhận được lời khuyên như thế này từ ông: “Đây cũng là cách mà thần có thể dùng những thứ mềm yếu mà kiểm soát được những thứ mạnh mẽ, những thứ nhẹ nhàng mà mang được những thứ nặng nề. Nếu đại vương ngài mà trị vì đất nước được như thế, vậy thì việc của thiên hạ chỉ cần một tay cũng có thể ứng phó, liệu còn điều gì mà ngài không ứng phó được đây?” (Littlejohn and Dippman 2011).

- Khanh nói rất đúng.

(Cuốn 34. *Liệt Tử*)

~ 180 ~

民心莫不有治道，至於用之則異矣。或用乎人，或用乎己。用乎己者，謂之務本；用乎人者，謂之追<sup>(追作近，下同)</sup>末。君子之治之也，先務其本，故德建而怨寡；小人之治之也，先追其末，故功廢而仇多。

(卷四十六 中論)

### **Viết ngữ:**

Trong lòng mỗi người đều có biện pháp để trị vì, nhưng về việc áp dụng ra sao thì mỗi người mỗi khác. Có người thì thực hiện từ việc chinh đốn người khác, có người lại thực hiện từ việc tu sửa chính mình. Lựa chọn từ việc tu sửa chính mình, được gọi là nỗ lực từ nền tảng; lựa chọn từ việc chinh đốn người gọi là chú trọng vào cạnh ngọn. Người quân tử khi xử lý công việc, trước tiên phải đốc sức từ nền tảng (sửa mình), bởi vậy mới có thể vun bồi được đức hạnh và xây dựng sự nghiệp mà lại rất hiếm khi kết oán với người; kẻ tiểu nhân khi xử lý công việc thường theo đuổi từ cạnh ngọn (chinh đốn người) trước tiên, bởi vậy sự nghiệp không thể kiến tạo mà oán thù lại có rất nhiều.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 181 ~

為治之本務，在於安民。安民之本，在於足用。足用之本，在於勿奪時。勿奪時之本，在於省事。省事之本，在於節欲。節欲之本，在於反性。

(卷四十一 淮南子)

**Viết ngữ:**

Gốc rễ của việc trị quốc nằm ở việc khiến cho muôn dân được an định. Gốc rễ để an định muôn dân nằm ở việc khiến họ được cơm no áo ấm. Gốc rễ của việc muôn dân được cơm no áo ấm nằm ở việc không để lỡ thời vụ của họ. Gốc rễ của việc không để muôn dân bị lỡ thời vụ nằm ở việc giảm thiểu lao dịch. Gốc rễ của việc giảm thiểu lao dịch nằm ở việc quân vương phải tiết chế sự tham dục đối với vật chất. Gốc rễ của việc tiết chế sự tham dục vật chất nằm ở việc quay trở về với thiên tính thanh tịnh không tham dục.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 182 ~

能成霸王者，必得勝者也。能勝敵者，必強者也。能強者，必用人力者也。用人力者，必得人心者也。能得人心者，必自得<sup>①</sup>者也。能自得者，必柔弱者也。

(卷三十五 文子)

Chú thích:

(1) Phù hợp với đạo nghĩa một cách tự nhiên.

Việt ngữ:

Lão Tử dạy rằng: “Người có thể thành tựu sự nghiệp xưng bá, nhất định phải là người đạt được thắng lợi. Người có thể chiến thắng đối thủ, nhất định phải là người có quyền lực. Người có thể trở thành người quyền lực, nhất định phải là người có thể vận dụng sức mạnh của người khác. Người có thể vận dụng sức mạnh của người khác, nhất định phải là người thu phục được lòng người. Người có thể thu phục lòng người, nhất định phải là người phù hợp với đạo nghĩa. Người phù hợp với đạo nghĩa, nhất định phải là người có tấm lòng nhu hòa và khiêm nhường.”

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 183 ~

聖王宣德流化<sup>①</sup>，必自近始。朝廷不備，難以言治；左右不正，難以化遠。

(卷十九 漢書七)

Chú thích:

(1) Mở rộng sự nghiệp giáo hóa.



**Việt ngữ:**

Bậc minh quân muốn đề cao nhân đức và thúc đẩy sự nghiệp giáo hóa, tất yếu phải bắt đầu từ nơi gần gũi với chính mình. Triều đình nếu còn chưa có được đạo đức nhân nghĩa, sẽ khó bàn đến việc trị vì thiên hạ cho tốt; cận thần xung quanh nếu không đủ mẫu mực, sẽ khó mà khiến cho sự nghiệp giáo hóa được vươn xa.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

~ 184 ~

凡為天下治國家，必務其本也。務本莫貴於孝。人主孝，則名章榮，天下譽。<sup>譽，樂。</sup>人臣孝，則事君忠，處官廉，臨難死。士民孝，則耕芸疾，守戰固，不疲北。夫執一術而百喜至，百邪去，天下從者，其唯孝乎！

(卷三十九 呂氏春秋)

**Việt ngữ:**

Tự chung, quân vương khi thống nhất thiên hạ và trị vì đất nước, nhất định phải ra sức bắt tay từ nền tảng, việc dốc sức từ nền tảng không có điều gì quan trọng hơn đạo hiếu. Nếu quân vương hiếu kính với cha mẹ, không những thanh danh và vinh quang sẽ hiển bày mà thiên hạ cũng được an lạc. Nếu hạ thần hiếu kính với cha mẹ, sẽ trung thành và tận hết trách nhiệm khi phò tá quân chủ, cũng sẽ thanh liêm chính trực khi làm quan, cũng có thể dũng cảm quên mình khi lâm nạn. Nếu nhân

sĩ và muôn dân hiếu kính với cha mẹ, sẽ càng nỗ lực hơn với việc canh tác, ý chí kiên định khi tác chiến bảo vệ đất nước và sẽ không vì thất bại mà tháo chạy. Nếu có được một phương pháp mà có thể khiến cho mọi điều thiện đều đến, mọi điều tà đều rời đi, khiến thiên hạ quy thuận, phương pháp này có lẽ chỉ là đạo hiếu thôi!

(Cuôn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 185 ~

治之本仁義也，其末，法度也。先本後末，謂之君子；先末後本，謂之小人。法之生也，以輔義。重法棄義，是貴其冠履，而忘其頭足也。

(卷三十五 文子)

### **Việt ngữ:**

Nền tảng của việc trị quốc là đề cao nhân nghĩa, sau đó mới là thực thi pháp chế. Người mà ưu tiên nền tảng và đặt cảnh ngọn ở sau được gọi là bậc quân tử; người ưu tiên cảnh ngọn và đặt nền tảng ở sau được gọi là người phàm. Sự ra đời của luật pháp là để trợ giúp cho việc thúc đẩy đạo đức nhân nghĩa. Nếu chỉ chú trọng vào luật pháp mà ruồng bỏ nhân nghĩa, điều này tựa như chỉ chú ý vào chiếc mũ và đôi giày mà quên mất phần đầu và đôi chân của chính mình vậy.

(Cuôn 35. *Văn Tử*)

~ 186 ~

政以得賢為本，理<sup>①</sup>以去穢<sup>②</sup>為務。

(卷二十三 後漢書三)

**Chú thích:**

- (1) Trị vì, chỉnh đốn;
- (2) Người ác, kẻ xấu.

**Viết ngữ:**

Đề nắm quyền hành phải xem việc có được người tài năng đức độ làm gốc, đề trị vì đất nước phải xem việc trừ bỏ kẻ gian tà là nhiệm vụ trọng yếu.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 187 ~

有亂君，無亂國；有治人<sup>①</sup>，無治法。羿之法未亡也，而羿不世中；禹之法猶存，而夏不世王。故法不能獨立，得其人則存，失其人則亡。法者，治之端<sup>②</sup>也；君子者，法之源也。故有君子，則法雖省，足以遍矣；無君子，則法雖具，足以亂矣。故明主急得其人，而闇主急得其勢。急得其人，則身逸而國治，功大而名美；急得其勢，則身勞而國亂，功廢而名辱。

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Nhân tài có thể trị vì đất nước;
- (2) Bắt đầu.

Viết ngữ:

Chỉ có kẻ hôn quân gây ra cảnh đất nước hỗn loạn, chứ không có đất nước vốn đã bị hỗn loạn. Có nhân tài trị vì được đất nước, chứ không có phương pháp không cần nhân tài trị vì mà có thể khiến đất nước được an định. Tài bản cung của Hậu Nghệ không hề mất đi, nhưng Hậu Nghệ không thể khiến hậu thế nhiều đời sau đều có thể trăm phát trăm trúng; phương pháp trị quốc của vua Vũ vẫn còn đó, nhưng nhà Hạ vẫn không thể đời đời mà xưng vương trong thiên hạ. Bởi vậy, phương pháp trị quốc không thể tồn tại độc lập, khi có được nhân tài thực thi thì mới có thể tồn tại, khi để mất người có thể thực thi tất sẽ bị mất đi. Phương pháp là khởi đầu của việc trị vì đất nước; người quân tử là căn nguyên của phương pháp trị quốc. Bởi vậy, khi có người quân tử, pháp lệnh tuy có giản đơn nhưng cũng đủ để trị vì được tất cả; khi không có người quân tử, pháp lệnh dẫu vô cùng mỹ mãn cũng đủ khiến cho xã hội hỗn loạn. Bởi vậy, bậc quân vương sáng suốt sẽ nóng lòng để có được bậc quân tử trị quốc, còn quân chủ hồ đồ và ngu muội lại nóng lòng để đạt được quyền thế. Nếu nóng lòng để có được bậc quân tử trị nước, bản thân sẽ được thư thái dễ chịu, mà đất nước lại được thịnh vượng, sự nghiệp lớn mạnh mà thanh danh lại được lưu truyền; khi nóng lòng để đạt được quyền thế, tất sẽ thân

tâm khó nhọc mà đất nước lại hỗn loạn, sự nghiệp bị hủy hoại mà danh tiếng cũng bị phá hỏng.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 188 ~

君之所慎者四：一曰大位<sup>(位作德)</sup>不至仁，不可授國柄；二曰見賢不能讓，不可與尊位；三曰罰避親貴，不可使主兵；四曰不好本事，不務地利，而輕賦斂，不可與都邑。此四務者，安危之本也。

(卷三十二 管子)

### **Việt ngữ:**

Có bốn điều người quân tử cần thận trọng khi đối diện:

1. Ca ngợi đạo đức nhưng lại không làm được điều nhân nghĩa. Người thế này không thể giao cho trọng trách của đất nước;
2. Khi gặp người có tài đức mà không thể khiêm nhường. Người thế này không thể ban cho tước vị cao quý;
3. Khi thực thi việc trừng phạt mà lại né tránh người thân, người có quyền hành và giàu sang. Người thế này không thể để họ lãnh đạo quân đội;
4. Không chú trọng nghề nông, không coi trọng việc cải thiện đất đai mà tùy tiện thu tô thuế.

Người thế này không thể để họ đảm nhiệm chức quan ở địa phương.

Bốn điều quan trọng này chính là gốc rễ cho sự an – nguy của đất nước.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

~ 189 ~

食者民之本也，民者國之本也，國者君之本也。

(卷四十一 淮南子)

**Việt ngữ:**

Lương thực là cơ sở để nhân dân tồn tại; nhân dân là cơ sở để đất nước tồn tại và đất nước là cơ sở để bậc quân vương lập thân.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 190 ~

夫君尊嚴而威，高遠而危；民者卑賤而恭，愚弱而神。惡之則國亡，愛之則國存。御民者必明此要。

(卷四十八 體論)

**Việt ngữ:**

Làm bậc quân vương, dẫu trang trọng nghiêm nghị mà oai nghi với thiên hạ, nhưng khi ở trên cao và

cách biệt lại đầy rẫy hiểm nguy; làm một thường dân, dẫu địa vị thấp hèn mà cung kính vâng theo, ngò nghêch yếu đuối nhưng lại có sức mạnh khó lường. Quân vương nếu không tôn trọng muôn dân, đất nước tất sẽ bị diệt vong; quân vương nếu yêu thương và che chở muôn dân, đất nước tất sẽ tồn tại và phát triển. Người trị vì dân chúng nhất định phải hiểu rõ đạo lý này.

(Cuốn 48. *Thê Luận*)

~ 191 ~

案<sup>①</sup>今年計，子弟殺父兄，妻殺夫者，凡二百二十二人。臣愚以為此非小變也。今左右不憂此，乃欲發兵報織介<sup>②</sup>之忿於遠夷，殆<sup>③</sup>孔子所謂『吾恐季孫之憂，不在顛隄，而在蕭牆之內者也<sup>④</sup>』。

(卷十九 漢書七)

Chú thích:

- (1) Đồng nghĩa với ‘按’ [án] tuân theo, căn cứ vào;
- (2) Nhỏ bé;
- (3) Có lẽ;
- (4) ‘顛隄’ [Chuyên Du] một nước chư hầu lệ thuộc vào nước Lỗ. ‘蕭牆’ [tiêu tường] bức tường ngăn che chắn ở trong cung thất thời xưa, dùng để chỉ việc nội bộ. ‘蕭’ đồng âm với ‘肅’ [túc]. Ở đây dẫn câu trả lời của Khổng Phu Tử khi Nhiễm Hữu và Tử Lộ thưa việc tướng quân dòng họ Lý đem quân đánh Chuyên Du từ cuốn [Luận Ngữ · Lý Thị].

**Việt ngữ:**

Theo thống kê năm nay, án mạng mà kẻ giết cha và huynh trưởng, vợ giết chồng đã có hai trăm hai mươi hai vụ, thần thiết nghĩ đây không phải là biến cố nhỏ. Hiện nay, quần thần xung quanh hoàng thượng không lo lắng việc này mà lại bàn việc đưa quân đi báo thù cho mỗi oán hận vật vãnh ở nơi biên ải. Đây có lẽ cũng chính là đạo lý mà Khổng Phu Tử đã nói “Ta e rằng mỗi lo ngại của Lý Tôn Thị không phải ở Chuyên Du mà ở nội bộ của chính mình.”

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

~ 192 ~

夫用天之道，分地之利，六畜生於時，百物取於野，此富國之本也……故為政者，明督工商，勿使淫偽；困辱遊業<sup>①</sup>，勿使擅利；寬假<sup>②</sup>本農，而寵遂<sup>③</sup>學士。則民富而國平矣。

(卷四十四 潛夫論)

**Chú thích:**

- (1) Nghề nghiệp lưu động, ví dụ như nghề buôn bán, v.v...;
- (2) Khoan dung, dễ dãi;
- (3) Khiến cho hiển lộ sự tôn quý và niềm vinh dự.



**Việt ngữ:**

Tận dụng thời tiết tự nhiên, phân chia rõ ràng sự cao thấp hay tốt xấu của đất đai (để tận dụng triệt để), sự sinh trưởng của các loài gia súc đều phù hợp với thời vụ, vạn vật đều được thu hoạch từ đồng ruộng, đây chính là nền tảng khiến cho đất nước được giàu mạnh.... Bởi vậy, người nắm quyền điều hành phải giám sát cho kỹ người thợ thủ công và thương nhân, không để họ làm điều giả dối và lừa gạt; hạn chế các ngành nghề lưu động như công việc buôn bán thấp hèn, không để họ độc chiếm lợi ích; khoan dung với người làm nghề nông, khiến cho nhân sĩ thông hiểu học vấn Thánh Hiền nhận được sự tôn vinh. Có như vậy, muôn dân sẽ được sung túc mà đất nước lại được thái bình.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

**2. TRI NHÂN [ĐÁNH GIÁ CON NGƯỜI]**

~ 193 ~

咎繇曰：都！亦<sup>①</sup>行有九德。言人性行有九德，以考察真偽，則可知也。寬而栗<sup>②</sup>，性寬宏而能莊栗也。柔而立，和柔而能立事。愿<sup>③</sup>而恭，愨愿而恭恪也。亂<sup>④</sup>而敬，亂，治也。有治而能謹敬也。擾<sup>⑤</sup>而毅，擾，順也。致果為毅也。直而溫，行正直而氣溫和也。簡<sup>⑥</sup>而廉<sup>⑦</sup>，性簡大而有廉隅也。剛而塞<sup>⑧</sup>，剛斷而實塞也。彊而義。無所屈撓，動必合義。彰厥有常<sup>⑨</sup>，吉哉。彰，明也。吉，善也。明九德之常，以擇人而官之，則政之善也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Là trợ từ, không có nghĩa cụ thể;
- (2) Trang nghiêm cung kính, nghiêm túc;
- (3) Chất phác mộc mạc, kính cẩn;
- (4) Thái bình, trị vì;
- (5) An ủi, ôn hòa;
- (6) Giản đơn, không khát khe với những vấn đề vụn vặt;
- (7) Góc cạnh, đề chỉ hành vi hoặc phẩm chất mẫu mực không tùy tiện;
- (8) Trung thành thật thà;
- (9) Thông lệ, quy luật. Ở đây chỉ chuẩn mực đạo đức.

Viết ngữ:

Cao Dao nói rằng: “Hỡi ôi! Phẩm chất con người có chín loại:

1. Thiên tính rộng lượng mà không bị mất vẻ cung kính chừng mực;
2. Tính cách uyên chuyên mà có thể xây dựng cơ đồ;
3. Thật thà trung hậu mà lại khiêm nhường nghiêm túc;
4. Giỏi việc xử lý chính sự mà vẫn cung kính cẩn trọng;
5. Cư xử nhã nhặn mà có thể dũng cảm mưu trí;
6. Lời nói, cử chỉ chính trực mà thái độ lại ôn hòa;
7. Tính tình bình dị mà có khí tiết;
8. Tính cách quyết đoán mà trung thành vững chãi;
9. Kiên cường bất khuất mà từng hành vi cử chỉ đều phù hợp với đạo nghĩa.

Nếu tuyên dương những người phù hợp với chín chuẩn mực đạo đức này, thiên hạ tự sẽ tốt lành.

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 194 ~

故論人之道：貴即觀其所舉，富即觀其所施，窮則觀其所不受，賤即觀其所不為。視其所患難，以知其勇；動以喜樂，以觀其守；委以貨財，以觀其仁；振<sup>①</sup>以恐懼，以觀其節。如此即人情<sup>②</sup>得矣。

(卷三十五 文子)

**Chú thích:**

- (1) Đồng nghĩa với ‘震’ [chấn] uy hiếp;
- (2) Tình trạng chân thực.

**Viết ngữ:**

Bởi vậy, phương pháp để đánh giá một người là: Nếu là người cao quý, phải xem người mà anh ta tiến cử là người như thế nào? Nếu là người giàu có, phải xem người mà anh ta ban phát là người như thế nào? Nếu là người nghèo khổ, phải xem thứ mà anh ta không tiếp nhận là gì? Nếu là người có địa vị thấp kém phải xem điều anh ta không làm là gì? Quan sát nhất cử nhất động khi phải đối mặt với sự khôn khó để hiểu mức độ dũng cảm của họ; đem những thứ hoan lạc mà tác động để hiểu khí tiết của họ; đem giao vật chất để thử thách lòng nhân đức của họ; dùng sự khiếp sợ mà uy hiếp để hiểu

khí phách của họ. Như thế này đã có thể hiểu được tình trạng chân thực của họ rồi.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

### 3. NHẠM SỬ [BỔ NHIỆM]

~ 195 ~

正臣進者，治之表也；正臣陷者，亂之機<sup>①</sup>也。

(卷十五 漢書三)

#### Chú thích:

(1) Điềm báo, dấu hiệu.

#### Viết ngữ:

Khi trung thần được trọng dụng, đây là dấu hiệu của sự thịnh trị; khi trung thần bị hãm hại, đó chính là điềm báo của sự hỗn loạn.

(Cuốn 15. *Hán Thư* – Tập 3)

~ 196 ~

故夫處<sup>①</sup>天下之大道而智不窮，興天下之大業而慮不竭，統齊群言之類而口不勞，兼聽古今之辨而志不倦者，其唯用賢乎。

(卷五十 袁子正書)

#### Chú thích:

(1) Định đoạt, quyết đoán.

**Việt ngữ:**

Bởi vậy, để định đoạt quyết sách trọng đại của thiên hạ mà trí huệ không bị cạn kiệt, tạo lập sự nghiệp vĩ đại của thiên hạ mà tư tưởng không hề khô cạn, thống nhất lời của trăm họ mà miệng lưỡi không hề mệt mỏi, nghe lời đàm luận từ cổ chí kim mà tâm trí không biết chán chường, chỉ có biện pháp sử dụng bậc hiền tài này thôi.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 197 ~

古之聖王，所以潛處<sup>①</sup>重闈<sup>②</sup>之內而知萬里之情，垂拱<sup>③</sup>衽席<sup>④</sup>之上而明照八極<sup>⑤</sup>之際者，任賢之功也。

(卷二十八 吳志下)

**Chú thích:**

- (1) Sóng ẩn dật;
- (2) Nhiều lớp cửa ở cung điện, dùng để chỉ nơi thâm cung;
- (3) Buông áo chấp tay, không đích thân xử lý sự vụ. Thường chỉ việc trị vì theo tư tưởng vô vi của bậc đế vương;
- (4) Giường và chiếu, dùng để chỉ nơi ngủ nghỉ. ‘衽’ [nhẫm] chỉ phòng nghỉ, giường đệm;

(5) Nơi xa xôi.

**Viết ngữ:**

Bậc thánh vương thời xưa dẫu ở tận nơi thâm cung mà vẫn nắm được sự tình xa hàng vạn dặm; buông áo chấp tay trên giường mà vẫn tỏ tường tình hình ở nơi xa xôi nhất. Đó chính là bởi kết quả của việc trọng dụng bậc hiền tài.

(Cuốn 28. *Ngô Chí – Hạ*)

~ 198 ~

遭良吏，則皆懷忠信而履仁厚；遇惡吏，則皆懷奸邪而行淺薄。忠厚積則致太平，奸薄積則致危亡。

(卷四十四 潛夫論)

**Viết ngữ:**

Nhân dân khi gặp được vị quan tốt, trong lòng đều sẽ nhớ về điều trung tín để rời phẩm chất trở nên nhân hậu; khi gặp viên quan bất lương, trong lòng sẽ nhớ về sự gian tà mà hành vi lại lơ là. Khi điều trung tín và nhân hậu được lan tỏa tất sẽ thực hiện được ước nguyện thiên hạ thái bình, khi điều gian tà khắc nghiệt bị lưu truyền sẽ dẫn đến cảnh thiên hạ bị nguy nan.

(Cuốn 44. *Tiềm Phu Luận*)

~ 199 ~

賢主必自知士，故士盡力竭智，直言交爭<sup>①</sup>，而不辭其患。士為知己者死，故盡力竭智，何患之辭也。

(卷三十九 呂氏春秋)

Chú thích:

(1) Thẳng thắn khuyên can lẫn nhau.

Viết ngữ:

Sở dĩ minh chủ trở thành bậc minh chủ nhất định là bởi họ có thể tán thưởng và trọng dụng bậc hiền sĩ, có như vậy người tài năng khi dốc hết tâm sức và trí tuệ mà thẳng thắn khuyên can, cũng không lo lắng gây ra hậu họa.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 200 ~

非獨臣有不盡忠，亦主有不能使也。百里奚愚於虞，而智於秦；豫讓苟容中行，而著節<sup>①</sup>智伯。斯則古人之明驗矣。

(卷二十五 魏志上)

Chú thích:

(1) Hiền lộ khí phách.

**Việt ngữ:**

(Việc trị quốc không có hiệu quả rõ ràng) không chỉ bởi hạ thần không tận trung, mà việc quân chủ không giỏi dùng người cũng là một trong các nguyên nhân. Bách Lý Hề khi ở nước Ngưu thể hiện là kẻ ngu độn, nhưng khi ở nước Tần lại thể hiện là người rất có trí tuệ; Dự Nhượng khi phò tá họ Trung Hàng chỉ là sống tạm bợ để giữ thân, nhưng khi phò tá Trí Bá lại hiển lộ được khí phách của mình. Đây đều là những minh chứng rất rõ ràng của người xưa.

(Cuốn 25. *Nguy Chí* – Thượng)

~ 201 ~

聖主者，舉賢以立功，不肖主舉其所與同。

(卷四十一 淮南子)

**Việt ngữ:**

Bậc quân vương anh minh thường trọng dụng nhân tài để gây dựng cơ đồ, còn hàng quân chủ bất tài chỉ trọng dụng những kẻ có cùng sở thích và tập khí với chính mình.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)



~ 202 ~

明主任人之道專，致人之道博。任人道專，故邪不得間<sup>①</sup>。致人之道博，故下無所壅。任人之道不專，則讒說起而異心生。致人之道不博，則殊塗塞而良材屈。

(卷四十九 傅子)

**Chú thích:**

(1) Đọc là ‘jiàn’, có nghĩa là gây xích mích chia rẽ, khiến cho người bất hòa.

**Viết ngữ:**

Phương pháp dùng người của bậc minh quân mà nhất quán, con đường chiêu mộ người tài sẽ rộng mở. Khi phương pháp dùng người nhất quán, kẻ tà ác sẽ không thể ly gián. Khi con đường chiêu mộ người tài rộng mở, việc tiến cử người tài mới không bị tắc nghẽn. Nếu phương pháp dùng người không nhất quán, lời gièm pha sẽ xuất hiện, sự thay lòng đổi dạ sẽ nảy sinh. Khi con đường chiêu mộ người tài không được rộng mở, mọi ngã đường sẽ bị tắc nghẽn, mà nhân tài rồi cũng bị mai một.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 203 ~

選舉莫取有名，名如畫地作餅，不可啖<sup>①</sup>。

(卷二十六 魏志下)

Chú thích:

(1) Ăn.

**Việt ngữ:**

Khi tuyển chọn nhân tài đừng nên chỉ biết chọn người có tiếng tăm, danh tiếng tựa như chiếc bánh vẽ trên mặt đất, là thứ không thể ăn được.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 204 ~

故構<sup>①</sup>大廈者，先擇匠，然後簡材；治國家者，先擇佐<sup>②</sup>，然後定民。

(卷四十九 傅子)

Chú thích:

(1) Dựng nhà, gây dựng;

(2) Đại thần xung quanh.

**Việt ngữ:**

Bởi vậy, người xây dựng tòa tháp lớn, trước hết phải lựa chọn người thợ, sau đó mới chuẩn bị vật tư; đối với quân vương trị quốc, trước tiên phải lựa chọn quan viên tốt, rồi mới có thể trị vì được muôn dân.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 205 ~

柔遠<sup>①</sup>和邇<sup>②</sup>，莫大寧民<sup>③</sup>。寧民之務，莫重用賢。  
用賢之道，必存<sup>④</sup>考黜<sup>⑤</sup>。

(卷二十三 後漢書三)

**Chú thích:**

- (1) Động viên người ở xa hoặc đất nước ở nơi xa xôi;
- (2) Gần;
- (3) An dân, khiến cho người dân được an định;
- (4) Lập, thiết lập;
- (5) Sát hạch để xác định việc thăng quan hay giáng chức theo tiêu chuẩn nhất định.

**Viết ngữ:**

Đối với việc động viên nơi xa xôi hẻo lánh và thuận hòa với nơi gần gũi, không có điều gì quan trọng bằng việc khiến cho nhân dân được an định. Mấu chốt của việc khiến cho nhân dân an định không có gì quan trọng hơn việc trọng dụng nhân tài. Biện pháp trọng dụng nhân tài là nhất định phải lập ra chế độ sát hạch và bãi nhiệm.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 206 ~

治亂榮辱之端，在所信任。所信任既賢，在於堅固而不移。

(卷十五 漢書三)

**Việt ngữ:**

Điểm xuất phát của sự an định hay động loạn, vinh quang hay ô nhục nằm ở chính con người được quân vương tin tưởng và trọng dụng. Khi người được tín nhiệm đã là bậc hiền tài rồi, vậy thì phải kiên định mà tin tưởng họ mà không dao động.

(Cuốn 15. *Hán Thư* – Tập 3)

~ 207 ~

昔之獄官，唯賢是任，故民無冤枉。升泰<sup>①</sup>之祚，實由此興。

(卷二十七 吳志上)

**Chú thích:**

(1) Bản lưu hành rộng rãi của [Tam Quốc Chí] thường ghi chép là ‘休泰’ [hưu thái]. ‘升泰’ [thăng thái] có nghĩa là thái bình an định, [hưu thái] an Khang, ổn định.

**Việt ngữ:**

Quan viên chuyên trách bộ hình trước đây, chỉ có nhân tài đức độ mới được đảm nhiệm, bởi thế mà muôn dân không bị oan khuất. Điểm lành của sự an định thái bình kỳ thực bắt đầu từ đây vậy.

(Cuốn 27. *Ngô Chí* – Thượng)

~ 208 ~

耳不知清濁<sup>①</sup>之分者，不可令調音；心不知治亂之源者，不可令制法度<sup>(無度字)</sup>。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

(1) Âm thanh và âm trầm trong âm nhạc.

Việt ngữ:

Người mà tai không thể phân biệt âm thanh hay trầm, không thể để họ hòa âm; người mà trong lòng không hiểu được căn nguyên của thái bình và động loạn, không thể để họ đề ra pháp lệnh.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 209 ~

是故有大略<sup>①</sup>者，不可責<sup>②</sup>以捷巧；有小智者，不可任以大功<sup>③</sup>。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

(1) Mưu lược có tầm nhìn xa rộng. ‘略’ [lược] mưu lược, mưu trí;

(2) Yêu cầu, kỳ vọng;

(3) Sự việc, sự nghiệp.

**Viết ngữ:**

Đối với người tài ba lỗi lạc, không thể đòi hỏi họ nhanh nhẹn và lanh lợi; đối với người có chút ít tài trí, không thể bổ nhiệm họ đi thực hiện sự nghiệp lớn lao.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

**4. CHÍ CÔNG [TOÀN TÂM VỚI VIỆC CÔNG]**

~ 210 ~

先聖王之治天下也，必先公，公則天下平。<sup>平，和。</sup>

(卷三十九 呂氏春秋)

**Viết ngữ:**

Bậc thánh vương xưa kia khi trị vì thiên hạ, nhất định phải đặt chí công vô tư lên hàng đầu. Khi xử lý công việc mà chí công vô tư, thiên hạ tất sẽ thái bình an hòa.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 211 ~

見人有善，如己有善；見人有過，如己有過。天無私於物，地無私於物，襲<sup>①</sup>此行者，謂之天子。

(卷三十六 尸子)

**Việt ngữ:**

Khi thấy người khác có việc làm thiện, tựa như chính mình hành thiện; khi thấy người khác có lỗi lầm, tựa như chính mình có lỗi. Đạo trời đối với vạn vật là vô tư không đòi hỏi, đạo của đất đối với vạn vật cũng vô tư không đòi hỏi, người mà có thể tiếp thu hành động vô tư này của trời đất mới xứng làm bậc thiên tử.

(Cuốn 36. *Thi Tử*)

**5. CƯƠNG KỸ [KỸ CƯƠNG PHÉP NƯỚC]**

~ 212 ~

先王之政：一曰承天，二曰正身，三曰任賢，四曰恤民，五曰明制，六曰立業。承天惟允，正身惟恒，任賢為固，恤民惟勤<sup>①</sup>，明制惟典<sup>②</sup>，立業惟敦，是謂政體。

(卷四十六 申鑒)

**Chú thích:**

- (1) Hết lòng hết sức, không hề nuôi tiếc;
- (2) Luân thường đạo lý.

**Việt ngữ:**

Nguyên tắc cho nền chính trị của bậc thánh vương thời xưa như sau:

1. Thuận theo quy luật tự nhiên;

2. Tự chỉnh đốn bản thân để lấy mình làm tấm gương;
3. Trọng dụng người có đức tài;
4. Dõi theo dân tình;
5. Đặt ra chế độ luật pháp hợp lý;
6. Thành tựu sự nghiệp quốc thái dân an.

Trung thành chân thật tuân theo đạo trời, tu sửa bản thân một cách kiên trì không ngừng nghỉ, trọng dụng bậc hiền tài một cách kiên định không dao động, dòm hết tâm trí để dõi theo dân tình, dựa vào luân thường đạo lý để thiết lập pháp chế, gây dựng cơ đồ một cách đôn hậu và trung thực. Đây chính là yếu lĩnh trị quốc của bậc thánh vương thời xưa.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

~ 213 ~

武王問太公曰：『吾欲以一言與身相終，再言與天地相永，三言為諸侯雄，四言為海內宗<sup>①</sup>，五言傳之天下無窮，可得聞乎？』太公曰：『一言以身相終者，內寬而外仁也；再言與天地相永者，是言行相副，若天地無私也；三言為諸侯雄者，是敬賢用諫，謙下於士也；四言為海內宗者，敬接不肖，無貧富，無貴賤，無善惡，無憎愛也；五言傳之天下無窮者，通於否泰<sup>②</sup>，順時<sup>③</sup>容養也。』

(卷三十一 陰謀)



Chú thích:

- (1) Người nói dối, nắm quyền;
- (2) Tên hai quẻ trong [*Kinh Dịch*]. Trời đất giao hòa, vạn vật hanh thông được gọi là ‘Quẻ Thái’ (Địa Thiên Thái), không thông mà bế tắc gọi là ‘Quẻ Bĩ’ (Thiên Đại Bĩ). Về sau thường để chỉ sự thịnh – suy của thời thế, thuận – nghịch của số mệnh;
- (3) Thích nghi với thời thế, hợp thời.

Việt ngữ:

Vũ Vương thỉnh giáo với Thái Công rằng:

- Trẫm muốn có được một câu mà khiến cả đời mình ghi nhớ, câu thứ hai có thể trường tồn cùng đất trời, câu thứ ba có thể khiến trẫm trở thành người kiệt xuất trong các chư hầu, câu thứ tư có thể khiến trẫm trở thành người nắm quyền trong thiên hạ, câu thứ năm có thể đem thiên hạ mà truyền cho nhiều đời sau và không hề kết thúc. Liệu có thể nói trẫm nghe được không?

Thái Công đáp lại:

- Câu thứ nhất có thể khiến ngài cả đời ghi nhớ, chính là “Nội tâm phải rộng lượng, với bên ngoài phải nhân ái.” Câu thứ hai có thể trường tồn cùng trời đất, chính là “Nói và làm phải tương xứng, chí công vô tư như thể đất trời.” Câu thứ ba có thể khiến ngài trở thành người kiệt xuất trong các chư hầu, chính là “Phải tôn trọng người tài, không những khiêm tốn tiếp nhận lời khuyên gián, mà còn phải đối xử với nhân sĩ một cách

khiêm nhường.” Câu thứ tư khiến ngài có thể trở thành người nắm quyền trong thiên hạ, chính là “Với kẻ hư đốn, giàu nghèo, sang hèn, thiện ác hay yêu ghét đều cung kính cân trọng và không phân biệt.” Câu thứ năm có thể khiến ngài đem thiên hạ mà truyền cho nhiều đời và không hề kết thúc, chính là “Phải thông hiểu quy luật cát – hung – thịnh – suy, thuận theo thời thế, bao dung thiên hạ, bảo vệ vạn vật”.

(Cuốn 31. *Âm Muru*)

~ 214 ~

禮節民心，樂和民聲<sup>①</sup>，政以行之，刑以防之。禮樂刑政，四達<sup>②</sup>而不悖<sup>③</sup>，則王道<sup>④</sup>備矣。

(卷七 禮記)

### Chú thích:

- (1) Tiếng nói của dân chúng, chỉ tâm tư tình cảm của người dân;
- (2) Thực thi một cách rộng rãi;
- (3) Trái ngược, quái đản;
- (4) Chủ trương chính trị của bậc thánh vương thời xưa là dùng nhân nghĩa để trị vì thiên hạ.

### Việt ngữ:

Dùng lễ tiết để tiết chế dục vọng ở nội tâm của con người, dùng âm nhạc để điều hòa tâm tư tình cảm

của dân chúng, dùng sức mạnh của pháp chế để đẩy mạnh sự nghiệp giáo hóa, dùng sức mạnh của hình phạt để ngăn chặn hành vi vượt ra ngoài khuôn phép. Khi bốn phương diện là Lễ – Nhạc – Hình – Chính đều được thực hiện mà không trái ngược nhau, vậy thì nền chính trị của quân vương đã được hoàn chỉnh rồi.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 215 ~

仁者愛也，義者宜也，禮者所履也，智者術之原也。致利除害，兼愛無私，謂之仁；明是非，立可否，謂之義；進退有度，尊卑有分，謂之禮；擅殺生之柄，通壅塞之塗<sup>①</sup>，權輕重之數，論得失之道，使遠近僥僞<sup>②</sup>必見<sup>③</sup>於上，謂之術。凡此四者，治之本。

(卷十八 漢書六)

**Chú thích:**

- (1) Đồng nghĩa với ‘途’ [đô] con đường, đường lối;
- (2) Thật hay giả;
- (3) Đồng nghĩa với ‘現’ [hiện] hiển hiện, hiển lộ.

**Viết ngữ:**

1. ‘Nhân’ chính là yêu người;
2. ‘Nghĩa’ chính là phù hợp;
3. ‘Lễ’ là chuẩn mực của việc thực hành;
4. ‘Trí’ là nền tảng của mưu lược.

Kiểm tìm lợi ích và trừ bỏ những điều tai hại, yêu thương mọi người mà không ích kỷ, được gọi là ‘Nhân’; phân biệt rõ đúng sai, xác định được nên làm hay không, được gọi là ‘Nghĩa’; tiến lui có chừng mực, trên dưới có trật tự, được gọi là ‘Lễ’; có quyền sinh quyền sát, khai thông con đường trọng dụng nhân tài có thể khuyên giải vốn đã bị tắc nghẽn, cân bằng quy luật lưu thông hàng hóa, bàn bạc về đạo lý được hay mất, khiến cho tình hình xa gần hay thật giả có thể hiển hiện trước quân vương, được gọi là ‘Mưu Lược’. Bốn phương diện này chính là nền tảng của việc trị quốc.

(Cuốn 18. *Hán Thư* – Tập 8)

~ 216 ~

禮以行義，信以守禮，刑以正邪。舍此三者，君將若之何？

(卷四 春秋左氏傳上)

**Việt ngữ:**

‘Lễ’ để thúc đẩy đạo nghĩa, ‘Tín’ để giữ gìn lễ tiết, ‘Pháp Chế’ là để chấn chỉnh điều tà ác. Rời xa ba nhân tố này, quân vương sẽ phải làm sao đây?

(Cuốn 4. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Thượng)

~ 217 ~

曾子曰：『先王之所以治天下者五：貴貴，貴德，貴老，敬長，慈幼。』

(卷三十九 呂氏春秋)

**Việt ngữ:**

Tăng Tử dạy rằng: “Bậc minh quân thời thượng cổ có năm sách lược để trị vì thiên hạ, đó là: Tôn trọng người vinh hiển, sùng kính người có đức hạnh, kính yêu người già, kính trọng trưởng bối và yêu thương con trẻ.”

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 218 ~

蓋善治者，視俗而施教，察失而立防，威德<sup>①</sup>更興，文武迭用，然後政調於時，而躁人<sup>②</sup>可定。

(卷二十二 後漢書二)

**Chú thích:**

- (1) Thanh thế và đức hạnh; hình phạt và ân huệ;
- (2) Trong [Hậu Hán Thư Tập Giải], Huệ Đổng có viết: “[*Kinh Dịch*] nói rằng lời của người nông nổi thì nhiều. Người nông nổi là người thường hay đàm luận việc triều chính theo quan điểm cá nhân.”

**Việt ngữ:**

Người giỏi việc xử lý chính sự, quan sát phong tục mà thực thi việc giáo hóa, thẩm tra sai lầm mà thiết lập thể chế phòng ngừa, hình phạt và ân huệ cùng sử dụng xen kẽ, giáo hóa đạo đức văn hóa và phòng bị vũ trang được sử dụng xen kẽ, rồi mới có thể khiến cho chính trị thích nghi với thời thế và người không an phận với bản phận mới được yên định.

(Cuốn 22. *Hậu Hán Thư* – Tập 2)

~ 219 ~

天地之大德曰生，聖人之大寶曰位。何以守位？曰仁。何以聚人？曰財。財所以資物生也。理財正辭，禁民為非，曰義。

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Đức tính lớn nhất của trời đất là ở sản sinh và nuôi dưỡng vạn vật, điều đáng quý nhất ở bậc thánh nhân chính là có địa vị cao thượng. Phải bảo toàn thanh danh và địa vị thế nào đây? Phải dựa vào ‘Nhân’. Phải quy tập nhân dân thế nào đây? Dùng của cải. Quản lý tốt tài vật, chi dùng tiết kiệm và có chừng mực, nói năng khéo léo, khi phát ngôn phải có đạo lý, giáo hóa dân chúng không được làm xằng làm bậy, không để họ làm việc ác, đây chính là ‘Nghĩa’.

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

~ 220 ~

文王問師尚父曰：『王人者何上何下，何取何去，何禁何止？』尚父曰：『上賢下不肖，取誠信，去詐偽，禁暴亂，止奢侈。』

(卷三十一 六韜)

**Viết ngữ:**

Văn Vương thỉnh giáo với người thầy của mình - Thượng Phụ (tức Thái Công) rằng:

- Xin hỏi, là một quân vương, phải nên tôn sùng người nào, bãi nhiệm người nào? Phải nên tuyển chọn người nào, loại bỏ người nào? Phải nên nghiêm cấm điều gì, ngăn chặn điều gì?

Thượng Phụ trả lời rằng:

- Phải tôn sùng người có đức tài và phải cách chức kẻ hư hỏng; phải chọn dùng người thành tín và loại bỏ kẻ xảo trá giả dối; phải nghiêm cấm việc gây bạo loạn và ngăn chặn nếp sống xa xỉ.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 221 ~

《詩》曰：『窈窕淑女，君子好仇<sup>①</sup>。』言能致其貞淑，不貳其操，情欲之感無介乎容儀，宴私<sup>②</sup>之意

不形乎動靜，夫然後可以配至尊而為宗廟主。此綱紀之首，王教之端也。

(卷二十 漢書八)

**Chú thích:**

- (1) Vợ chồng. Nguyên văn trong [*Kinh Thi*] là ‘逮’ [câu], đồng nghĩa với ‘仇’ [cừ] kết duyên vợ chồng.
- (2) Thân mật, thăm thiết.

**Viết ngữ:**

Trong bài thơ [*Kinh Thi* · *Chu Nam* · *Quan Thư*] viết rằng: “Người phụ nữ dịu dàng, nhã nhặn và trầm tĩnh, phẩm chất đoan trang mới đúng là đối tượng để kết duyên cùng bậc quân tử.” Ý muốn nói rằng, nếu giữ được đức tính kiên trinh, đức hạnh đoan trang, không có hành vi ba tâm hai ý, cảm xúc nội tâm không biểu lộ ở dung mạo bên ngoài, tình cảm thăm thiết không biểu hiện trong lời nói và cử chỉ; có như vậy mới xứng để kết tóc se duyên cùng bậc quân tử có địa vị cao quý hơn tất cả, mới có thể đảm nhiệm việc thờ phụng tổ tiên. Đây chính là điều quan trọng hàng đầu của trật tự xã hội và pháp luật kỷ cương của đất nước, cũng là điểm khởi đầu trong sự nghiệp giáo hóa của bậc thánh vương.

(Cuốn 20. *Hán Thư* – Tập 8)



《易》稱：『男正位於外，女正位於內，男女正，天地之大義也。』

(卷二十五 魏志上)

**Việt ngữ:**

Trong [Kinh Dịch] nói rằng: “Người nam thì chủ sự bên ngoài (đảm nhiệm kế sinh nhai của gia đình), người nữ thì chủ sự trong gia đình (phụ trách việc giúp chồng nuôi dạy con), người nam và người nữ đều được sắp xếp đúng bổn phận của chính mình, đây là đạo lý lớn trong trời đất<sup>16</sup>.”

(Cuốn 25. Ngụy Chí – Thượng)

---

<sup>16</sup> Theo lời từ của Quẻ Gia Nhân (Phong Hỏa Gia Nhân): Người nữ chủ sự trong gia đình, người nam chủ sự bên ngoài. Khi người nam và người nữ giữ đúng bổn phận, đạo nghĩa lớn sẽ được hiển lộ trong trời đất. Quẻ Gia Nhân còn đề cập đến người chủ gia đình được gọi là quyền cha mẹ. Khi người cha giữ đúng vai trò làm cha và người con cũng như vậy, người anh giữ đúng vai trò làm anh và người em cũng như vậy, người chồng giữ đúng vai trò làm chồng và người vợ cũng như vậy, thì đạo nhà mới vững. Nếu đạo nhà vững thì thiên hạ mới an định.

6. GIÁO HÓA [GIÁO DỤC VÀ CẢM HÓA]

~ 223 ~

上聖不務治民事，而務治民心。故曰：『聽訟<sup>①</sup>，吾由<sup>②</sup>人也，必也使無訟乎』；『導之以德，齊<sup>③</sup>之以禮』。民親愛則無相害傷之意，動思義則無奸邪之心。夫若此者，非法律之所使也，非威刑之所強也，此乃教化之所致也。

(卷四十四 潛夫論)

Chú thích:

- (1) Nghe tố tụng, xử án;
- (2) Đồng nghĩa với ‘猶’ [do] tựa như, dường như. Cả hai đoạn trích dẫn đều từ [Luận Ngữ], bản lưu hành rộng rãi đều viết là ‘猶’;
- (3) Chấn chỉnh, tu sửa khiến cho có trật tự.

Viết ngữ:

Bậc thánh vương thời xưa không cố gắng cai quản sự việc của dân chúng, mà dốc sức chỉnh đốn nội tâm của họ. Bởi vậy, Khổng Phu Tử nói rằng: “Việc thụ lý án kiện, ta và người điều giống nhau, điểm khác biệt chính là ta mong muốn thông qua việc giáo hóa luân lý đạo đức khiến cho các vụ tố tụng không nảy sinh nữa”, “dùng đạo đức để dẫn dắt muôn dân và dùng lễ nghĩa để chấn chỉnh họ”. Khi người dân mà thương yêu lẫn nhau sẽ không nghĩ cách tổn hại nhau, khi làm việc mà nghĩ

đến đạo nghĩa sẽ không có ý nghĩ gian trá và xấu ác. Những tình huống thế này, không phải là do pháp luật chi phối, cũng không phải do hình phạt nghiêm khắc bắt ép mà được, đây là do sự giáo hóa thành tựu mà nên.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

~ 224 ~

君子以情用，小人以刑用。榮辱者，賞罰之精華<sup>①</sup>也。故禮教榮辱，以加君子，治其情也；桎梏鞭朴<sup>②</sup>，以加小人，治其刑也。君子不犯辱，況於刑乎？小人不忌刑，況於辱乎？若夫中人之倫，則刑禮兼焉。教化之廢，推中人而墜於小人之域；教化之行，引中人而納於君子之塗<sup>③</sup>。是謂彰化<sup>④</sup>。

(卷四十六 申鑒)

**Chú thích:**

- (1) Phần tinh túy nhất, tốt đẹp nhất trong sự vật;
- (2) Roi và gậy dùng làm công cụ xử phạt, cũng chỉ việc bị quất hoặc quật bằng roi và gậy;
- (3) Đồng nghĩa với ‘途’ [đò];
- (4) Khiến cho việc giáo hóa được hiển lộ.

**Viết ngữ:**

Đối với người quân tử, dùng lý và tình (để cảm hóa), đối với kẻ tiểu nhân lại phải dùng hình phạt (để uy hiếp). Vinh nhục là sự thưởng phạt tốt nhất đối với con

người. Bởi vậy, sự giáo hóa lễ nghĩa và vinh nhục khi áp dụng với người quân tử là lấy lý và tình để chấn chỉnh; còng tay, khóa chân hay roi gậy khi áp dụng cho kẻ tiểu nhân là lấy sự trừng phạt để quản lý. Người quân tử đến sự sỉ nhục còn không chấp nhận, huống hồ là chịu hình phạt? Kẻ tiểu nhân đến hình phạt còn không khiếp sợ, huống hồ là sự sỉ nhục? Hạng người ở giữa bậc quân tử và kẻ tiểu nhân, lại phải kết hợp cả hình phạt và lễ giáo. Nếu phớt bỏ việc giáo dục luân lý đạo đức, tất sẽ đẩy người bậc trung này đến tình cảnh của kẻ tiểu nhân; nếu thực thi việc giáo hóa luân lý đạo đức, tất có thể dẫn dắt họ bước vào con đường của người quân tử. Đây được gọi là ‘soi sáng’.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

~ 225 ~

得人之道，莫如利之；利之道，莫如教（教之下有以政二字）之。

（卷三十二 管子）

**Viết ngữ:**

Phương pháp để có được lòng dân, không có gì tốt hơn việc khiến họ nhận được lợi ích; phương pháp để người dân đạt được lợi ích không có gì tốt hơn việc thực thi sự nghiệp giáo hóa.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

君子之教也，外則教之以尊其君長，內則教之以孝於其親。是故君子之事君也，必身行之，所不安於上，則不以使下；所惡於下，則不以事上。非諸人，行諸己，非教之道也。必身行之。言恕己乃行之。是故君子之教也，必由其本，順之至也，祭其是與，故曰祭者教之本也已。教由孝順生。祭而不敬，何以為也？

(卷七 禮記)

### **Viết ngữ:**

Việc giáo hóa của bậc quân tử là dạy người khi ở bên ngoài phải kính trọng thủ lĩnh và khi ở nhà phải hiếu thảo với cha mẹ. Bởi vậy, người quân tử khi phò tá và phụng sự trưởng bối, nhất định trước tiên phải thực hành từ chính mình, phạm những cách làm của cấp trên khiến bản thân cảm thấy bất an sẽ không đem cách đó để đối đãi với cấp dưới; phạm là việc cấp dưới làm khiến bản thân chán ghét, cũng không đem cách này để phò tá cấp trên. Phê bình người khác không nên làm, nhưng chính mình lại làm, như vậy sẽ không phù hợp với đạo lý của giáo hóa. Do đó, việc giáo hóa của người quân tử bắt buộc phải bắt tay từ việc chính mình thực hành đạo hiếu, mà phù hợp với lễ phải nhất, có lẽ là việc thờ cúng. Bởi vậy mới nói việc thờ cúng chính là nền tảng của việc giáo hóa. Nếu có hoài nghi và xem thường đối với việc thờ cúng, không có lòng hiếu kính cũng như lòng cảm ơn đối với người thân quá cố, vậy hà cớ gì mà phải thờ cúng chứ?

(Cuốn 7. Lễ Kí)

古之王者，莫不以教化為大務。立大學<sup>①</sup>以教於國<sup>②</sup>，設庠序<sup>③</sup>以化於邑，漸<sup>④</sup>民以仁，摩<sup>⑤</sup>民以義，節民以禮。故其刑罰甚輕而禁不犯者，教化行而習俗美也。

(卷十七 漢書五)

**Chú thích:**

- (1) Đại học tức là thái học, là trường học cấp cao nhất được lập ra ở kinh thành. ‘大’ [đại], đọc là ‘tài’, chữ cổ là ‘太’ [thái];
- (2) Kinh đô;
- (3) Trường học cấp địa phương thời xưa. Nhan Sư Cổ chú thích rằng: “tường tự, giáo học chi xứ dã, sở dĩ dưỡng lão nhi hành lễ yên” (tường tự, là nơi dạy học, cũng là nơi phụng dưỡng người già và hành lễ vậy);
- (4) Tươi mát, khiến cho tươi tốt;
- (5) Đá mài, khuyến khích.

**Viết ngữ:**

Bậc quân vương thời xưa, không ai là không đặt sự nghiệp giáo hóa làm nhiệm vụ trọng yếu trong việc trị quốc. Lập nên Thái Học ở kinh đô để thúc đẩy việc giáo hóa, lập ra Tường Tự ở thành, thị, xóm, áp để triển khai việc giáo hóa, lấy lòng nhân ái để làm lợi ích nhân dân, lấy đạo nghĩa để khuyến khích nhân dân và lấy lễ nghi để tiết chế nhân dân. Bởi vậy, hình phạt tuy rất

nhẹ, nhưng lại không có ai vi phạm lệnh cấm, đây chính là do việc thực thi việc giáo hóa và tập tục tốt đẹp mà nên.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 228 ~

本行而不本名，責義而不責功。行莫大於孝敬，義莫大於忠信。則天下之人知所以措身矣。此教之大略也。

(卷五十 袁子正書)

### **Việt ngữ:**

Căn cứ vào hành vi chứ không căn cứ vào danh tiếng, yêu cầu người phù hợp với đạo nghĩa chứ không theo đuổi thành tích của họ. Không có đức hạnh nào lớn hơn lòng hiếu kính, cũng không có đạo nghĩa nào lớn hơn sự trung tín. Như vậy quan viên và nhân dân trong thiên hạ mới hiểu phải làm như thế nào. Đây chính là điều cốt yếu trong việc giáo hóa muôn dân.

(Cuốn 50. *Viên Tử Chính Thư*)

~ 229 ~

聖王修義之柄，禮之序，以治人情。治者，去瑕穢，養精華也。故人情者，聖王之田也。修禮以耕之，和其剛柔。陳義以種之，樹以善道。講學以耨<sup>①</sup>之，存是去非類也。本仁以聚之，合其所盛。播樂以安之。感動使之堅固。故治國不以禮，猶無耜<sup>②</sup>而耕也。

無以入之也。為禮不本於義，猶耕而不種也。嘉穀無由生也。為義而不講以學，猶種而不耨也。苗不殖。草不除。講之以學而不合以仁，猶耨而不穫也。無以知收之豐荒也。合之以仁而不安以樂，猶穫而不食也。不知味之甘苦。安之以樂而不達於順，猶食而不肥也。功不見也。

(卷七 禮記)

**Chú thích:**

- (1) Dùng cuốc để trừ cỏ, lới tỳ dụ cho việc xóa bỏ điều như bản và việc xấu ác;
- (2) Phán để cuốc đất của cái cày (lưỡi cày), ban đầu được làm bằng gỗ, sau đó đổi sang làm bằng kim loại, có thể tháo ra lắp vào. Hay nói cách khác, cái cày và lới cày là hai loại nông cụ độc lập để cuốc đất.

**Việt ngữ:**

Bậc thánh vương tuân theo nền tảng của “Nghĩa”, trật tự của “Lễ” để điều hòa và đối trị nhân tâm. Bởi vậy, nhân tâm chính là mảnh ruộng để bậc thánh vương cấy trồng. Lấy việc tu dưỡng và lễ nghi để cày bừa, lấy việc đề xướng đạo nghĩa để gieo trồng, lấy việc giảng giải học vấn (giữ điều hay bỏ điều xấu) để trừ cỏ, dựa vào lòng nhân ái để thu hoạch, lấy sự giáo hóa của nhạc để an định lòng người. Bởi vậy, việc trị vì đất nước nếu không dùng Lễ, như thể không có nông cụ để cày bừa. Đặt ra lễ nghi khuôn phép mà không lấy Nghĩa làm tôn chỉ, cũng như thể chỉ cày ruộng mà không gieo hạt



giống. Thúc đẩy đạo nghĩa mà không có người giảng giải để phân biệt đúng sai, cũng như thể chỉ gieo hạt mà không trừ cỏ. Chỉ giảng giải mà không khế hợp với tấm lòng nhân ái, cũng như thể dẫu có người trừ cỏ nhưng cũng không có thu hoạch tốt. Khế hợp với lòng nhân ái mà không lấy việc giáo hóa của Nhạc để an định và hài hòa lòng người, cũng như thể dẫu có thu hoạch nhưng không được hưởng thành quả. Dùng sự giáo hóa của nhạc để khiến lòng người an định mà lại không thể đạt đến cảnh giới thuận theo tự nhiên, cũng tựa như hưởng thụ mà không có được sức khỏe.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 230 ~

春秋入學，坐國老<sup>①</sup>，執醬而親餼<sup>②</sup>之，所以明有孝也。行以鸞和<sup>③</sup>，鸞在衡，和在軾。步中采齊<sup>④</sup>，趨<sup>⑤</sup>中<sup>⑥</sup>肆夏<sup>⑦</sup>，樂詩也，步則歌之以中節。所以明有度也。其於禽獸，見其生，不食其死；聞其聲，不食其肉。故遠庖廚<sup>⑧</sup>，所以長恩，且明有仁也。

(卷十六 漢書四)

Chú thích:

- (1) Khanh, đại phu và nhân sĩ cáo ốm từ quan;
- (2) Địch thân dâng mời thức ăn;
- (3) ‘Loan’ và ‘Hòa’ là hai loại chuông buộc trên xe thời xưa;

- (4) Túc là ‘采齋’ [thải tề] tên một giai điệu thời xưa.  
Hay nói cách khác, chính là tên của Dật Thi (các bài thơ đã thất truyền);
- (5) Đồng nghĩa với ‘趨’ [xu] bước vội vàng;
- (6) Đọc là ‘zhòng’, có nghĩa là phù hợp;
- (7) Tên một chương nhạc thời xưa;
- (8) Nhà bếp.

**Việt ngữ:**

Khi thái tử nhập học vào mùa xuân và mùa thu, thường mời các bậc nhân sĩ và quan viên đã từ quan ở ẩn lên ngôi, rồi tay bưng thức ăn nấu kỹ và đích thân dâng mời, điều này chính là để giáo dục con dân trong thiên hạ phải giữ gìn đạo hiếu. Khi đi xe phải lắp chuông loan và chuông hòa, khi đi bộ (tản bộ) phải khớp với tiết tấu của giai điệu ‘Thải Tề’, bước đi vội phải khớp với tiết tấu của chương nhạc ‘Tứ Hạ’, điều này chính là để giáo dục cho người trong thiên hạ, phạm việc gì cũng đều phải phù hợp với lễ tiết và luật pháp. Còn đối với cầm thú, khi thấy chúng còn sống sẽ không nhẫn tâm giết chết chúng để ăn, nếu nghe thấy tiếng kêu gào của chúng sẽ không muốn ăn thịt chúng. Bởi vậy, việc tránh xa nhà bếp chính là để tăng trưởng ân nghĩa ở nội tâm, đồng thời muốn nói lên con người là có tấm lòng nhân ái.

(Cuốn 16. *Hán Thư* – Tập 4)

~ 231 ~

孔子曰：『聖人之治化也，必刑政相參<sup>①</sup>焉。太上以德教民，而以禮齊之。其次以政導民，以刑禁之。化之弗變，導之弗從，傷義敗俗，於是乎用行矣。』

(卷十 孔子家語)

Chú thích:

(1) Cùng phối hợp.

Việt ngữ:

Khổng Tử đáp rằng: “Khi bậc Thánh Hiền trị vì và giáo hóa dân chúng, nhất định là phối hợp sử dụng hình phạt và pháp chế. Biện pháp tốt nhất là dùng đạo đức để giáo hóa họ, đồng thời dùng lễ nghĩa để ràng buộc. Sau đó mới dùng pháp chế để dẫn dắt dân chúng, và dùng hình phạt để nghiêm cấm. Nếu sau khi giáo dục mà vẫn không thể thay đổi, sau khi chỉ dạy mà vẫn không nghe theo, đối với trường hợp đi ngược với đạo nghĩa và làm bại hoại thuần phong mỹ tục này mới dùng hình phạt để trừng trị.”

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 232 ~

故聖王務教化而省禁防<sup>①</sup>，知其不足恃也。

(卷十八 漢書六)

Chú thích:

(1) Nghiêm cấm và phòng tránh.

Viết ngữ:

Bởi vậy, bậc minh quân ra sức để giáo hóa nhưng giảm thiểu biện pháp nghiêm cấm và phòng ngừa, bởi họ hiểu rằng không thể chỉ dựa vào sự ngăn cấm và phòng ngừa.

(Cuốn 18. *Hán Thư* – Tập 6)

~ 233 ~

威辟<sup>①</sup>既用，而苟免<sup>②</sup>之行興；仁信道孚<sup>③</sup>，故感被之情著。苟免者，威隙<sup>④</sup>則奸起；感被者，人亡而思存<sup>⑤</sup>。

(卷二十四 後漢書四)

Chú thích:

- (1) Hình phạt hà khắc;
- (2) Miễn tội một cách cầu thả;
- (3) Tin theo;
- (4) Chữ cổ đồng âm với ‘隙’ [khích] khe hở, thừa cơ;
- (5) Nhớ nhưng, nhớ mãi không quên. ‘存’ [tồn] ghi nhớ trong tâm.

Viết ngữ:

Hình phạt hà khắc một khi được áp dụng, những hành vi dùng thủ đoạn bất chính để được miễn tội sẽ trở

dậy. Còn nếu thực thi nhân nghĩa đạo đức sẽ được người tin theo, bởi vậy hiệu quả của việc lòng người được cảm hóa sẽ rất rõ rệt. Việc dùng thủ đoạn bất chính để cầu miễn tội, khi luật pháp có sơ hở, những chuyện gian tà sẽ xảy ra. Nhưng nếu lòng người được cảm hóa, dẫu người thực thi chính sách đã qua đời, người ta vẫn luôn ghi nhớ ân đức của họ ở trong lòng.

(Cuốn 24. *Hậu Hán Thư* – Tập 4)

~ 234 ~

治國，太上養化<sup>①</sup>，其次正法<sup>②</sup>。民交讓，爭處卑，財利爭受少，事力爭就勞，日化上<sup>③</sup>而遷善<sup>④</sup>，不知其所以然，治之本也。利賞而勸善，畏刑而不敢為非，法令正於上，百姓服於下，治之末也。

(卷三十五 文子)

**Chú thích:**

- (1) Hết sức vì sự nghiệp giáo hóa đạo đức để thay đổi nhân tâm và phong tục, khiến quay trở về với tự nhiên;
- (2) Trừng phạt và thực thi theo pháp luật;
- (3) Được cảm hóa bởi quân vương;
- (4) Sửa chữa sai lầm và hướng thiện.

**Viết ngữ:**

Đối với việc trị vì đất nước, sách lược tối thượng là dùng đạo đức để cảm hóa, sau đó mới là quản lý theo

luật pháp. Khiến cho dân chúng khiêm nhường với nhau, cùng tranh ở vị trí thấp hèn, khi đối diện với tiền tài lợi ích lại tranh nhau phần thiệt và giành nhau việc mệt nhọc để làm, mỗi ngày đều nhận được sự giáo hóa của quân vương, dần dần hướng thiện mà không hay biết, đây chính là nền tảng của việc trị quốc. Muôn dân đem việc ban thưởng làm lợi ích mà nỗ lực làm thiện, khiếp sợ hình phạt mà không dám làm xằng làm bậy, mệnh lệnh của bậc quân vương công minh nghiêm khắc để muôn dân theo đó mà làm theo, đây là điều thứ yếu trong việc trị quốc.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 235 ~

聖王先德教，而後刑罰；立榮恥，而明防禁<sup>①</sup>；崇禮儀之節，以示之；賤貨利之弊<sup>②</sup>，以變之。則下莫不慕義節<sup>(節作禮)</sup>之榮，而惡貪亂之恥。其所由致之者，化使然也。

(卷四十三 說苑)

**Chú thích:**

- (1) Phòng ngừa cảnh giác;
- (2) Đồng nghĩa với ‘幣’ [tệ] tiền tài vật chất.

**Viết ngữ:**

Bậc thánh vương thực thi giáo hóa đạo đức rồi mới sử dụng hình phạt; thiết lập chuẩn mực và quan

điềm về sự vinh nhục, đồng thời làm sáng tỏ những việc cần phải phòng ngừa và cảnh giác; vinh danh khí phách lễ nghĩa, đồng thời làm hình mẫu cho muôn dân; xem nhẹ vật chất và tiền tài để làm thay đổi lòng tham của con người. Trong khi quan viên và nhân dân không có ai mà không thích thú với niềm vinh quang của khí phách lễ nghĩa và chán ghét sự đê hèn của lòng tham lam dâm loạn. Bởi vậy, nguyên nhân có thể khiến cho muôn dân được như vậy đều là kết quả của giáo hóa mà thôi.

(Cuốn 43. *Thuyết Uyển*)

~ 236 ~

聖人之於法也已公矣，然猶身懼其未也。故曰：『與其害善，寧其利淫<sup>①</sup>。』知刑當之難必<sup>②</sup>也，從而救之以化，此上古之所務也。

(卷四十八 體論)

Chú thích:

- (1) Được trích từ [Chu Thư · Liệt Truyện 15];
- (2) Khó để khẳng định.

Viết ngữ:

Phương pháp trị vì của bậc thánh nhân cũng đã rất công bằng, nhưng vẫn e rằng còn điều bất công. Bởi vậy mới nói: “So với việc làm hại người lương thiện, thà làm lợi cho kẻ có tội”. Họ hiểu sâu sắc rằng, việc kết án thích đáng hay không khó có thể khẳng định, thế rồi

dùng việc giáo hóa đạo đức để bù đắp, đây là những việc mà các bậc thánh vương thời thượng cổ dốc sức để làm.

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 237 ~

孔子曰：『不教而誅謂之虐<sup>①</sup>。』虐政用於下，而欲德教之被四海，故難成也。

(卷十七 漢書五)

### Chú thích:

(1) Tàn bạo, hung ác.

### Viết ngữ:

Khổng Tử dạy rằng: “Trước đó không thực hiện giáo hóa đối với nhân dân, để rồi họ vừa phạm tội đã đem đi xử trảm, đây gọi là bạo tàn”. Dùng nền chính trị bạo tàn để đối đãi với người dân, mà lại muốn khiến sự nghiệp giáo hóa đạo đức được phổ cập khắp thiên hạ, cho nên rất khó để thành công.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 238 ~

聖王在位，明好憎以示人<sup>(人作之)</sup>，經<sup>①</sup>誹譽以導之，親賢而進之，賤不肖而退之。無被瘡流血之患，而



有高世尊顯之名，民孰不從？古者法設而不犯，刑措而不用，非可刑而不刑也，百工<sup>②</sup>維時，庶績<sup>③</sup>咸熙<sup>④</sup>，禮儀修而任賢得也。

(卷四十一 淮南子)

**Chú thích:**

- (1) Đo lường, phân chia;
- (2) Bá quan;
- (3) Tất cả sự nghiệp;
- (4) Hưng thịnh.

**Viết ngữ:**

Bậc minh quân khi ở địa vị trên cao, thường thể hiện những điều bản thân yêu hay ghét để muôn dân hiểu rõ, thông qua lời phê phán và khen ngợi đối với hành vi thiện - ác để dẫn dắt họ, thân cận và đề bạt người tài, chối từ và bãi nhiệm kẻ bất tài. Bởi vậy, không hề phải cực nhọc đổ mồ hôi mà vẫn được hưởng thanh danh tôn quý và hiển hách, muôn dân có ai lại không chịu học tập và noi theo chứ? Thời xưa, lập ra luật pháp nhưng không có ai vi phạm, đặt ra hình phạt nhưng không phải dùng đến, điều này không phải là đáng phải thực thi hình phạt nhưng không thực thi, mà bởi bá quan đều có thể làm tốt công việc thuộc bốn phận, các sự nghiệp đều rất thành công và hưng thịnh, lễ nghĩa lại được đề cao, người có đức tài thì được trọng dụng.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 239 ~

善御民者，一<sup>①</sup>其德法，正其百官，均齊民力，和安民心。故令不再而民順從，刑不用而天下化治。是以天地德之，天地以為有德。而兆民懷之。懷，歸。不能御民者，棄其德法，專用刑辟<sup>②</sup>，譬猶御馬，棄其銜勒而專用箠策<sup>③</sup>，其不可制也必矣。

(卷十 孔子家語)

**Chú thích:**

- (1) Thống nhất;
- (2) Hình phạt;
- (3) Roi quất ngựa.

**Viết ngữ:**

Bậc quân vương giỏi việc trị vì muôn dân, sẽ thống nhất các chuẩn mực đạo đức và phép tắc, xác định rõ chức trách của bá quan, sử dụng sức dân một cách hài hòa cân đối, điềm tĩnh an định lòng dân. Như vậy, mệnh lệnh không cần nhắc đi nhắc lại mà muôn dân vẫn cứ tuân theo, không cần dùng hình phạt mà vẫn có thể giáo hóa và trị vì thiên hạ được tốt. Ân đức của họ có thể cảm động đến đất trời và hàng triệu hàng vạn người dân đều đến quy thuận. Khi quân vương không biết trị vì muôn dân, thường vứt bỏ đạo đức và lễ nghi phép tắc, chuyên dùng hình phạt để trừng trị, tựa như khi cưỡi xe ngựa, bỏ đi dây cương mà chỉ dùng roi mà vút xuống, nếu như vậy, xe ngựa mất kiểm soát sẽ là điều tất yếu.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

景公問晏子曰：『明王之教民何苦？』對曰：『明其教令，而先之以行；養民不苛，而防之以刑。所求於下者，不務<sup>①</sup>於上；所禁於民者，不行於身。故下從其教也。稱事以任民，中聽<sup>②</sup>以禁邪，不窮<sup>③</sup>之以勞，不害之以罰<sup>④</sup>，上以愛民為法，下以惡相親為義，是以天下不相違也。此明王之教民也。』

(卷三十三 晏子)

**Chú thích:**

- (1) Phải là ‘必務’ [tất vụ] phải làm, ở đây chữ ‘不’ [bất] ở đoạn trên và đoạn dưới đều nhằm;
- (2) Xét xử vụ án thích đáng;
- (3) Cạn kiệt, hết;
- (4) Không dùng hình phạt để hại dân.

**Viết ngữ:**

Cảnh Công thỉnh giáo với Yến Tử rằng:

- Bậc quân vương sáng suốt phải nên giáo hóa người dân thế nào?

Yến Tử đáp lại:

- Thể hiện rõ ý chỉ của giáo hóa và pháp lệnh, đồng thời chính mình phải đi đầu trong việc thực hành; khi chỉ dạy người dân không được hà khắc ngặt nghèo, mà nên dùng hình phạt để phòng ngừa việc phạm tội.

Nếu yêu cầu quan viên và muôn dân phải làm được, trước hết quân vương bắt buộc phải làm được; những việc nghiêm cấm muôn dân làm, bản thân tuyệt đối không được đi làm. Do đó, người dân tất sẽ nghe theo lời chỉ dạy. Đánh giá mức độ nặng nhẹ của công việc để sử dụng sức dân, xử lý thích đáng các vụ kiện để ngăn chặn điều tà ác; không để cho người dân do lao dịch quá độ mà bị cạn kiệt sức lực, không dùng sự trừng phạt để làm hại nhân dân; người ở trên lấy việc yêu thương dân chúng làm chuẩn mực và người ở dưới lấy việc tương thân tương ái làm đạo nghĩa. Cứ như vậy, người trong thiên hạ sẽ không xa rời lẫn nhau. Đây chính là phương pháp giáo dục nhân dân của bậc quân vương sáng suốt vậy.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 241 ~

夫聖人之修其身，所以御群臣也。御群臣也，所以化萬民也。其法輕而易守，其禮簡而易持。其求諸己也誠，其化諸人也深。

(卷四十八 體論)

**Việt ngữ:**

Bậc thánh nhân nỗ lực tu dưỡng chính mình là để lãnh đạo quần thần. Mục đích của việc lãnh đạo quần thần là để giáo hóa muôn dân. Luật pháp mà thánh nhân đặt ra tuy nói lỏng mà dễ dàng tuân thủ, lễ nghi phép tắc

đặt ra tuy giản đơn mà dễ dàng gìn giữ. Bậc thánh nhân phạm việc gì cũng đều yêu cầu bản thân một cách chân thành, bởi vậy sự cảm hóa đối với muôn dân cũng rất sâu sắc.

(Cuốn 48. *Thế Luận*)

~ 242 ~

故壹野不如壹市，壹市不如壹朝，壹朝不如一用，一用不如上息欲，上息欲而下反<sup>①</sup>真矣。不息欲於上，而欲於下之安靜，此猶縱火焚林，而索原野之不彫瘁（瘁舊作廢，改之。），難矣！故明君止欲而寬下，急商而緩農，貴本而賤末，朝無蔽賢之臣，市無專利<sup>②</sup>之賈，國無擅山澤之民。

（卷四十九 傅子）

**Chú thích:**

- (1) Đồng nghĩa với ‘返’ [phản] trở lại, trả lại;
- (2) Thao túng một số ngành sản xuất hoặc lưu thông để giành nhiều lợi ích.

**Việt ngữ:**

Bởi vậy, kiểm soát nhân dân không bằng kiểm soát phường buôn bán, kiểm soát phường buôn bán không bằng kiểm soát triều đình, kiểm soát triều đình không bằng kiểm soát việc chi dùng, kiểm soát việc chi dùng không bằng người ở trên từ bỏ dục vọng xa xỉ. Khi

người ở trên từ bỏ dục vọng xa xỉ, muôn dân mới có thể trở về với sự thuần hậu chất phác vốn có. Nếu người ở trên không từ bỏ dục vọng xa xỉ, mà lại muốn người dân yên ổn và thanh tịnh, điều này tựa thể phóng lửa đốt rừng, mà vẫn muốn vạn vật không tiêu tụy xác xơ, thực sự là quá khó rồi! Bởi vậy, bậc quân chủ anh minh, phải ngăn chặn dục vọng và khoan dung với nhân dân, phải nghiêm khắc đối với nghề giao thương và nói lỏng cho nghề nông, chú trọng nông nghiệp, không chú trọng thương nghiệp. Vậy thì triều đình sẽ không còn những tên nịnh thần vùi dập nhân tài, nơi cửa chợ không còn kẻ thao túng chiếm lĩnh thị trường và đất nước không còn người dân tự ý khai thác thiên nhiên.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 243 ~

古之聖王，舉孝子而勸之事親，尊賢良而勸之為善，發憲布令<sup>①</sup>以教誨，賞罰以勸沮<sup>②</sup>。若此則亂者可使治，而危者可使安矣。

(卷三十四 墨子)

Chú thích:

- (1) Ban bố mệnh lệnh;
- (2) Ngăn chặn, nghiêm cấm.

**Việt ngữ:**

Bậc quân vương Thánh Hiền thời xưa khen ngợi người con hiếu thảo để khuyên dạy người phụng dưỡng song thân; tôn trọng người tài năng đức độ để khuyên dạy người làm việc tốt; ban bố pháp lệnh để giáo dục nhân dân; thưởng phạt phân minh để khuyến khích hoặc ngăn chặn người dân. Nếu làm được như vậy, xã hội hỗn loạn có thể khiến cho thanh bình yên ả, cục diện hiểm nguy có thể khiến cho an toàn và ổn định.

(Cuốn 34. *Mặc Tử*)

~ 244 ~

教化之流，非家至而人說之也，賢者在位，能者布職，朝廷崇禮，百僚敬讓，道德之行，由內及外，自近者始，然後民知所法，遷善日進而不自知。

(卷二十 漢書八)

**Việt ngữ:**

Việc phổ cập giáo hóa, thực ra không phải đi từng nhà từng hộ để giảng giải cho từng người, chỉ cần sắp xếp người đức độ ở đúng vị trí, người có tài năng được đặt ở chức vị phù hợp, triều đình đề xướng lễ giáo, bá quan thì cung kính và khiêm nhường với nhau, đạo đức được giáo hóa từ trong ra ngoài, bắt đầu từ nơi gần (nội bộ triều đình), sau đó muôn dân sẽ hiểu được chuẩn

mục cần học tập noi theo, để rồi mỗi ngày sửa chữa hướng thiện một cách tự nhiên.

(Cuốn 20. *Hán Thư* – Tập 8)

~ 245 ~

蓋堯之為教，先親後疏，自近及遠，周之文王亦崇厥化。

(卷二十六 魏志下)

### Việt ngữ:

Vua Đường Nghiêu khi thực thi việc giáo hóa, trước là từ người thân thích sau đó lan tỏa ra bên ngoài, từ gần đến xa. Ngài Văn Vương của nhà Chu cũng tuân theo sự giáo hóa như vậy.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 246 ~

子曰：『夫民，教之以德，齊<sup>①</sup>之以禮，則民有格心<sup>②</sup>。教之以政，齊之以刑，則民有遯心<sup>③</sup>。格，來也。遯，逃也。故君民者，子以愛之，則民親之；信以結之，則民不背；恭以蒞之，則民有遜心。蒞，臨也。遜，猶順也。』

(卷七 禮記)



**Chú thích:**

- (1) Chinh đốn, chấn chỉnh để khiến cho có trật tự;
- (2) Tâm muốn trở về với đạo nghĩa chân chính. Chỉ tâm hướng thiện. ‘格’ [cách] là đến với, ý muốn nói đến với điều thiện;
- (3) Tâm trốn tránh hình phạt. ‘遯’ đồng nghĩa với ‘遁’ [độn] trốn tránh.

**Việt ngữ:**

Khổng Tử dạy rằng: “Đối với nhân dân, phải dùng đạo đức để giáo dục, dùng lễ nghĩa để ràng buộc, nhân dân mới có tâm lý hướng thiện. Nếu dùng mệnh lệnh để dẫn dắt, dùng hình phạt để ràng buộc, người dân sẽ nảy sinh tâm lý trốn tránh mệnh lệnh và hình phạt. Bởi vậy, người trị vì muôn dân, nếu có thể đem tâm yêu thương con mình để yêu thương muôn dân, nhân dân sẽ thân cận và nương vào họ; nếu có thể dùng sự thành tín và chất phác để đoàn kết nhân dân, người dân sẽ không phản bội họ; nếu có thể cung kính mà tìm hiểu sâu sát tình hình dân chúng, người dân tự sẽ có lòng quy thuận và kính phục.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

**7. LỄ NHẠC [LỄ NGHI VÀ ÂM NHẠC]**

~ 247 ~

君子曰：『禮樂不可斯須<sup>①</sup>去身。致<sup>②</sup>樂以治心，樂由中出，故治心也。致禮以治躬<sup>③</sup>。禮自外作，故治身也。心中斯須不和不

樂，而鄙詐之心入之矣。鄙詐入之，謂利欲生也。外貌斯須不莊不敬，而慢易<sup>④</sup>之心入之矣。易，輕易也。故樂也者動於內者也，禮也者動於外者也。樂極則和，禮極則順<sup>⑤</sup>。內和而外順，則民瞻其顏色，而不與爭也；望其容貌，而民不生易慢焉。』

(卷七 禮記)

**Chú thích:**

- (1) Phút chót, giây lát;
- (2) Kín kẽ thận trọng;
- (3) Tu thân, điều chỉnh thân thể, lời nói và hành vi;
- (4) Khinh thường thất lễ;
- (5) Bản lưu hành rộng rãi của [*Lễ Kí*] ghi lại là ‘樂極和，禮極順’ (nhạc cực hòa, lễ cực thuận).

**Việt ngữ:**

Bậc quân tử cho rằng: “Con người trong giây lát cũng không thể xa rời lễ nhạc. Thâm nhập âm nhạc là để rèn luyện tâm tính; thâm nhập lễ nghi là để điều chỉnh thân thể, lời nói và hành vi. Trong tâm của một người nếu chỉ một phút giây không nhã nhặn, không hân hoan, vậy thì ý niệm tham lam, xấu xa và giả dối sẽ thừa cơ mà xâm nhập. Đáng vẻ nếu chỉ trong giây lát không trang nghiêm, không cung kính, vậy thì ý niệm khinh mạn sẽ nhân lúc yếu hèn mà xâm nhập. Bởi vậy, Nhạc là để điều chỉnh nội tâm và Lễ là để điều chỉnh hành vi bên ngoài của con người. Khi âm nhạc chí thiện sẽ có thể khiến cho người ta êm dịu, khi lễ nghi chí thiện sẽ

có thể khiến cho người ta nhã nhặn. Nội tâm êm dịu mà dáng vẻ nhã nhặn, vậy thì khi người thấy được dáng vẻ thần sắc của họ, tất sẽ không kháng cự lại; khi thấy nét mặt phong độ của họ, cũng sẽ không có thái độ coi thường khinh mạn.”

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 248 ~

禮以導其志，樂以和其聲，政以一其行，刑以防其奸。禮樂刑政，其極一也，所以同民心而出治道。

(卷七 禮記)

**Việt ngữ:**

Dùng lễ nghi để dẫn dắt lòng người, dùng âm nhạc để điều hòa tình cảm của họ, dùng pháp chế để thống nhất hành vi của nhân dân và dùng hình phạt để ngăn chặn điều tà ác từ họ. Lễ nghi, âm nhạc, hình phạt và pháp chế, mục tiêu cuối cùng là giống nhau, đều là mong muốn khiến cho muôn dân đồng lòng (phù hợp với đạo đức) và thực hiện lý tưởng về một thiên hạ thái bình thịnh trị.

(Cuốn 7. Lễ Kí)

~ 249 ~

夫禮之所興，眾之所以治也；禮之所以廢，眾之所以亂也。

(卷十 孔子家語)

**Việt ngữ:**

Khi việc giáo hóa lễ nhạc mà được đề xướng mạnh mẽ, dân chúng tất sẽ từ đây mà an định; nếu giáo hóa lễ nhạc mà bị phế bỏ, dân chúng cũng sẽ từ đây mà động loạn.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

~ 250 ~

中國所以常制四夷者，禮義之教行也。失其所以教……則同乎禽獸矣。不唯同乎禽獸，亂將甚焉。何者？禽獸保其性然者也，人以智役力者也。智役力而無教節，是智巧日用，而相殘無極也。相殘無極，亂孰大焉？

(卷四十九 傅子)

**Việt ngữ:**

Nguyên nhân mà Trung Quốc có thể chế ngự được các bộ tộc từ khắp nơi, là bởi đề xướng ý nghĩa giáo hóa của lễ nghi. Khi đánh mất ý nghĩa giáo hóa của lễ nghi... cũng sẽ giống như loài cầm thú. Không những chỉ giống với loài cầm thú, thậm chí còn hỗn loạn và lộn xộn hơn cả cầm thú. Vì sao lại nói như vậy? Đó là bởi cầm thú còn có thể giữ cho thiên tính của mình không biến đổi, nhưng con người lại dùng trí khôn để điều khiển thể lực. Dùng trí khôn để điều khiển thể lực, mà không có lễ giáo để tiết chế, trí khôn cứ ngày ngày được dùng, việc tổn hại lẫn nhau là vô cùng vô tận. Khi sự tổn

hại lẫn nhau là vô cùng vô tận, vậy thì còn tai họa và biến loạn nào lớn hơn thế?

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 251 ~

禮之可以為國<sup>①</sup>也久矣，與天地並。君令臣恭，父慈子孝，兄愛弟敬，夫和妻柔，姑<sup>②</sup>慈婦聽<sup>③</sup>，禮也。

(卷六 春秋左氏傳下)

Chú thích:

- (1) Trị quốc;
- (2) Mẹ của chồng, tức mẹ chồng;
- (3) Nghe theo, thuận theo.

Viết ngữ:

Yên Anh trả lời rằng: “Lễ có thể dùng để trị vì đất nước vốn (đã có) từ rất lâu rồi, có thể nói là song hành cùng đất trời. Quân vương hiền lương đức độ, hạ thần thì cung kính; cha mẹ đôn hậu, con cái hiếu thuận; làm anh thì thân ái, làm em lại lễ phép; người chồng thì diêm dạm, người vợ lại hiền từ; mẹ chồng thì hiền hậu, con dâu lại hiếu thảo. Những điều này đều là nội hàm của Lễ.”

(Cuốn 6. *Xuân Thu Tả Thị Truyện – Hạ*)

~ 252 ~

不知禮義，不可以行法<sup>①</sup>。法能教不孝，不能使人孝；能刑盜者，不能使人廉<sup>(廉下無恥字)</sup> 恥。

(卷三十五 文子)

**Chú thích:**

(1) Làm việc theo luật pháp.

**Viết ngữ:**

Người dân không hiểu lễ nghĩa, sẽ không thể làm việc theo luật pháp. Pháp luật có thể dạy dỗ người bất hiếu, nhưng không thể khiến họ có lòng hiếu thảo; có thể trừng trị đạo tặc, nhưng lại không thể khiến họ có được tâm liêm sỉ.

(Cuốn 35. Văn Tử)

~ 253 ~

民無廉恥，不可治也。非修禮義，廉恥不立。民不知禮義，法弗能正也。非崇善廢醜，不向禮義。

(卷四十一 淮南子)

**Viết ngữ:**

Dân chúng nếu không có tâm liêm sỉ, sẽ không có cách gì để trị vì. Mà không học tập lễ nghĩa, quan niệm

về liêm sỉ của dân chúng sẽ không được thiết lập. Dân chúng không hiểu lễ nghĩa, luật pháp cũng không thể khiến hành vi của họ được nghiêm túc. Nếu không đề cao nghĩa cử đẹp, loại trừ tật xấu, dân chúng sẽ không hướng đến lễ nghĩa.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 254 ~

子曰：『禮云禮云，玉帛云乎哉？』言禮非但崇此玉帛而已，所貴者乃貴其安上治民。樂云樂云，鐘鼓云乎哉？』樂之所貴者，移風易俗也，非但謂鐘鼓而已。

(卷九 論語)

### Việt ngữ:

Khổng Tử nói rằng: “Lễ này! Chỉ là lễ vật bằng ngọc và tơ lụa thôi sao? Nhạc này! Chỉ là nhạc cụ như chuông và trống thôi sao?” (Điểm đáng quý của Lễ là ở chỗ có thể khiến người ở trên làm tròn bổn phận và khiến người ở dưới được giáo hóa mà trở nên nghiêm trang chỉnh tề; trong khi đó điểm đáng quý của Nhạc là có thể cải thiện phong tục xã hội.)

(Cuốn 9. *Luận Ngữ*)

~ 255 ~

曾子曰：『夫行也者，行禮之謂也。夫禮，貴者敬焉，老者孝焉，幼者慈焉，小者友焉，賤者惠焉。此禮也。』

(卷三十五 曾子)

**Viết ngữ:**

Tăng Tử dạy rằng: “Được gọi là ‘hành’ chính là ý nghĩa của việc thực hành Lễ. Lễ chính là cung kính với người tôn quý, hiếu thuận với người già, từ ái với con trẻ, thân ái với người trẻ và ban ân huệ cho người bần hàn. Những điều này đều là biểu hiện của Lễ.”

(Cuốn 35. *Tăng Tử*)

~ 256 ~

為男女之禮，妃匹<sup>①</sup>之合，則不淫矣。為廉恥之教，知足之分，則不盜矣。以賢制爵，令<sup>(舊令作有，改之)</sup>民德厚矣。

(卷五十 袁子正書)

**Chú thích:**

(1) Chỉ việc hôn phối.

**Viết ngữ:**

Nếu đặt ra kỷ cương và lễ nghi giữa nam và nữ, hay quy định phép tắc để vợ và chồng kết duyên, sẽ không có việc dâm loạn. Thực thi việc giáo hóa liêm sỉ, sẽ khiến muôn dân biết đủ, tận hết trách nhiệm, và sẽ không còn hiện tượng trộm cắp. Lấy điều lương thiện làm tiêu chuẩn để ban cho tước vị sẽ khiến đạo đức của muôn dân được thuần hậu, chất phác.

(Cuốn 50. *Viên Tử Chính Thư*)



聖王之自為動靜周旋<sup>①</sup>，奉天承親，臨朝享臣，物<sup>②</sup>有筋文<sup>③</sup>，以章人倫。蓋欽翼<sup>④</sup>祗栗<sup>⑤</sup>，事天之容也；溫恭敬遜，承親之禮也；正躬嚴恪<sup>⑥</sup>，臨眾之儀也；嘉惠和說<sup>⑦</sup>，饗下之顏也。舉錯<sup>⑧</sup>動作，物遵其儀，故形<sup>⑨</sup>為仁義，動為法則。

(卷二十 漢書八)

**Chú thích:**

- (1) Động tác tiến lui vái chào khi hành lễ thời xưa;
- (2) Sự việc;
- (3) Lễ nghi, nghi thức;
- (4) Cung kính cẩn trọng. ‘欽’ [khâm] tôn kính, cung kính. ‘翼’ [dực] cung kính, chỉnh tề;
- (5) Cũng là ‘祗慄’ [chi lật] cung kính khiếp sợ. ‘祗’ đọc là ‘zhī’ có nghĩa là cung kính, ‘栗’ khiếp sợ.
- (6) Dáng vẻ trang nghiêm cung kính;
- (7) Tức là ‘和悅’ [hòa duyệt];
- (8) Đồng nghĩa với ‘措’ [thố];
- (9) Biểu hiện.

**Viết ngữ:**

Lời nói, hành vi và cử chỉ của bậc quân vương đầu là phụng sự đạo trời, phụng dưỡng cha mẹ, xử lý việc triều chính hay trọng dụng văn võ bá quan, mọi việc đều phù hợp với lễ tiết và phép tắc, chính là để đề cao luân lý

đạo đức. Cung kính cẩn trọng, nể sợ khếp mình là lễ nghi khi phụng sự đạo trời; ôn hòa nhã nhặn, kính cẩn khiêm tốn là lễ tiết khi phụng dưỡng song thân; chấn chỉnh bản thân, nghiêm trang cung kính là uy nghi để trị vì muôn dân; dáng vẻ điềm tĩnh, nhân từ đôn hậu là lễ nghi đối với hạ thần. Mọi lời nói, hành vi và cử chỉ của bậc quân vương, mỗi việc đều tuân theo lễ nghi, bởi vậy hành vi biểu hiện bên ngoài đều hợp với điều nhân nghĩa, nhất cử nhất động đều là tấm gương cho quần chúng.

(Cuốn 20. *Hán Thư* – Tập 8)

~ 258 ~

哀有哭踊<sup>①</sup>之節，樂有歌舞之容。正人足以副<sup>②</sup>其誠，邪人足以防其失。

(卷十四 漢書二)

Chú thích:

- (1) Nghi lễ đám tang thời xưa, cũng gọi là ‘擗踊’ [bịch dũng] đám ngực dậm chân. Đám ngực dậm chân mà than khóc, thể hiện nỗi đau đớn tột cùng. ‘踊’ [dũng] nhảy lên;
- (2) Tương xứng, phù hợp.

Viết ngữ:

(Trong lễ nghi thời xưa) khi đau đớn sẽ có nghi lễ vừa khóc vừa dậm chân, khi vui sẽ ca hát tung bưng.

Điều này đối với người chính trực mà nói, đủ để phù hợp với sự chân thành của họ; đối với người xấu ác mà nói, cũng đủ để ngăn chặn lỗi lầm của họ.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 259 ~

樂至<sup>①</sup>則無怨，禮至則不爭。揖讓而治天下者，禮樂之謂也。至，猶達行。

(卷七 禮記)

**Chú thích:**

(1) Thông suốt không trở ngại.

**Viết ngữ:**

Việc giáo hóa thông qua âm nhạc mà thông suốt, tâm tình người dân sẽ dịu êm mà không có oán hận, việc giáo hóa thông qua lễ nghi mà thông suốt, nhân dân sẽ trở nên khiêm nhường mà không có xung đột. Quân vương chỉ cần trong khoảnh khắc chấp tay vái chào, thiên hạ đã có thể trị vì một cách vô vi, điều muốn nói chính là dùng Lễ và Nhạc để trị vì thiên hạ.

(Cuốn 7. *Lễ Kí*)

~ 260 ~

樂以治內而為同，同於和樂也。禮以修外而為異。尊卑為異。  
同則和親，異則畏敬。和親則無怨，畏敬則不爭。

(卷十四 漢書二)

**Việt ngữ:**

Âm nhạc có thể dùng để rèn luyện nội tâm của con người, khiến cho tinh thần của người cùng với âm nhạc trở nên an hòa và cân bằng; lễ nghi có thể dùng để chấn chỉnh hành vi bên ngoài, khiến cho giữa người với người có thứ bậc tôn ti. Nội tâm được an hòa, con người sẽ hòa thuận và thân ái; khi có thứ bậc tôn ti lại khiến cho người trong tâm nề sợ. Hòa thuận và thân ái sẽ không có oán hận, trong tâm nề sợ sẽ không còn tranh đấu.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 261 ~

人君無禮，無以臨<sup>①</sup>其一<sup>(無一字)</sup>邦；大夫無禮，官吏不恭；父子無禮，其家必凶。《詩》曰：『人而無禮，胡<sup>②</sup>不遄<sup>③</sup>死。』故禮不可去也。

(卷三十三 晏子)

**Chú thích:**

- (1) Trị vì;
- (2) Tại sao;
- (3) Đọc là ‘chuán’, có nghĩa nhanh chóng.

**Việt ngữ:**

Quân vương nếu không giữ lễ sẽ không thể trị vì đất nước; đại phu nếu không giữ lễ, quan viên bên dưới tất sẽ không cung kính; giữa cha và con nếu không giữ lễ, gia đình tất có tai ương. Trong [*Kinh Thi*] có nói:

“Con người nếu không tuân thủ lễ nghi, chẳng thà chết cho sớm.” Bởi vậy, Lễ là không thể xóa bỏ được!

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

## 8. ÁI DÂN [THƯƠNG DÂN]

~ 262 ~

聖人常善救人，聖人所以常教人志孝者，欲以救人性命也。故無棄人；  
使貴賤各得其所也。常善救物，聖人所以常教民順四時者，以救萬物之殘傷也。故無棄  
物。不賤石而貴玉。

(卷三十四 老子)

### Việt ngữ:

Bậc thánh vương thời xưa khi còn tại vị, luôn là rất giỏi trong việc (dùng giáo hóa) để cứu giúp người, bởi vậy không có ai bị bỏ rơi mà không màng đến; luôn giỏi trong việc làm lợi ích vạn vật và phát huy hiệu quả của chúng, bởi vậy không có vật phẩm nào bị phế bỏ.

(Cuốn 34. *Lão Tử*)

~ 263 ~

天下有粟<sup>①</sup>，聖人食之；天下有民，聖人收之；天下有物，聖人裁之。利天下者取天下，安天下者有天下，愛天下者久天下，仁天下者化天下。

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

(1) Cách gọi chung của lương thực.

Việt ngữ:

Thái Công nói rằng: “Lúa thóc của thiên hạ được thánh nhân phân chia để hưởng dùng; muôn dân trong thiên hạ được thánh nhân trị vì; vạn vật trong thiên hạ được thánh nhân phân xử. Người mưu cầu lợi ích cho thiên hạ sẽ có được thiên hạ, người khiến cho thiên hạ an định sẽ nắm được thiên hạ, người thương yêu muôn dân của thiên hạ sẽ có thể trị vì thiên hạ được bền lâu, người lan tỏa nhân đức khắp thiên hạ sẽ có thể giáo hóa thiên hạ.”

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 264 ~

堯以不得舜為己憂，舜以不得禹、皋陶為己憂。分人以財謂之惠，教人以善謂之忠，為天下得人謂之仁。是故以天下與人易，為天下得人難。

(卷三十七 孟子)

Việt ngữ:

Vua Nghiêu xem việc bản thân không có được như người như vua Thuấn là điều lo lắng nhất; vua Thuấn cũng như vậy, lấy việc không thể có được người như vua Vũ và Cao Dao mà ưu tư. Dem vật chất mà phân chia cho người

được gọi là ‘huệ’, lấy đạo lý tốt đẹp để dạy cho người được gọi là ‘trung’, tìm được người có tài đức cho đất nước được gọi là ‘nhân’. Bởi vậy mới nói, nhường thiên hạ cho người thì dễ, nhưng tìm được người tài mà chí công vô tư cho thiên hạ lại rất khó!

(Cuốn 37. *Mạnh Tử*)

~ 265 ~

視民如子。見不仁者誅之，如鷹鷂之逐鳥雀也。

(卷五 春秋左氏傳中)

**Việt ngữ:**

Xem muôn dân như con của chính mình. Khi thấy kẻ bất nhân mà trừng trị chúng, tựa như chim ưng hay diều hâu mà truy tìm loài chim nhỏ vậy.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 266 ~

古之賢君，飽而知人之飢，溫而知人之寒，逸而知人之勞。

(卷三十三 晏子)

**Việt ngữ:**

Bậc quân vương hiền minh thời xưa, khi bản thân được no đủ thường nghĩ đến cảnh người dân nghèo khổ

phải chịu đói; khi bản thân được mặc ấm thường nghĩ đến cảnh người dân trần hàn phải chịu lạnh; khi bản thân được sống an nhàn thường nghĩ đến cảnh khổ cực của muôn dân trong thiên hạ.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 267 ~

故古之君人者，甚慘怛<sup>①</sup>於民也。國有飢者，食不重味<sup>②</sup>；民有寒者，而冬不被<sup>③</sup>裘。歲豐穀登<sup>④</sup>，乃始懸鐘鼓陳干戚<sup>⑤</sup>，君臣上下同心而樂之，國無哀人。

(卷四十一 淮南子)

**Chú thích:**

- (1) Đau buồn, bi ai. ‘慘’ [thảm] đau buồn, ‘怛’ [đát] bi ai, sâu khổ;
- (2) Thức ăn có hai món trở lên;
- (3) Sau này dùng là ‘披’ [phi] khoác lên;
- (4) (Lúa) chín, được mùa;
- (5) Cái khiên và rìu. Là hai loại vũ khí thời xưa và cũng là đạo cụ cầm khi ca múa.

**Viết ngữ:**

Làm bậc quân vương thời xưa, thực sự đau buồn với cảnh thống khổ của muôn dân. Trong muôn dân mà có người chịu đói, quân vương trong bữa cơm sẽ không dùng đến món thứ hai; trong dân chúng mà có người



chịu lạnh, quân chủ vào mùa đông sẽ không khoác áo da thú. Chỉ khi mùa màng cuối năm bội thu, nhân dân sung túc mới bắt đầu treo chuông trống, bày<sup>17</sup> khiên rìu. Khi vua tôi, bá quan và muôn dân cùng đồng lòng hân hoan, đất nước sẽ không có người u sầu.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 268 ~

孟子曰：『以佚道<sup>①</sup>使<sup>②</sup>民，雖勞不怨；謂教民趣農，役有常時，不使失業，當時雖勞，後獲其利則逸矣。以生道殺民，雖死不怨殺者。』殺此罪人者，其意欲生人也，故雖伏罪而死，不怨殺者也。

(卷三十七 孟子)

### Chú thích:

- (1) Phương pháp khiến cho muôn dân được an lạc;
- (2) Bắt ép, sai khiến.

### Việt ngữ:

Tăng Tử dạy rằng: “Lấy điểm xuất phát của việc mưu cầu niềm an lạc cho muôn dân mà sử dụng sức dân, dẫn nhân dân có vất vả cũng sẽ không oán hận; lấy điểm xuất phát của việc bảo đảm sự sinh tồn cho muôn

---

<sup>17</sup> Chuông, trống, khiên và rìu được sử dụng trong khi biểu diễn ca múa để ăn mừng cho dịp nào đó. Bởi vậy, khiên và rìu cũng được sử dụng trong ca múa của quân đội.

dân mà xử trăm kẻ có tội, tội nhân đâu có bị xử tội chết cũng không oán hận người đã giết chính mình.”

(Cuốn 37. *Mạnh Tử*)

~ 269 ~

敬賢如大賓<sup>①</sup>，愛民如赤子。內恕情之所安，而施之海內。是以囹圄空虛，天下太平。

(卷十七 漢書五)

**Chú thích:**

(1) Chỉ khách quý của đất nước nói chung (quốc khách).

**Việt ngữ:**

Tôn kính người tài như tôn kính khách quý của đất nước, yêu thương muôn dân như yêu thương con trẻ. Những việc mà chính mình cảm thấy tâm an lý đắc thì mới thực thi khắp đất nước. Bởi vậy mà lao ngục thì không có phạm nhân mà thiên hạ lại thái bình.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

~ 270 ~

良君養民如子，蓋之如天，容之如地。民奉其君，愛之如父母，仰之如日月，敬之如神明，畏之如雷霆。

(卷五 春秋左氏傳中)

**Việt ngữ:**

Bậc quân vương đức độ giáo dục thần dân như con của chính mình, như đạo trời che chở muôn dân, như đạo của đất bao dung dân chúng. Muôn dân khi phụng sự bậc quân vương, yêu mến họ tựa như cha mẹ của chính mình, kính ngưỡng họ tựa như nhật nguyệt, tôn trọng họ tựa như thần linh và nể sợ họ như khiếp sợ sấm sét.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 271 ~

樂民之樂者，人亦樂其樂；憂人之憂者，民亦憂其憂。樂以天下，憂以天下，然而不王者，未之有也。

(卷四十二 新序)

**Việt ngữ:**

Quân vương mà có thể vui với niềm vui của muôn dân, nhân dân sẽ vui với niềm vui của họ; quân vương mà có thể buồn với nỗi buồn của muôn dân, muôn dân sẽ buồn với nỗi buồn của họ. Lấy niềm vui của muôn dân trong thiên hạ làm niềm vui của chính mình, lấy nỗi buồn của muôn dân trong thiên hạ làm nỗi buồn của chính mình, thế này mà vẫn không thể xưng vương trong thiên hạ, thật sự từ trước đến nay chưa từng có việc này!

(Cuốn 42. *Tân Tự*)

9. DÂN SINH [AN SINH XÃ HỘI]

~ 272 ~

民生<sup>①</sup>在勤，勤則不匱。

(卷五 春秋左氏傳中)

Chú thích:

(1) Kế sinh nhai, cuộc sống của dân chúng.

Viết ngữ:

Sinh kế của nhân dân nằm ở việc lao động cần mẫn, khi lao động cần mẫn thì cuộc sống sẽ không thiếu thốn.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 273 ~

筮子<sup>①</sup>曰：『倉廩<sup>②</sup>實知禮節。』民不足而可治者，自古及今，未之嘗聞。

(卷十四 漢書二)

Chú thích:

(1) Túc Quản Trọng, ‘筮’ đồng âm với ‘管’ [quản];

(2) Kho cất chứa thóc lúa.

Viết ngữ:

Quản Trọng nói rằng: “Khi thóc lúa được chứa đầy trong kho, mới có thể dẫn dắt để người dân hiểu được lễ tiết.” Khi việc cơm ăn áo mặc của người dân không đủ mà có thể khiến cho đất nước được thái bình, từ trước đến nay vẫn chưa từng nghe thấy.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 274 ~

民貧則奸邪生。貧生於不足，不足生於不農，不農則不地著<sup>①</sup>，不地著則離鄉輕家。民如鳥獸，雖有高城深池，嚴法重刑，猶不能禁也。

(卷十四 漢書二)

**Chú thích:**

(1) Ở cố định tại một nơi.

**Việt ngữ:**

Khi người dân nghèo khổ tất sẽ nảy sinh việc gian trá xấu xa. Sự nghèo khổ là bởi vật chất không đủ, vật chất không đủ là do người ta không dồn hết sức cho sản xuất nghề nông, khi con người không chăm chỉ canh tác sẽ không thể an trú tại một nơi. Khi không thể an trú tại một nơi, người ta sẽ dễ dàng rời xa quê nhà. (Nếu) dân chúng mà không có nguồn vật chất cơm ăn áo mặc cố định như thể chim chóc và muôn thú, lại cư trú không cố định, dẫu có tường thành cao lớn và con sông hộ thành có sâu, có luật pháp và hình phạt nghiêm ngặt

cũng không thể ngăn cản nhiều hành vi bất hợp pháp mà họ gây ra.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 275 ~

夫治獄者得其情，則無冤死之囚；丁<sup>①</sup>壯者得盡地力，則無饑饉之民；窮老者得仰食<sup>②</sup>倉廩，則無餒餓之殍<sup>③</sup>；嫁娶以時，則男女無怨曠之恨；胎養必全，則孕者無自傷之哀；新生必復<sup>④</sup>，則孩者無不育之累<sup>⑤</sup>；壯而後役，則幼者無離家之思；二毛<sup>⑥</sup>不戎，則老者無頽伏<sup>⑦</sup>之患。醫藥以療其疾，寬繇以樂其業，威罰以抑其強，恩仁以濟其弱，賑貸<sup>⑧</sup>以贍其乏。十年之後，既笄<sup>⑨</sup>者必盈巷；二十年之後，勝兵<sup>⑩</sup>者必滿野矣。

(卷二十五 魏志上)

### Chú thích:

- (1) Hưng thịnh, cường tráng;
- (2) Dựa vào người khác để được ăn;
- (3) Người bị chết đói;
- (4) Miễn trừ lao dịch hoặc tô thuế;
- (5) Điều khiển phải ưu tư;
- (6) Tóc hoa râm, thường dùng để chỉ người già;
- (7) Giống như bị ngã sóng xoài;
- (8) Cứu tế;
- (9) Người con gái thành niên ở tuổi mười lăm;

(10) Chỉ những người làm binh sĩ được phép tham gia tác chiến.

**Viết ngữ:**

Nếu người xử án nhận được tình tiết chân thực của vụ án, vậy thì sẽ không có tù nhân bị chết oan; người đàn ông cường tráng nếu có thể tận dụng triệt để tiềm lực từ đất đai, vậy thì sẽ không có người dân chịu cảnh mất mùa; người già nghèo khổ nếu nhận được lương thực cứu tế của quốc gia, vậy thì sẽ không có người bị chết đói; để người được cưới gả theo độ tuổi kết hôn, vậy thì nam nữ sẽ không còn nỗi oán hận vì không vợ không chồng; vấn đề nuôi dưỡng thai nhi đều được đảm bảo, vậy thì thai phụ sẽ không có tiếng oán thán thương cảm chính mình; nếu nhất định miễn trừ lao dịch cho gia đình mới sinh con nhỏ, vậy thì con trẻ sẽ không còn nỗi lo vì không có người nuôi dưỡng. Người dân sau khi đến độ tuổi cường tráng rồi mới phục vụ lao dịch, vậy thì người nhỏ tuổi sẽ không có nỗi nhớ quê hương vì phải xa nhà; người tuổi cao sức yếu không phải tòng quân nữa, vậy thì người già sẽ không còn nỗi lo ngã nhào (trên đường hành quân). Dùng y dược để chữa trị bệnh tật của người dân, nói lòng và miễn giảm lao dịch để khiến muôn dân được an cư lạc nghiệp, dùng hình phạt để chế ngự cường hào, đem ân huệ và lòng nhân ái để giúp đỡ người yếu đuối, ban phát cứu tế lương thực và tiền của cho người thiếu thốn. Như vậy, sau mười năm, nữ giới đến tuổi thành niên nhất định sẽ đầy ngõ xóm; sau hai mươi năm, người có thể làm binh sĩ tham gia tác chiến nhất định sẽ có ở khắp xóm làng.

10. PHÁP CỖ [HỌC THEO NGƯỜI XƯA]

~ 276 ~

故為高必因丘陵，為下必因川澤，為政不因先王之法，可謂智乎？言因自然，既用力少，而成功多。是以惟仁者宜在高位，不仁而在高位，是播惡於眾也。仁者能由先王之道。不仁者逆道，則播揚其惡於眾人也。

(卷三十七 孟子)

**Viết ngữ:**

Việc chất đồng cao nhất định phải dựa vào gò cao vốn đã có, đào sâu nhất định phải dựa vào sông hồ vốn đã thấp trũng, mà việc trị vì triều chính nếu không dựa vào phương pháp của các bậc thánh vương thời xưa, liệu có thể coi là trí tuệ sáng suốt được không? Bởi vậy, chỉ có người tài năng đức độ mới có thể ở trên cao, nếu không có đức độ mà lại ở trên cao, như vậy rồi sẽ đem những hậu họa của họ mà gieo rắc lên dân chúng.

(Cuốn 37. *Mạnh Tử*)

~ 277 ~

昔帝堯，上世之所謂賢君也。堯王<sup>①</sup>天下之時，金銀珠玉弗服，錦繡文綺<sup>②</sup>弗衣<sup>③</sup>，奇怪異物弗視，玩好之器弗寶，淫佚之樂弗聽，宮垣<sup>④</sup>室屋弗崇，茅茨<sup>⑤</sup>之蓋不剪，衣履不敝盡不更為，慈味<sup>⑥</sup>重累<sup>⑦</sup>不食，不以役作之故，留<sup>⑧</sup>耕種之時，削心約志，從事乎無為，其自奉<sup>⑨</sup>也



甚薄，役賦也甚寡。故萬民富樂而無飢寒之色，百姓戴<sup>⑩</sup>其君如日月，視其君如父母。

(卷三十一 六韜)

**Chú thích:**

- (1) Trị vì, xưng vương;
- (2) Đồ dệt lụa lộng lẫy;
- (3) Mặc;
- (4) Chỉ tường bao nhà ở hoặc các công trình kiến trúc khác nói chung. Đặc biệt chỉ tường bao ở hoàng cung. ‘垣’ [viên] tường, tường thành;
- (5) Mái đình lợp lá, cũng là chỉ túp lều;
- (6) Mùi vị thơm ngon;
- (7) Có nghĩa như chồng chéo, những đồ vật giống nhau xếp thành tầng lớp, mang nghĩa nhiều;
- (8) Kéo dài, trì hoãn;
- (9) Việc hưởng dùng trong cuộc sống hàng ngày của bản thân;
- (10) Tôn kính, ủng hộ và yêu mến.

**Viết ngữ:**

Vua Nghiêu trước đây, nhân dân thời thượng cổ xưng ông là bậc hiền quân (bậc quân vương đức độ). Khi vua Nghiêu trị vì thiên hạ, không đeo vàng bạc châu báu, không mặc quần áo gấm lụa lộng lẫy, không thưởng thức ngắm nhìn đồ vật quý hiếm và độc đáo, không cất giữ báu vật dùng để vui chơi thưởng ngoạn, không nghe thứ nhạc phóng túng êm tai, không xây dựng tường bao và cung thất cao lớn, không tu sửa mái

đình hóng mát, quần áo và ủng đi nếu không cũ nát sẽ không thay mới, sơn hào hải vị nếu quá nhiều sẽ không dùng đến, không vì việc lao dịch mà ảnh hưởng mùa vụ canh tác của muôn dân, từ bỏ lòng ích kỷ và hạn chế dục vọng, tận tâm tận lực vì nền chính trị vô vi. Hưởng thụ trong cuộc sống hàng ngày của bản thân vua Nghiêu rất ít ỏi, việc trưng dụng lao dịch và tô thuế cũng rất ít, bởi vậy muôn dân trong thiên hạ sung túc an lạc mà không có dáng vẻ của sự đói rét. Họ kính yêu quân vương tựa như nhật nguyệt, coi quân vương như cha mẹ của chính mình.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 278 ~

五德以時合散<sup>(散作教)</sup>，以為民紀，古之道也。<sup>仁義勇智</sup>  
信，民之本，隨時而施舍，為民綱紀，古之所以傳政道也。

(卷三十三 司馬法)

### Việt ngữ:

Đem Ngũ Đức (ở đây chỉ Nhân – Nghĩa – Dũng – Trí – Tín) để tùy thời điểm thích hợp và theo đó mà giáo dục, làm chuẩn mực cho hành vi của nhân dân, đây chính là thông lệ từ xưa đến nay.

(Cuốn 33. *Tư Mã Pháp*)

### 11. THƯỜNG PHẠT

~ 279 ~

賞在於成民之生，罰在於使人無罪，是以賞罰施民而天下化矣。

**Việt ngữ:**

Mục đích của việc ban thưởng là thành tựu cuộc sống tốt hơn cho nhân dân, mục đích của hình phạt là khiến người sẽ không phạm tội. Bởi vậy, khi việc thưởng phạt dùng để trị vì muôn dân, lòng người trong thiên hạ cũng sẽ được cảm hóa.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 280 ~

善治民者，開其正道，因所好而賞之，則民樂其德也；塞其邪路，因所惡而罰之，則民畏其威矣。

(卷四十九 傅子)

**Việt ngữ:**

Người giỏi việc trị vì muôn dân, sẽ mở ra con đường chính nghĩa hướng thiện cho họ, thuận theo thiên tính yêu thích những điều thiện mỹ để ban thưởng cho người thiện, khi đó nhân dân tự nhiên sẽ cảm tạ ân đức đó một cách hoan hỉ; đóng kín con đường tà làm điều xấu của muôn dân, thuận theo thiên tính chán ghét điều xấu ác để trừng phạt hành vi tội lỗi, khi đó nhân dân tự sẽ nể sợ sự uy nghiêm đó.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 281 ~

賞一人而天下知所從，罰一人而天下知所避。明開塞之路，使百姓曉然知軌疏<sup>(疏疑跡)</sup>之所由，是以賢者不憂，知者不懼，干祿者不邪。

(卷五十 袁子正書)

### Viết ngữ:

Khi ban thưởng một người, người trong thiên hạ đều biết và xem họ làm tấm gương để học tập; khi trừng phạt một người, người trong thiên hạ đều biết và xem họ là bài học để tránh xa. Hiểu rõ những việc được làm và không được làm khiến cho nhân dân biết được nên đi theo con đường như thế nào. Bởi vậy mà người đức độ sẽ không lo lắng, người có tài trí sẽ không sợ hãi, người mưu cầu để làm quan cũng sẽ không đi theo con đường tà ác.

(Cuốn 50. Viên Tử Chính Thư)

~ 282 ~

賞足榮而罰可畏，智者知榮辱之必至。是故勸善<sup>①</sup>之心生，而不軌之奸息。

(卷五十 袁子正書)

### Chú thích:

(1) Khuyến khích hành thiện.

**Việt ngữ:**

Ban thưởng đủ để khiến dân chúng cảm thấy vinh hiển, trừng phạt đủ để khiến dân chúng cảm thấy khiếp sợ. Người có tài trí biết rằng sự vinh hiển hay nổi nhục nhã tất sẽ đến (tùy theo hành vi thiện hay ác của bản thân), bởi vậy tâm khuyến thiện được nảy sinh và ý niệm mưu toan những điều trái với luân lý đạo đức sẽ được dừng lại.

(Cuốn 50. *Viên Tử Chính Thư*)

~ 283 ~

善賞者，費少而勸多；善罰者，刑省而奸禁。

(卷三十五 文子)

**Việt ngữ:**

Người giỏi việc ban thưởng, chi dùng tuy rất ít mà người được khuyến khích động viên lại nhiều; còn người giỏi việc trừng phạt, hình phạt tuy không nhiều nhưng có thể khiến điều gian tà được ngăn chặn.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 284 ~

凡爵列<sup>①</sup>官職，賞慶<sup>②</sup>刑罰，皆以類相從<sup>③</sup>者也。一物失稱<sup>④</sup>，亂之端也。德不稱位，能不稱官，賞不當功，刑不當罪，不祥莫大焉。

(卷十四 漢書二)

**Chú thích:**

- (1) Tước vị;
- (2) Ban thưởng;
- (3) Xác định tùy theo từng loại;
- (4) Không tương xứng.

**Viết ngữ:**

Phàm là tước vị, chức quan, ban thưởng hay hình phạt đều phải căn cứ vào mức độ công và tội để ban cho một cách tương xứng. Nếu chỉ một việc làm không thích đáng, cũng chính là khởi đầu của sự hỗn loạn. Đức hạnh và tước vị không tương xứng, năng lực và chức quan không tương xứng, phần thưởng và công lao không tương xứng, hình phạt và tội lỗi không tương xứng, chưa có việc nào mà không tốt lành hơn điều này cả.

(Cuốn 14. *Hán Thư* – Tập 2)

~ 285 ~

若賞一無功，則天下飾詐矣；罰一無罪，則天下懷疑矣。是以明德慎賞，而不肯輕之；明德慎罰，而不肯忽之。

(卷四十九 傅子)

**Việt ngữ:**

Nếu ban thưởng một người không có công lao, người trong thiên hạ sẽ giả tạo dối trá; nếu xử phạt một người vô tội, người trong thiên hạ sẽ có tâm lo ngại. Bởi vậy, người sáng suốt thường thận trọng với việc ban thưởng, chứ không chịu thực thi một cách dễ dàng; người sáng suốt thường thận trọng với việc xử phạt, chứ không thực hiện một cách tùy tiện.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 286 ~

廢一善則終善衰，賞一惡則眾惡多<sup>(多作歸)</sup>。善者得其祐，惡者受其誅<sup>①</sup>，則國安而眾善到矣。

(卷四十 三略)

**Chú thích:**

(1) Trừng phạt, trách phạt.

**Việt ngữ:**

Bãi bỏ một việc làm thiện, vậy thì nhiều việc thiện đều sẽ bị giảm bớt; ban thưởng cho một việc làm ác, vậy thì nhiều việc làm ác tất sẽ gia tăng. Khi người thiện nhận được phúc báu và che chở, người ác phải chịu xử phạt, đất nước tất sẽ an định mà các hành vi thiện cũng sẽ được nở rộ.

(Cuốn 40. *Tam Lược*)

~ 287 ~

賞不勸，謂之止善；罰不懲，謂之縱惡。

(卷四十六 申鑒)

**Việt ngữ:**

Khi việc ban thưởng không phát huy được tác dụng khuyến khích động viên dân chúng, đây được gọi là ‘cản trở điều thiện’; nếu việc xử phạt không phát huy được hiệu quả cảnh cáo việc làm ác, đây được gọi là ‘dung túng điều ác’.

(Cuốn 46. *Thân Giám*)

~ 288 ~

善為國者，賞不僭<sup>①</sup>而刑不濫。賞僭，則懼及淫人；刑濫，則及善人。若不幸而過，寧僭無濫。

(卷五 春秋左氏傳中)

**Chú thích:**

(1) Tựa như quá đà.

**Việt ngữ:**

Đối với người giỏi việc trị vì đất nước, việc ban thưởng sẽ không quá đà và hình phạt sẽ không bị lạm dụng. Nếu ban thưởng quá đà, e rằng ban thưởng cả người ác; còn lạm dụng hình phạt, e rằng làm tổn hại cả



người tốt. Nếu không may thưởng phạt quá đà, thà rằng ban thưởng quá đà, chứ không thể lạm dụng hình phạt.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 289 ~

賞不遺遠<sup>①</sup>，罰不阿<sup>②</sup>近，爵不可以無功取，刑不可以勢貴免，此賢愚之所以僉<sup>③</sup>忘其身者也。

(卷二十七 蜀志)

Chú thích:

- (1) Ruồng bỏ người có quan hệ xa cách;
- (2) Làm việc theo tình cảm cá nhân, thiên vị;
- (3) Đều.

Viết ngữ:

Khi ban thưởng, không được để sót người có quan hệ xa cách; khi trừng phạt không được thiên vị cho người thân cận. Người không có công lao sẽ không được nhận tước vị, người có quyền thế hiển vinh cũng không được miễn hình phạt đáng phải nhận, đây chính là nguyên nhân dẫn là người hiền đức hay kẻ ngu đều có thể quên mình mà hi sinh vì đất nước vậy.

(Cuốn 27. *Thục Chí*)

12. PHÁP LUẬT

~ 290 ~

德教者，人君之常任也，而刑罰為之佐助焉。

(卷四十五 昌言)

**Viết ngữ:**

Giáo hóa đạo đức là đạo lý của bậc quân vương khi trị quốc, còn hình phạt chỉ là sự trợ giúp cho việc giáo hóa đạo đức mà thôi.

(Cuốn 45. *Xuong Ngôn*)

~ 291 ~

法令者治之具，而非~~劫治~~<sup>①</sup>清濁之源也。

(卷十二 史記下)

**Chú thích:**

(1) Tựa như trị vì.

**Viết ngữ:**

Pháp chế là một loại công cụ để trị vì thiên hạ, chứ không phải là căn nguyên của sự thanh bạch hay vẩn đục của nền chính trị.

(Cuốn 20. *Sử Kí – Hạ*)

~ 292 ~

古者明其仁義之誓，使民不踰。不教而殺，是虐民也。與其刑不可踰，不若義之不可踰也。聞禮儀行而刑罰中<sup>①</sup>，未聞刑罰任<sup>(任作行)</sup>而孝悌興也。高牆狹基，不可立也；嚴刑峻法，不可久也。

(卷四十二 鹽鐵論)

**Chú thích:**

(1) Đọc là ‘zhòng’, có nghĩa là thích đáng.

**Viết ngữ:**

(Bậc quân vương sáng suốt) thời xưa tuyên thệ lấy nhân nghĩa mà tu thân, để khiến cho muôn dân không đi ngược với lễ nghĩa. Nếu trước đó không thúc đẩy việc giáo dục, đến khi người dân phạm tội lại đem mà giết hại, đây chính là tàn hại muôn dân. So với việc đặt ra luật lệ và hình phạt để khiến muôn dân không dám vi phạm, chi bằng đề xướng lễ nghĩa để khiến họ biết hổ thẹn khi làm trái. Chỉ nghe rằng khi thúc đẩy lễ nghĩa, hình phạt mới có thể vận dụng một cách thích đáng, chứ chưa từng nghe khi thực thi hình phạt mà nếp sống hiếu đễ mới có thể nở rộ mạnh mẽ. Bức tường cao lớn mà nền móng lại nhỏ hẹp, là không thể đứng vững; dùng luật lệ và hình phạt khắc nghiệt để trị vì đất nước, là không thể bền lâu.

(Cuốn 42. *Diên Thiết Luận*)

~ 293 ~

君不法天地，而隨世俗之所善<sup>①</sup>以為法，故令出必亂。亂則復更為法，是以法令數變，則群邪成俗，而君沉於世，是以國不免危亡矣。

(卷三十一 六韜)

**Chú thích:**

(1) Ưu thích.

**Viết ngữ:**

Nếu quân vương không tuân theo đạo lý của tự nhiên, mà hùa theo sự ưa thích của thế tục để thiết lập luật pháp, vậy thì luật pháp thế này một khi được ban bố, nhất định sẽ gây ra sự hỗn loạn. Sau khi nảy sinh hỗn loạn, lại phải sửa đổi luật pháp, bởi vậy dẫn đến luật pháp phải sửa đổi nhiều lần, điều này khiến cho nếp sống tà ác nổi lên mà quân vương lại chìm đắm vào thế tục. Từ đó, đất nước sẽ không tránh khỏi mỗi nguy bị diệt vong.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

~ 294 ~

善為治者，綱舉而網疏。綱舉則所羅者廣，網疏則小罪必漏。所羅者廣，則大罪不縱；則甚泰<sup>①</sup>必刑。微過必漏，則為政不苛；甚泰必刑，然後犯治<sup>②</sup>必塞。此為治之要也。

(卷三十 晉書下)

Chú thích:

- (1) Quá đà. ‘泰’ đồng nghĩa với ‘太’ [thái];
- (2) Vi phạm việc trị quốc.

Viết ngữ:

Người giỏi việc trị quốc, sẽ nắm bắt tổng cương lĩnh và khiến cho mất lưới pháp luật bị thừa. Khi có thể nắm bắt được tổng cương lĩnh, vậy thì phạm vi bao quát sẽ rất rộng; nếu mất lưới pháp luật mà thừa, vậy thì tội lỗi nhỏ sẽ bị lơ là. Khi phạm vi bao quát mà rộng, những tội lỗi lớn sẽ không được dung túng, tội lớn tất sẽ bị trừng phạt. Khi sai lầm nhỏ mà bị lơ là, vậy thì việc trị vì sẽ không hà khắc. Tội lỗi lớn nhất định phải trừng phạt, vậy thì những hành vi vi phạm và làm loạn kỷ cương trong việc trị quốc sẽ bị ngăn chặn. Đây chính là mấu chốt của việc trị vì đất nước. (Cuốn 30. *Tấn Thư* – Hạ)

~ 295 ~

一令逆者，則百令失；君令一逆，民不從，故百令皆廢也。 一惡施者，則百惡結。一惡得施，則百惡結而相從也。

(卷四十 三略)

Viết ngữ:

Khi một mệnh lệnh mà đi ngược với lòng dân, tất cả các mệnh lệnh đều sẽ mất đi tác dụng; khi một việc ác được thực hiện, hàng trăm việc ác sẽ liên tiếp diễn ra.

(Cuốn 40. *Tam Lược*)

道徑眾，民不知所由也；法令眾，人不知所避也。故王者之制法也，昭乎如日月，故民不迷；曠乎若大路，故民不惑。幽隱遠方，折乎知之；愚婦童<sup>①</sup>婦，咸知所避。是故法令不犯，而獄犴<sup>②</sup>不用也。

(卷四十二 鹽鐵論)

### Chú thích:

- (1) Ngu muội, thiển cận;
- (2) Lao ngục. ‘犴’ [ngạn], đọc là ‘àn’, thời xưa chỉ nhà giam ở đình làng.

### Việt ngữ:

Khi có nhiều con đường, người ta sẽ không biết nên đi con đường nào; nếu luật lệ mà nhiều, muôn dân sẽ không biết phải làm sao để tránh vi phạm lệnh cấm. Bởi vậy, bậc quân vương sáng suốt khi lập ra luật pháp, sẽ rõ ràng mạch lạc tựa như nhật nguyệt, bởi vậy nhân dân sẽ không bị bối rối; và rộng mở như con đường lớn, do vậy nhân dân sẽ không còn ngờ vực. Đến cả người dân ở nơi xa xôi hẻo lánh cũng có thể hiểu rõ luật pháp, người phụ nữ ngu muội vô tri cũng đều biết làm thế nào để tránh việc vi phạm pháp luật. Từ đó, luật pháp và mệnh lệnh sẽ không có người vi phạm, mà nhà lao cũng không phải sử dụng đến.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

13. CHINH PHẠT [VIỆC DỤNG BINH]

~ 297 ~

夫文，止戈為武。文，字也。武王克商，作《頌》曰：  
『載<sup>①</sup>戢<sup>②</sup>干戈，載橐<sup>③</sup>弓矢。』戢，藏也。橐，韜也。詩美武王能滅暴亂而息兵也。夫武禁暴，戢兵，保大，定功，安民，和眾，豐財者也，此武七德也。故使子孫忘其章<sup>④</sup>。著之篇章，使子孫不忘也。

(卷五

春秋左氏傳中)

Chú thích:

- (1) Trợ từ ngữ khí và được dùng ở đầu hoặc giữa câu, có tác dụng nhấn mạnh;
- (2) Cắt giữ binh khí;
- (3) Xếp mũi tên vào túi đựng;
- (4) Phân đoạn trong thi ca hoặc âm nhạc.

Việt ngữ:

Từ cấu trúc của chữ viết có thể thấy được, hai chữ ‘止’ [chỉ] (dừng, chấm dứt) và ‘戈’ [qua] (mác – một loại vũ khí thời xưa) ghép lại chính là chữ ‘武’ [vũ] (quân sự, sức mạnh). Sau khi Chu Vũ Vương chiến thắng Thương Trụ, trong [Chu Tụng], người dân của nhà Chu nói rằng: “Đem khiên mác mà cất đi, đem cung tên mà xếp trở lại.” ‘Vũ’ (quân sự) được nói đến là để ngăn chặn bạo loạn, chấm dứt chiến tranh, gìn giữ hòa bình, xây dựng cơ đồ, an định muôn dân, thiết lập mối quan hệ hòa hảo với láng giềng và làm phong phú

nguồn tài nguyên. Bởi vậy, phải khiến cho con cháu đời sau không được quên đi những nội dung này.

(Cuốn 5. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Trung)

~ 298 ~

是故百戰百勝，非善之善者也；不戰而屈人之兵，善之善者也。未戰而敵自屈服也。

(卷三十三 孫子兵法)

**Viết ngữ:**

Bởi vậy, bách chiến bách thắng cũng chưa thể xem là tài trí nhất, không giao chiến mà khiến quân địch phải hàng phục mới là tài trí nhất trong những người tài trí.

(Cuốn 33. *Binh Pháp Tôn Tử*)

~ 299 ~

仁人之兵，所存者神，所過者化<sup>①</sup>。若時雨<sup>②</sup>之降，莫不悅喜。故近者親其善，遠者慕其德，兵不血刃<sup>③</sup>，遠邇<sup>④</sup>來服。德盛於此，施及四極<sup>⑤</sup>。

(卷三十八 孫卿子)

**Chú thích:**

- (1) Quy phục và tiếp nhận giáo hóa, quy thuận;
- (2) Con mưa tức thì;



- (3) Trên binh khí không thấm máu, ý muốn nói chiến sự được thuận lợi, chưa trải qua giao tranh hay chiến đấu ác liệt mà vẫn giành thắng lợi;
- (4) Tựa như xa và gần;
- (5) Nơi vô cùng xa xôi ở muôn phương.

**Viết ngữ:**

Đoàn quân nhân từ, ở nơi mà họ đóng quân, sẽ được an định hòa bình; ở nơi mà họ hành quân qua, không ai mà không quy thuận và được giáo hóa. Tựa như khi cơn mưa tức thời đổ xuống, không ai là không hân hoan vui sướng. Bởi vậy, người ở gần thì kính yêu điều thiện mỹ ở họ, người ở nơi xa thì ngưỡng mộ đạo đức của họ, không cần giao chiến mà vẫn có thể thắng lợi, các nơi xa gần đều đến quy thuận. Khi đạo đức mà được phát huy mạnh mẽ như vậy, ân trạch sẽ được ban đến cả những nơi vô cùng xa xôi hẻo lánh.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 300 ~

聖王之用兵也，非好樂之，將以誅暴討亂。夫以義而誅不義，若決江河而溉熒火，臨不測而擠欲墜，其克之必也。

(卷四十 三略)

**Việt ngữ:**

Việc dụng binh của bậc minh quân không phải do bản thân họ ưa thích dùng binh, mà là để tiêu diệt kẻ hung bạo và dẹp yên những cuộc phiến loạn. Lấy chính nghĩa để dẹp yên điều bất nghĩa, tựa như khơi thông sông hồ để dập tắt đốm lửa nhỏ, tựa như đẩy một vật đang sắp sửa rơi từ bờ vực thẳm, thắng lợi đó sẽ là tất yếu.

(Cuốn 40. *Tam Lược*)

~ 301 ~

國雖大，好戰必亡；天下雖平，忘戰必危。

(卷十八 漢書六)

**Việt ngữ:**

Đất nước dẫu lớn mạnh, nhưng hiếu chiến tất sẽ bị diệt vong; thiên hạ dẫu có thái bình, nhưng lơ là trực chiến tất sẽ lâm nguy.

(Cuốn 18. *Hán Thư – Tập 8*)

~ 302 ~

『軍旅之後，必有凶年』，言民以其愁苦之氣，傷陰陽之和也。出兵雖勝，猶有後憂，恐災害之變，因此以生。

(卷十九 漢書七)

**Việt ngữ:**

“Sau cuộc chiến lớn, nhất định sẽ có năm thiên tai”, điều muốn nói là chiến tranh mang lại sự sầu khổ cho muôn dân, làm tổn hại sự hài hòa của âm – dương trong đất trời. Việc xuất binh đâu có giành thắng lợi, nhưng vẫn có nổi gian truân ở sau cuộc chiến, e rằng thiên tai bất thường sẽ từ đây mà nảy sinh.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

\*\*\*

**CHƯƠNG V**  
**KÍNH THẬN**  
**[KÍNH CÂN VÀ THẬN TRỌNG]**

1. VI TIỆM [PHÒNG NGŪA]

~ 303 ~

古者衣服車馬，貴賤有章，以褒有德而別尊卑。今上下僭差<sup>①</sup>，人人自制，是故貪財趨<sup>②</sup>利，不畏死亡。周之所以能致治<sup>③</sup>，刑措<sup>④</sup>而不用者，以其禁邪於冥冥，絕惡於未萌也。

(卷十九 漢書七)

Chú thích:

- (1) Vượt giới hạn và không có chừng mực. ‘僭’ [tiếm] vượt quá bốn phạm, lạm dụng chức quyền và danh nghĩa của người ở trên để hành động;
- (2) Đọc là ‘qū’, đồng nghĩa với ‘趨’ [xu], có nghĩa là theo đuổi, bám theo;
- (3) Khiến cho đất nước về mặt chính trị được an định và thanh bình;
- (4) Cũng là ‘刑錯’ [hình thác] hoặc ‘刑厝’ [hình thố], đặt ra hình phạt nhưng không dùng đến. ‘措’ [thố] để đẩy, dừng lại.

Viết ngữ:

Y phục, ngựa xe của vua tôi thời xưa đều có quy định, chính là để tuyên dương người có đức độ và khiến cho trên dưới có trật tự, thế nhưng ngày nay giữa trên và dưới có những việc sai trái vượt quá giới hạn, ai ai cũng tự ý đặt ra và không có chừng mực, thế là con người

tham tài cầu lợi mà không màng sự hiểm nguy đến tính mạng. Triều đại nhà Chu sở dĩ đạt được thiên hạ thái bình thịnh trị, hình phạt đặt ra mà không cần dùng đến, nguyên nhân chính là do khi tư tưởng sai trái chưa kịp hiển lộ đã bị ngăn chặn, tội ác chưa kịp manh nha đã bị chặn đứng.

(Cuốn 19. *Hán Thư* – Tập 7)

~ 304 ~

且夫閉情<sup>①</sup>無欲者上也，拂心<sup>②</sup>消除者次之。昔帝舜藏黃金於嶠巖<sup>③</sup>之山，抵珠玉於深川之底。及義狄<sup>④</sup>獻旨酒<sup>⑤</sup>，而禹甘之，於是疏遠儀狄，純<sup>(純當作絕)</sup>上旨酒。此能閉情於無欲者也。

(卷四十七 政要論)

Chú thích:

- (1) Ngăn chặn dục vọng;
- (2) Đi ngược lại với tiếng lòng. ‘拂’ [phật] trái ngược, đi ngược lại;
- (3) Vách núi cao chót vót. Phiên bản Genna ghi lại là ‘漸巖’, từ ‘漸’ và ‘巖’ ở đây đều đọc là chán. ‘漸’ đồng nghĩa với ‘巖’ [sàm] hoặc là ‘嶠’ [sàm];
- (4) Nghi Địch: theo truyền thuyết là người giỏi về nấu rượu thời Hạ Vũ;
- (5) Rượu ngon.

**Việt ngữ:**

Người mà ngăn chặn được dục vọng có thể xem là người thượng đẳng, còn người ra sức đi ngược lại với ý muốn để trừ bỏ dục vọng thì kém hơn một bậc. Vua Thuấn trước đây đem vàng mà chôn ở trên núi cao hiểm trở, đem châu báu mà để dưới lòng sông sâu. Khi Nghi Địch cúng tiến rượu ngon cho Đại Vũ, Đại Vũ sau khi nếm thử thấy vô cùng thơm ngon, thế là liền rời xa Nghi Địch và ngăn cản người tiến cúng rượu ngon. Đây chính là những ví dụ có thể tự mình tiết chế để đạt đến không còn dục vọng.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

~ 305 ~

抱朴子曰：『三辰<sup>①</sup>蔽於天，則清景<sup>②</sup>闇於地；根芟<sup>③</sup>蹶<sup>④</sup>於此，則柯條<sup>⑤</sup>瘁於彼。道失於近，則禍及於遠；政繆於上，而民困於下。』

(卷五十 抱朴子)

**Chú thích:**

- (1) Chỉ mặt trời, mặt trăng và các vì sao;
- (2) Ánh sáng soi tỏ;
- (3) Gốc của cây cỏ;
- (4) Đục là ‘jué’, có nghĩa là dộc hết;
- (5) Cành cây.

**Việt ngữ:**

Trong [*Bão Phác Tử*] có nói: “Khi nhật nguyệt và các vì sao trên bầu trời bị đám mây mù che khuất, ánh sáng dưới mặt đất cũng trở nên tối tăm ảm đạm; nếu phần gốc rễ này của cây cỏ bị mục nát, cành lá kia cũng sẽ bị khô héo. Khi đạo lý chính nghĩa bị phế bỏ ở nơi gần, tai họa sẽ đến ở nơi xa; khi nền chính trị bị sai trái ở trên, ở dưới muôn dân tất sẽ khốn cùng.”

(Cuốn 50. *Bão Phác Tử*)

**2. PHONG TỤC [PHONG TỤC TẬP QUÁN]**

~ 306 ~

俗之傷破人倫<sup>①</sup>，劇於寇賊之來，不能經（舊無經字，補之）久，其所損壞一時而已。』

（卷五十 抱朴子）

**Chú thích:**

(1) Mỗi quan hệ giao tiếp thông thường dựa theo thiên tính của con người và phù hợp với đạo đức luân lý, về cơ bản bao gồm năm mối quan hệ như: quân - thần; cha - con, vợ - chồng, anh/chị - em và bạn hữu, hay còn gọi là Ngũ Luân.

**Việt ngữ:**

Sức tàn phá của hủ tục đối với Ngũ Luân còn khủng khiếp hơn cả kẻ thù bên ngoài và nạn cướp bóc,



sự xâm nhập của kẻ thù bên ngoài không thể duy trì lâu, nên sự tổn hại của chúng chỉ là nhất thời mà thôi.

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

~ 307 ~

親親<sup>①</sup>以睦，友賢不棄，不遺故舊，則民德歸厚矣。

(卷三 毛詩)

Chú thích:

(1) Yêu thương người thân.

Viết ngữ:

Quân vương phải yêu thương và quan tâm đến người thân để gìn giữ không khí hòa thuận, yêu mến người đức hạnh mà không ruồng bỏ cũng như không quên bạn cũ, vậy thì đức hạnh của muôn dân sẽ trở về với sự chất phác thuần hậu.

(Cuốn 3. *Mao Thi*)

~ 308 ~

使天下皆背道而趨利，則人主之所最病<sup>①</sup>者。

(卷二十五 魏志上)

Chú thích:

(1) Âu lo.

**Việt ngữ:**

Giả như người trong thiên hạ đều đi ngược với đạo nghĩa để theo đuổi lợi ích, đó sẽ là việc đáng âu lo nhất của bậc quân chủ rồi.

(Cuốn 25. *Ngụy Chí* – Thượng)

~ 309 ~

若夫商<sup>①</sup>、韓<sup>②</sup>、孫<sup>③</sup>、吳<sup>④</sup>，知人性之貪得樂進，而不知兼濟其善，於是束之以法，要之以功，使下(使天下)唯力是恃，唯爭是務。恃力務爭，至有探湯赴火而忘其身者，好利之心獨用<sup>⑤</sup>也。人懷好利之心，則善端<sup>⑥</sup>沒矣。

(卷四十九 傅子)

**Chú thích:**

- (1) Thương Ưởng, họ Công Tôn và tên Ưởng, là người nước Vệ thời Chiến Quốc. Thời trẻ yêu thích môn học Hình Danh Pháp Thuật, sau đó sang nước Tần và làm thừa tướng, được tôn là Thương Quân. Do việc thực thi luật pháp rất hà khắc nên dẫn đến có nhiều kẻ thù, sau này ông bị dùng xe xé xác cho đến chết. Ông còn được gọi là Vệ Ưởng;
- (2) Hàn Phi, là một trong các công tử của nước Hán thời Chiến Quốc, là người tổng hợp tư tưởng của các Pháp Gia, sau này ông bị Lý Tư vu cáo và bị bỏ tù đến khi chết;

- (3) Tôn Vũ, là người nước Tề, một nhà binh pháp thời Chiến Quốc. Cuốn sách [Binh Pháp Tôn Tử] của ông được tôn xưng là ‘thánh điển binh học’;
- (4) Ngô Khởi, người nước Vệ thời Chiến Quốc. Ông là một nhà chính trị, nhà quân sự. Do gây thù oán với các quan lại và giới quý tộc, nên sau đó ông bị bắn chết. Tác phẩm nổi tiếng của ông là [Ngô Tử] (Ngô Tử binh pháp);
- (5) Lưu hành riêng, sử dụng riêng;
- (6) Sự khởi đầu của lời nói và hành động đẹp.

### **Viết ngữ:**

Đối với *Thương Ưởng*<sup>18</sup>, *Hàn Phi*<sup>19</sup>, *Tôn Tử*<sup>20</sup> và *Ngô Khởi*<sup>21</sup>, chỉ thấy khía cạnh mà ở đó con người tham

---

<sup>18</sup> Thương Ưởng (thế kỷ 4 TCN), một nhà chính trị và là thừa tướng của nước Tần. Dưới sự ủng hộ của Tần Hiếu Công, ông đã ban hành rất nhiều cải cách trong triều đại nhà Tần để phù hợp với triết lý chính trị của mình và đã giúp cho nhà Tần từ sự thay đổi trong phạm vi đất nước trở thành một cường quốc tập trung sức mạnh quân đội. Ông chuyển đổi pháp chế của đất nước thông qua sự nhấn mạnh vào chế độ nhân tài và phát triển sức mạnh từ tầng lớp quý tộc;

<sup>19</sup> Hàn Phi thuộc về một trong các trường phái triết học cổ đại Trung Hoa, đó là Pháp Gia. Triết lý của ông đã trở thành một trong những nguyên tắc chủ đạo của Tần Doanh Chính, người sau này trở thành Tần Thủy Hoàng, vị hoàng đế đầu tiên của Trung Hoa. Mặc dù tư tưởng này bị thờ ơ qua nhiều triều đại Trung Hoa, nhưng học thuyết chính trị của Hàn Phi vẫn có ảnh hưởng nặng nề tới các triều đại sau đó;

<sup>20</sup> Tôn Vũ, chính là tác giả của bộ sách [Binh Pháp Tôn Tử], một bộ sách được xem là kinh thánh của các nhà quân sự;

cầu vật chất, vui thích vì được đề bạt địa vị, mà không biết được cần phải đồng thời khuyến khích mặt thiện mỹ của họ, do đó dùng hình phạt và luật lệ để ràng buộc, dùng công danh để khuyến khích, khiến cho người trong thiên hạ chỉ dựa vào sức mạnh, chỉ ra sức để tranh giành. Ý vào sức mạnh, ra sức tranh đoạt, thậm chí có người còn dấn thân vào nước sôi lửa bỏng mà quên đi sự sống chết, đều là do tâm tranh đoạt danh lợi sai khiến mà ra. Khi mà ai ai cũng đều giữ tâm cầu lợi, vậy thì mặt lương thiện của con người sẽ bị mất đi.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

### 3. TRỊ LOẠN [ĐẸP YÊN ĐỘNG LOẠN]

~ 310 ~

君之所審者三：一曰德不當<sup>①</sup>其位，二曰功不當其祿，三曰能不當其官。此三本者，治亂之原<sup>②</sup>也。

(卷三十二 管子)

#### Chú thích:

- (1) Ngang bằng, tương đương;
- (2) Nguồn gốc, cội gốc. Chữ thời nay là ‘源’ [nguyên].

---

<sup>21</sup> Ngô Khởi (thế kỷ 5 – thế kỷ 4 TCN), là một nhà chính trị và nhà quân sự, tên của ông thường được đặt cùng với Tôn Tử. Ông được Sở Điệu Vương phong làm tể tướng, những cải cách của ông đã giúp cho nước Sở trở thành một đất nước giàu mạnh vào thời kỳ đó.

**Việt ngữ:**

Vấn đề mà bậc quân vương phải nên chú ý có ba điều:

1. Đức hạnh của quan viên và tước vị của họ không tương xứng;
2. Công lao của quan viên và bổng lộc của họ không tương xứng;
3. Năng lực của quan viên và chức vị của họ không tương xứng.

Ba vấn đề căn bản này chính là nguồn gốc của sự an định hay động loạn của đất nước.

(Cuốn 32. *Quản Tử*)

~ 311 ~

夫世之治亂、國之安危，非由他也。俊乂<sup>①</sup>在官，則治道清；奸佞干政，則禍亂作。故王者任人，不可不慎也。

(卷四十八 典語)

**Chú thích:**

(1) Bậc hiền tài.

**Việt ngữ:**

Việc thịnh trị hay động loạn của thiên hạ, sự an nguy của đất nước không phải bởi nguyên nhân nào khác. Khi người tài năng đức độ làm quan, đất nước sẽ được trị vì an định và thái bình; nếu kẻ gian trá và xu nịnh tham gia triều chính, tai họa và động loạn tất sẽ

xảy ra. Bởi vậy, quân vương khi dùng người, không thể không cẩn trọng.

(Cuốn 48. *Diễn Ngữ*)

~ 312 ~

亂之初生，僭<sup>①</sup>始既涵<sup>②</sup>。僭，不信也。涵，同也。王之初生亂萌，群臣之言，信與不信，盡同之不別。亂之又生，君子信讒。君子斥在位者，信讒人言，是復亂之所生。君子信盜<sup>③</sup>，亂是用<sup>④</sup>暴。盜，謂小人。盜言孔<sup>⑤</sup>甘。亂是用餒<sup>⑥</sup>。餒，進也。

(卷三 毛詩)

### Chú thích:

- (1) Hư dối, không đáng tin;
- (2) Như;
- (3) Kẻ tiểu nhân xu nịnh;
- (4) Bởi vậy. ‘用’ [dụng] ý nói dựa vào hoặc nguyên nhân;
- (5) ‘甚’ [thậm] rất;
- (6) Đọc là ‘tán’ nghĩa là ăn cơm, nghĩa mở rộng là tăng thêm hoặc nguy cấp hơn.

### Viết ngữ:

Nếu truy nguyên ngọn nguồn của sự động loạn, là khi quân vương đối diện với lời xu nịnh, không thể phân biệt thiện ác hay thật giả. Khi hiện tượng động loạn xuất hiện trở lại, đó là do quân vương tin nghe vào lời gièm

pha và quan viên ngay thẳng bị chèn ép vô cơ. Khi quân vương tin tưởng kẻ tiểu nhân, động loạn mới xảy ra liên tiếp. Một khi lời đường mật ngon ngọt của kẻ tiểu nhân mà tràn ngập, cuối cùng sự động loạn sẽ tăng dần, thậm chí đến mức không thể kiểm soát.

(Cuốn 3. *Mao Thi*)

~ 313 ~

政險失民，田蕘<sup>①</sup>稼惡，糴<sup>②</sup>貴民饑，道路有死人，夫是之謂人妖<sup>③</sup>也。政令不明，舉措不時，本事不理，夫是之謂人妖也。禮儀不修，外內無別，男女淫亂，父子相疑，上下乖離，寇難日至，夫是之謂人妖也。三者錯，無安國矣。其說甚邇，其災甚慘。

(卷三十八 孫卿子)

**Chú thích:**

- (1) Hoang vu tiêu điều;
- (2) Mua lương thực;
- (3) Hiện tượng bất thường của con người; tai họa do con người gây ra.

**Viết ngữ:**

Nền chính trị bất trung và đánh mất lòng dân, ruộng đồng tiêu điều và thu hoạch không như ý, lương thực đắt đỏ và muôn dân đói khổ, trên đường lại có người bị đói rét đến chết, đây được gọi là tai họa do con người gây ra. Luật pháp không rõ ràng, các biện pháp

đều không phù hợp với thời thế, lơ là không chú trọng đối với sản xuất nông nghiệp, đây được gọi là tai họa do con người gây ra. Không thực hiện giáo hóa và học tập đạo đức luân lý, trong và ngoài không có khác biệt, nam nữ thì dâm loạn, giữa cha và con không có lòng tin, vua tôi phản bội lẫn nhau, thù trong giặc ngoài cùng đến, đây được gọi là tai họa do con người gây ra. Ba tình huống này cùng diễn ra liên tiếp, đất nước sẽ không thể an định. Những đạo lý này rất dễ hiểu, nhưng những tai họa này lại vô cùng nghiêm trọng.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

#### 4. GIÁN GIỚI [BÀI HỌC CẢNH GIÁC]

~ 314 ~

目也者，遠察天際，而不能近見其眚<sup>①</sup>。心亦如之。君子誠知心之似目也，是以務鑒於人以觀得失。

(卷四十六 中論)

#### Chú thích:

(1) Đuôi mắt, chỗ khớp giữa mi mắt trên và dưới.

#### Viết ngữ:

Con mắt của loài người, khi phóng tầm mắt ra xa có thể nhìn thấy tận chân trời, mà nhìn gần lại không thấy được đuôi mắt của chính mình. Lòng người cũng vậy, người quân tử hiểu sâu sắc rằng lòng người tựa như



con mắt, bởi vậy mà ra sức lấy người khác làm tấm gương để hiểu rõ sai lầm của bản thân.

(Cuốn 46. *Trung Luận*)

~ 315 ~

古之人目短於自見，故以鏡觀面；智短於自知，故以道正己。目失<sup>①</sup>鏡，則無以正鬚眉；身失道，則無以知迷惑。

(卷四十 韓子)

Chú thích:

(1) Trái ngược, rời xa.

Việt ngữ:

Người thời xưa, bởi đôi mắt không đủ để nhìn thấy chính mình, nên đã dùng tấm gương soi để quan sát diện mạo; bởi trí huệ không đủ để nhận thức chính mình, nên đã dùng đạo đức nhân nghĩa để chấn chỉnh tư tưởng, lời nói và hành vi của bản thân. Khi đôi mắt mất đi tấm gương sẽ không thể nào chỉnh đốn dung nhan, khi đức hạnh mà rời xa đạo đức nhân nghĩa sẽ không thể nhận biết được sự mê hoặc của chính mình.

(Cuốn 40. *Hàn Tử*)

~ 316 ~

子曰：『由，汝聞六言六蔽<sup>①</sup>乎？』對曰：『未。』『居<sup>②</sup>，吾語汝。好仁不好學，其蔽也愚；仁者愛物，不知所以裁之，則愚也。好智不好學，其蔽也蕩<sup>③</sup>；蕩，無所適守。好信不好學，其蔽也賊<sup>④</sup>；父子不知相為隱之輩。好直不好學，其蔽也

絞<sup>⑤</sup>；好勇不好學，其蔽也亂；好剛不好學，其蔽也狂  
⑥。』 狂，妄抵觸人也。

(卷九 論語)

**Chú thích:**

- (1) Cản trở và che khuất, tiêu cực;
- (2) Ngồi. Người thời xưa ngồi dưới đất, hai đầu gối quỳ xuống, phần hông đặt trên gót chân và đây được gọi là ‘ngồi’;
- (3) Buông thả không có chừng mực;
- (4) Làm tổn thương;
- (5) Cấp bách;
- (6) Ngông cuồng chống đối người khác.

**Viết ngữ:**

Khổng Phu Tử hỏi:

- Này Do<sup>22</sup>, con đã từng nghe đạo lý về sáu sự việc cùng sáu điều cực đoan chưa?

Tử Lộ ngồi thẳng lưng và đáp rằng:

- Con chưa nghe thấy.

Khổng Phu Tử lại nói:

---

<sup>22</sup> Tên của Tử Lộ là Trọng Do, người nước Lỗ, tính tình hiếu thắng và hiếu dũng. Ông là một trong các học trò của Khổng Tử.

- Ngồi đi, ta nói để con hay. Mong mỗi điều nhân nghĩa mà không hiểu học, mặt tiêu cực của việc này là không phân biệt rõ thiện ác và tựa như kẻ ngu. Mong mỗi trí tuệ mà không hiểu học, mặt tiêu cực của việc này là buông thả không kiềm chế và không có chừng mực. Mong mỗi tín nghĩa mà không hiểu học, mặt tiêu cực của việc này là sống chết mà giữ lời để rồi làm tổn hại đến đạo lý nghĩa tình. Mong mỗi điều ngay thẳng mà không hiểu học, mặt tiêu cực của việc này là vội vàng hấp tấp và ưa thích bói móc khuyết điểm của người. Mong mỗi sự dũng cảm mà không hiểu học, mặt tiêu cực của việc này là phá vỡ các trật tự và nguyên tắc. Mong mỗi sự cương trực mà không hiểu học, mặt tiêu cực của việc này là ngông cuồng và dễ bị đắc tội với người khác.

(Cuốn 9. Luận Ngữ)

~ 317 ~

孔子曰：『士有五：有執<sup>①</sup>尊貴者，有家富厚者，有資勇悍者，有心智慧者，有貌美好者。執尊貴，不以愛民行義理<sup>②</sup>，而反以暴傲；家富厚，不以振窮<sup>③</sup>救不足，而反以侈靡無度；資勇悍，不以衛上攻戰<sup>④</sup>，而反以侵凌私鬥；心智慧，不以端計數<sup>⑤</sup>，而反以事奸飾詐<sup>⑥</sup>；貌美好，不以統朝蒞民<sup>⑦</sup>，而反以蠱<sup>⑧</sup>女從欲<sup>⑨</sup>。此五者，所謂士失其美質<sup>⑩</sup>也。』

(卷八 韓詩外傳)

**Chú thích:**

- (1) Là chữ cổ của từ ‘勢’ [thế], mang nghĩa quyền thế;
- (2) Chuẩn mực làm việc phù hợp với luân lý đạo đức;
- (3) Cứu giúp người nghèo khổ;
- (4) Tựa như tác chiến, chiến đấu;
- (5) Mưu lược;
- (6) Giả dối lừa gạt người;
- (7) Cai quản nhân dân;
- (8) Quyên rũ, mê hoặc;
- (9) Buông thả theo dục vọng. ‘從’ chính là chữ cổ của chữ ‘縱’ [túng];
- (10) Bản chất tốt đẹp.

**Viết ngữ:**

Không Tử dạy rằng: “Nhân sĩ có năm mẫu người:

1. Một số là người có quyền thế tôn quý;
2. Một số có gia cảnh giàu có;
3. Một số có bản tính dũng cảm;
4. Một số lại có tư chất thông minh;
5. Một số thì có dung mạo đẹp đẽ.

- Đối với người có quyền thế tôn quý, mà không tận dụng chức vị của mình để quan tâm yêu thương nhân dân, tuân theo đạo đức luân lý để làm việc, ngược lại đi lợi dụng quyền thế để hung bạo và ngạo mạn, áp bức muôn dân;

- Đối với người có gia cảnh giàu có, mà không tận dụng tài sản của mình để cứu giúp người nghèo khổ khốn khó, ngược lại đem tài sản của mình để sống một cuộc đời xa xỉ mục nát và không có tiết chế;

- Đối với người vốn có bản tính dũng cảm, mà không đem lòng dũng cảm của mình để bảo vệ quân vương và chiến đấu với kẻ xâm lược, ngược lại ỷ vào sức mạnh và dũng khí của mình để chèn ép người khác, làm những việc tranh đấu cá nhân;

- Đối với người có tư chất thông minh, mà không tận dụng sự sáng suốt của mình để hoạch định kế sách cho nền chính trị, ngược lại dựa vào sự mưu trí để làm việc gian tà, giả dối lừa gạt người;

- Đối với người có dung mạo đẹp đẽ, mà không tận dụng oai nghi của mình để thống soái quan viên triều đình, cai quản nhân dân, ngược lại dùng để mê hoặc nữ giới, phóng túng theo dục vọng.

Năm kiểu người này, có thể nói là những người đã đánh mất đi thiên tính vốn tốt đẹp trong hàng nhân sỹ.”

(Cuốn 8. *Hàn Thi Ngoại Truyện*)

~ 318 ~

動則三思，慮而後行，重慎出入，以往鑒來。言之若輕，成敗甚重。

(卷二十六 魏志下)

**Việt ngữ:**

Nhất cử nhất động đều phải nghiên ngẫm kỹ càng rồi mới hành động, tiên lui đều phải thận trọng (không thuận theo ý muốn của cá nhân), lấy bài học lịch sử từ thời xưa để làm điều răn cho tương lai. Những lời này nói ra dường như rất nhẹ nhàng, nhưng sức ảnh hưởng đối với sự nghiệp lại rất lớn lao.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 319 ~

覽往事之成敗，察將來之吉凶，未有干名<sup>①</sup>要<sup>②</sup>利，欲而不厭<sup>③</sup>，而能保世<sup>④</sup>持家<sup>⑤</sup>，永全福祿者也。

(卷二十六 魏志下)

**Chú thích:**

- (1) Mong cầu danh vọng. ‘干’ tương đương với ‘求’ [cầu];
- (2) Mong cầu;
- (3) Đồng nghĩa với ‘饜’ [yêm] thỏa mãn;
- (4) Duy trì tước vị và bổng lộc, nối dõi tổ tiên và vương triều qua nhiều đời;
- (5) Gìn giữ sự nghiệp của gia đình.

**Việt ngữ:**

Quan sát sự thành bại từ quá khứ, ngẫm nghĩ việc hung cát ở tương lai, vẫn chưa có ai cứ theo đuổi danh lợi, tham lam không biết chán mà lại gìn giữ được đạo nhà, kế tục nhiều đời và thụ hưởng phúc lộc bền lâu.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

~ 320 ~

周公曰：『吾聞之於政也，知善不行者則謂之狂，知惡不改者則謂之惑。夫狂與惑者，聖王之戒也。』

(卷三十一 鬻子)

**Việt ngữ:**

Chu Công dạy rằng: “Ta nghe nói về việc trị vì triều chính, nếu biết là việc làm tốt lành mà không thực thi, đây được gọi là nông cuồng; khi biết được hành vi xấu ác mà không sửa đổi, đây được gọi là ngờ vực. Sự nông cuồng và ngờ vực chính là điều mà bậc thánh vương cảnh giác và từ bỏ.”

(Cuốn 31. *Dục Tử*)

~ 321 ~

昔桀紂滅由妖婦，幽厲亂在嬖妾<sup>①</sup>。先帝覽<sup>②</sup>之，以為身戒，故左右不置媵邪之色，後房無曠積之女。

(卷二十八 吳志下)

Chú thích:

- (1) Người thiếp được vua yêu quý;
- (2) Bản lưu hành rộng rãi của [Tam Quốc Chí] ghi là ‘  
監’ [giám].

Viết ngữ:

Sự diệt vong của Hạ Kiệt và Thương Trụ là do sự mê đắm đối với phụ nữ quyền rũ, việc nảy sinh động loạn từ thời Chu U Vương và Chu Lệ Vương là bởi sủng ái thế thiếp. Bậc tiên đế rút ra những bài học này và xem đây là điều răn cho bản thân, do đó xung quanh không có nữ sắc dâm tà, ở nơi hậu cung cũng không giữ nhiều phi tần.

(Cuốn 28. Ngô Chí – Hạ)

~ 322 ~

天下有三危：少德而多寵，一危也；材下而位高，二危也；身無大功而有厚祿，三危也。

(卷四十一 淮南子)

Viết ngữ:

Thiên hạ có ba tình huống hiểm nguy:

1. Người khiêm khuyết đức hạnh lại được tôn trọng và ân sủng bội phần, đây là mối nguy thứ nhất;
2. Tài năng thấp kém mà địa vị lại cao quý, đây là mối nguy thứ hai;



3. Bản thân không có công lao to lớn mà được hưởng bổng lộc hậu hĩnh, đây là mối nguy thứ ba.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 323 ~

夫與死人同病者，不可生也；與亡國同行者，不可存也。豈虛言哉？何以知人且病？以其不嗜食也。何以知國之將亂？以其不嗜賢也。

(卷四十四 潛夫論)

**Việt ngữ:**

Mắc cùng một loại bệnh với người chết, sẽ không thể sống tiếp; có cùng hành vi với quân chủ bị mất nước, đất nước của họ cũng không thể trường tồn. Đây lẽ nào là lời nói suông sao? Làm thế nào để biết người sắp sửa mắc bệnh đây? Thông qua việc họ không muốn ăn cơm, tất có thể biết được. Làm thế nào để biết đất nước sắp có động loạn đây? Thông qua việc quân chủ không mến mộ hiền tài, tất có thể nhìn ra được.

(Cuốn 44. *Tiêm Phu Luận*)

~ 324 ~

國得百姓之力<sup>①</sup>者富，得百姓之死<sup>②</sup>者強，得百姓之譽者榮。三得<sup>(三得舊皆作三德，改之)</sup>者具，而天下歸之；三得者亡，而天下去之。

(卷三十八 孫卿子)

Chú thích:

- (1) Cẩn cù, tận lực;
- (2) Vì việc gì đó hoặc ai đó mà hi sinh mạng sống.

Viết ngữ:

Đất nước nếu có được sự tận lực của người dân tất sẽ giàu có, nếu có được sự quên mình mà hi sinh của người dân tất sẽ lớn mạnh, nếu có được sự xung tán của người dân tất sẽ vinh hiển. Nếu có đủ ba điều trên, vậy thì nhân dân trong thiên hạ đều sẽ quy thuận; nếu một trong ba điều trên cũng không có, nhân dân trong thiên hạ sẽ rời xa.

(Cuốn 38. *Tôn Khanh Tử*)

~ 325 ~

為雕文刻鏤，技巧華飾，以傷農事，王者必禁之。

(卷三十一 六韜)

Viết ngữ:

Việc điêu khắc hình vẽ hoa văn trên đồ vật, theo đuổi kỹ thuật tinh xảo và trang hoàng lộng lẫy mà phương hại đến nghề nông, bậc minh quân nhất định sẽ nghiêm khắc ngăn chặn.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

## 5. ỨNG SỰ [ỨNG XỬ]

~ 326 ~

凡人之道，心欲小，志欲大，智欲圓，行欲方，能欲多，事欲少。

(卷三十五 文子)

### Viết ngữ:

Phàm là đạo lý đối nhân xử thế của một người, trong tâm phải cân trọng, chí hướng phải lớn lao, tài trí và suy nghĩ phải thấu đáo triệt để, hành vi phải ngay thẳng và không câu thả, tài năng phải vững và tập trung vào ít việc.

(Cuốn 35. Văn Tử)

~ 327 ~

溺者不問隧<sup>①</sup>，迷者不問路。譬之猶臨難而遽<sup>②</sup>鑄兵，噎而遽掘井，雖速亦無及。

(卷三十三 晏子)

### Chú thích:

(1) Đường đi, chỉ đường thủy;

(2) Bối rối, vội vàng.

### Viết ngữ:

Việc bị nước nhấn chìm là do trước đó không tìm kiếm đường đi của dòng nước cạn; việc bị lạc đường là

do trước đó không hỏi đường. Điều này tựa như khi đôi mắt với mỗi nguy kẻ thù xâm lược mới vội vàng đi đúc binh khí; khi ăn cơm bị nghẹn mới hấp tấp đi đào giếng. Dầu có rất nhanh cũng không kịp.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 328 ~

故舉重越高者，不慢於藥；愛赤子者，不慢於保；  
絕險<sup>①</sup>歷遠者，不慢於御。此得助則成，釋助則廢矣。

(卷三十七 慎子)

Chú thích:

(1) Vượt qua hiểm trở.

Viết ngữ:

Người mang vật nặng mà vượt qua núi đồi, nhất định không dám xem thường dược liệu. Người yêu thương con trẻ, nhất định không dám thờ ơ với bảo mẫu. Người vượt qua hiểm trở mà đi đến nơi xa, nhất định không dám lạnh nhạt với người điều khiển xe ngựa. Đó là bởi có được sự trợ giúp mới có thể thành công, đánh mất đi sự trợ giúp tất sẽ thất bại.

(Cuốn 37. *Thận Tử*)

~ 329 ~

聖人居高處上，則以仁義為巢<sup>①</sup>；乘危履傾，則以聖賢為杖。故高而不墜，危而不仆<sup>②</sup>。

(卷四十 新語)

**Chú thích:**

- (1) Nơi ở;
- (2) Ngã nhoài về phía trước.

**Việt ngữ:**

Thánh nhân mang thân ở trên cao, thường lấy đạo đức nhân nghĩa làm nơi an trú của bản thân; khi đối mặt với hiểm nguy gian khó, thường coi người có đức tài làm cây gậy chống đỡ cho chính mình. Bởi vậy, thánh nhân khi ở trên cao sẽ không bị rơi xuống, khi đối mặt với hiểm nguy cũng sẽ không bị đổ nhào.

(Cuốn 40. *Tân Ngữ*)

~ 330 ~

夫聖人之屈者以求申也，枉者以求直也。故雖出邪僻之道，行幽昧之塗，將欲以興大道成大功，猶出林之中，不得直道，拯溺之人，不得不濡<sup>①</sup>足。

(卷四十一 淮南子)

**Chú thích:**

- (1) Nhớp nhúa, thấm ướt.

**Việt ngữ:**

Thánh nhân chịu tui hổ chính mình là vì sự lan tỏa đạo nghĩa cho ngày sau; việc vòng vo tạm thời là để theo đuổi sự ngay thẳng cho ngày sau. Bởi vậy, họ dẫu

có xuất phát trên con đường quái lạ không ngay thẳng và đi trên con đường tăm tối bất minh, là để từ đây mà chấn hưng đạo lý lớn, là để thành tựu sự nghiệp lớn. Tựa như muốn ra khỏi cánh rừng già thì không thể chỉ đi một con đường thẳng tắp, muốn cứu người chết đuối thì không thể không thâm ướt đôi chân vậy.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 331 ~

地廣而不德者國危，兵強而凌敵者身亡。虎兕<sup>①</sup>相搏，而螻蟻得志；兩敵相機，而匹夫乘閑。是以聖王見利慮害，見遠存近。

(卷四十二 鹽鐵論)

**Chú thích:**

(1) Tên loài thú thời cổ đại. Khi nhắc đến ‘兕’ [tì] chính là tê giác cái.

**Việt ngữ:**

Bờ cõi dầu thân thang mà không thực thi nền chính trị vì dân, đất nước tất sẽ có hiểm nguy; quân đội dầu lớn mạnh mà xâm phạm nước khác, chính mình sẽ bị diệt vong. Mãnh hổ và tê giác giằng xé lẫn nhau, loài kiến đế sẽ đắc chí; hai đối thủ cùng tranh đấu, kẻ tầm thường sẽ thừa cơ tiến đến. Bởi vậy, bậc quân vương sáng suốt khi thấy được mặt có lợi, sẽ nghĩ đến mặt có

hại; dầu có nghĩ về tương lai thì cũng phải chú ý đến tình thế trước mắt.

(Cuốn 42. *Diêm Thiết Luận*)

~ 332 ~

服一綵<sup>①</sup>，則念女功之勞；御<sup>②</sup>一穀，則恤農夫之勤；決不聽之獄<sup>③</sup>，則懼刑之不中；進一士之爵，則恐官之失賢；賞毫釐之善，必有所勸<sup>④</sup>；罰纖芥之惡，必有所沮<sup>⑤</sup>。

(卷四十七 政要論)

**Chú thích:**

- (1) Ánh sáng rực rỡ, hoa văn;
- (2) Việc ăn uống, thực phẩm;
- (3) Vụ án chưa định tội. ‘不聽’ [bất thính] không định tội;
- (4) Khích lệ;
- (5) Cản trở, đình chỉ.

**Viết ngữ:**

Khi mặc một chiếc áo đẹp, phải nghĩ đến nỗi vất vả của người thợ dệt; khi ăn một hạt gạo, phải cảm thông cho nỗi nhọc nhằn của người nông dân; khi xét xử một vụ án chưa định tội, phải biết e sợ việc dùng hình phạt liệu có thích đáng hay không; khi sắc phong một tước vị, phải ngẫm nghĩ liệu bản thân có dùng người không sáng suốt hay không; việc ban thưởng cho nghĩa cử thiện cực

nhỏ, nhất định phải phát huy được tác dụng khuyến khích người hướng thiện; việc tiến hành xử phạt đối với một hành vi ác cực nhỏ, cũng nhất định phải phát huy hiệu quả cảnh báo người đời không dám làm ác.

(Cuốn 47. *Chính Yếu Luận*)

## 6. THẬN THỦY CHUNG [THẬN TRỌNG TỪ ĐẦU CHÍ CUỐI]

~ 333 ~

事者難成而易敗也，名者難立而易廢也。千里之堤，以螻蟻之穴漏；百尋<sup>①</sup>之屋，以突<sup>②</sup>隙之煙焚。突，灶突也。

(卷四十一 淮南子)

### Chú thích:

- (1) Mang nghĩa cực cao hoặc cực dài. ‘尋’ [tầm] theo cách tính của thời xưa, cứ tám thước là một tầm;
- (2) Ống khói.

### Viết ngữ:

Sự việc không dễ dàng thành tựu nhưng lại dễ thất bại, thanh danh không dễ dàng thiết lập nhưng lại dễ bị phá hỏng. Con đê dài nghìn dặm cũng sẽ bị rò rỉ chỉ vì những lỗ nhỏ do kiến và dế đục; tòa nhà cao nghìn thước cũng sẽ bị thiêu rụi chỉ vì những đốm lửa nhỏ từ khe của ống khói.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)



~ 334 ~

慎厥終，惟其始。靡不有初，鮮克有終。故戒慎終如其始也。殖<sup>①</sup>有禮，覆昏暴。有禮者封殖之。昏暴者覆亡之。欽<sup>②</sup>崇天道，永保天命。王者如此上事。則敬天安命之道也。

(卷二 尚書)

Chú thích:

- (1) Thiết lập. Suy rộng ra để chỉ xây dựng thế lực, bồi dưỡng nhân tài;
- (2) Kính.

Viết ngữ:

Để kết thúc một việc một cách cẩn trọng, phải thận trọng e dè như khi bắt đầu. Đối với những việc phù hợp với lễ nghĩa thì phải ra sức giúp đỡ, đối với việc mờ ám xấu ác thì phải nghiêm khắc trừng trị và ngăn cấm. Chỉ khi cung kính phụng sự ý chỉ của đạo trời mới có thể giữ mãi sứ mệnh được trời giao phó.

(Cuốn 2. Thượng Thư)

~ 335 ~

無安厥位，惟危。言當常自危懼。以保其位也。慎終於始。於始慮終。於終慮始。

(卷二 尚書)

**Việt ngữ:**

Đừng nên an phận với địa vị của bậc thiên tử, mà phải nghĩ đến mối hiểm nguy nảy sinh từ đó. Phải nên xem xét đến hậu quả một cách thận trọng, ngay từ thuở ban đầu đã phải lưu ý cân trọng rồi chứ!

(Cuốn 2. *Thượng Thư*)

~ 336 ~

能長保國者，能終善者也。諸侯並立，能終善者為長；列士並立，能終善者為師。

(卷三十三 晏子)

**Việt ngữ:**

Người có thể giữ cho đất nước được trường cửu, là người có thể thực thi nền chính trị liên chính từ đầu chí cuối. Trong các chư hầu, người có thể thực thi nền chính trị nhân đức từ đầu chí cuối sẽ trở thành thủ lĩnh. Trong các nhân sĩ của triều đình, người có thể thực hành việc thiện từ đầu chí cuối sẽ trở thành người thầy.

(Cuốn 33. *Yến Tử*)

~ 337 ~

勞謙君子，有終，吉。勞謙匪懈。是以吉也。

(卷一 周易)

**Việt ngữ:**

Bậc quân tử có công lao mà biết khiêm tốn, lại có thể giữ mãi đức khiêm nhường này, vậy thì phạm việc gì cũng đều tốt lành.

(Cuốn 1. *Kinh Dịch*)

**7. DƯỠNG SINH [CHĂM SÓC SỨC KHỎE]**

~ 338 ~

目之所好，不可從也；耳之所樂，不可不慎（本書不慎作順一字）也；鼻之所喜，不可任也；口之所嗜，不可隨也；心之所欲，不可恣也。故惑目者，必逸容<sup>①</sup>鮮澡<sup>②</sup>也；惑耳者，必妍音淫聲也；惑鼻者，必芷蕙<sup>③</sup>芬馥<sup>④</sup>也；惑口者，必珍羞<sup>⑤</sup>嘉旨<sup>⑥</sup>也；惑心者，必勢力功名也。五者畢惑，則或承之禍，為身患者，不亦信哉？是因其抑情也，劇乎隄防之備決；其御性也，過乎腐轡<sup>⑦</sup>之承奔。故能內保永年，外免豐<sup>⑧</sup>累也。

（卷五十 抱朴子）

**Chú thích:**

- (1) Dung mạo đẹp đẽ;
- (2) Trang hoàng lộng lẫy;
- (3) Điều là tên của loài cỏ thơm. Bản lưu hành rộng rãi của [*Bão Phác Tử*] là ‘菝蕙’ [chỉ huệ];
- (4) Hương thơm đậm đà;
- (5) Cũng chính là ‘珍饈’ [trân tu] món ăn ngon bắt mắt;

- (6) Rượu ngọt cơm ngon;
- (7) Dây cương điều khiển lừa hoặc ngựa;
- (8) Tội lỗi, sai lầm.

**Viết ngữ:**

Những thứ mà đôi mắt ưa thích ngắm nhìn thì không thể tuân theo; những thứ mà đôi tai ưa thích lắng nghe thì không thể ưng thuận; những điều mà trong lòng mong cầu thì không thể thỏa sức buông trôi. Bởi vậy, những thứ mê hoặc đôi mắt chắc chắn sẽ là dung mạo đẹp đẽ và sự trang điểm lộng lẫy; những thứ mê hoặc đôi tai chắc chắn sẽ là ca khúc ủy mị tầm thường và thứ âm nhạc trụy lạc; những thứ khiến cho mũi bị mê hoặc chắc chắn sẽ là thứ mùi thơm ngào ngạt; những thứ mê hoặc miệng lưỡi chắc chắn sẽ là sơn hào hải vị; những điều khiến tâm hồn bị mê hoặc chắc chắn là quyền thế, lợi lộc và công danh. Khi năm thứ đều bị mê hoặc, tất có thể sẽ gặp phải tai họa và gây nguy hại đến tính mạng, điều này lẽ nào chẳng đáng tin sao? Bởi vậy mà có những người kiềm chế dục vọng của chính mình còn nghiêm túc hơn cả việc phòng chống võ đê; họ chế ngự bản năng của bản thân còn cẩn trọng hơn cả việc dùng dây thừng mục nát để điều khiển ngựa phi nước đại. Do vậy, bên trong họ có thể giữ cho trường thọ, bên ngoài lại có thể tránh khỏi tai họa trên đời.

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

~ 339 ~

夫酒醴之近味，生病之毒物，無豪鋒之細益，有丘山之巨損。

(卷五十 抱朴子)

**Việt ngữ:**

Rượu là thứ gần giống như mỹ vị, nhưng đều là thứ thuốc độc dẫn đến bệnh tật, không hề có một chút lợi ích, mà lại có sự tổn hại to lớn như ngọn núi.

(Cuốn 50. *Bảo Phác Tử*)

\*\*\*

**CHƯƠNG VI**  
**MINH BIỆN**  
**[SÁNG SUỐT]**

**1. CHÍNH - TÀ**

~ 340 ~

夫邪正之人，不宜共國<sup>①</sup>，亦猶冰炭不可同器。

(卷二十三 後漢書三)

**Chú thích:**

(1) Cùng trị vì việc nước.

**Viết ngữ:**

Người tà ác và người chính nghĩa không thích hợp để cùng nhau cai quản việc nước, tựa như băng đá và than củi không thể để chung trong một bình chứa vậy.

(Cuốn 23. *Hậu Hán Thư* – Tập 3)

~ 341 ~

君子非義<sup>(義上有仁字，下同)</sup>無以生，失義則失其所以生；小人非嗜欲無以活，失嗜欲則失其所以活。故君子懼失義，小人懼失利。觀其所懼，知居<sup>(居作各)</sup>殊矣。

(卷四十一 淮南子)

**Viết ngữ:**

Người *quân tử*<sup>23</sup> nếu không có nhân nghĩa sẽ không thể sinh tồn, nếu đánh mất đi nhân nghĩa cũng

---

<sup>23</sup> Đối với người quân tử, khái niệm “danh dự” bao hàm lòng nhân ái và đạo nghĩa.

đồng nghĩa với việc mất đi nền tảng để sinh tồn. Kẻ tiểu nhân nếu không có ham muốn sẽ không thể sống nổi, nếu để mất ham muốn cũng tựa như mất đi nơi bám víu của cuộc sống. Bởi vậy, người quân tử lo lắng bị mất đi nhân nghĩa, còn kẻ tiểu nhân lại lo sợ bị mất đi lợi ích. Quan sát những điều mà họ lo lắng tất có thể thấy được điểm khác nhau giữa người quân tử và kẻ tiểu nhân.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

## 2. NHÂN TÌNH [NGUYỆN VỌNG CỦA NHÂN DÂN]

~ 342 ~

自古有國有家者，咸欲修德政以比隆<sup>①</sup>盛世，至於其治，多不馨香。非無忠臣賢佐，闡於治體<sup>②</sup>也，由主不勝<sup>③</sup>其情，弗能用耳。夫人情憚難而趣<sup>④</sup>易，好同而惡異，與治道相反。

(卷二十七 吳志上)

### Chú thích:

- (1) Thịnh vượng ngang nhau;
- (2) Cương lĩnh, tôn chỉ trọng yếu của việc trị quốc;
- (3) Chế ngự không nổi;
- (4) Tiến đến, quy về.

### Việt ngữ:

Từ xưa đến nay, các chư hầu có lãnh thổ, khanh đại phu có gia nghiệp trong tay đều muốn thực thi nền



chính trị nhân nghĩa để mong đạt được sự thịnh vượng giống như thời thịnh trị trong lịch sử cổ đại, thế nhưng thành quả trị vì của họ, đa phần đều không mấy tốt đẹp. Điều này không phải là do không có các trung thần tài đức phò tá hoặc do không hiểu các cương lĩnh trọng yếu trong việc trị quốc, mà bởi vì bậc quân chủ không thể chế ngự tình cảm cá nhân của chính mình, không thể trọng dụng trung thần và tuân theo con đường chính nghĩa để trị quốc. Lẽ thường tình của con người luôn là e ngại sự khó khăn và tiến đến điều dễ dàng, ưa thích người khác tán đồng mà chán ghét ý kiến bất đồng, và những điều này lại trái ngược với đạo lý trị vì đất nước.

(Cuốn 27. *Ngô Chí* – Thượng)

~ 343 ~

夫小臣之欲忠其主也，知愛之而不能去其嫉妒之心，又安能敬有道，為己願稷契之佐哉。

(卷四十七 劉廙政論)

### **Việt ngữ:**

Những viên quan nhỏ muốn tận trung với quân vương của mình đó, chỉ biết yêu quý quân vương một cách mù quáng mà không thể loại bỏ tâm lý đố kỵ của chính mình, sao có thể cung kính người có đức có tài và mong

ước bản thân trở thành những hạ thần phò tá được như ông Tắc và ông Tiết<sup>24</sup> đây?

(Cuốn 47. *Lưu Dục Chính Luận*)

### 3. TÀI ĐỨC [TÀI NĂNG VÀ ĐỨC HẠNH]

~ 344 ~

釋道而任智者必危，棄數<sup>①</sup>而用材者必困。

(卷四十一 淮南子)

Chú thích:

(1) Đạo lý, quy luật.

Viết ngữ:

Vứt bỏ đạo lý lớn và chỉ dựa vào trí thông minh của bản thân để làm việc nhất định sẽ rất nguy hiểm, rời xa quy luật của tự nhiên và tin nghe theo tài năng của mình tất sẽ rơi vào cảnh khốn cùng.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 345 ~

弓調而後求勁焉，馬服而後求良焉，士必慤<sup>①</sup>而後求智能焉。不慤而多能，譬之豺狼，不可邇也。邇，近也。言人無智能者，雖不慤信，不能為大惡也，不慤信而有智能者，然後乃可畏也。

---

<sup>24</sup> Tắc và Tiết là hai vị đại thần đã giúp vua Nghiêu, vua Thuấn thiết lập nên nền kinh tế nông nghiệp và hệ thống giáo dục dựa trên sự điều tiết các mối quan hệ giữa cha-con, anh-chị-em, vợ-chồng, lãnh đạo-cấp dưới và bạn hữu (hay còn gọi là mối quan hệ Ngũ Luân).

**Viết ngữ:**

Cung tên sau khi lên dây mới có thể tiến đến đề yêu cầu phải có lực, ngựa sau khi thuần phục mới có thể yêu cầu trở thành tuấn mã, người học trò nhất định phải kính cẩn và chất phác rồi mới yêu cầu đến sự thông minh năng nổ. Khi không kính cẩn trung hậu mà lại có nhiều tài năng sẽ tựa như loài lang sói, không thể đến gần.

(Cuốn 10. *Khổng Tử Gia Ngữ*)

**4. BẢNG ĐẢNG [TẠO BÈ KẾT ĐẢNG]**

~ 346 ~

夫乘權席<sup>①</sup>勢之人，子弟鱗集<sup>②</sup>於朝，羽翼陰附者眾。毀譽將必用，以終乖離之咎。

(卷十五 漢書三)

**Chú thích:**

- (1) Dựa vào, ỷ vào;
- (2) Tụ tập.

**Viết ngữ:**

Những kẻ cậy quyền ỷ thế đó, con cháu họ sẽ tụ họp ở triều đình, bè phái vây cánh và những kẻ dựa vào quan hệ riêng tư để mà nương nhờ nhiều vô kể. Họ nhất

định sẽ sử dụng thủ đoạn bôi nhọ và ca tụng, sau cùng bởi vì xa rời đạo lý chính nghĩa mà nảy sinh tai họa.

(Cuốn 15. *Hán Thư* – Tập 3)

~ 347 ~

若不篤於至行，而背本逐末，以陷浮華焉，以成朋黨焉。浮華則有虛偽之累，朋黨<sup>①</sup>則有彼此之患。

(卷二十六 魏志下)

Chú thích:

(1) Những người giống nhau sẽ cùng tập hợp thành bè phái và loại trừ những người khác biệt với mình.

Viết ngữ:

Nếu không chuyên chú vào việc vun bồi phẩm chất cao thượng mà đi ngược lại với nền tảng làm người (Hiếu – Kính – Nhân – Nghĩa), để theo đuổi càn khôn (công danh phú quý) tất sẽ đắm chìm vào điều phù phiếm và hư danh, rồi lại tạo bè kết đảng. Theo đuổi điều phù phiếm tất sẽ nhận lấy sự mệt mỏi nảy sinh từ sự hư dối và trong lòng lại trống rỗng bất an, việc lôi kéo vây cánh tất sẽ có những hậu họa do liên lụy lẫn nhau.

(Cuốn 26. *Ngụy Chí* – Hạ)

5. BIỆN VẬT [NHẬN BIẾT SỰ VIỆC]

~ 348 ~

知人者智，能知人好惡是智。自知者明。人能自知賢不肖，是為反聽無聲，內視無形，故為明也。勝人者有力，能勝人者，不過以威力也。自勝者強。人能自勝己情欲，則天下無有能與己爭者，故為強也。知足者富，人能知之為（無之為二字）足，則保福祿，故為富也。強行<sup>①</sup>者則有志。人能強力行善，則為有意於道。不失其所者久，人能自節養，不失其所（所下有受天二字），則可以久也。死而不妄者壽。目不妄視，而妄聽，口不妄語，則無怨惡於天下，故長壽也。

（卷三十四 老子）

Chú thích:

(1) Thực hiện một cách cần mẫn.

Việt ngữ:

Hiểu được người khác là có trí tuệ, nhưng hiểu được bản thân mới xem là sáng suốt. Chiến thắng người khác là có sức mạnh, nhưng chiến thắng được dục vọng và tập khí của chính mình mới xem là lớn mạnh. Biết đủ chính là sự giàu có thực sự, nỗ lực hành thiện chính là có chí. Nhất cử nhất động không rời xa bản tính của chính mình mới có thể giữ được bền lâu, thân xác đã chết mà tinh thần còn trường tồn mới là sự trường thọ chân thật.

(Cuốn 34. Lão Tử)

~ 349 ~

耳不聽五聲<sup>①</sup>之和為聾，目不別五色<sup>②</sup>之章<sup>③</sup>為昧，心不則德義之經為頑，口不道忠信之言為囁<sup>④</sup>。

(卷四 春秋左氏傳上)

**Chú thích:**

- (1) Ngũ âm là năm loại thanh âm: Cung, Thương, Giốc, Chủy và Vũ;
- (2) Ngũ sắc là năm màu sắc: Xanh, Đỏ, Trắng, Đen, Vàng. Thời xưa xem năm màu này là màu sắc cơ bản;
- (3) Màu sắc, hoa văn;
- (4) Gian trá.

**Việt ngữ:**

Tai nghe không rõ giai điệu hợp xướng của ngũ âm là do thính giác khiếm khuyết, mắt không phân biệt được hoa văn ngũ sắc là do thị giác mơ hồ, trong tâm mà không tuân theo chuẩn mực của đạo nghĩa là do bướng bỉnh và vô tri, miệng không nói lời trung tín là bởi vì gian trá.

(Cuốn 4. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Thượng)

~ 350 ~

所謂為善者，靜而無為也；所謂為不善者，躁而多欲也。

(卷四十一 淮南子)

**Việt ngữ:**

Điều được coi là thiện chính là tinh thần tĩnh lặng, thuận theo bản tính lương thiện của nội tại và tình huống phát triển từ bên ngoài, không tùy tiện làm xằng. Thứ được coi là bất thiện chính là nông nổi và nhiều ham muốn.

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 351 ~

有見人之私欲，必以正道矯之者，正人之徒也；違正而從之者，佞人之徒也。自察其心，斯知佞正之分矣。

(卷四十九 傅子)

**Việt ngữ:**

Khi thấy người có dục vọng cá nhân mà lấy tư tưởng đúng đắn để uốn nắn, đó là người chính trực; còn nếu đi ngược với con đường chính trực mà thuận theo dục vọng cá nhân, đó là kẻ giả dối nịnh bợ. Khi (quân vương) tự kiểm điểm nội tâm của họ tất sẽ hiểu được sự khác biệt giữa kẻ nịnh bợ và người chân chính.

(Cuốn 49. *Phó Tử*)

~ 352 ~

夫物之相類者，世主之所亂惑也；嫌疑<sup>①</sup>尚象者，眾人之所眩耀<sup>②</sup>也。故狠<sup>③</sup>者類智，而非智也；狠，慢也。愚

者類君子（君子作仁一字，下同），而非君子也；戇<sup>④</sup>者類勇，而非勇也。

（卷四十一 淮南子）

**Chú thích:**

- (1) Sự - lý nghi hoặc khó phân biệt;
- (2) Mê hoặc, nhầm lẫn;
- (3) Tương đương với ‘狙’ [trớ], vốn là chữ ‘怙’ có nghĩa là ngạo mạn;
- (4) Độc là ‘zhuàng’ nghĩa là tính tình nóng nảy và cương trực.

**Viết ngữ:**

Những sự việc tương tự nhau, quân vương thường bị mê hoặc; những hiện tượng na ná khó thể phân biệt, đại chúng thường bị nhầm lẫn. Bởi vậy, người ngạo mạn kiêu căng xem ra có vẻ có trí tuệ, nhưng thực tế lại không phải trí tuệ (mà là độc đoán); người ngu độn xem ra có vẻ khoan dung nhân từ, nhưng thực tế lại không phải nhân từ (mà là nhu nhược); người nóng nảy cương trực xem ra có vẻ dũng cảm, nhưng thực tế lại không phải dũng cảm (mà là lỗ mãng).

(Cuốn 41. *Hoài Nam Tử*)

~ 353 ~

使人大迷惑者，必物之相似者也。玉人<sup>①</sup>之所患，患石之似玉者；賢主之所患，患人博聞辯言而似通者。



通，達。亡國之主似智，亡國之臣似忠。似之物，此愚者之所大惑，而聖人之所加慮也。思則知之。

(卷三十九 呂氏春秋)

**Chú thích:**

(1) Người thợ chạm khắc ngọc.

**Việt ngữ:**

Khiến cho người bị mê hoặc nghiêm trọng, nhất định phải là những sự vật na ná giống nhau. Điều mà người thợ điêu khắc lo lắng là những khối đá tựa như ngọc quý, điều mà bậc quân vương đức độ lo lắng là những người bề ngoài có vẻ nghe nhiều hiểu rộng, có tài ăn nói và rất giống với người thông đạt phương pháp trị quốc. Quân chủ khiến cho đất nước thất bại và diệt vong xem ra có vẻ thông minh, hạ thần khiến cho đất nước diệt vong xem ra có vẻ trung thành. Những sự việc tương tự thế này là điều mà kẻ ngu bị mê hoặc một cách trầm trọng và cũng là điều mà bậc thánh nhân phải suy ngẫm nhiều hơn.

(Cuốn 39. *Lã Thị Xuân Thu*)

~ 354 ~

夫美<sup>(美疑業)</sup>大者深而難明，利長者不可以倉卒<sup>①</sup>形<sup>②</sup>也，故難明張利之事廢於世。

(卷四十七 劉廙政論)

Chú thích:

- (1) Cũng chính là ‘倉猝’, vội vàng hồi hả, ở đây chỉ trong thời gian ngắn;
- (2) Biểu lộ, thể hiện.

Viết ngữ:

Kế sách thực sự tốt đẹp bởi vì hàm nghĩa quá sâu sắc mà khó thể biểu đạt, lợi ích lâu dài thực sự rất khó hiển bày trong thời gian ngắn. Bởi vậy, những việc khó để biểu đạt và có lợi ích lâu dài thường bị người đời bỏ bê.

(Cuốn 47. *Lưu Dục Chính Luận*)

~ 355 ~

吾觀其吏，暴虐殘賊，敗法亂刑而上下不覺，此亡國之時也。夫上好貨<sup>①</sup>，群臣好得，而賢者逃伏<sup>②</sup>，其亂至矣。

(卷三十一 六韜)

Chú thích:

- (1) Tham luyến vật chất. ‘貨’ [hóa] vật chất, là cách gọi chung cho tiền vàng, châu báu, gấm vóc;
- (2) Tháo chạy và ẩn náu.

Viết ngữ:

Ta quan sát hàng quan lại của ông ta, độc ác và tàn nhẫn, bại hoại kỷ cương, thi hành hình phạt tùy tiện, mà vua tôi trên dưới vẫn u mê không tỉnh ngộ, đây là lúc sắp mất nước rồi. Quân vương tham luyện vật chất, quần thần thì tham giành lợi ích, còn hiền nhân lại lữ lượt tháo chạy và ẩn náu, sự hỗn loạn của đất nước đã đến rồi.

(Cuốn 31. *Lục Thao*)

## 6. NHÂN QUẢ

~ 356 ~

山致其高，而雲雨起焉。水致其深，而蛟龍生焉。君子致其道，而德澤流焉。夫有陰德<sup>①</sup>者，必有陽報<sup>②</sup>。有隱行<sup>③</sup>者，必有昭名。

(卷三十五 文子)

### Chú thích:

- (1) Âm đức là những việc làm có ích cho người một cách thâm lặng;
- (2) Báo đáp hiển lộ;
- (3) Cũng giống như âm đức, là những đức hạnh tốt đẹp không để người biết được.

### Viết ngữ:

Ngọn núi khi đạt đến độ cao nhất định, mây mưa sẽ cùng kéo đến. Dòng nước khi đạt đến độ sâu nhất định,

thường luồng sẽ xuất hiện. Bậc quân tử khi tu dưỡng và đạt đến đạo đức cao thượng, sự nhân đức và ân huệ của họ sẽ lưu truyền khắp bốn phương. Người âm thầm ban ơn cho người nhất định sẽ nhận được sự đền đáp rõ rệt. Người có đức hạnh cao thượng mà người không biết đến, ngày sau nhất định sẽ có thanh danh hiển lộ.

(Cuốn 35. *Văn Tử*)

~ 357 ~

蓋德厚者報美，怨大者禍深。故曰，德莫大於仁，而禍莫大於刻。

(卷四十二 新序)

### Việt ngữ:

Người có đạo đức sâu dày nhất định sẽ nhận được quả báo tốt lành và thuận lợi, người kết oán với nhiều người nhất định sẽ gây ra hậu họa trầm trọng. Bởi vậy mới nói, không có phẩm chất tốt đẹp nào lớn hơn tấm lòng từ bi, không có hậu họa nào lại lớn hơn sự hà khắc.

(Cuốn 42. *Tân Tử*)

~ 358 ~

詩曰：『下民之孽<sup>①</sup>，匪降自天。傳遽<sup>②</sup>背憎<sup>③</sup>，職競<sup>④</sup>由人。』

(卷四 春秋左氏傳上)

Chú thích:

- (1) Tai hại, tai họa;
- (2) Tụ họp và nói cười. ‘傳’ [tôn] tụ họp lại, ‘選’ [đạp] đồng nghĩa với ‘沓’ [đạp] tấp nập, đông đúc;
- (3) Oán hận trong lòng;
- (4) ‘職’ [chức] có nghĩa là duy chỉ. ‘競’ chính là ‘爭’ [tranh] riêng biệt mang nghĩa chuyên chú vào việc tranh giành.

Viết ngữ:

Trong [*Kinh Thi*] có nói: “Tai nạn mà muôn dân hứng chịu không phải do ông trời giáng xuống. Trước mặt thì nói nói cười cười, sau lưng lại oán hận công kích lẫn nhau, đây hoàn toàn là do con người giành giật tranh đấu lẫn nhau mà gây ra cả.”

(Cuốn 4. *Xuân Thu Tả Thị Truyện* – Thượng)

~ 359 ~

和氣致祥，乖氣<sup>①</sup>致異。祥多者其國安，異<sup>②</sup>眾者其國危。

(卷十五 漢書二)

Chú thích:

- (1) Vận khí xấu ác, bầu không khí không tốt lành;
- (2) Quái dị, việc không lành, sự bất thường.

**Việt ngữ:**

Bầu không khí hòa hợp mà trong đó quản thần có tài có đức cùng đồng lòng dốc sức sẽ chiêu cảm điềm lành; bầu không khí bất hòa mà trong đó các gian thần nắm quyền và chèn ép người trung thành chính trực sẽ dẫn đến điềm gở. Khi nhiều điềm lành, đất nước sẽ an định; nếu nhiều điềm gở, đất nước sẽ nguy nan.

(Cuốn 15. *Hán Thư* – Tập 3)

~ 360 ~

及至後世，淫泆衰微，諸侯背叛，廢德教而任刑罰。刑罰不中<sup>①</sup>，則生邪氣，邪氣積於下，怨惡蓄於上，上下不和，陰陽繆戾<sup>②</sup>，而妖孽<sup>③</sup>生矣。此災異所緣而起也。

(卷十七 漢書五)

**Chú thích:**

- (1) Không thích hợp, không thích đáng;
- (2) Lộn xộn, đi ngược lại;
- (3) Chỉ hiện tượng, sự vật bất thường hoặc điềm không lành.

**Việt ngữ:**

Đến đời sau, quân vương buông thả hưởng thụ, phép vua thì sa sút, các chư hầu lại tạo phản, bỏ bê việc giáo hóa đạo đức mà sử dụng hình phạt. Khi thi hành

hình phạt không thích đáng tất sẽ nảy sinh nếp sống gian tà bất lương, nếu nếp sống gian tà mà lan rộng ở bên dưới, nổi oán hận chán ghét sẽ tích tụ ở bên trên, trên dưới bất hòa, âm dương hỗn loạn, vậy thì sự vật hoặc điềm quái gỡ và hung ác tất sẽ nảy sinh. Đây chính là nguyên nhân xảy ra thiên tai nhân họa vậy.

(Cuốn 17. *Hán Thư* – Tập 5)

(HẾT QUYỂN 2)

\*\*\*

**BẢNG CHÚ GIẢI<sup>25</sup>**

*Bão Phác Tử*

*Bao Pu Zi* 抱朴子, được Cát Hồng biên soạn vào thời đại Đông Tấn (317-420). Ông là tín đồ của Đạo giáo và cũng là một thầy thuốc nổi tiếng, ông luyện đan để tìm cầu thuật trường sinh bất tử.

*Xương Ngôn*

*Chang Yan* 昌言, chứa đựng lời khuyên thẳng thắn và cởi mở của Trọng Trường Tử khi đề cao Lễ - Nghĩa - Liêm - Si. Ông khuyên bậc quân vương phải nên tin dùng người có đức tài và ủng hộ việc phải nghiêm túc tuân thủ luật pháp kỷ cương. Bộ sách này cũng được biết dưới tên là *Trọng Trường Tử Xương Ngôn* (*The Frank Advice of Zhong Chang Zi*), nội dung chủ yếu bàn về việc người đứng đầu làm thế nào để trị vì đất nước một cách hiệu quả. Bộ sách hoàn chỉnh này được lưu giữ trong suốt thời kỳ nhà Tống (960-1279), nhưng đến nay bộ sách này đã bị thất truyền.

*Xuân Thu Tả Thị Truyện*

*Chun Qiu Zuo Shi Zhuan* 春秋左氏傳 (*Commentary of Zuo on the Spring and Autumn Annals*), đôi khi được biết đến với tên khác là *Tả Truyện* (*The Chronicle of Zuo*). Đây là một trong những tác phẩm sớm nhất của Trung Quốc viết về lịch sử và phản ánh giai đoạn từ năm 770 – 476 TCN, bộ sách là một trong

---

<sup>25</sup> Nội dung tham chiếu chủ yếu sưu tầm từ Wikipedia.org, chinaculture.org, chinaknowledge.org websites, và Lu et al., *Quản Thư Trị Yếu Khảo Dịch* (*Qunshu Zhiyao Kaoyi*).



ba tác phẩm viết về lời bình cho cuốn Xuân Thu. Tả Truyện thường được xem là tác phẩm của Tả Khâu Minh của nước Lỗ vào cuối thời kỳ Xuân Thu<sup>26</sup> (770 – 476 TCN), nhưng trên thực tế bộ sách được biên soạn vào giữa thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN).

### *Điển Ngữ*

Tác giả của cuốn *Dian Yu* 典語 là Lục Cảnh (250 – 281). Lục Cảnh chỉ thọ đến năm ba mươi một tuổi, nhưng tác phẩm mà ông để lại rất phong phú, chỉ duy nhất cuốn [*Điển Ngữ*] là được lưu lại còn tất cả đều bị thất truyền. Cuốn sách này bàn về nền chính trị và áp lực vì phải nộp sưu cao thuế nặng cho bậc quan lại triều đình cho đến vấn đề trừ bỏ tệ nạn tham ô.

### *Phó Tử*

*Fu Zi* 傅子, do Phó Huyền của triều đại Đông Tấn (265 – 317) biên soạn. Bộ sách của ông nhấn mạnh thế giới tự nhiên vận hành theo vòng luân chuyển của khí. Tựu chung, Phó Huyền phản đối sự tồn tại của thần linh và những điều huyền bí. Ông cho rằng phần lớn con người nên làm người nông dân hơn là trở thành môn sinh, thương nhân hay những người thợ.

### *Quản Tử*

*Guan Zi* 管子, bàn về tư tưởng Pháp gia, Nho gia, Đạo gia cũng như các phương diện về quân sự và nông nghiệp. Thông tin lịch sử phong phú được chứa đựng trong bộ sách đã mang lại giá trị

---

<sup>26</sup> Thời kỳ Xuân Thu bắt đầu từ năm 770 TCN sau khi vua Chu Bình Vương dời đô thành của nước Đông Chu từ Cảo Kinh (nay thuộc Thiểm Tây) về Lạc Ấp (nay thuộc Lạc Dương) và kết thúc vào năm 476 TCN, sau khi nước Hán, Ngụy và Triệu phân chia nước Tấn (được biết đến với tên gọi ‘Tam Gia Phân Tấn’ – Ba Nhà Chia Tấn, đây chính là ranh giới phân chia giữa thời kỳ Xuân Thu và thời kỳ Chiến Quốc)

ngiên cứu to lớn. Bộ sách này được xem là tác phẩm của Quản Trọng, thời kỳ Xuân Thu (770 – 476 TCN). Tuy nhiên, *Quản Tử* vốn có được biên soạn bởi Lưu Hưởng, thời kỳ Đông Hán (206 TCN – 9), và chỉ có bảy mươi sáu chương và nội dung được phân thành tám phạm trù.

### *Hàn Thi Ngoại Truyện*

*Han Shi Wai Zhuan* 韓詩外傳, đôi khi được dịch là *Những câu chuyện giáo huấn gắn với thi ca cổ xưa (Illustrations of the Didactic Application of the Classic of Songs)* và được biên soạn bởi Hàn Anh, đây là bộ sách chú giải và bổ sung của Hàn Anh cho cuốn *Kinh Thi* 詩經 (*Book of Odes*).

### *Hán Thư*

*Han Shu* 漢書, đôi khi được dịch là *Lịch sử Triều đại Hán (Tiền)* (*History of the [Former] Han Dynasty or Book of Han*). Bộ sách là một tài liệu lịch sử chi tiết về triều đại Tây Hán (206 TCN – 9) và chứa đựng tiểu sử về nhiều nhân vật lịch sử, giúp bổ sung những câu chuyện có thật của lịch sử, *Hán Thư* có một trăm chương. Tác giả của bộ sách – Ban Cố bắt đầu biên soạn cuốn *Hán Thư* dựa trên cuốn *Hậu Truyện* (*Later Traditions*) do cha ông – Ban Bưu soạn nên, nhưng Ban Cố mất và để lại bộ sách còn dang dở vào năm 92, sau đó em gái ông – Ban Chiêu tiếp tục hoàn thiện. Bộ sách được liệt vào hàng *Tứ Sử* trong *Nhị Thập Tứ Sử* - hai mươi tư bộ sử nổi tiếng và lớn nhất của Trung Quốc.

### *Hàn Tử*

*Han Zi* 韓子, cũng được biết đến dưới tên *Hàn Phi Tử*, đây là tác phẩm của Hàn Phi (280 – 233). Ông là học giả vĩ đại của trường phái Pháp gia trong suốt thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221) và là môn đồ của Tuân Tử. Hàn Phi tiếp nối học thuyết từ người thầy của mình – Tuân Tử, thuyết này cho rằng con người bẩm sinh

vốn xấu ác, và đề cao việc trị vì đất nước bằng hình phạt và sự ban thưởng.

### *Hậu Hán Thư*

*Hou Han Shu* 後漢書, cũng được dịch ra với tên gọi *Lịch sử Triều đại Hán (Hậu)* (*History of the Later Han Dynasty or Book of Han*), đây chính là tác phẩm thứ hai sau *Hán Thư*. Bộ sách bao quát lịch sử về thời kỳ Đông Hán (25 – 220) và được biên soạn bởi Phạm Diệp (398 – 445). Cũng như *Hán Thư*, *Hậu Hán Thư* là một phần của bộ Tiền Tứ Sử trong Nhị Thập Tứ Sử.

### *Hoài Nam Tử*

*Huai Nan Zi* 淮南子, được biên soạn bởi Lưu An vào thời kỳ Tây Hán (206 TCN – 9) cùng một số học giả đến thăm và ở lại cùng ông. Tác phẩm cũng được biết đến dưới tên là Hoài Nam Hồng Liệt 淮南鴻烈, với nội dung là những minh họa cao nhất cho quan điểm của Đạo giáo, mặc dù bộ sách được đánh giá là sự kết hợp của quan niệm Nho gia, Pháp gia, thuyết Âm – Dương, cũng như Ngũ Hành. Bộ sách cũng ghi lại rất nhiều truyền thuyết và những câu chuyện thần kỳ.

### *Tấn Thư*

*Jin Shu* 晉書, là một trong những tác phẩm chính thống về lịch sử Trung Hoa. Bộ sách bao quát lịch sử của triều đại Tấn từ năm 265 – 420 và được biên soạn bởi một số quan viên do phụng mệnh từ triều đình của nhà Đường (618 – 907). Tác giả đi đầu trong công tác biên soạn là tể tướng Phòng Huyền Linh, ông đã thu thập nội dung của hầu hết các thư tịch chính thống được lưu giữ từ trước đó. Bộ sách cũng bao gồm lịch sử của Thập Lục Quốc, đương thời với triều đại Đông Tấn (317 – 420). Một số bài viết trong chương mục tiểu sử được soạn bởi Đường Thái Tông.

*Khổng Tử Gia Ngữ*

*Kong Zi Jia Yu* 孔子家語, đôi khi được biết đến dưới tên gọi *Những bài giảng đạo thân tình của Khổng Tử (Familiar Discourses of Confucius)*. Đây là bộ sách được biên soạn bởi Vương Túc từ những phát ngôn nổi tiếng của Khổng Tử.

*Lão Tử*

*Lao Zi* 老子 (cũng được biết đến với tên gọi Đạo Đức Kinh), là một tác phẩm mang triết lý của Đạo giáo và được viết theo thể thơ. Bộ sách có tám mươi một chương và được chia thành hai phần: Đạo Kinh (Thượng Kinh) và Đức Kinh (Hạ Kinh), đây được xem là kinh điển vĩ đại nhất của Đạo gia.

*Lễ Kí*

*Li Ji* 禮記, được dịch ra với nhiều tên gọi: *Kinh Lễ (The Classic Rites)*, hay *Tiểu Đới Lễ Kí*, v.v.... Đây là một bộ sách trong bộ *Ngũ Kinh (Five Classics)*, mô tả các nghi lễ trong xã hội, chế độ điển chương và những lễ nghi, nghi thức của triều đại Chu (1046 – 256 TCN). Nội dung sơ khai của bộ sách được tin rằng do đích thân Khổng Tử biên soạn, nhưng đáng buồn thay rất nhiều tác phẩm kinh điển của Nho gia (bao gồm bộ sách này) đã bị hủy hoại trong suốt thời kỳ cầm quyền của Tần Thủy Hoàng (221 – 206 TCN). Bởi vậy, phiên bản thường được tham chiếu cho đến ngày nay chính là đã được biên tập và biên soạn lại bởi nhiều học giả trong thời kỳ nhà Hán (206 TCN – 220), gồm có Đới Đức (hay còn được gọi là Đại Đới) – người đã biên soạn lại nội dung vào thế kỷ 1 – TCN cùng với em trai của ông – Đới Thánh (Tiểu Đới). *Tiểu Đới Lễ Kí* được biết đến ngày nay chính là sự công hiến của Đới Thánh.

*Liệt Tử*

*Lie Zi* 列子, là bộ sách gồm tám tập và dựa trên những ý tưởng suu tầm từ nhiều bộ sách. Bộ sách *Liệt Tử* bàn về các lĩnh vực chính trị, thương mại, chiến sự, luật pháp, phong tục và thế giới tự nhiên.

### *Lục Thao*

*Liu Tao* 六韜, là bộ sách nổi tiếng về binh pháp của Trung Hoa cổ đại. Bộ sách gồm có sáu phần và tổng cộng sáu mươi điểm mục. Đây là tác phẩm dài nhất về chiến lược quân sự trong suốt thời kỳ Tiền Tần (trước 221 TCN). Sau thời kỳ nhà Tây Hán (206 TCN – 9), *Lục Thao* đã trở nên phổ biến rộng rãi và sau triều đại nhà Đường (618 – 907), các nhà quân sự thường trích dẫn từ *Lục Thao*. Bộ sách được xem là bộ binh pháp không thể thiếu vào triều đại nhà Tống (960 – 1279).

### *Lưu Dục Chính Luận*

*Liu Yi Zheng Lun* 劉廙政論, cũng có thể được dịch là *Luận thuyết chính trị của Lưu Dục*. Bộ sách gồm năm cuốn này có tám chương và được lưu truyền cho đến ngày nay.

### *Lã Thị Xuân Thu*

*Lü Shi Chun Qiu* 呂氏春秋, hay còn gọi là bộ *Sử Xuân Thu của Lã Bất Vi* (*Spring and Autumn Annals of Premier Lü Bu Wei*). Đây là tác phẩm kinh điển bách khoa của Trung Hoa được biên soạn vào những năm 239 TCN dưới sự chủ xướng của thừa tướng Lã Bất Vi của triều đại nhà Tần (221 – 206 TCN). Bộ sách có nội dung phong phú và bao gồm tư tưởng Nho giáo, Đạo giáo cũng như các lĩnh vực như: nhạc, quân sự và nông nghiệp. Bộ sách chính là những tham chiếu quan trọng để nghiên cứu về lịch sử thời kỳ đầu nhà Tần và được biết đến như là một bộ suu tập của những giai thoại.

*Luận Ngữ*

*Lun Yu* 論語, được biên soạn bởi các môn đồ của Khổng Tử từ thời Xuân Thu cho đến thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Cuốn sách đã ghi chép lại lời dạy, phép tắc của Khổng Tử và môn sinh của ngài, cũng như những cuộc thảo luận giữa họ. Cuốn sách là tư liệu thiết thực cho việc học tập tưởng Nho giáo và các chương trong cuốn sách được tập hợp từ các chủ đề khác nhau.

*Mao Thi*

*Mao Shi* 毛詩, cũng được gọi là *Kinh Thi* và đây là bộ sưu tập thi ca sớm nhất của Trung Quốc, bộ sách gồm 305 bài thơ từ nhiều lĩnh vực từ năm 10 – 7 TCN. *Kinh Thi* đã được chú giải và phê bình rất nhiều lần trong suốt chiều dài lịch sử. Hai cuốn chú giải vào thời nhà Hán (206 TCN – 220) được biên soạn bởi Mao Hanh và cháu trai của ông – Mao Trường, là bản thông dụng nhất và được xem là đáng tin cậy.

*Mạnh Tử*

*Meng Zi* 孟子, nội dung chính của tác phẩm ~~chính~~ là những phát ngôn của Mạnh Tử và các môn đồ của ông. Mạnh Tử đưa ra học thuyết về đạo đức và lòng nhân ái. Ông tin tưởng rằng, con người vốn được sinh ra cùng với bốn phẩm chất: Nhân – Nghĩa – Chính – Trí, nhưng con người sẽ mất đi những đức tính cao đẹp này nếu họ không gìn giữ và phát triển bản thân thông qua việc tu dưỡng. Bởi vậy, ngài nhấn mạnh con người phải nên chú trọng đến sự trau dồi từ bên trong. Mạnh Tử cũng đề cập, tám lòng nhân từ bác ái sẽ thu phục được các nước chư hầu thay vì sử dụng chiến tranh.

*Mặc Tử*

*Mo Zi* 墨子, là người sáng lập ra trường phái Mặc gia. Ông sống ở nước Lỗ vào giữa thời Xuân Thu (770 – 476 TCN) và thời Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Mặc Tử cho rằng Nho gia chú trọng quá nhiều cho phép tắc và ông tin vào việc phục vụ đem lại lợi ích cho người bằng sự hy sinh của bản thân. Ngoài ra, ông cũng phản đối sự xâm lược và chiến tranh. Cuốn sách *Mặc Tử* là nội dung triết lý được biên soạn bởi các đệ tử của Mặc gia dựa trên tư tưởng của Mặc Tử.

### *Tiền Phu Luận*

*Qian Fu Lun* 潛夫論, được biên soạn bởi Vương Phù trong thời kỳ Đông Hán (25 – 220). Tác phẩm được lấy tên đúng như mong muốn ẩn danh tính của ông với đại chúng. Vương Phù phê phán triều đình đương thời và vạch trần những hành vi thói xấu của hàng quan lại trong triều đình, như thói xa hoa lãng phí và sự áp bức đối với người dân.

### *Tam Lược*

*San Lue* 三略, được chia thành ba phần: Thượng Lược, Trung Lược và Hạ Lược. Hai phần đầu đều đưa ra những bài viết về quân sự ở thời kỳ trước đó là Quân Sấm (Dự báo quân sự) và Quân Thế (Lực lượng quân đội) và được viết rất tường tận, trong khi phần thứ ba là bình luận cá nhân của tác giả. Một số cho rằng tác phẩm thuộc về Hoàng Thạch Công, nhưng theo nghiên cứu gần đây cho biết, cuốn sách này được biên soạn bởi một người ẩn danh trong thời kỳ nhà Tần (221 – 206 TCN) và thời kỳ nhà Hán (206 TCN – 220).

### *Thượng Thư*

*Shang Shu* 尚書, còn được gọi là Kinh Thư là tập hợp những ghi chép về các sự kiện có liên quan đến lịch sử Trung Hoa cổ đại.

*Thân Giám*

*Shen Jian* 申鑿, được biên soạn bởi Tuân Duyệt. Tuân Duyệt là một chính trị gia và nhà lịch sử học của cuối triều đại Đông Hán (25 – 220), ông ủng hộ tư tưởng của Nho giáo. Cuốn sách *Thân Giám* được chia thành năm chương, chủ yếu đưa ra những ví dụ lịch sử làm lời khuyên cho việc trị vì đất nước và nhấn mạnh tâm lòng nhân ái cũng như sự chính trực chính là nền tảng đạo đức của con người.

*Thận Tử*

*Shen Zi* 慎子, mang chủ đề tư tưởng Pháp gia được biên soạn bởi Thận Đáo (395 – 315 TCN) vào thời Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Thận Đáo tin vào việc dùng luật pháp để trị vì đất nước.

*Sử Kí*

*Shi Ji* 史记, được viết vào giai đoạn từ 109 – 91 TCN và là kiệt tác của Tư Mã Thiên. Tư Mã Thiên đã ghi lại một cách chi tiết lịch sử Trung Hoa từ thời Hoàng Đế (2600 TCN) cho đến thời kỳ ông sống – thời kỳ Tây Hán (206 TCN – 9) dưới sự trị vì của Hán Vũ Đế. Bộ sách đã bao quát lịch sử Trung Quốc trong hơn 3000 năm và được chia thành mười ba cuốn. Khi biên soạn cuốn sách này, Tư Mã Thiên đã tham khảo khối lượng lớn tác phẩm văn học cũng như tài liệu được lưu giữ và những sách cổ được viết bởi những người thường dân, ông cũng phỏng vấn và đích thân xác minh thông tin để đảm bảo tính chính xác. Bởi đây là văn bản có hệ thống đầu tiên về lịch sử Trung Quốc, do đó *Sử Kí* đã ảnh hưởng sâu sắc đến công việc chép sử và sáng tác văn chương của Trung Quốc.

*Thi Tử*



*Shi Zi* 尸子, được sáng tác bởi Thi Giáo (390 – 330 TCN), ông sống ở nước Tấn trong thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Theo truyền thuyết, ông chính là người thầy của Thương Ưởng.

### *Thục Chí*

Cuốn sách 三國志 (*Tam Quốc Chí*), là bộ sử gồm sáu mươi lăm chương và đã ghi chép lại lịch sử của ba nước Vệ, Thục và Ngô (220 – 265). *Tam Quốc Chí* được chia thành ba cuốn sách, và *Thục Chí* là một trong số đó. *Thục Chí* gồm có mười lăm chương. *Tam Quốc Chí* đã ghi lại những chi tiết quan trọng của thời kỳ đó, bao gồm cả lịch sử về các bộ tộc thiểu số ở Trung Hoa và các nước láng giềng. Bộ sách được Trần Thọ viết ra chủ yếu từ hàng loạt tiểu sử trong suốt thời kỳ nhà Tấn (265 – 420) và được chú giải bởi Bùi Tùng Chi vào thời đại Nam Tống (420 – 589).

### *Thuyết Uyển*

*Shuo Yuan* 說苑, được viết bởi Lưu Hưởng vào thời đại Tây Hán (206 TCN – 9). Cuốn sách chứa những giai thoại từ triều đại Tần (221 – 206 TCN) cho đến triều đại Hán (206 TCN – 220) với những tranh luận về việc công khai những tư tưởng chính trị, luân thường đạo lý và những phẩm chất được đề cao bởi Nho giáo.

### *Tư Mã Pháp*

*Si Ma Fa* 司馬法, là một cuốn sách viết về hệ thống quân sự từ thời kỳ cổ đại và đã sơ lược việc sử dụng luật lệ để quản lý quân đội từ thời nhà Thương (1600 – 1046 TCN) và nhà Chu (1046 – 256 TCN).

### *Tôn Khanh Tử*

*Sun Qing Zi* 孫卿子, còn được biết đến dưới tên Tuân Huống hay Tuân Tử. Ông là một triết gia và nhà giáo dục nổi tiếng của nước Triệu vào cuối thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN). Tác phẩm *Tôn Khanh Tử* chủ yếu xoay quanh thế giới tự nhiên, tri thức, tư duy logic, nền chính trị bác ái, và làm thế nào để trị vì đất nước.

### *Tôn Tử*

*Sun Zi* 孫子, hay *Binh Pháp Tôn Tử*, là tuyệt tác binh thư sớm nhất trên thế giới hiện còn lưu giữ ở Trung Quốc. Sau thời đại nhà Tống (960 – 1279), bộ sách được xem là cuốn sách đứng đầu trong bảy tác phẩm kinh điển về quân sự, cuốn sách được viết bởi Tôn Vũ vào cuối thời Xuân Thu (770 – 476 TCN) và có tổng cộng mười ba chương.

### *Thế Luận*

*Ti Lun* 體論, được viết bởi Đỗ Thử và có tất cả tám chương. Trong *Thế Luận*, Đỗ Thử đã miêu tả việc áp dụng luật pháp như thế nào trong mối quan hệ ngũ luân và trong quản lý chính trị.

### *Ngụy Chí*

*Wei Zhi* 魏志, là cuốn sách thuộc bộ sách *Tam Quốc Chí*. *Ngụy Chí* gồm có ba mươi chương.

### *Văn Tử*

*Wen Zi* 文子, có mười hai chương và đã làm sáng tỏ học thuyết của Đạo giáo. Cuốn sách này được cho là được biên soạn vào khoảng giữa cho đến cuối thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN).

### *Ngô Việt Xuân Thu*

*Wu Yue Chun Qiu* 吳越春秋, là cuốn sách ghi chép về lịch sử của nước Việt và nước Ngô vào thời Xuân Thu và là tác phẩm của Triệu Diệp.

*Ngô Chí*

*Wu Zhi* 吳志, cũng là cuốn sách thuộc về bộ sử *Tam Quốc Chí* và bao gồm hai mươi chương.

*Ngô Tử*

*Wu Zi* 吳子, đã ghi lại những cuộc thảo luận về chiến lược quân sự giữa đại tướng Ngô Khởi và Ngụy Văn Hầu.

*Hiếu Kinh*

*Xiao Jing* 孝經, là một tác phẩm kinh điển của Nho gia, trong đó đưa ra những lời khuyên về lòng hiếu thảo. Cuốn sách này có lẽ được viết vào khoảng năm 400 TCN, hiện vẫn chưa biết rõ tác giả thực sự của cuốn sách, mặc dù cuốn sách thường được cho là thuộc về Mạnh Tử - môn đồ của Khổng Tử, người đã ghi lại những cuộc đàm luận giữa người thầy của mình là Khổng Tử và chính mình.

*Tân Tự*

*Xin Xu* 新序, được viết bởi Lưu Hưởng với đề tài chính trị chủ yếu xoay quanh nền chính trị bác ái được đề xướng bởi Nho gia. Lưu Hưởng nhận thấy sự suy yếu của triều đại Hán (206 TCN-220), nên đã viết ra cuốn *Tân Tự* để phê phán bậc quân vương và đưa ra lời khuyên đối với các quan viên của triều đình, ông đã kích chủ nghĩa phong kiến và cũng lên tiếng về sự không hài lòng đối với chế độ phong kiến. Do tập trung vào giai đoạn lịch sử của thời đại Tiền Tần (trước năm 221 TCN), nên các sự kiện lịch sử không được xác minh kỹ càng. Tuy nhiên, nội dung

thường được sử dụng dưới hình thức câu chuyện ngụ ngôn và *Tân Tự* có giá trị nhân văn rất lớn.

### *Tân Ngữ*

*Xin Yu* 新語, được viết bởi Lục Giả vào đầu thời kỳ nhà Hán, tuy nhiên tên của cuốn sách – *Tân Ngữ* lại không phải do chính Lục Giả đưa ra. Cuốn sách đã thể hiện sự nỗ lực của ông khi phò tá Hán Cao Tổ - vị hoàng đế đầu tiên của nhà Hán. Trong sách, ông đã tổng hợp những bài học từ triều đại Tần (221 – 206 TCN) và triều đại Hán, cũng như đề cao việc áp dụng tư tưởng của Đạo giáo để trị vì đất nước.

### *Diêm Thiết Luận*

*Yan Tie Lun* 鹽鐵論, được viết bởi Hoàn Khoan vào thời kỳ Tây Hán (206 TCN – 9). Bộ sách gồm mười tập, sáu mươi chương này đã ghi lại những cuộc bàn luận của triều đình nhà Hán với hơn sáu mươi học giả đức cao vọng trọng và các trí thức ở Trường An. Cuộc bàn luận chủ yếu tập trung vào riêng lĩnh vực sản xuất và phân bổ muối, sắt vào năm 81 TCN, nhưng các vấn đề về chính trị, kinh tế, văn hóa và chiến sự cũng được đưa ra.

### *Yến Tử*

*Yan Zi* 晏子, được viết bởi Yến Anh vào thời Xuân Thu (770-476 TCN). Ông làm quan triều đình dưới thời đại của Tề Linh Công và Tề Trang Công. Yến Anh khuyến khích chính sách cần kiệm của triều đình và cũng tin tưởng vào việc giảm nhẹ hình phạt, sưu cao thuế nặng.

### *Âm Mưu*

*Yin Mou* 陰謀, là nội dung ghi chép những câu hỏi và câu trả lời giữa Khương Thái Công và Chu Vũ Vương (1046 – 256 TCN) về đường lối trị vì đất nước và giáo hóa muôn dân.

### *Doãn Văn Tử*

*Yin Wen Zi* 尹文子, được viết bởi Doãn Văn vào thời kỳ Chiến Quốc (475 – 221 TCN) và được chia làm hai phần. Luận thuyết triết học này chủ yếu mô tả nguyên tắc của một nền chính trị ổn định. Doãn Văn cho rằng: “Nếu không thể trị vì bằng phép tắc của Đạo gia, hãy áp dụng luật pháp. Nếu luật pháp không có hiệu quả, hãy sử dụng mưu lược. Nếu mưu lược thất bại, hãy sử dụng quyền uy. Tựu chung, nếu quyền uy vẫn không có kết quả, hãy dùng vũ lực/quyền lực.”

### *Dục Tử*

*Yu Zi* 鬻子, tác giả của cuốn sách hiện vẫn chưa được xác định, nhưng nội dung đã đưa ra sự nhận thức đầy đủ về cách thức trị vì đất nước bằng lòng tốt và sự xót thương muôn dân, trong đó hạnh phúc của người dân được đặt ở vị trí ưu tiên và tư tưởng Đạo giáo cũng được đề cao trong *Dục Tử*.

### *Viên Tử Chính Thư*

*Yuan Zi Zheng Shu* 袁子正書, được viết bởi Viên Chuân. Viên Chuân tin rằng khi trị vì đất nước phải cân bằng giữa đạo đức và luật pháp.

### *Tăng Tử*

*Zeng Zi* 曾子, Tăng Tử hay Tăng Sâm (505 – 436 TCN) là người nước Lỗ (1042 – 249 TCN) và là môn đồ của Khổng Tử, ông nổi tiếng bởi tấm lòng hiếu thảo. Cuốn sách đã trình bày chi tiết về tư tưởng của Tăng Tử và có tổng cộng mười tám chương.

*Chính Yếu Luận*

*Zheng Yao Lun* 政要論, được viết bởi Hoàn Phạm vào thời kỳ Tam Quốc (220 – 265). Cuốn sách bàn về cách thức quản lý quan viên của triều đình một cách hiệu quả. Hoàn Phạm tin rằng sự thịnh vượng của một đất nước phụ thuộc vào sự khiêm tốn và việc tiếp thu lời khuyên gián từ cận thần đối với người đứng đầu.

*Trung Luận*

*Zhong Lun* 中論, được viết bởi Từ Can. Ông là một triết gia và nhà thơ, ông là một trong số bảy nhà thơ nổi tiếng (Kiến An Thất Tử) vào cuối thời kỳ Đông Hán (25 – 220) và cũng là người ủng hộ tư tưởng của Nho giáo. Từ Can phản đối việc chú giải ngữ nghĩa, ông tin rằng sự liêm chính là tầm quan trọng hàng đầu.

*Chu Dịch*

*Zhou Yi* 周易, hay còn gọi là Kinh Dịch. Bộ sách ghi lại lịch sử từ thời 2800-2737 TCN, khởi đầu là hệ thống chiêm tinh, sau khi phát triển qua thời gian và đã trở thành triết lý có ảnh hưởng nhất trong văn học và việc trị vì triều chính của triều đại Chu (1046 – 256 TCN). Theo truyền thuyết, Khổng Tử được cho là đã biên soạn ra bộ Thập Dục, nội dung chính là một số chú giải cho Kinh Dịch. Đến thời Hán Vũ Đế của triều đại Tây Hán (206 TCN – 9), Thập Dục thường được gọi là Dịch Truyen.

\*\*\*

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

**Luận Ngữ Giảng Yếu (An Explanation on the Main Points of Analects 論語講要).**

Tác giả: Lão cư sỹ Lý Bình Nam.

Đài Loan: Fufong Press, 2009.

Nguồn khác: <http://www.minlun.org.tw/1pt/1pt-4-2/03-01.htm>

**Bản dịch tiếng bạch thoại – Quản Thư Trị Yếu 360, Quyển 2**

Trích lục từ bộ sách Quản Thư Trị Yếu

Trung tâm Giáo dục Văn Hóa Trung Hoa, Malaysia tuyển lựa và biên dịch.

Nguồn: <http://www.amtb.tw/pdf/HZ35-12-02.pdf> (trang chuyên tập của Lão hòa thượng Tịnh Không)

**Quản Thư Khảo Dịch (Qunshu Kaoyi)**

Tác giả: Lü, X.Z, B. Y. Zhao, and Y. W. Zhang.

Tuan Jie Press, 2011.

## **Ebook**

**The Analects of Confucius: An Online Teaching Translation**  
(Version 2.0, 2010, ebook)

Eno, Robert.

[Http://www.indiana.edu/~p374/Analects\\_of\\_Confucius %28Eno-2010%29.pdf](http://www.indiana.edu/~p374/Analects_of_Confucius_%28Eno-2010%29.pdf) (Bản PDF cập nhật đến 2.1).

**Confucius Analects** (Vol. 1) (Project Gutenberg Ebook, 2009)

Legge, James.

[Http://www.gutenberg.org/files/4094/4094-h/4094-h.htm](http://www.gutenberg.org/files/4094/4094-h/4094-h.htm)

### **Từ điển**

**Han Dian Chinese Dictionary Online, 漢典**

[Http://www.zdic.net](http://www.zdic.net)

### **Websites:**

**“Guangzhong,”** *Wikipedia*, last modified September 18, 2012.

[Http://www.en.wikipedia.org/wiki/Guan\\_Zhong](http://www.en.wikipedia.org/wiki/Guan_Zhong).

**“Han Fei,”** *Wikipedia*, last modified July 18, 2014.

[Http://www.en.wikipedia.org/wiki/Han\\_Fei](http://www.en.wikipedia.org/wiki/Han_Fei).

**“I Ching,”** trans. James Legge, TormodKinnes,

[Http://www.oaks.nvg.org/re5ra17.html](http://www.oaks.nvg.org/re5ra17.html).

**“Legalism, Qin Empire and Han Dynasty,”**

[Http://www.san.beck.org/EC16-Legalism.html](http://www.san.beck.org/EC16-Legalism.html).

**“Liu Tao,”** *ChinaCulture.Org*,



[Http://www1.chinaculture.org/created/2005-07/20/content\\_70803.htm](http://www1.chinaculture.org/created/2005-07/20/content_70803.htm)

“Sun Tzu The Art of War,” trans. Lionel Giles.

[Http://classics.mit.edu/Tzu/artwar.html](http://classics.mit.edu/Tzu/artwar.html).

“Wu Qi,” *Wikipedia*, last modified June 28, 2014.

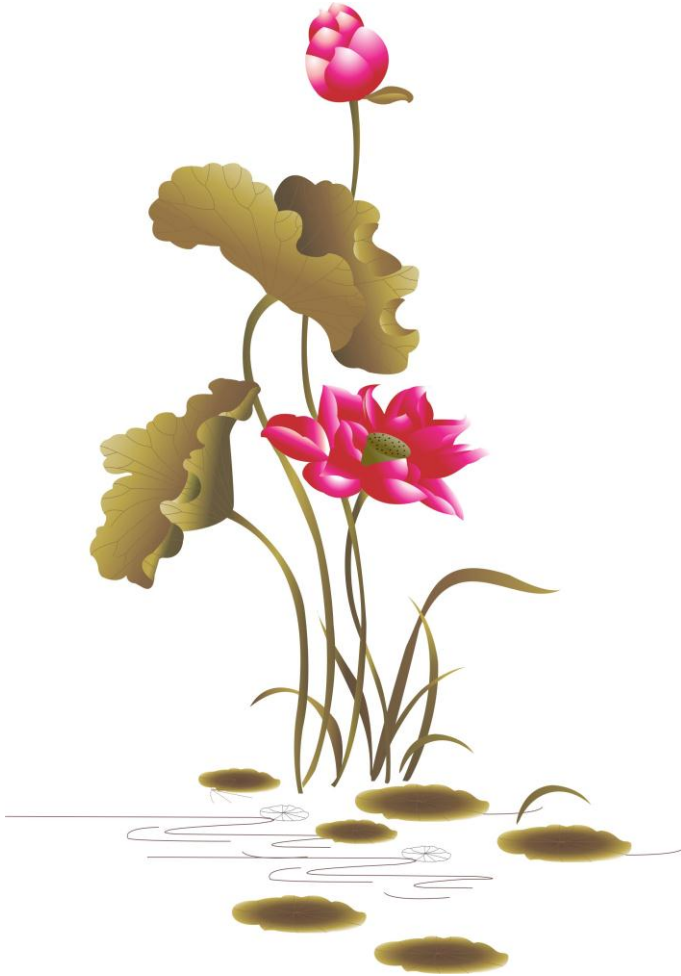
[Http://www.en.wikipedia.org/wiki/Wu\\_Qi](http://www.en.wikipedia.org/wiki/Wu_Qi).

“Xiaohe”

[Http://history.cultural-china.com/en/47History1920.html](http://history.cultural-china.com/en/47History1920.html).

\*\*\*

Ghi chú: Tải file mềm tại [www.nentangtuhanh.com](http://www.nentangtuhanh.com)





HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: *nhaxuatbanhongduc65@gmail.com*

*nhaxuatbanhongduc@yahoo.com*

Điện thoại: 024.39260024 - Fax: 024.39260031

-----

Chịu trách nhiệm xuất bản  
*Giám đốc* **Bùi Việt Bắc**

Chịu trách nhiệm nội dung  
*Tổng biên tập* **Lý Bá Toàn**

Biên tập  
**Phan Thị Ngọc Minh**

---

In 1000 cuốn, khổ 16x24 cm. Tại Công ty CP In và TM HTC.

Địa chỉ: Tổ 1, Bò Đề, Long Biên, Hà Nội.

Số ĐKKHXB: 1304 - 2019/CXBIPH/81 - 21/HĐ.

Số QĐXB của NXB: 211/QĐ - NXBHĐ.

Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-89-8604-9

In xong và nộp lưu chiểu năm 2019.

Xin để sách nơi trang trọng!



Sách biếu, tặng không bán  
Hoan nghênh phổ biến công đức vô lượng.

ISBN: 978-604-89-8604-9



9 786048 986049